

LỊCH SỬ VIỆT NAM BIẾN CỐ VÀ SỰ KIỆN

(PHẦN CHÚ THÍCH CHO BỘ ĐẠI VIỆT SỬ THI – HỒ ĐẮC DUY)

LỜI KHẲNG ĐỊNH

Dân tộc Việt và lãnh thổ Việt Nam là một thực thể bất khả tư nghị.

Tương truyền vua của tộc Việt là Kinh Dương Vương, là dòng dõi vua Viêm Đế, họ Thần Nông, Thần Nông là một trong 5 vị thần dạy cho loài người biết cày bừa, trồng trọt, nguồn gốc của họ tộc Việt bắt nguồn từ vị thần linh này

Dân tộc Việt là con Rồng cháu Tiên bắt nguồn từ truyền thuyết Lạc Long Quân (Rồng) kết duyên với Âu Cơ (Tiên) sinh ra trăm trứng, nở ra trăm con, 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về Nam Hải, Lạc Long Quân phong con trưởng là Hùng Vương, nối ngôi vua.

Trải qua gần 5000 năm với bao thử thách sàng lọc của thiên nhiên và con người, dân tộc Việt vẫn tồn tại và phát triển.

Sự hiện hữu của mỗi người dân Việt sẽ phải là niềm tự hào của dân tộc và dân tộc Việt là niềm kiêu hãnh cho mỗi công dân

Tương truyền rằng :

ĐẾ MINH (2879 TCN).

Cháu ba đời của vua Thần Nông là ĐẾ MINH (2879 TCN).

Đế Minh rong chơi ngao du sơn thủy rồi dừng chân vùng Ngũ Lĩnh, ở đó Đế Minh cưới nàng Vụ Tiên, bà Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Lộc Tục là Kinh Dương Vương vua nước Xích Quỷ, Lộc Tục lấy con gái Thần Long sinh ra Sùng Lãm, Sùng Lãm còn gọi là Lạc Long Quân.

LẠC LONG QUÂN

Lạc Long Quân cưới nàng Âu Cơ, Âu Cơ là con gái Đế Lai, bà sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh trăm trứng). Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng : " Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, dung hợp thật khó" Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về Nam Hải.

Lạc Long Quân phong con trưởng làm Hùng Vương, nối ngôi vua.

HÙNG VƯƠNG

Nước Văn Lang :Đông giáp biển Nam hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến hồ Động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn tức là nước Chiêm Thành. Kinh đô của Văn Lang ở Phong Châu nay là huyện Bạch Hạc (Vĩnh Phú) chia nước ra làm 15 bộ : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức; đặt quan văn : Lạc Hầu; quan võ : Lạc Tướng.

Người Lạc Việt chuyên nghề nông, sống quanh vùng hạ lưu sông Hồng. Bấy giờ dân ở núi rừng thấy ở sông ngòi khe suối có tôm cá, nên rủ nhau đến bắt để ăn, thường bị thường luồng làm hại, đến thưa với vua. Vua bảo " Người man ở núi khác với các loài thủy tộc, các thủy tộc ưa cùng loài mà ghét khác loài cho nên mới bị chúng làm hại, rồi vua bảo mọi người lấy mực vẽ hình thủy quái ở mình , từ đấy mới có tục vẽ người, .

Văn hóa di chỉ còn lại Trống đồng và mộ táng.

Đời Hùng Vương thứ sáu có Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân.

Đời Thành Vương nhà Chu (1063- 1026TCN) Văn Lang cống Trung Quốc chim trĩ trắng; Chu Công nói : "Chính lệnh không ban đến thì người quân tử không coi người ta là bề tôi của mình " nên Chu Công chế xe chỉ Nam đưa sứ giả nước ta về gọi là đáp lễ.

Đời Hùng Vương thứ 18 có công chúa Mị Nương sắc nước hương trời. Thục Vương định hỏi làm vợ, quần thần can vua Hùng không nên gả vì đó là âm mưu thôn tính Văn Lang của Thục Vương. Sau gả cho Sơn Tinh.

Thục Vương bị chối từ, thề rằng : sẽ tiêu diệt Văn Lang, còn Thủy Tinh thì dâng nước mỗi năm để đánh nhau với Sơn Tinh.

Về sau Thục Phán là hậu duệ của Thục Vương thôn tính Văn Lang và mở đầu nhà Thục.

AN DƯƠNG VƯƠNG

Năm Giáp Thìn (257 TCN) tức Chu Noãn Vương năm thứ 58 ở Trung Hoa, Thục Phán người của một bộ tộc gần Ba Thục, ông thôn tính Văn Lang, đổi quốc hiệu Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Xây thành Cổ Loa ở Việt Thường, chấm dứt thời đại vua Hùng kéo dài 2622 năm.

Thành Cổ Loa còn gọi là thành Tu Long - Xây mãi không được.

Thần Kim Quy mách chước trừ ma và cho móng làm nỏ thần để phòng bị khi có giặc.

Tần Thủy Hoàng, năm thứ 33 (214TCN) cho Nhâm Ngao làm Nam Hải úy (Quảng Đông), Triệu Đà làm Long Xuyên Lệnh (Long Xuyên là một phần đất Nam Hải), Triệu Đà đánh nhau với Thục Vương.

Thục chạy sang lấy Bình Giang làm ranh giới phân chia 2 bên. Bình Giang nay là sông Thiên Đức ở huyện Đông Ngàn.(Bắc Ninh)

Triệu Đà sai con là Trọng Thủy sang hầu làm quan túc vệ và cầu hôn con gái của Thục Vương là My Nương – Trọng Thủy đánh cắp nỏ thần và trở về phương Bắc - Triệu Đà tiến đánh Thục Vương.

Vương thua chạy ra bờ biển, thần Kim Quy hiện ra vua gọi : "Thần Kim Quy mau đến cứu ta" Rùa vàng nổi lên mặt nước mắng rằng : "Kẻ ngời sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi". Vua rút gươm chém chết My Châu, chỗ đó tục truyền là núi Dạ Sơn (Nghệ An), Trọng Thủy theo vết lông ngỗng tìm thấy xác và đem về chôn ở Loa Thành và nhảy xuống giếng mà chết.

Người sau được hạt Minh Châu ở biển Đông, lấy nước giếng ấy mà rửa, sắc ngọc càng sáng hơn.

Thục Vương làm vua từ năm Giáp Thìn đến Quý Ty là hết, tất cả được 50 năm (257 - 208 TCN).

Triệu Đà người Chân Định thôn tính Lĩnh Nam, Quế Lâm, Tượng Quận xưng Nam Việt Vương, đóng đô ở Phiên Ngung.

TRIỆU ĐÀ (207-136 trước CN)

Họ Triệu, nhân lúc nhà Tần suy loạn, giết trưởng lại Tần, chiếm giữ đất Lĩnh Nam, xưng đế, đòì ngang với nhà Hán, hưởng nước truyền ngôi 100 năm mới mất,

Tên húy là Đà, người huyện Chân Định nước Hán, đóng đô ở Phiên Ngung (nay là tỉnh Quảng Đông).

Lưu Bang (Hán Cao Tổ) (196TCN) sai Lục Giả sang phong vương và trao ấn trát phù làm tin. Triệu Đà hỏi Lục Giả : "Ta và Vua Hán ai hơn".

Năm Mậu Ngọ (1 83 TCN) vua xưng làm Hoàng đế đem quân đánh quận Trường Sa của nhà Hán.

Hiếu Văn Đế còn gọi là Đại Vương Hằng hay Hán Văn Đế. Người có tài trị nước và ngoại giao tuyệt thu phục được Triệu, đó chỉ vì biết sai người đến Châu Định để sửa sang mồ mả tiên nhân của Triệu Đà và phong cho anh em bà con Triệu Đà quan tước

Hiếu Văn Đế phong Lục Giả làm Thái Tùìng Đại phu, sang giao hiếu với Triệu Đà, Triệu Đà cảm kích lòng nhân ái của Vua Hán nên xin làm Phiên Vương.

Triệu Đà làm vua được 71, năm thọ 121 tuổi (256 - 136 TCN).

VĂN VƯƠNG (136 – 125 TCN)

Ở ngôi 12 năm, thọ 52 tuổi.

Vua lấy nghĩa để cảm nước láng giềng, đánh lui địch, yên biên cảnh, cũng là bậc vua có ý muốn thịnh trị vậy.

Tên húy là Hồ, con trai Trọng Thủy, cháu của Triệu Đà, lên ngôi lúc 40 tuổi, làm vua được 12 năm hiệu là Văn Vương Hoàng đế .

Năm Bính Ngọ (135 TCN) Mân Việt Vương Sinh xâm lấn biên ấp nước ta, Vua giữ lời ước với nhà Hán từ thời Triệu Đà, không tự tiện dấy quân, sai người đem thư nói về việc đó với nhà Hán, Vua Hán là Kiến Nguyên khen là có nghĩa nên phát đại binh, sai Vương Khôi xuất quân từ Dự Chương, Hàn An Quốc từ Cối Kê để đánh Mân Việt.

Để tỏ lòng biết ơn Văn Vương cho con là thái tử Anh Tề sang Hán làm con tin. Anh Tề đã có vợ người Việt nhưng khi sang Hán thì lấy thêm Cù Thị ở Hàm Đan, sinh được con trai là Hưng.

MINH VƯƠNG (124 – 113 TCN)

Ở ngôi 12 năm.

Vua không cẩn thận mối vợ chồng, gây thành loạn cho quốc gia, không có gì đáng khen.

Tên húy là Anh Tề, con trai trưởng của Văn Vương. Anh Tề lên ngôi hiệu là Minh Vương,

AI VƯƠNG (112 TCN)

Tên húy là Hưng, con thứ của Minh Vương. Khi Anh Tề chết. Hưng tên thụy là Ai Vương nối ngôi. (125- 113 TCN) Cù Thị mẫu hậu chuyên quyền, An Quốc Thiếu Quý thông dâm với người Bá Lăng nước Hán.

Lữ Gia làm tể tướng dâng thư can gián vua và Mẫu hậu không nghe. Lữ Gia giết vua và lập con trưởng của Anh Tề là Thuật Dương Vương hầu Kiến Đức lên làm vua,

THUẬT DƯƠNG VƯƠNG (111TCN).

Ở ngôi 1 năm (111TCN).

Xã tắc họ Triệu, Cù hậu làm cho nghiêng, gốc đã nhỏ trước rồi, ngọn cũng theo mà đổ.

Tên húy là Kiến Đức, con trưởng của Minh Vương và người vợ Việt. hiệu là Thuật Dương Vương.

Thuật Dương Vương ở ngôi một năm (113 TCN) sau bị Phục Ba tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc giết chết cùng với tể tướng Lữ Gia.

Tóm tắt các vua họ Triệu :

Họ Triệu từ Vũ Đế (Triệu Đà đến Thuật Dương Vương gồm có 5 đời tổng cộng làm vua được 97 năm (207 - 111 TCN)

Sau khi thôn tính Lĩnh Nam, nhà Hán chia đất nước làm chín quận là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đạm Nhĩ đặt thứ sử cai trị một châu, thái thú cai trị một quận (quận cấp dưới của châu).

Phong Thạch Đái (110 TCN) làm thứ sử Giao Châu, Tích Quang làm thái thú và sau là Nhân Diên rồi Tô Định, đó là thời kỳ Bắc thuộc đời Tây Hán. Trưng Trắc nguyên là họ Lạc, con gái Lạc tướng, huyện Mê Linh, đất Phong Châu vợ của Thi Sách ở huyện Chu Diên. Thi Sách cũng là con Lạc tướng hai nhà kết nghĩa thông gia. Thù Tô Định giết chết chồng mình, cùng em là Trưng Nhị, nổi binh đánh lại. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố theo về.

TRUNG VƯƠNG (40- 43)

Ở ngôi 3 năm (40-43).

Vua lấy được 65 thành trì xưng là Trưng Vương, đóng đô ở Mê Linh. Ở ngôi được 3 năm, vua Hán Kiến Vũ sai Phục ba tướng quân Mã Viện cùng phó tướng Lưu Long sang đánh. Bà Trưng giết được tướng Hàn Vũ, về sau quân sĩ yếu dần, vua bà rút lui về Cẩm Khê. Trong một trận giao tranh ác liệt hai bà gieo mình xuống sông Hát Giang hy sinh.

Vua rất hùng dũng, đuổi Tô Định, dựng nước xưng vương, nhưng vì là vua đàn bà, không thể làm nên công tái tạo.

Tính theo dương lịch thì bà Trưng Trắc hy sinh cùng thời với chúa Jésus, người khai sinh ra đạo Thiên Chúa, có lẽ vua bà kém chúa Jésus khoảng 10 - 15 tuổi. Một bộ tướng của Trưng Vương là Đô Dương rút quân vào núi về Lương Nam, vào Thanh Hóa để tiếp tục kháng chiến.

Khi Mã Viện bình định xong, lão cho đúc một cột đồng và thề rằng cột đồng này gãy thì Giao Châu mất. Quân Đông Hán tha hồ vơ vét của cải và bóc lột nhân dân Việt Nam.

SĨ VƯƠNG ()

Ở ngôi 40 năm, thọ 90 tuổi.

Là người khoan hậu khiêm tốn, lòng người yêu quý, giữ vẹn đất Việt để đương đầu với sức mạnh Tam quốc, đã sáng suốt lại mưu trí, đáng gọi là người hiền.

Họ Sĩ, húy là Nhiếp, người huyện Quảng Tín, quận Thương Ngô.

Năm Đinh Sửu (137) Khu Liên, thủ lĩnh người Nam Chiếu, xưng vương, qui tụ dân ở quận Nhật Nam và huyện Tượng Lâm (huyện gần cuối của đất Nhật Nam)

đa số người thuộc dân tộc Chăm. Đến năm 192 cuộc nổi dậy thành công, thành lập ra nước Lâm Ấp (Lâm Ấp có lẽ là do chữ Tượng Lâm huyện hay Tượng Lâm Ấp, về sau bỏ chữ Tượng nên còn lại Lâm Ấp), thế kỷ VII đổi thành Hoàn Vương sau đổi là Chiêm Thành (Champa), .

Năm Giáp Tý (184) vua nhà Hán phong Lý Tiến làm thứ sử, Sĩ Nhiếp làm thái thú thời gian này là lúc nước Trung Hoa đại loạn, đó là thời kỳ Tam Quốc gồm có Lưu Bị, Tào Tháo và Tôn Quyền. Việc đô hộ dân ta tùy theo sự tranh giành quyền lực ở Trung Hoa.

TRIỆU THỊ TRINH (248) BÀ TRIỆU

Năm Bính Dần (204) bà Triệu Thị Trinh cùng anh là Triệu Quốc Đạt phát cờ khởi nghĩa ở Núi Nứa giết chết tên thứ sử nhà Ngô.

Bà Triệu là người có sức khỏe, gan da, mưu trí, năm 19 tuổi cùng anh lập căn cứ ở Phú Điền, đó là một thung lũng nằm giữa hai núi đá vôi vừa gần biển lại vừa gần cửa ngõ từ đồng bằng phía bắc vào, lúc đầu anh bà có ý can ngăn vì sợ phạm gái đào tặc, bà trả lời :Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng lữ, chém cá kình ở biển đông, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không thèm cúi đầu, còng lưng để làm ti thiếp cho người ta" Mỗi lần ra trận bà thường mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi dẫn quân xông trận, oai phong lẫm liệt, tự xưng là Nhụy Kiều Tướng Quân, quân Ngô kinh hồn bạt vía phải thốt lên

Hoành dương hổ dị

Đối diện Bà Vương nan

(vung giáo chống hổ thì dễ, giáp mặt Bà Vương khó)

Tôn Quyền, chúa Đông Ngô, phải vội đưa một viên tướng giỏi là Hành Dương và đốc quân đô úy Lục Dận qua đàn áp. Bà Triệu còn được tôn là Lệ Hải Bà Vương.

Bà Triệu quê ở Quan An thuộc quận Cửu Chân; Bà hy sinh ở trên núi Tùng cạnh sông Lương. Theo truyền thuyết thì bà hy sinh ngày 1.4.248 về sau dân chúng lập đền thờ.

Đào Hoàng là một thú binh nổi lên đánh phá, đuổi viên thái thú Cửu Chân, giữ chính quyền họ Đào thay nhau làm thứ sử thái thú 4 đời.

Đào Hoàng Thứ sử Giao Châu dâng thư cho Tấn Vương báo như sau :Giao Châu ngoài cách Lâm Ấp nghìn dặm, Tướng Lâm Ấp là Phạm Hùng đời đời trốn tránh làm giặc tự xưng vương, nhiều lần đánh phá trăm họ, vả lại nước ấy nối liền với nước Phù Nam rất nhiều chủng người bè đảng dựa nhau cậy thế đất hiểm không thần phục.."

Năm Quý sửu 413 tháng 2 Vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt cướp quận Cửu Chân . Tuệ Độ quan cai trị của Trung Quốc đánh chém được.

Năm 415 Quân Lâm Ấp xâm chiếm Giao Châu

Lợi dụng tình thế loạn lạc, bất an ở Giao Châu, vua Lâm Ấp là Phạm Hồ Đạt đem quân chiếm Giao Châu và các vùng lân cận. Đó là thời vàng son nhất trong tất cả các triều đại của Chiêm Thành.

Năm 420 Tuệ Độ đánh Lâm Ấp, chém giết rất nhiều người, Lâm Ấp xin hàng, những người Giao Châu trước bị bắt được trả về

Năm 432 Mùa hạ tháng năm Vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nước Tống xin lãnh đất Giao Châu Vua Tống xuống chiếu trả lời không cho vì đường xa

Năm 436 Vua Tống sai Đàn Hòa Chi đánh Lâm Ấp. Trước kia, vua Lâm Ấp là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhưng vẫn không thôi cướp bóc, nên sai đem quân đánh. Bấy giờ người quận Nam Dương là Tông Xác nếp nhà đời đời Nho học, riêng Xác thích việc võ, thường nói : " Muốn cưỡi gió lớn, phá sóng muôn dặm " Vua cho Xác làm Chấn Vũ tướng quân - Khương Trọng Cơ làm thuyết khách đến gặp Mại nhưng Mại bắt giữ . Hòa Chi giận lắm sai Xác đánh Phạm Dương Mại, hạ thành Khu Túc , chém tướng Chân Lạp là Phù Long và tiến vào Tượng Phố. Quân Lâm Ấp thua to, Phạm Dương Mại cùng các con chạy thoát, quân Tống thu vô số châu báu, vàng bạc không biết bao nhiêu mà kể, riêng Tông Xác không lấy thứ gì, ngày về nhà chỉ có khăn áo xác xơ

Các quan lại đô hộ phần nhiều là bọn ác ôn bóc lột, tranh ăn, giết hại lẫn nhau để giành chức tước. Điển hình trong thời kỳ này có Lương Thạc (323) và Tuệ Đô (411) là 2 tên quan lại không những khét tiếng hà khắc dân Việt mà còn đối xử tàn bạo, mất hết nhân tính đối với chính đồng bọn của chúng.

Năm 468 đời Tống, Lý Trường Nhân tự xưng là thứ sử, vua Tống sai Nam Khang Tướng là Lưu Bật sang đánh, bị Nhân bức hại.

Năm 485 đời Tề, Lưu Khải được làm thứ sử.

Năm 516 Lý Tắc chém Ly Tông Bảo là dư đảng của Nguyễn Khải và đoạt chức thứ sử.

LÝ NAM ĐẾ (541-547)

Ở ngôi 7 năm (541-547)

Năm Tân Dậu (541) vua họ Lý, húy là Bí, người Thái Bình, phủ Long Hưng lên ngôi xưng Nam Đế, đặt quốc hiệu VẠN XUÂN đóng đô ở Long Biên, xây cung Vạn Thọ làm nơi triều hội đạt văn, võ trăm quan định ra luật lệ cai trị.

Năm Ất Sửu (545) vua nhà Lương là Lương Đại Đồng cho Dương Thiên làm thứ sử Giao Châu, Trần Bá Tiên làm Tư mã, đi tiên phong sang đánh Lý Nam Đế. Khi Tiên đến Giao Châu thì Lý Nam Đế đem 3 vạn quân ra chống cự và bị thua ở đất Chu Diên, rồi thua thêm trận ở bờ sông Tô Lịch - Địch chiếm thành Gia Ninh, vua rút vào hồ Diên Triệt để đánh du kích đợi cho địch hết lương và bị hao tổn binh tướng vì thủy thổ.

Nhưng Trần Bá Tiên là một tay giỏi binh vận, y nói với các tướng : "Quân ta ở đây đã lâu, tướng sĩ mỏi mệt và lại thế cô, không có tiếp viện... nếu không đánh thì đừng mong sống sót" bèn đánh nhân lúc nước dâng tràn ngập, nước cao đến 7 thước. Quân Lý Nam Đế tan rã.

TRIỆU VIỆT VƯƠNG(548-570)

Ở ngôi 23 năm (548-570). Vua họ Triệu, húy là Quang Phục, con của Triệu Túc người huyện Chu Diên.

Vua trao quyền lại cho Triệu Quang Phục, Phục là người Chu Diên, cha là Triệu Túc ; Phục là người uy tráng, dũng liệt, theo Nam Đế đi đánh dẹp có công được trao cho chức tả tướng quân" – Triệu Quang Phục dời đô từ Long Biên về Vũ Ninh.

Anh hùng hào kiệt tụ về rất đông dưới trướng, Triệu Quang Phục lấy đầm Dạ Trạch để cất giấu binh lương và huấn luyện dân binh, làm căn cứ địa, đại bản doanh đặt tại đó. Triệu Quang Phục được người đời gọi là Dạ Trạch Vương.

Sau khi giết Dương Sâm là tướng giặc, thống nhất đất nước, xưng vương gọi là Triệu Việt Vương.

Anh của Lý Nam Đế là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Phật Tử chạy trốn vào đất của người Di Lao khi quân Lương xâm chiếm nước ta, bôn ba hải ngoại, xưng là Đào Lang Vương.

Vua giữ đất hiểm, dùng kỳ binh để đánh giặc lớn, tiếc vì quá yêu con gái đến nỗi mắc họa vì con rể.

LÝ PHẬT TỬ (571 – 602)

Ở ngôi 32 năm (571-602) Vua họ Lý, húy Phật Tử.

Triệu Quang Phục thống nhất. Lý Phật Tử về đòi chia giang sơn vì cho là của Lý Nam Đế. Phục nghĩ tình chúa cũ, chia đất cho để ở, Lý Phật Tử dùng con trai là Nhã Lang xin cưới con gái vua là Cảo Nương. Nhân khi Vua không đề phòng,

Lý Phật Tử đoạt ngôi, đóng đô ở Ô Diên, sau dời về Phong Châu – đó là một người quỷ quyết xảo trá đầu hàng ngay khi quân giặc nhà Tùy do Lưu Phương tiến sang. Vua dùng thuật gian trá để gồm lấy nước, mới thấy bóng giặc đã hàng trước, việc làm trước sau đều phi nghĩa.

Lý Nam Đế làm vua được : 7 năm (541 - 547). Triệu Quang Phục được 23 năm (548 - 570) ; Lý Phật Tử được 32 năm (571 - 602). Sau thời kỳ đô hộ của nhà Tùy suy đến nhà Đường năm Mậu Dần (618) đổi Giao Châu làm An Nam đô hộ phủ –

Quan quân nhà Đường ra tay bóc lột nhân dân, cướp bóc của cải vàng bạc, châu báu và tài nguyên đất nước. Trong thời gian này nhiều nhân vật nổi lên chống lại ách thống trị của ngoại bang

LÝ TỰ TIÊN (678)

Lý Tự Tiên nổi lên đoạt chính quyền trong tay bọn quan lại Trung Hoa sau bi Lưu Diên Hựu giết

ĐINH KIẾN (678)

Đinh Kiến là bộ tướng của Lý Tự Tiên tập hợp nhân dân và giết chết Lưu Diên Hựu nắm giữ chính quyền được vài năm.

MAI THỨC LOAN (722)

Năm Quý Sửu (713) Mai Thúc Loan mới thống nhất được đất nước.

Mai Thúc Loan người đất Hoan Châu, là người mưu lược văn võ song toàn, có óc phán đoán nhạy bén – là người Việt đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đã đề ra một kế hoạch liên minh các nước lân bang, họp thành một khối đồng minh để chống lại áp lực chính trị quân sự và kinh tế của Trung Hoa trong thời kỳ đó.

Sự thành lập được một liên minh đó phải nói là thành công rực rỡ. Dưới tay Mai Hắc Đế, lực lượng quân đồng minh là 400.000 quân, đó là một điều quá vĩ đại vượt khỏi sức tưởng tượng đương thời.

Sự khôn ngoan của vua Đường là đánh thần tốc vào Giao Châu bằng con đường tắt mà ngày xưa Mã Viện đã đi qua và ông ta ra lệnh cho bộ tướng là Dương Tư Húc

Tấn công bất ngờ của Dương Tư Húc làm tan rã nhanh chóng đầu não của liên minh, kéo theo sự sụp đổ của triều đại Mai Hắc Đế – Ông ở ngôi được 10 năm (713 - 723).

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG (789)

Mấy chục năm sau, con một bộ tướng của Mai Thúc Loan là Phùng Hạp Khánh, tên Phùng Hưng một người kiệt xuất có sức mạnh phi thường vật ngã trâu, tay không bắt hổ nổi lên đánh đổ lũ quan lại đô hộ Trung Hoa

An Nam Đô Hộ Phủ bấy giờ là Cao Chính Bình, một tên quan lại Tàu tham tàn, bắt dân đóng góp quá nặng Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải phát cờ khởi nghĩa, Hưng xưng là Đô Quyên - đánh nhau với Cao Chính Bình lâu ngày không thắng được - nghe theo kế của Đỗ Anh Hàn vây chặt phủ bộ - Cao Chính Bình lo sợ mà chết.

Sau khi chiến thắng quân xâm lược phương bắc, ông lên ngôi xưng vương, dân tôn là Bố Cái Đại Vương, rất tiếc là ở ngôi chỉ có 7 năm, ông mất năm 789 ông đã để lại một tấm gương anh hùng, yêu nước.

PHÙNG AN (789-791)

Nổi nghiệp cha cầm quyền, sau bị Triệu Xương đàn áp và cuối cùng thì đầu hàng

Sau thời kỳ này, nước ta rơi vào cơn loạn lạc. Nan đói xảy ra liên tiếp thiên tai, lụt lội động đất, quan lại Trung Hoa bóc lột. Dân tình lâm than. Quân Nam Chiếu tha hồ quấy phá, đất Giao Châu lúc bấy giờ tan nát đến tận cùng. Người Nam Chiếu coi như đất của họ. Quân Nam Chiếu đánh quân nhà Đường ra khỏi Giao Châu, giết chết thái thú.

DƯƠNG THANH (820)

Ông là một hào trưởng đất Hoan Châu, được nhà Đường cho làm thứ sử đất này, Lý Tượng Cổn là tên quan đô hộ tàn ác, ông nổi lên giết chết đoạt lấy chính quyền, sau ông bị giết năm 820

Năm Mậu Dần (850) là một năm đầy thảm họa đối với Giao Châu, trong thì đô hộ Lý Trác tham lam, tàn bạo hà hiếp nhân dân ; ngoài thì Nam Chiếu quấy phá và 2 lần chiếm hẳn đất Giao Châu, đặt luôn quan cai trị.

Nam Chiếu hai lần cai trị đất Giao Châu. Trong các cuộc chiến tranh này quân Nam Chiếu vừa giết vừa bắt đi gần 15 vạn người. Khi rút lui, Nam Chiếu để lại 2 vạn quân và giao cho Tư Tấn trấn giữ Giao Châu.

Sau vua Nam Chiếu cho thuộc hạ là Đoàn Tù Thiên làm tiết độ sứ phủ Giao Châu.

Năm Giáp Thân (864) vua Đường cho Cao Biền sang thay và đánh đuổi quân quân Nam Chiếu ra khỏi đất Giao Châu.

Cao Biền là người có kế sách thôn tính Giao Châu lâu dài, y tăng cường các biện pháp thống trị, cho khai khẩn, di dân, làm đường giao thông, mở mang kinh tế...Tình hình xã hội tạm ổn định, bọn quan lại đô hộ Trung hoa lại bắt đầu bóc lột dân ta, bỏ lơ việc phòng bị

Năm Canh Tý (880) Tên quan đô hộ là Tăng Cổn bị Nam Chiếu đánh bỏ chạy về nước. Vua nhà Đường cạn thế phải cầu hòa Nam Chiếu và hứa gả công chúa cho vua Nam Chiếu.

KHÚC THỪA DỤ (905-907)

Năm Ất Sửu (905) Khúc Thừa Dụ, người Hồng Châu, chớp thời cơ nổi dậy chiếm thành Đại La xưng là Tiết độ sứ, xây dựng chủ quyền.

KHÚC HẠO (907-917)

Năm 907, Khúc Thừa Dụ chết, con là Khúc Hạo lên thay. Khúc Hạo là người tài ba thao lược, một nhà chính trị giỏi, thiết lập hệ thống hành chính và quản lý dân sự lấy các tiêu chuẩn như khoan dung, giản dị, yên ổn, vui vẻ để làm phương châm trị nước, lấy dân làm trọng.

Chia nước ra làm bộ, châu, giáp và xã, đứng đầu mỗi giáp là có quản giáp, mỗi xã là lệnh trưởng, sắp đặt các chức tước, lựa người tài giỏi để làm việc dân. Bình quân thuế ruộng cho dân.

Có đường lối ngoại giao khôn khéo đối với người Trung Hoa, thiết lập ngoại giao, cho người qua lại buôn bán thông thương đồng thời dò xét được ý đồ của phương Bắc. Với Chiêm Thành, Chân Lạp, phân định biên giới rõ ràng và cắt đặt các đội biên phòng để kịp thời ứng phó vì người Chiêm Thành hay đưa quân sang cướp phá quá nhiều

Khúc Hạo cầm quyền được 10 năm thì qua đời.

KHÚC THỪA MỸ (917-930)

Con là Khúc Thừa Mỹ lên thay.

Nước Trung Hoa đổi chủ từ Lương sang Hán. Khúc Thừa Mỹ quyết định giao thiệp với nhà Lương, nên cho sứ thần của ta sang nhận cờ Tiết việt (đó là loại cờ tượng trưng cho quyền uy phong kiến, người nhận cờ là phiên thuộc của vua...) Việc đó làm cho Vua Nam Hán vô cùng tức giận, xem đó như là một lời sỉ nhục, vả lại vua Nam Hán lại muốn bành trướng lãnh thổ về phương nam nên năm 923 sai kiêu tướng là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh Giao Châu

Khúc Thừa Mỹ bị quân Tàu bắt đem về Trung Hoa, Lý Khắc Chính lấy bộ tướng của mình là Lý Tiến cùng ở lại cai trị Giao Châu

Họ Khúc cầm quyền được 25 năm

Năm Canh Dần (930) quân Nam Hán chiếm Giao Châu, lấy thành Đại La, châu Hoan, châu Ái, cử thứ sử Lý Tiến cùng Lương Khắc Trinh, Trình Bảo, rồi cử quân tiến đánh Nam Chiếu

Quân Nam Hán tuy là chiếm được đất Giao Châu nhưng chúng chỉ kiểm soát ở chung quanh thành Đại La, chứ bên ngoài và các châu, phủ khác đều dưới quyền kiểm soát của Dương Đình Nghệ

DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ (931-937)

Dương Đình Nghệ (Dương Diên Nghệ) là một bộ tướng của họ Khúc, người Dương Xá. Trong nhà của Nghệ lúc nào cũng có 3.000 quân binh được huấn luyện kỹ lưỡng.

Dương Đình Nghệ giết Lý Khắc Chính, Trình Bảo và đuổi Lý Tiến, giành chủ quyền, độc lập lại cho đất nước

Dương Đình Nghệ đánh đuổi đám tàn quân và làm chủ đất nước từ năm Tân Mão (931) tự xưng là Tiết độ sứ Giao Châu, sau bị nha tướng là Kiều Công Tiễn mưu hại giết chủ, đoạt chức năm 937.

Kiều công Tiễn là một người tham lam, hung ác làm lòng người oán hận, nhân dân nổi lên chống lại tên phản phúc, tham quyền hại chủ, Kiều công Tiễn thấy nguy hiểm bèn cho người sang Trung Hoa cầu cứu

NGÔ QUYỀN (938-944)

Ở ngôi 6 năm, thọ 47 tuổi (898-944).

Ngô Quyền là bộ tướng của Dương Đình Nghệ thấy rõ manh tâm của tên bán dân, hại nước này nên đã đứng ra lãnh đạo quần chúng chống lại bọn chúng

Năm Mậu Tuất (938) chúa Nam Hán là Tấn Thiên Phúc muốn nhân cơ hội khi nước ta nội loạn đem quân sang thôn tính, bên sai con là Vạn vương Hoàng Tháo làm Tiết hải quân tiết độ sứ, đổi tước phong là Giao Vương, đem quân xâm chiếm nước ta dưới danh nghĩa là cứu Kiều Công Tiễn.

Vua Hán tự làm tướng đóng ở Bắc Bạch Hải Môn để chi viện. Hoàng Tháo đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà tiến vào, Tháo chưa kịp tới thì Ngô Quyền đã giết Kiều Công Tiễn.

Ngô Quyền bảo các tướng tá rằng : "Hoàng Tháo là đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mệt mỏi lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng đã mất vía trước rồi, quân ta lấy sức còn khoẻ mà địch với chúng..." bèn sai người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu bịt sắt, đóng ngầm ở cửa biển, khi nước triều lên Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch đuổi theo. Khi nước triều hạ, quay lại tấn công. Thuyền địch mắc vào cọc ngầm lật úp, rồi loạn tan vỡ. Quyền thừa thắng đuổi bắt được Hoàng Tháo giết đi. Vua Hán đau khóc, thu nhặt tàn quân rút về.

Ngô Quyền đã kết thúc một ngàn năm đô hộ của ngoại bang và mở đầu kỷ nguyên độc lập lâu dài của dân tộc.

Ngô Quyền người Đường Lâm thuộc giòng quý tộc cha là Mân làm chức Châu mục ở Bàn Châu. Khi vừa mới sinh có ánh sáng lạ đầy nhà, diện mạo khác thường, có 3 nốt ruồi ở lưng, khi lớn lên khôi ngô, tuấn tú, dáng đi thong thả như hổ, mắt sáng như chớp, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc.

Dương Diên Nghệ gả con gái và cho Quyền quận Ái Châu.

Sau khi đánh thắng Nam Hán, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Loa thành, lập Dương Thị (Dương Vân Nga là con gái của Dương Diên Nghệ) làm hoàng hậu, đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục. Hưởng dương 47 tuổi, lên ngôi 6 năm (898 - 944).

DƯƠNG TAM KHA (945-950)

Ở ngôi 6 năm.

Dương Tam Kha là anh của Hoàng hậu, sau khi Ngô Quyền chết, cướp ngôi của cháu là Xương Ngập tiến xưng là Bình Vương.

Kha bắt Ngô Xương Văn là em Xương Ngập, đem về làm con nuôi, Kha làm vua được 6 năm, sai Xương Văn và hai tướng là Đỗ Cảnh Thạc và Dương Cát Lợi đi đánh hai thôn Thái Bình (Sơn Tây) nổi loạn. Nửa đường Xương Văn bảo hai sứ : "Đức của tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phạm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo, không may lìa bỏ quần thần. Bình vương tự làm việc bất nghĩa..." Hai tướng nghe theo bèn đem quân quay về đánh úp Bình Vương.

NAM TẤN VƯƠNG (951-965).

Ở ngôi 15 năm (951-965).

Vua nổi được kỹ cương hoàng gia, khôi phục cơ nghiệp cũ. Tiếc rằng gây việc can qua trong nước đến nổi chết.

Vua tên húy là Xương Văn, con thứ của Tiên Ngô Vương

Ngô Xương Văn cùng anh là Xương Ngập trông coi việc nước ; Xương Văn xưng là Nam Tấn Vương, Ngập là : Thiên Sách Vương ở ngôi được 15 năm (951 - 965).

Ngập chuyên quyền, anh em lũng củng gây họa 12 sứ quân.

1/ Lý Khuê chiếm giữ Siêu Loại;

2/ Phạm Bạch Hổ có tên là Phạm Phòng Át chiếm giữ Đàng Châu;

3/ Nguyễn Khoan chiếm Tam Đái;

4/ Đỗ Cảnh Thạc chiếm Đỗ Động Giang

5/ Ngô Xương Xí chiếm Bình Kiều; Họ Ngô, húy là Xương Xí, khi Thiên Sách Vương (Ngô Xương Ngập) lánh nạn, lấy vợ ở Nam Sách Giang sinh ra, là cháu gọi Nam Tấn Vương bằng chú.

6/ Nguyễn Siêu chiếm Tây Phù Liệt;

7/ Lã Đường chiếm Tế Giang;

8/ Trần Lãm còn gọi là Trần Minh Công, chủ tướng của Đinh Bộ Lĩnh chiếm Bố Hải Khẩu

9/ Kiều Thuận chiếm Hôi Hồ ;

10/ Ngô Nhật Khánh chiếm Đường Lâm;

11/ Kiều Công Hãn chiếm Phong Châu và

12/ Nguyễn Thủ Tiệp chiếm Tiên Du

ĐINH TIÊN HOÀNG (968 – 979)

Họ Đinh tên húy là Bộ Lĩnh, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, con của thứ sử châu Hoan Đinh Công Trứ, Trứ là nha tướng Dương Đình Nghệ, dẹp yên các sứ quân, tự lập làm đế, ở ngôi 12 năm (968-979), bị nội nhân là Đỗ Thích giết, thọ 56 tuổi, táng ở Sơn Lăng Trường Yên.

Vua tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quét sạch các hùng trưởng, tiếp nối quốc thống của Triệu Vũ (Đế) song không biết dự phòng, không giữ được trọn đời, tiếc thay !

Vua mồ côi từ bé, mẹ họ Đàm đưa gia thuộc vào ở cạnh đến sơn thần trong động. Chơi với các trẻ cùng lứa. Chúng tôn Lĩnh làm tướng, treo tay nhau làm kiệu dùng hoa lau làm cờ rước như nghi tượng thiên tử.

Năm 967 Đinh Bộ Lĩnh cùng con là Liễn nghe tiếng Trần Minh Công là người có đức mà không có con nổi xin đến nương tựa. Về sau Công trao quyền - được sai đi đánh các Hào trưởng, Đinh bộ Lĩnh đánh đâu thắng - nhân dân các nơi khâm phục theo về.

Năm 968 lên ngôi, đặt quốc hiệu là ĐẠI CỒ VIỆT dời kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới đắp thành, đào hào xây cung điện đặt triều nghi lập ra luật pháp nghiêm minh.

Năm 971 bắt đầu quy định cấp bậc văn võ tăng đạo.

Năm 974 mùa xuân tháng 2 Giáp Tuất quy định về quân : mỗi đạo có 10 quân, 1 quân có 10 lữ, 1 lữ có 10 tốt, 1 tốt có 10 ngũ, 1 ngũ có 10 người, đầu đội mũ bình đình (phẳng đầu) vuông bốn góc, quy chế mũ này còn mãi về sau.

Năm 978 lập con nhỏ là Hạng Lang làm hoàng thái tử ý muốn truất Nam Việt Vương Đinh Liễn.

Năm Bính Tý (976) đầu xuân thuyền buôn của các nước đem sản vật của nước họ.

Qua năm Kỷ Mão (979) Nam Việt Vương Đinh Liễn giết em mình là Hạng Lang - Tháng 10 chi hậu nội nhân Đỗ Thích giết vua ở sân cung nhân khi vua ăn yến ban đêm rồi say rượu. Thích giết luôn cả Nam Việt Vương Đinh Liễn.

ĐINH TOÀN - PHẾ ĐẾ (980)

Tên húy là Toàn, con thứ của Tiên Hoàng, ở ngôi 8 tháng. Họ Lê cướp ngôi giáng phong là Vệ Vương, thọ 18 tuổi (974-991). Vua còn thơ ấu phải nối nghiệp lớn gian nan, cường thần nhiếp chính, người trong nước lia lòng, nhà Đinh mất.

Đinh quốc công Nguyễn Bặc cùng Thập đạo tướng quân Lê Hoàn rước Vệ Vương Toàn 6 tuổi lên ngôi hoàng đế tôn mẹ đẻ của Toàn, Dương Thị làm Hoàng Thái Hậu. Rước linh cữu của Đinh Bộ Lĩnh về táng ở Sơn Lăng - Trường Yên.

Năm (980) Phạm Cự Lạng làm đại tướng âm mưu cùng thái hậu tôn Lê Hoàn lên ngôi Thiên Tử

LÊ ĐẠI HÀNH (981-1005)

Họ Lê, tên húy là Hoàn, người Ái Châu, làm quan nhà Đinh đến chức Thập đạo tướng quân. Quân Tống xâm lược đem quân ra chống cự, rồi thay nhà Đinh làm vua, ở ngôi 24 năm, thọ 65 tuổi (941-1006) băng ở điện Trường Xuân.

Vua trừ nội gian mà lấy được nước, đuổi giặc ngoài để yên dân, trong nước yên bình, Bắc Nam vô sự. Tiếc rằng không sớm chọn con nối, khiến cho con cái tranh nhau bên trong, dẫn đến mất ngôi; về đạo vợ chồng có nhiều điều đáng thẹn.

Lê Hoàn phế Đinh Toàn làm Vệ Vương - Hai năm sau 982 Lê Hoàn lấy Dương Thi làm vợ tôn là Đại Thắng Minh Hoàng Hậu, bà này là vợ của vua Đinh Tiên Hoàng, là mẹ của Vệ Vương Toàn. Về sau tục dân lập đền thờ gồm có 3 tượng : 1 là Lê Đại Hành, 2 Đinh Bộ Lĩnh, 3 Dương Thái Hậu đến đời Lê Lợi vẫn còn giữ như vậy sau An Phủ Sĩ Lê Phúc Hiến mới bỏ.

Chuyện như là luật nhân quả - số là Ngô Nhật Khánh một trong 12 sứ quân bị Đinh Tiên Hoàng đánh bại, Đinh tiên Hoàng lấy mẹ của Nhật Khánh làm vợ, lấy em gái Khánh gả cho con trai mình là Đinh Liễn, gả con gái cưng của mình cho Khánh, ý muốn dập tắt lòng oán vọng của Khánh > Nhật Khánh bề ngoài cười nói như không, nhưng trong lòng vẫn bất bình, bèn đem cả vợ chạy sang Chiêm Thành đến cửa biển Nam Giới (Hà Tĩnh) rút dao ngấn xẻo má vợ kể tội rằng : " Cha mày ức hiếp mẹ con ta lẽ nào ta vì mày mà quên tội ác của cha mày hay sao ? cho mày trở về ta đi.. " Sau nghe tin Đinh tiên Hoàng chết, Khánh dẫn người Chiêm vào cướp.

Lê Hoàn lên ngôi thiên tử - tháng 8 năm Canh Thìn (980) vua Tống sai Lư Đa Tốn đem thư sang dụ hàng lời lẽ ngạo mạn đồng thời cử Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng, Hác Thủ Tuấn, Thôi Lương... chia quân làm bốn hướng tấn công xâm lược nước ta.

Tối hậu thư nói rằng : “Trung Hoa đối với Man Di cũng như thân người có tứ chi, vận động duỗi co tùy ở tim mình, cho nên nói tim là chủ.

Nếu ở một tay một chân mà mạch máu ngưng đọng, gân cốt không yên thì phải dùng thuốc thang để chữa. Chữa mà không công hiệu thì lại phải châm cứu cho kỳ khỏi, không phải là không biết thuốc thang thì đấng miệng mà châm chích thì rách da. Phải làm như thế là vì tổn hại ít mà lợi ích nhiều. Kẻ làm vua thiên hạ cũng phải làm như vậy chăng ? Cho nên Thái Tổ Hoàng Đế ta nhận ngôi do nhà Chu nhường, đổi tên nước là Tống, văn vật trong sáng, một phen biến đổi theo xưa, ở ngôi đế vương mà nhìn Man Di mắc bệnh. Cho nên, năm thứ nhất, thứ hai thì thuốc thang cho các đất Kinh, Thục, Tương, Đàm, năm thứ ba thứ tư thì châm cứu cho các miền Quảng, Việt, Ngô, Sở gân cốt huyết mạch ra dáng trẻ con, có phần khỏe mạnh.

Không do cơ trí thần diệu sáng suốt của bậc vương giả mà trù liệu được đến thế ư ? Đến khi ta nối giữ cơ nghiệp lớn, đích thân coi chính sự, cho rằng đất Phần đất Tinh là bệnh ở lòng , nếu lòng bệnh chưa chữa khỏi thì làm sao chữa nổi tứ chi ? Vì thế mới luyện thuốc than bằng nhân nghĩa, sửa đổi châm cứu bằng đạo đức, hết sức chữa cho các đất Phần, đất Tinh, chỉ một lần là khỏi bệnh, chín châu bốn biển đã mạnh lại

yên. Chỉ có Giao Châu của người ở xa cuối trời, thực là ngoài năm cõi. Nhưng phần thừa của tứ chi ví như ngón tay ngón chân của thân người, tuy chỉ một ngón bị đau, bậc thánh nhân lại không nghĩ đến hay sao? Cho nên phải mở lòng ngu tối của người để thanh giáo của ta trùm tỏa, người có theo chăng? Huống chi từ thời Thành Chu, nước người đã đem chim trĩ trắng sang dâng đến thời Viêm Hán dựng cột đồng làm mốc, cho đến thời Lý Đường, vẫn thuộc về nội địa. Cuối thời Đường thì nhiều họa nạn, chưa kịp xử trí. Nay thánh triều lòng nhân trùm khắp muôn nước, cơ nghiệp thái bình nghĩ cũng đã thịnh. Lễ phân phòng đã sắp đặt sẵn, còn đợi người đến chúc sức khỏe của ta. Người đừng ru rú trong bốn góc nhà khiến cho ta buồn phiền phải chém cờ bỗ so làm cỏ nước người hối sao cho kịp? Dù cho sông nước người có ngọc, ta vớt xuống suối; núi của người sẵn vàng, ta ném vào bụi để thấy) chẳng phải ta tham của báu của nước người. Dân của người hay bay nhảy (ý nói sống hoang dã) còn ta thì có ngựa xe; dân của người thì uống mồi (nay còn người man ở miền núi rừng Giao Quảng vẫn còn tục ấy) còn ta thì có cơm rượu để thay đổi phong tục của người; dân người thì bắt tóc còn ta thì có áo mũ, dân người nói tiếng chim còn dân ta thì có Thi, Thư để dạy lễ cho dân người. Cối nóng chói chang, khói hơi mù mịt, ta tỏa mây Nghiêu tưới cho mưa ngọt. Khí biển hầm hập, cháy mào chảy đá, ta gảy đàn Thuấn quạt làn gió thơm. Sao trên trời nước người chẳng ai biết tên gì, ta quay chòm tử vi để người biết châu về. Đất người nhiều ma quỷ, ai cũng sợ chúng quấy, ta đã đúc vạc lớn để yểm trừ, khiến chúng không làm hại. Ra khỏi đảo di của người mà xem nhà Minh đường, Bích ung chẳng? Trút áo quần cỏ lá của người mà mặc áo cổn hoa thêu hình rồng núi chẳng?

Người có theo về hay không, chớ mau chuốc lấy tội. Nay ta đang chinh đồn saxe cộ, quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hóa, ta sẽ tha tội cho, nếu trái mệnh ta sẽ sai quân đánh. Theo hay chống, lành hay dữ tự người xét lấy..."

Năm 981 Lê Hoàn thống lĩnh quân binh chặn đánh quân Tống. Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng đến Lạng Sơn, Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng - Lê Đại Hành sai quân đóng cọc ngăn sông. Quân Tống lui ở sông Chi Lăng (Sông Thương chảy qua vùng Chi Lăng) vua sai quân sĩ trá hàng dụ Hầu Nhân Bảo, nhân đó bắt được Nhân Bảo đem chém.

Bọn Khâm Tộ nghe thủy quân thua trận, rút ngay về, quân ta tấn công tới tấp, giặc chết đầy đồng, hơn quá nửa quân số. Bắt tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Từ đó trong nước rất yên. Vua Tống xuống chiếu rút quân về sai sứ quở trách bọn Lưu Trừng, Giả Thực, Vương Soạn, Trừng ốm chết, Soạn bị giết ở Ung Châu, Tôn Hoàn Hưng cũng bị giết bêu ở chợ.

Lê Đại Hành sửa sang việc nước, coi sóc chính trị, chuẩn bị quân lương hỏi tội Chiêm Thành. Sai Ngô Tử An đem 3 vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới đến Châu Địa Lý (922).

Năm 982 vua thân đi đánh Chiêm Thành, trước đó vua sai Từ Mục và Ngô Tử Canh sang sứ Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ vua giận nên cho quân đi đánh -

chém chết vua Chiêm là Bê Mi Thuế, Chiêm Thành thua to, bắt được quân sĩ của chúng nhiều vô kể cùng là kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư Thiên Trúc. Lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc quý báu kể hàng vạn, san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu vừa một năm thì về kinh sư.

Năm 986 sai sứ sang thông hiếu với nhà Tống, năm 985 xin Tống phong chức Tiết Trấn đến 995 phong làm Giao Chỉ Quận vương.

Năm 987 Tống sai Lý Giác, khi Lý Giác đến chùa Sách Giang vua sai Pháp sư Thuận giả người coi sông ra đón - Cùng với Giác ngâm vịnh thơ văn - Giác lấy làm kính phục.

Năm 983 cho đào kênh để thuyền bè đi lại thuận tiện.

Năm 894 vào mùa xuân tháng 2 cho đúc tiền Thiên Phúc, làm nhiều cung điện nhà cửa, dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân. Cột giác vàng bạc làm nơi coi châu, phía Đông là điện Phong Lưu, Tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, hữu là điện Cực Lạc, tiếp đó làm lầu Đại Vân, dựng tiếp điện Trường Xuân làm nơi vua nghỉ.

Vua lập một lân 5 hoàng hậu - Ngô Sĩ Liên nói : "Đại Hành thông dâm với vợ vua đến chỗ nghiễm nhiên lập làm hoàng hậu, mất cả lòng hổ thẹn...".

Đối với Tống thì Đại Hành đã làm Tống Triều phải lo nghĩ..Năm 994 cho quân Việt sang đánh. Trấn Như Hồng thuộc Khâm Châu, đánh châu Tô Mạn. Rồi lại đánh Ung Châu.

Lê Đại Hành đã từng nói với sứ Tống là Lý Nhược Quyết rằng : "...Nếu giao Châu có ý làm phản thì đầu tiên là đánh vào Phiên Ngung thứ đến đánh Mân Việt, há chỉ dừng lại ở trấn Như Hồng mà thôi" vua nói xong mới cúi đầu tạ lỗi.Coi thế đủ biết Đại biết Đại Hành cũng là một tay cự phách khôn khéo.

Năm 1005 mùa xuân tháng 3 vua băng ở điện Trường Xuân.

TRUNG TÔNG HOÀNG ĐẾ (1005)

Tên húy là Long Việt, con thứ ba của Lê Đại Hành, mẹ là Hậu Di Nữ. người Chiêm Thành) Lên ngôi được 3 ngày thì bị em cùng mẹ là Long Đĩnh giết, thọ 23 tuổi (983-1005). Vua không biết phòng giữ từ khi mới chớm, đến nỗi bị hoạn nạn, tính nhân hậu nhưng không biết làm vua, tiếc thay !

NGỌ TRIỀU HOÀNG ĐẾ (1005-1009)

Tên húy là Long Đĩnh, lại có tên là Chí Trung, con thứ năm của Đại Hành ở ngôi 4 năm, thọ 24 tuổi (986-1009), băng ở tẩm điện. Vua làm việc càn dỡ, giết vua cướp ngôi, thích dâm dăng, tàn bạo, muốn không mất nước sao được ?

Ngọ Triều cho lập 4 hoàng hậu.

Năm 1006 sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo theo đúng như nhà Tống.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Chính biên, quyển 1 trang 274 chép: " Đinh Mùi (1007) Mùa xuân Long Đĩnh sai em là Minh Xưởng và Chương thư ký là Hoàng Thành Nhã đem con tê trắng sang biếu nhà Tống, dâng biếu xin cửu kinh và kinh sách Đại Tạng "

Năm 1009 vua đi Ái Châu đến sông Vũ Lung, tục truyền người lội qua sông này phần nhiều bị hại bèn xuống chiếu đóng thuyền để ở các bên sông để chở người qua lại, tháng 7 năm này cho sửa chữa đường từ sông Châu Giáp đến cửa biển Nam Giới để đi lại.

Vua tính hiếu sát, phàm người bị hành hình hoặc sai lấy cỏ tranh quấn vào người mà đốt, hoặc sai kếp hát người Tống là Liêu Thủ Tâm lấy dao ngắn, dao cùn xẻo từng mảnh, hoặc cho người chìm xuống nước cho chết, hoặc bắt treo lên cây rồi đốn ngã cây. Những nơi sông ngòi rấn rít nhiều thì bắt người lội vào mạn thuyền để cho cắn chết. Vua muốn ăn thịt bò lợn thì tự tay chọc tiết, có lần róc mía trên đầu sư, giả làm rơi dao cho chảy máu rồi cười. Làm tiệc toàn thịt mèo chó mời các thân vương ăn uống xong lấy đầu mèo giơ lên cho xem ai cũng khiếp hãi vua lấy làm thích. Lấy thạch sùng làm gỏi bắt bọn khai khá tranh nhau ăn, lại lấy rắn bó vào quần phụ nữ để dọa chơi. Những điều đó làm vua thích chí.

Trong Đại Việt Sử Ký Tiền Biên của Ngô Thì Sĩ Bản kỷ, Quyển I, trang 39a chép: "...Long Đĩnh lại xin (Nhà Tống) thông thương với Ung Châu, vua Tống chỉ cho thông thương với Châu Liêm và Trại Như Hồng, vì Ung Châu là nơi không nằm ở biên giới, nên không cho "

Chỉ trong 4 năm cầm quyền cho đến trước khi chết đã 5 lần tự tay cầm quân đánh giặc

Lần thứ nhất (năm 1005) dẹp tan bạo loạn giữa các anh em thu phục mọi người ĐVSKTT trang 233 chép "...Từ đấy về sau các Vương và giặc cướp đều hàng phục "

Lần thứ hai (1005) Khi quan quân đang đánh nhau với người ở trại Phù Lan chợt thấy trạm báo tin là giặc Cử Long vào cướp đã đến cửa biển Thần Đầu (Ninh Bình) Vua về đến sông Tham, đi sang Ái Châu để đánh giặc Cử Long

Lần thứ ba (1008) Đánh người Man ở hai châu Đô Lương và Vị Long

Lần thứ tư (1008) Đánh giặc ở Hoan châu và châu Thiên Liâu

Lần thứ năm (1009) Tháng 7 vua đi đánh giặc ở các châu Hoan Đường và Thạch Hà

Vào Đông tháng 10 năm Kỷ Dậu 1009 vua băng ở tấm điện gọi là Ngọa Triều vì vua mắc bệnh trĩ phải nằm mà coi châu."

Nhà Lê làm vua được 29 năm (981 - 1009) gồm Lê Đại Hành, Lê Trung Tông và Lê Long Đĩnh.

LÝ THÁI TỔ (1010-1028)

Lý Công Uẩn là người Châu Cổ Pháp, Bắc Giang mẹ họ Phạm đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với người Thần giao hợp rồi có chữa - vua sinh ngày 12 - 2 năm Giáp Tuất (974) lớn lên làm quan nhà Lê thăng đến chức Điện tiền chỉ huy sứ đến khi Ngọa triều băng tự lập làm vua đóng đô ở Thăng Long - Lúc nhỏ vua được Lý Khánh Văn nhận làm con nuôi, khi sư chùa Lục Tổ là Vạn Hạnh khen và tiên đoán rằng sau này sẽ làm minh chủ trong thiên hạ. Xuất thân thờ Lê Trung Tông, Đại Hành băng, Lê Trung Tông bị giết Lý Công Uẩn ôm xác vua mà khóc, Ngọa triều khen là người trung cho làm Tứ sương quân phó chỉ huy sứ đến khi Ngọa triều băng lên ngôi Hoàng đế đổi niên hiệu Thuận Thiên (909) lập 6 hoàng hậu sách lập con trưởng là Phật Mã làm hoàng thái tử, các con khác đều phong tước hầu, có 13 con gái, gả con trưởng cho Đàm Cam Mộc - Vua đóng đô ở thành Thăng Long. Ở ngôi 18 năm (1010-1028) băng ở điện Long An, táng ở Thọ Lăng. Vua ứng mệnh trời, thuận lòng người, nhân thời mở vận là người khoan thứ nhân từ, tinh tế hoà nhã, có lượng đế vương. Song chưa làm sáng chính học, lại ưa thích dị đoan, bị lụy vì chuyện đó. Thọ 55 tuổi ở ngôi 18 năm.

Lý Công Uẩn ra lệnh đốt giềng lưới, bãi ngục tụng xuống chiếu từ nay có chuyện tranh kiện cho đến triều tâu bày vua thân xét quyết.

Các quan dâng tôn hiệu là “Phụng thiên chí Lý ứng vận tự tái Thái Minh Long... Tắc Thiên Đạ chính Hoàng Đế”, Tôn hiệu này dài 52 chữ.

Năm 1010 ra lệnh cho các kẻ trốn tránh lâu nay được phép trở về quê cũ. Đại xá các thuế khóa cho thiên hạ trong 3 năm. Những người mồ côi, góa chồng, già yếu thiếu thuế các năm trước đều tha cho cả, nơi nào đổ nát cho xây sửa lại, cấp áo quần lương thực thuốc men cho lính người Nam Chiếu được trở về quê cũ.

Năm Canh Tuất (1010) vua thấy thành Hoa Lư ầm thấp chật hẹp không đủ chỗ ở của hàng Đế vương muốn dời đi nơi khác nên viết chiếu dời đô đến thành Đại La... “Đại La, đô cũ của Cao vương ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi. Chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ, thấp trung, tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa thực là chỗ hội quan yếu bốn phương đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở các khanh nghĩ thế nào?”

Mùa Thu tháng 7 năm ấy khi thuyền ngự đến thành Đại La có rồng vàng hiện lên nhân đó mà đổi tên là thành Thăng Long, đổi Châu Cổ Pháp là phủ Thiên Đức, xây dựng các công trình kiến trúc trong kinh thành Thăng Long. Phía trước dựng điện Càn Nguyên để coi châu, tả là điện Tập Hiền, hữu là điện Giảng Võ, cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính Nam dựng điện Cao Minh. Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long

Thúy làm nơi vua nghỉ bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu là điện Nguyệt Minh phía sau là cung Thúy Hoa - thành có bốn cửa :- Đông là Tương Phù- Tây là Quảng Phúc- Nam là Đại Hưng- Bắc là Diêu Đức

Trong thành có chùa Ngự Hưng Thiên và lầu Ngũ Phượng, ngoài thành phía Nam có chùa Thắng Nghiêm.

Năm 1013 định lại các loại thuế trong nước : thuế ao hồ ruộng đất, thuế tiền và thóc về bãi dâu, thuế sản vật ở núi nguồn ở các phiên trấn... tính đến năm 1019 tha 5 lần thuế cho dân.

Năm 1020 sai con là Lý Phật Mã đem quân đi đánh Chiêm Thành ở trại Bồ Chính. Người Chiêm chết quá nửa.

Năm 1022 sai con là Dực Thánh Vương đi đánh Đại Nguyên Lịch quân ta đi sâu vào trại Như Hồng trong đất Tống đốt kho đạn ở đó rồi về.

Tháng 2.1011 thắng giặc Cư Long ở Ái Châu. vua thân chinh đi tiêu trừ.

Vua là người rất mộ đạo. Năm 1010 phát bạc ở kho 1680 lạng để đúc chuông lớn treo ở chùa Đại Giác, rồi chùa Hưng Thiên.

Năm 1021 cho sửa lại kinh thành Thăng Long.

Năm 1027 xuống chiếu cho chép kinh Địa Tạng.

Tháng 3 năm Mậu Thìn (1028) Lý Thái Tổ mất.

LÝ THÁI TÔNG (1028-1045)

Tên húy là Phật Mã, một tên khác là Đức Chính, con trưởng của Thái Tổ. Mẹ là hoàng hậu họ Lê, sinh vua vào ngày 26 tháng 6 năm Canh Tý, niên hiệu Ứng Thiên năm thứ 7 (1000) thời Lê, ở phủ Trường Yên. Thái Tổ được nhường ngôi, lập làm Đông Cung thái tử. Khi Thái Tổ băng, nhờ có Phụng Hiểu trung dũng, đồng lòng cứu nạn, lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 27 năm (1028-1054) băng ở điện Trường Xuân. Vua là người trầm mặc cơ trí, biết trước mọi việc giống như Hán Quang Vũ đánh đầu được đấy, công tích sánh với Đường Thái Tông. Nhưng người quân tử còn lấy việc khoe khoang thái quá để chê trách vua chưa hiền..

Lý Phật Mã vâng theo di chiếu lên ngôi, nhưng 3 em trai muốn đoạt ngôi của anh đem quân vào cấm thành định giết Lý Phật Mã, nhưng bị Phụng Hiểu, Lý Nhân Nghĩa dẹp tan, giết chết Vũ Đức Vương, tha mạng cho 2 đứa còn lại là : Đông Chinh và Dực Thánh. Lý Phật Mã lên ngôi lấy hiệu là Thái Tông Hoàng Đế ở ngôi 27 năm thọ 55 tuổi có 7 hoàng hậu.

Vua là người trầm mặc cơ trí biết trước mọi việc, bản tính nhân từ, sáng suốt, đĩnh ngộ, thông hiểu đại lược, văn võ còn như lục nghệ lễ nhạc, ngự xa, thư số không môn nào là không tinh thông am tường. Vừa lên ngôi vua xuống chiếu cho lấy tiền lụa ở kho lớn ban cho thiên hạ. Sau đó đem quân đi dẹp loạn ở Phủ Trường Yên. Năm sau thân chinh đi đánh giáp Đản Nãi cho Đông Cung thái tử ở lại kinh sư làm Giám Quốc.

Sách phong cho hoàng tử Nhật Tôn làm Đông Cung thái tử cho xây lại kinh đô Thăng Long. Phá điện Càn Nguyên làm thành điện Thiên An bên tả là điện Tuyên Đức, hữu là Diên Phúc, trước thềm Thiên An là Long Trì (thềm rồng) phía Đông là điện Văn Minh phía Tây là Giảng Vũ hai bên thềm rồng có đặt lâu chuông để dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Phía trước có điện Phụng Thiên trên điện này có lầu Chính Dương làm nơi trông coi tính toán giờ giấc, phía sau là điện Trường Xuân trên dựng gác Long Hồ, bên ngoài đắp một lâu thành bao quanh gọi là Long Thành.

- Trong 27 năm trên ngôi vua thân chinh cầm quân đi đánh tất cả là 8 lần.
- Năm 1029 : đánh giặc ở Đản nải.
- Năm 1031 : đánh ở Châu Hoan.
- Năm 1033 : đánh châu Đinh Nguyên
- Năm 1033 : đánh châu Tuệ Nguyên
- Năm 1035 : Khi đi , vua tiên đoán là đại tướng Nguyễn Khánh sẽ làm phản, đúng như lời tiên đoán của vua , Khánh đã làm phản. Vua xuống chiếu bắt giam đóng cũi giải về kinh sư. Tháng sau vua trở về kinh đô
- Năm 1037 : vua đi đánh đạo Lâm Tây mất hết 2 tháng.
- Năm 1039 : đánh Tôn Phúc.
- Năm 1044 : vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành – ở phía Nam là bờ sông Ngũ Bò (Thừa Thiên) quân Chiêm Thành bày binh bố trận vua cho quân đổ bộ tắt ngang sông tấn công, Chiêm Thành tan vỡ trận đó chém được 8 vạn thủ cấp, Quách Gia Di là tướng của Chiêm Thành chém đầu vua Chiêm là Sạ Dấu tại trận, Quân ta đoạt được 30 voi, bắt sống 5 nghìn người còn thì bị quan quân giết chết máu nhuộm gươm giáo, xác chất đầy đồng vua tỏ ý đau buồn xuống lệnh nào giết bậy người Chiêm Thành thì sẽ giết không tha..."
- Năm 1042 : Soạn xong bộ Hình Thư.
- Năm 1034, 1037, 1043 : cho đóng chiến thuyền.
- Năm 1029 và 1050 cho đào kênh Oản Nải khi vua đi đánh ở đó, vét nạo kênh Lãm, ra lệnh cho đắp mố, cấm biển đê tên chỉ dẫn đường xá cho khách bộ hành và phương xa biết.
- Năm 1035 cho đặt trạm Hoài Viễn dùng cho các quan viên có việc đi xa, hoặc người ngoại quốc tạm ở khi đi công tác. Cho bắc cầu ngang sông Tô Lịch.
- Năm nào vua cũng đến Tín Hương ở Đỗ Đông Giang cày ruộng tịch điền.
- Năm 1040 vào tháng 2 vua dạy cho các cung nữ dệt được gấm vóc, tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống trong kho ra để may áo cho các quan từ ngũ phẩm trở lên áo bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bằng vóc – từ đó vua không dùng gấm vóc của nước Tống nữa.
- Cho con là Hoàng Vương chấp cung xét hỏi, cho dự việc triều chính cho quen với công việc, tập tính cho con được thuần việc quốc gia.

Vua Lý Thái Tông có những việc là có ý nghĩa về sau được coi là ông tổ của nền ca nhạc kịch của nước ta. Ông đã chế biến những tấu khúc Chiêm Thành ra loại âm nhạc mang sắc thái của dân Việt Thường. Vua mất ngày 1-10 năm Giáp Ngọ (1054).

LÝ THÁNH TÔNG (1054-1072)

Tên húy là Nhật Tôn, con trưởng của Thái Tông. Mẹ là Kim Thiên thái hậu họ Mai, khi trước chiêm bao thấy mặt trăng vào bụng rồi có mang, ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi, Thuận Thiên thứ 14 (1023) sinh vua ở cung Long Đức. Năm Thiên Thành thứ nhất(1028) được sách phong làm Đông Cung thái tử. Thái Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 17 năm (1054-1072) thọ 50 tuổi (1023-1072) băng ở điện Hội Tiên.

Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh đáng gọi là bậc vua tốt. Song nhọc sức dân xây tháp Báo Thiên, phí của dân làm cung Dâm Đàm, đó là chỗ kém.

Mùa thu năm 1070 sai làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ Phối, vẽ tượng thất thập nhị hiền cho hoàng thái tử đến học tại đây.

Tháng 4.1056 cho xây chùa Sùng Khánh Báo Thiên phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông vua thân làm bài minh để khắc trên chuông.

Mùa Đông, tháng 10 năm Ất Mùi (1055) nhắm lúc tiết Đại Hàn vua bảo các quan rằng : "Trẫm ở trong cung sưởi than xương thú, mặc áo lông chôn còn rét thế này nghĩ đến người tù bị giam trong ngục, khổ sở về gôm cùm, chưa rõ gian ngay, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót vậy lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và cấp cơm ngày hai bữa...".

Tháng 4 năm 1064 vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh vua chỉ công chúa và bảo ngược lại rằng: "... Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân, dân không hiểu biết mà mắc phải hình pháp, Trẫm rất thương xót, từ nay về sau không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giải".

Tháng 4 đại hạn năm 1070 vua ra lệnh chẩn cấp cho dân nghèo. Mùa xuân tháng 3 năm Kỷ Hợi (1059) vua đánh vào Châu Khâm nước Tống, khởi binh uy rồi về vì ghét nhà Tống phản phúc.

Năm 1069 vua thân đi đánh Chiêm Thành bắt được vua nước ấy là Chế Củ và dân chúng 5 vạn người - Chế Củ xin dâng ba châu Địa Lý (Quảng Bình), Ma Linh (Quảng Trị), Bố Chính (phía Tây tỉnh Quảng Trị).

Năm 1056, sai làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên phát một vạn hai nghìn cân đồng để đúc chuông. Vua có làm một bài Minh Văn để khắc trên chuông. '

Mùa thu tháng tám (1057) cho phiên dịch các nhạc khúc và các điệu đánh trống của Chiêm Thành, lập ra đoàn nhạc để tập luyện ca hát.

Năm 1059, vua ngự ở điện Thủy Tinh, cho các quan vào chầu, truyền các quan phải đội mũ phốc đầu tức mũ cánh chồn, đi hia, áo quần chỉnh tề mới được vào chầu. Phẩm phục triều nghi có từ đó.

Vua đã 40 tuổi mà không có con trai, trong một chuyến du xuân thường ngoạn cảnh chùa, xa giá đi đến đâu, trai gái nô nức đổ xô đến xem không ngớt duy có một cô gái hái dâu cố đứng nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy gọi đưa vào cung, được vua yêu mến phong làm Ý Lan phu nhân, sau đó Ý Lan có thai và sinh ra thái tử Càn Đức và hoàng tử Minh Nhân Vương.

Mùa xuân tháng giêng 1072 vua băng hà ở điện Hội Tiên,

LÝ NHÂN TÔNG (1072-1127)

Húy Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, mẹ đẻ là thái hậu Linh Nhân sinh vua ngày 25 tháng giêng năm Bính Ngọ, Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066), ngày hôm sau lập hoàng thái tử. Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 56 năm (1072-1127) thọ 63 tuổi (1066-1127) băng ở điện Vĩnh Quang. Vua trán dô mặt rộng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiếu nhân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi của triều Lý.

Càn Đức lên ngôi lúc đó mới 7 tuổi đổi niên hiệu Thái Ninh, Lý Đạo Thành làm thái sư, Ý Lan và Dương hoàng thái hậu buông rèm cùng nghe chính sự.

Năm 1073, tôn Ý Lan làm Linh Nhân hoàng thái hậu. Linh Nhân có tính ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự mới lên kêu với vua rằng "Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay mà bây giờ..." Vua bèn sai đem giam Dương Thái Hậu và 72 người thị nữ vào cung Thượng Dương rồi bức tử, chôn theo lăng Thánh Tông.

Mùa xuân năm 1075 xuống chiếu tuyển Minh Kinh bác học và thi Nho học tam trường. Lê Văn Thịnh trúng tuyển được cho vào hầu dạy vua học. Về sau thăng dần lên chức Thái sư.

Năm 1096 mưu phản bị bại lộ, vua tha chết vì nghĩ Thịnh là đại thần có công giúp đỡ lại là thầy giáo nên không nỡ giết, chỉ đày lên trại Thao Giang.

Năm 1086 thi người có văn học, Mạc Hiến Tích trúng tuyển bổ làm Hàn lâm học sĩ.

Mùa đông năm 1087, vua ngự đền chùa Lam Sơn, ban đêm ban yến cho các quan, làm 2 bài thơ tên là "Lâm sơn dạ yến".

Năm 1074, cho phép các lão thần được ngồi hoặc chống gậy khi vào chầu.

Năm 1076, 1086 mở các khoa thi để chọn nhân tài trong các môn thi có môn Tính toán, và luật hình phân định rõ ràng dốt giỏi '

Năm 1078, sửa chữa lại thành Thăng Long..

Năm 1084, cho phép nung ngói để lợp nhà đồng thời hội đàm với nhà Tống để định lại mốc biên giới.

Năm 1075, Vương An Thạch nhà Tống tâu với vua Tống rằng nước ta bị Chiêm Thành đánh phá, quân đội lại chưa đầy 1 vạn, có thể dùng kế lấy được. Vua Tống sai Thẩm Khởi, Lưu Di dẫn binh.

Vua Lý Nhân Tông biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tôn Đản đem hơn 10 vạn ứng chiến. Thường Kiệt đánh Châu Khâm, Liêm; Đản vây thành Ung. Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn, phá tan và chém Thủ Tiết tại trận. Tri Ung Châu là Tô Giám cố thủ, không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chông bao đất trời lên hạ được thành. Giám cho gia thuộc 36 người chết trước chôn xác vào hố rồi châm lửa tự thiêu. Lý Thường Kiệt giết hơn 58.000 ngàn người, cộng với số chết ở 2 châu Khâm, Liêm thì khoảng 10 vạn. Thường Kiệt còn bắt sống một số tù binh ở 3 châu kể trên đem về nước.

Năm sau (1076), vua Tống Hy Ninh xuống chiếu liên minh với Chiêm Thành và Chân Lạp đem quân Tống vào Đại Việt bị Lý Thường Kiệt đón đánh, đến sông Như Nguyệt thì đánh tan được quân Tống do tướng nhà Tống là Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ huy. Quỳ phải rút lui lấy châu Quảng Nguyên làm ranh giới. Người đời truyền rằng một đêm trong đền Trương tướng quân có tiếng đọc to rằng :

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Quân sĩ cho đây là lời thần nhân nên càng nức lòng chống giặc. Bài thơ trên coi như một tuyên ngôn độc lập của nước ta.

Năm 1084, hội đàm định lại biên giới. Tống trả lại châu Quan Nguyên từ ba năm trước.

Năm 1087, nối lại giao hảo với nhà Tống. Vua truyền thả dân và binh lính bị bắt ở 3 châu Ung, Liêm, Khâm cho nước Tống.

Năm 1102, ngày lập xuân, tuyết rơi trắng xóa cả kinh thành.

Năm Giáp Thân 1104 mùa xuân tháng hai, sai Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành, trước đây Lý Giác trốn sang Chiêm Thành có nói tình hình hư thực của nước ta. Vua Chiêm Thành là Chế Ma Na nhân thể đem quân vào cướp lấy đất ba châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính mà Chế Củ đã dâng. Lý Thường Kiệt đánh thắng. Vua Chiêm lại dâng nộp đất.

Năm 1108, tháng hai cho đắp đê Cơ Xá tức là đoạn đê ở sông Hồng, gần cầu Long Biên hiện nay

Năm 1117 định rõ luật cấm giết trâu, kẻ nào mổ trâu bị đánh 80 trượng và bị đầy làm kẻ phục dịch trong quân đội

Vua rành thư pháp, năm 1118 có móc ngọc xuống, vua tự tay viết tám chữ "Thiên hạ thái bình thánh cung vạn tuế" vào bia và sai thợ khắc.

Do Lý Nhân Tông không có con trai nối nghiệp, nuôi con của em ruột mình là Sùng Hiền hầu Ý Lan thái hậu cho dựng chùa trước sau hơn 100 ngôi, tục truyền rằng

Ỡ Lan hối hận về việc giết chết Dương Thái Hậu và các thị nữ vô tội nên làm chùa để sám hối.

Tháng 7 năm 1117, Ỡ Lan chết, làm lễ hỏa táng và bắt 3 người hầu gái chôn theo. Ba năm sau, Lý Nhân Tông cất quân đi đánh động Ma Sai. Vua ngự thuyền Cảnh Hưng xuất phát từ bến Thiên Thư cờ xí rợp trời, gươm giáo rẽ sương, quân sĩ đánh trống hò reo... đánh tan và bắt tướng giặc ở động Ma Sa là Ngụy cùng vài trăm người khác, thu về vàng lụa, trâu dê không kể xiết. Vua sai các tỳ tướng vào các động dọc biên giới chiêu dụ...

Năm 1120, mở hội đèn Quảng Chiếu ở kinh thành.

Năm 1122, cấm mọi người không được dùng gậy tre, gỗ và đồ sắt nhọn để đánh nhau.

Mùa đông tháng 10/11 bắc cầu qua sông Ba Lạt.

Năm 1123 mở yến tiệc mùa xuân ở điện Suy Uyên đến mùa thu lại ban áo cho các quan.

Năm 1126, tháng giêng mở hội đèn Quảng Chiếu bảy ngày đêm. Vua xuống lệnh cấm dân chúng mùa xuân không được chặt cây

Vua không khỏe, gọi Thái úy Lưu Khánh Đàm vào nhận di chiếu rằng : "...Ta đã ít đức không lấy gì làm cho trăm họ được yên, khi chết đi lại khiến cho thứ dân mặc áo xô gai, sớm tối khóc lóc... làm lỗi ta thêm nặng... Việc tang thì chỉ 3 ngày, không xây lăng mộ riêng, nên để ta hầu bên cạnh Tiên đế. Than ôi ! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng, từ già cõi đời, nghìn thu vĩnh quyết, các người nên thực lòng kính lễ trời đất, bảo rõ cho các vương công bày tỏ trong ngoài...

Lý Nhân Tông chết ngày Đinh Mão năm 1127 ở điện Vĩnh Quang,

LÝ THẦN TÔNG (1128-1138)

Húy Dương Hoán, cháu gọi Thánh Tông bằng ông, gọi Nhân Tông bằng bác, con của Sùng Hiền Hầu do phu nhân họ Đỗ sinh ra. Khi mới lên 2 tuổi được nuôi trong cung, lập làm hoàng thái tử.

Thần Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 11 năm (1128-1138) thọ 23 tuổi (1116-1138) băng ở điện Vĩnh Quang. Khi mới lên ngôi hãy còn trẻ dại, đến khi lớn lên tư chất thông minh, độ lượng nên việc sửa sang chính trị, dùng người hiền tài, thủy chung đều chính, nhiệm nhặt khúc nôi, không gì sai lệch. Tuy thân mang ác tật nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ có ý trời cả. Song quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì.

Đổi niên hiệu Thiên Thuận phong Lưu Khánh Đàm làm Thái úy.

Vua lên ngôi năm 12 tuổi, làm vua được 11 năm, chết năm 23 tuổi (1116 - 1138)

Cử Lê Bá Ngọc làm Thái úy, mọi việc đều do thái úy quyết định. Vua thì thích tiền bạc, bọn quan lại muốn làm vừa lòng vua đem dâng nhiều thứ như năm 1129 thái

úy Dương Anh Nhĩ dâng hươu trắng, Hà Văn Quảng dâng hai khối vàng sống cân nặng 33 lạng 5 đồng cân, Mậu Du Đô dâng ngựa trắng bờm đen v.v...

Năm 1132, vua vừa 17 tuổi đã có 2 con là Thiên Lộc sau là Minh Đạo Vương và trưởng nữ...

Năm 1130 mùa xuân, vua xuống chiếu cho con gái các quan không được lấy chồng trước đời sau khi chọn vào hậu cung xong, người nào không trúng tuyển mới được đi lấy chồng.

Tính của Thần Tông dâm bôn ngu muội (1129) phép nước không nghiêm.

Năm Mậu Thân 1128, hơn hai vạn người Chân Lạp vào cướp bến Ba Đầu ở châu Nghệ An bị Lý Công Bình đánh tan.

Tháng 6 năm Mậu Ngọ 1138, hạn hán.

Ngày 26 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138) vua băng

LÝ ANH TÔNG (1138-1175)

Húy là Thiên Tộ, con đích trưởng của Thần Tông, mẹ là Hoàng hậu họ Lê, sinh tháng tư năm Bính Thìn, Thiên Chương Bảo Tự thứ 4 (1136), tháng 9 năm Mậu Ngọ (1138) lập làm Hoàng thái tử. Thần Tông băng bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 37 năm (1138-1175) thọ 40 tuổi (1136-1175) băng ở điện Thụy Quang. Trong việc phế lập, vua không mê hoặc lời nói của đàn bà, ký thác được người phụ chính hiền tài có thể gọi là người không thẹn với việc gánh vác. Song không phân biệt được kẻ gian tà, hình phạt không sáng suốt, cho nên trời xuống tai biên để răn, giặc cướp nổi lên, giềng mối rối loạn, không thể nói xiết.

Hoàng thái tử Thiên Tộ lên ngôi, bấy giờ mới 3 tuổi. Đổi niên hiệu là Thiên Minh, tôn mẹ là Cảm Thánh phu nhân họ Lê lên làm Hoàng thái hậu. Thái hậu người không đoan chính sau tư thông với Đỗ Anh Vũ là em của Đỗ thái hậu...

Năm 1141, Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương có hơn 1000 người mà phao lên đến mấy chục vạn. Tháng 5, kéo quân về kinh sư, đánh nhau với quân Anh Vũ. Về sau, Tô Hiến Thành đánh bắt được Lợi giải về kinh sư và xử trảm cùng với hơn 20 đồ đảng.

Năm 1144, Đàm Hữu Lượng người nước Tống, trốn sang châu Tư Lang, dấy binh làm loạn ở biên giới Về sau Triệt Nguyệt bắt được Lượng.

Lý Anh Tông còn nhỏ tuổi nên tất cả việc triều chính ở trong tay Đỗ Anh Vũ. Vũ chuyên quyền lại tư thông với mẹ vua. Ở triều chính thì khoác lác, vung tay múa chân lớn tiếng; sai bảo các quan thì hất hàm ra hiệu, tự tiện ra vào cung cấm. Mọi người liếc nhìn nhau nhưng không dám nói.

Đỗ Anh Vũ là em của Đỗ Thái Hậu, tất cả việc lớn nhỏ đều ủy cho Vũ. Vũ sai vợ là Tô thị ra vào cung cấm do đó mà có việc đi lại tư thông với Lê thái hậu, mẹ vua Anh Tông

Vũ Đái và các quan đại thần bàn nhau ra lệnh bắt giam Anh Vũ. Anh Vũ và Lê thái hậu rút lót tiền vàng cho Vũ Đái nên chỉ xử Vũ làm Điền nhi (là người nhỏ cỡ ruộng) chỉ có Nguyên Dương bảo phải giết đi. Vũ Đái không nghe, sau Anh Vũ được vua tha, bắt đầu trả thù và thủ tiêu các địch thủ.

Sau khi phục chức vụ cũ, Đỗ Anh Vũ cho lập đội cận vệ gọi "Phụng quốc vệ" chuyên săn lùng bắt bớ, giết chóc các địch thủ.

Năm 1150 xuống chiếu cấm quần thần không được vào cung, cấm không được tụ họp quá ba người bàn luận chê bai, ai phạm thì trị tội, không có phép mà tự ý mang vũ khí thì tử hình. Tình trạng khủng bố gây kinh hoàng trong nhân dân chỉ chấm dứt sau khi Đỗ Anh Vũ chết.

Vua cho vời Tô Hiến Thành vào làm Thái úy

Tháng 2 năm 1162, Khảo khóa các quan văn võ, người nào đủ niên hạn khảo mà không có lỗi thì được thăng. 9 năm là một kỳ khảo.

Năm 1171 và 1172, vua đi tuần các hải đảo xem tình thế núi sông, dân tình và vẽ bản đồ.

Năm 1170, vua tập bắn và cỡi ngựa ở phía Nam thành Đại La, sai các quan võ cùng tập luyện hàng ngày bày sa bàn luyện tập các thế công, phá trận... để ôn tập.

Năm Kỷ Ty (1149) mùa xuân tháng 2, thuyền buôn của ba nước Trảo Oa (JavaNam Dương) ; Lô Lạc (La Hộc Thái Lan) ; Xiêm La xin cư trú buôn bán. Bèn cho lập trang trại ở hải đảo Vân Đồn để mua bán...

Long Xưởng là thái tử bị phế làm thứ dân và bắt giam vì thông dâm với cung phi của cha. Lập Long Trát mới hai tuổi làm hoàng thái tử. Bấy giờ có người thân ẵm Long Trát ra hầu, thấy vua đội mũ khóc đòi đội. Vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì khóc to hơn, đến khi cho đội thì cười, nhân thế vua quyết định cho Long Trát làm Hoàng thái tử.

Tô Hiến Thành làm Nhập nội Kiểm hiệu Thái phó Bình chương Quân quốc trọng sự.

Tháng 4 mùa hạ năm 1175, vua không khỏe, sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự. Tháng 7 vua băng

LÝ CAO TÔNG (1175-1210)

Húy là Long Trát con thứ 6 của Anh Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đỗ sinh ngày 25 tháng 5 năm Quý Tỵ, Chính Long Bảo Ứng thứ 11 (1173).

Năm Thiên Cảm Chí Bảo thứ 2 (1175) sách lập làm hoàng thái tử. Anh Tông băng, bèn lên ngôi báu ở ngôi 35 năm (1176-1210) thọ 38 tuổi (1173-1210) băng ở cung Thánh Thọ.

Vua chơi bởi vô độ, chính sự hình pháp không rõ ràng, giặc cướp nổi như ong, đói kém liền năm, cơ nghiệp nhà Lý từ đấy suy.

Lập thái tử Long Trát lên ngôi đổi niên hiệu Trinh Phù.

Năm sau (1176) vào tháng giêng, Tô Hiến Thành sắp đặt lại triều chính, đại xá thiên hạ.

Mùa xuân 1178, Chiêm Thành cướp Nghệ An bị đánh lui.

Tháng 3 năm 1179, khảo xét công trạng của các quan chia làm 3 loại - 1 có tài nhưng dốt chữ, có tài giỏi chữ, người tuổi cao hạnh thuận...

Cứ theo thứ tự trao cho nhiệm vụ trị dân, coi quân. Tô Hiến Thành mời thầy dạy cho ấu chúa, tuyển người mạnh khỏe sung vào quân đội.

Tháng 6 năm 1179 thái úy Tô Hiến Thành chết, vua bỏ ăn 3 ngày, nghỉ thiết triều 6 ngày. Tô Hiến Thành nhận việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy bị gió lay sóng dập mà vẫn đứng vững không thẹn với các đại thần thời xưa,

ĐỗAn Di lên thay làm phụ chính.

Năm 1181, lụt to, dân chết gần một nửa, người chết đói nằm gối lên nhau.

Năm 1200 mùa xuân tháng giêng, đem thóc chuẩn cấp cho người nghèo.

Năm Ất Ty 1185, vua treo bảng chiêu hiền đãi sĩ.

Năm 1203, vua Chiêm Thành là Bố Trì bị chú là Văn Bố Điền đuổi, đem vợ con cầu cứu vua, vua sai Thanh và Diên đi cứu nhưng bị giặc làm phản và giết chết.

Tháng 10/1195 mở khoa thi cho người từ 15 tuổi trở lên mà thông thi thư thì được vào hầu học ở ngự điện, Bùi Quốc Thái, Đãng Nghiêm và 30 người đỗ học kỳ thi này.

Năm 1190, sau khi ĐỗAn Di và Ngô Lý Toa chết thì Đàm Sĩ Mông được phong làm thái úy. Mông là người không có kiến thức tham ô, lấu cá, khi có biến thì theo giặc.

Năm 1192 cho đào sông Tô lịch.

Dân tình loạn lạc, biên trấn thì giặc giã nổi lên như rươi, thiên tai, hạn hán, đói kém bệnh dịch hoành hành. Trong triều thì vua ham chơi, rượu chè trác táng. Vua sai người cùng vua chế khúc nhạc Chiêm Thành, lấy đàn Kha Nhi, kèn Rhinai, trống Parenủng tạo thành một khúc nhạc réo rắc thấm sâu nghe mà nát lòng, xót ruột Vua tỏ ra thích nghiên cứu âm nhạc.

Năm 1207, Phạm Du làm phản, vua sai hoạn quan Phạm Bình Di đi đánh, Du thua chạy về Kinh, đem vàng bạc đút lót cho Cao Tông và nói xấu Di, Di trở về bị vua bắt đem chém cùng với con là Phi. Quách Bốc là bộ tướng của Di quá giận vì vua nuốt lời đã giết Di và Phụ bèn kéo quân tấn công cấm thành, đuổi vua và thái tử chạy dài. Tìm con thứ của Cao Tông tên là Thảm Tôn lên ngôi. Bọn Đàm Sĩ Mông và Chính Lại đầu hàng Quách Bốc được giữ lại chức vụ cũ.

Bị đánh bức, Lý Cao Tông chạy ra mạn sông Quy Hóa, đến ở một làng chài lười, gặp nhà Trần Lý là một nhà giàu có của vùng ấy đời đời làm nghề chài lưới. Trần Lý cùng các anh em họ hàng giúp vua khôi phục lại giang sơn. Sau khi trở về triều Cao Tông vẫn rong chơi làm những việc vô đạo, việc triều đình phó mặc cho các quan.

Ngày 28 tháng 10 năm Canh Ngọ (1210) vua băng ở cung Thánh Thọ

LÝ HUỆ TÔNG (1210-1224)

Húy là Sảm, con trưởng của Cao Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đàm, sinh tháng 7 năm Giáp Dần (1194), năm Mậu Thìn, Trị Bình Long Ứng thứ 4(1208), tháng giêng sách lập hoàng thái tử.

Huệ Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 14 năm (1211-1224) truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, sau bị Trần Thủ Độ giết thọ 33 tuổi (1194-1226). Vua gặp buổi loạn lạc, giặc cướp tứ tung, mình bị bệnh nặng, không biết sớm cầu con nối, họ Lý bèn mất.

Thái tử Sảm lên ngôi lúc 16 tuổi, niên hiệu là Kiến Gia

Khi đi lánh nạn, Thái tử Sảm gặp Trần Thị Dung là một người con gái đẹp của nhà Trần Lý, bèn lấy làm vợ, phong cho Trần Lý tước Minh Tả.

Sau khi dẹp yên cuộc đảo chính, Huệ Tông trở về triều, Trần Thị Dung, vợ Huệ Tông, ở lại Lưu Gia. Huệ Tông cho thuyền đón vợ về phong làm Nguyên Phi, cho anh vợ là Trần Tự Khánh, Trần Thừa, cả hai về sau được phong lên làm thái úy cai quản cả triều đình, mọi việc đều giao cho thái úy, còn vua thì mắc bệnh hiểm nghèo, suốt ngày ở trong cung cấm.

Năm 1212, Đoàn Thượng cùng vú nuôi với vua Huệ Tông, nổi lên làm loạn.

Đến năm 1217, quân Chiêm Thành xâm lấn Nghệ An. rồi đến giặc Nguyễn Nộn – Nguyễn Nộn là cư sĩ chùa vì bắt được vàng mà không nộp cho vua nên bị làm tội sau được tha rồi mưu phản.

Vua Huệ Tông bị bệnh tâm thần phân liệt thường nổi điên cởi áo quần chạy la hét, nói năng nhảm nhí, uống rượu rồi say ngủ li bì.

Tháng 10 năm Giáp thân (1224) Vì không có con trai nối ngôi bèn tôn thứ nữ là Chiêu Thánh công chúa làm vua Lý Chiêu Hoàng. Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong đại nội.

LÝ CHIÊU HOÀNG (1224-1225)

Trước tên húy là Phật Kim, sau đổi là Thiên Hinh, con gái thứ của Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai nối, lập hoàng thái tử để truyền ngôi, ở ngôi đượ 2 năm (1224-1225) rồi nhường ngôi cho họ Trần.

Trần Thủ Độ là em họ của hoàng hậu Trần Thị Dung, vợ vua Huệ Tông, được cho làm Chỉ huy sứ coi sóc việc trong nội cung quản lĩnh quân điện tiền hộ vệ cấm đình, nhân đó mà đưa các cháu mình là : Cặp, Thiêm, Cảnh vào để cho Chiêu Hoàng sai vặt.

Tuổi của Trần Cảnh và Chiêu Hoàng xấp xỉ nhau cho nên bọn trẻ rất dễ kết bạn với nhau. Lúc bấy giờ Chiêu Hoàng mới 7 tuổi và Trần Cảnh chỉ 8 tuổi.

Trần Cảnh một hôm được giao việc bưng nước rửa cho Chiêu Hoàng, Chiêu Hoàng trông thấy lấy làm ư, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy Cảnh ở chỗ tối thì đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm Cảnh bưng chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi trêu, đến khi Cảnh bưng khay trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh, Cảnh không dám nói gì về nói găm với Trần Thủ Độ. Thủ Độ nói : "Nếu thực như thế thì họ ta thanh hoàng tộc hay diệt tộc đây "

Lại một hôm Chiêu Hoàng lấy khay trầu ném cho Trần Cảnh, Cảnh lạy rồi nói : "Bệ hạ có tha tội cho thần không ? Thần xin vâng mệnh " Chiêu Hoàng cười và nói : "Tha tội cho người, nay người đã biết nói khôn đó " Cảnh lại về nói với Thủ Độ, Thủ Độ sợ việc này tiết lộ thì rất nguy hiểm, bấy giờ mới đem hết gia thuộc thân thích vào trong cung cấm, đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào châu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng " Bệ hạ đã có chồng rồi", Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào châu.

Ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1125) các quan vào châu lạy mừng. Chiêu Hoàng xuống chiếu cho biết mình đã kết hôn với Trần Cảnh.

Lễ Truyền Ngôi cho chồng là Trần Cảnh được tổ chức ở điện Thiên An vào ngày 11/12 ất Dậu (1225). Vua mới là Trần Cảnh xuống chiếu đại xá thiên hạ và phong Thủ Độ là Quốc Thượng Phụ

Triều đại nhà Lý truyền ngôi 9 đời vua, tổng cộng là 218 năm, bắt đầu từ Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) kết thúc là Lý Chiêu Hoàng.

Trần Cảnh nhận truyền vị của Lý Chiêu Hoàng, lên ngôi hoàng đế là Trần Thái Tông, đổi niên hiệu là Kiến Trung (1225)

TRẦN THÁI TÔNG (1225-1258)

Họ Trần tên húy là Cảnh, trước húy là Bò, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi (1218-1277) bằng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chốn buông the cũng có nhiều điều hổ thẹn.

Tổ tiên của vua là người đất Mân (có người gọi là Quế Lâm) có người tên Kinh đến ở hương Tức Mặc phủ Thiên Trường sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Ly, Ly sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá,

Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông là con thứ của Thừa, mẹ vua họ Lê, vua sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu dần, khi mới 8 tuổi đượ làm chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ nên Trần Cảnh được vào hầu trong cung, Chiêu Hoàng thấy thì ư, Thủ độ âm mưu gả Chiêu Hoàng cho Trần Cảnh để đoạt ngôi nhà Lý.

Năm 1226 phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chính thảo sự, phước Thượng hoàng Huệ Tông, gọi Huệ Tông là đại sư Huệ Quang, cho ra ở chùa Chân Giáo, mùa thu tháng 8 ngày 10 Trần thủ Độ giết chết Lý Huệ Tông

Trước đó có lần Huệ Tông ra chơi ở chợ Đông, dân chúng tranh nhau đến xem, có người thương khóc, Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ sinh biến loạn.

Có lần Thủ Độ đi qua trước cửa chùa thấy Huệ Tông ngồi xồm nhỏ cỏ, Thủ Độ nói : " Nhỏ cò thì phải nhỏ cả rễ sâu "

Huệ Tông đứng dậy phủ tay nói " Điều người nói ta đã hiểu rồi "

Đến nay sai người mang hương hoa đến bảo Huệ Tông " thượng phụ sai thần đến... "

Thượng hoàng nhà Lý nói "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử "

Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng : " Thiên hạ nhà ta đã về tay người, người lại còn giết ta, đến khi khác con cháu người cũng sẽ bị như thế "

Bè thất cổ tự tử ở vườn sau chùa

Trần Thái hậu tức Trần Thị Dung, vợ Huệ Tông, bị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa và gả cho Trần Thủ Độ. về sau được tôn là Linh Từ Quốc Mẫu, Bà ta là chị họ của Trần thủ Độ, nay em lấy chị, khởi đầu cuộc loạn luân dưới triều Trần.

Trong mười năm đầu trên ngôi (1225 - 1235) thì mọi sự trong nước đều do Trần Thủ Độ coi sóc, vì vua còn nhỏ.

Thủ Độ cho phát hành tiền Tĩnh Bách vào năm 1226, cho Phùng Tá Chu được phép ban tước từ tá chức trở xuống.

Năm 1227, đơn từ văn tự phải lăn tay vào nửa tờ giấy để làm bằng. Hàng năm tổ chức hội uống máu ăn thề ở chái Đồng Cổ.

Năm 1230, đặt ty Bình Bạc để xét việc kiện tụng ở kinh thành.

Năm 1230, khảo xét các luật lệ triều trước soạn thành "Quốc triều thống chế" và sửa đổi hình luật, lễ nghi gồm 20 quyển. Chép công việc của quốc triều làm Bộ "Quốc triều thường lễ" gồm 10 quyển. Đây là hai bộ sách cổ nhất của nước ta.

Năm 1232, mở khoa thi thái học sinh : Đổ đệ nhất giáp là Trương Hạnh và Lưu Diễm; Đệ nhị giáp là : Đặng Diễn, Trình Phấn; Đệ tam giáp là Trần Chu Phổ. Mùa hạ tháng sáu, ban bố các chữ quốc huy và miếu huy

Vào tháng 8 năm 1232, nhân Tôn thất nhà Lý làm lễ tế các vua Lý ở thôn Thái Đường làng Hoa Lâm, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà bên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

Hai năm sau, 1234 mùa thu tháng 8, thượng hoàng là Trần Thừa chết, táng ở Thọ Lăng.

Tôn Trần Liễu là anh ruột của vua làm Hiến Hoàng

Năm 1237 Thái tông hoàng đế Trần Cảnh lấy chị dâu của mình là vợ Trần Liễu.

Vua Huệ Tông có hai công chúa, một là Thuận Thiên gả cho Trần Liễu anh của vua, hai là Chiêu Hoàng được truyền ngôi, lấy Trần Cảnh và truyền ngôi lại cho chồng. Bấy giờ Chiêu Hoàng không có con mà Thuận Thiên vợ Trần Liễu lại đang

mang thai, Trần thủ Độ với vợ là Trần thị Dung (bà nay là vợ củ của vua Huệ Tông và là chị họ của Trần thủ Độ có tên là công chúa Thiên Cực) bàn kín với Trần Cảnh nên mạo nhận lấy để làm chỗ dựa về sau, Trần Liễu rất bất bình trước cảnh em ruột mình cướp vợ của mình nên đem quân ra sông Cái làm loạn, Trần Cảnh áy náy về chuyện này, ban đêm ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân là bạn củ ở trên núi Yên Tử rồi ở lại đó không về, Trần thủ Độ dẫn các quan đến mời vua về kinh sư nhưng vua từ chối, về sau Phù Vân phải khuyên vua trở về kinh đô

Trần Liễu thế yếu, dùng thuyền độc mộc, giả làm người đánh cá đến chỗ vua xin hàng, lúc ấy vua đang ở trên thuyền, anh em nhìn nhau khóc, Thủ Độ nghe tin đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét lớn ; " Giết thẳng giặc Liễu ".Vua giải hòa và bảo Thủ độ rút quân về. Trần Cảnh lấy đất Yên cho Trần Liễu, giết hết binh lính làm loạn đã đi theo Liễu, từ đó Trần Liễu có tên gọi là Yên Sinh Vương

Năm 1230, trong thành dựng cung điện, lầu, các và nhà tang vũ ở hai phía đông tây, bên tả là cung Thánh từ, bên hữu cung Quan Triều.

Năm 1231, đào vét kênh Trầm và kênh Hào từ phủ Thạch Hóa đến Diển Châu.

Năm 1228, xem xét sổ đình tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1227, mở khoa thi tam giáo tử (Nho Lão Phật)

Tháng 8/1231, xuống chiếu sửa đình chùa hư hao và đắp tượng Phật để thờ. Thập kỷ (1236-1246) có nhiều thay đổi trong thời Trần Thái Tông.

5 sự kiện loạn luân trong giòng họ nhà Trần :

Một là Trần Thủ Độ lấy chị họ mình là Trần Thị Dung đang là hoàng hậu, vợ vua Lý Huệ Tông.

Hai là Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông) lấy chị dâu mình tức là vợ Trần Liễu,

Ba là Trần Hưng Đạo ban đêm lẻn vào chỗ ở của cô ruột mình là công chúa Thiên Thành và thông dâm với nàng, sau lấy công chúa làm vợ.

Bốn là Trần Liễu khi vào chầu vua, đi ngang trong cung gặp một người phi cũ của triều Lý, họ Trần liền cưỡng dâm cô ta.

Năm là Trần Khánh Dư cưỡng dâm con dâu của Trần Hưng Đạo là công chúa.

Việc vợ chồng, trai gái, quan hệ tình dục, hiếp dâm trong triều đại nhà Trần thật là quái đản trái với đạo lý. Cũng vì chuyện loạn luân này mà anh em sinh ra đánh nhau, giết nhau.

Trần Thủ Độ là người có tài trị nước an dân tuyệt vời - ông ta có những quyết định cải cách thuế khóa như thuế ruộng đất.

Năm 1242, phân chia từng loại tuổi trong dân để định việc tuyển quân ; tổ chức các cuộc sát hạch các quan văn võ để chọn nhân tài vào các năm 1241, 1246...

Năm Tân Sửu (1241), vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh an Vĩnh bình của nước Tống, phía đường bộ vượt qua châu Khâm và châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cũi chỉ đi bằng thuyền nhỏ như chiếc Kim phụng, Nhật quang, Nguyệt Quang, người các châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn, đến khi biết vua mới chằng dây xích trên sông để chặn sự tiến công bằng đường thủy, sau khi thắng trận trở về Thái Tông cho nhổ lấy vài chục cái neo sắt đem về

Năm 1242 chia nước thành 12 lộ, dưới lộ là xã, sách... cất đặt quan chức an phủ, trấn phủ, chánh phó, có xã chính, xã sử, xã giam gọi chung là xã quan. Lần đầu tiên nước ta có quan văn điều hành việc hành chính, văn hóa bên cạnh quan võ chứ trước đó thì đứng đầu mỗi bộ, châu là quan võ mà thôi. Quan văn chức là AN, võ chức là TRẤN. Đời nhà Trần việc chính trị được coi trọng ngang hàng với quân sự. Làm đơn số hộ khẩu, con trai lớn gọi là Đại hoàng nam, nhỏ thì gọi Tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là Già, già lắm gọi là Long lão, cũng năm ấy có hạn hán, vua sai soát tù và ra lệnh đại xá

Năm 1243 tháng 2 đắp thành nội gọi là thành Long Phượng, cho tu sửa lại Quốc Tử Giám, tháng 8 lụt vỡ thành Đại La.

Tháng tư năm 1240, hạn hán.

Tháng tám (1245) nước to vỡ đê Thanh Đàm

Tháng 3 năm 1248, đắp đê quai vạc để chống lụt, ngăn nước lũ tràn ngập.

Mùa thu năm 1246, định lệ thi tiến sĩ 7 năm, 1 lần.

Qua năm 1247, tổ chức kỳ thi vào mùa xuân. ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ thám hoa, 48 người đỗ Thái học sinh xuất thân thứ bậc khác nhau. Trước đây, hai khóa năm Nhâm Thìn 1232 và 1239 chỉ chia ra Giáp, Ất chưa đặt ra lệ tam khôi, đến khoa này mới đặt ra tam khôi : (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa). Tháng 8 cho tổ chức thi khoa thông Tam Giáo, Ngô Tần người Trà Lộ đỗ Giáp Khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoa, Đỗ vị Phủ đỗ Ất khoa

Năm 1248 Sai các nhà phong thủy đi khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí để vương thì dùng phép thuật để trấn yểm như việc đào sông Bà, Lễ (sông Mã và sông Chu) đục núi Chiêu Bạc ở Thanh Hóa...

Mùa Xuân tháng giêng năm 1249 trùng tu lại chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm trên nền cũ

Năm Tân Hợi 1251 vua tự tay viết bài Minh ban cho các hoàng tử dạy về trung, hiếu, hòa, tống, ôn, lương, cung, kiệm. Tháng giêng đầu xuân vua cho mở hội chợ 7 ngày đêm bày các tranh về lễ kết tóc và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho toàn dân biết vua sắp gả công chúa trưởng là Thiên Thành cho Trung Thành Vương. Đó là hoạt động văn nghệ triển lãm tranh đầu tiên của nước ta.

Trước đó vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo vương, Trần Hưng Đạo muốn lấy công chúa Thiên Thành nhưng không làm sao được, mới nhân ban đêm lén vào chỗ ở của công chúa và thông dâm với nàng

Công chúa Thụy Bà là chị ruột của vua cũng là cô ruột của Hưng Đạo đến tâu với vua : " Không ngờ Hưng Đạo ngông cuồng càn rỡ, đang đêm lén vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo Vương đã bắt hấn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương cho người đến cứu ".... sau sự việc đã rồi vua bắt đắc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Trần Hưng Đạo và lấy 2000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên để hoàn lại sinh vật cho Trung Thành Vương

Cũng năm này, đại hội quý tộc trên bờ sông Ô Môn đã đưa Mông Kha lên ngôi Hãn ở Trung Nguyên, em Mông Kha là Hốt Tất Liệt được lệnh đánh Vân Nam, Đại Lý và Đại Việt.

Năm 1252 Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu thường đem thuyền nhẹ đến cướp bóc dân cư ven biển lại đòi xin lại đất cũ. Vua giận đem quân đi đánh cho Nhật Hiệu làm lưu thủ, mùa đông tháng 12 bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bô Da La và nhiều thần thiếp dân binh rồi về. Vua lại cho lập giảng võ đường, cho một các nhà học giả trong nước đến quốc tử viện để giảng tứ thư ngũ kinh.

Năm Ất Mão 1255, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa, đặt quan coi đê gọi là Hà đê Chánh phó sứ các lộ.

Tháng 6/1254, bán ruộng công, cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

Năm 1256 vét sông Tô Lịch, mở khoa thi : Quốc Lặc đỗ trạng nguyên, Chu Hinh đỗ bảng nhãn và Trần Uyên đỗ Thám hoa.

Từ năm 1251 quân Mông Cổ từ từ thôn tính cả Trung Nguyên, đến năm 1257 mùa thu tháng 8 chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất chạy trạm tâu vua là có sứ Nguyên sang để tỏ rõ ý chí kiên quyết của mình, vua Trần không chút kiêng sợ đã ra lệnh tổng giam tất cả các sứ Mông Cổ. Tháng 9 lệnh truyền tả hữu tướng đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới theo sự tiết chế của Trần Hưng Đạo, tháng 11 truyền cả nước sắm sửa vũ khí. Tướng Mông Cổ là Thi Yangga Dai (Ngột Lương Hợp Đài) tiến quân đóng ở A Mân phía bắc biên giới Đại Việt, chờ mãi không thấy sứ trở về liền quyết định xâm lược bằng quân sự, y sai Ca Ca Du và một tên tướng khác mỗi tên đem 1000 quân chia làm hai đường dọc theo sông Thao tiến xuống, tướng Aju con của Ngột Lương được phái đi tiếp viện cho đạo quân đi trước, gặp quân ta rất đông đã dàn trận sẵn sàng bèn báo tin cho cha.

Mùa thu tháng 7 năm 1256 Vũ thành vương Doãn đem cả nhà trốn sang Tống. Doãn là con Yên sinh Vương Trần Liễu và công chúa Thuận Thiên, sau Thuận Thiên lấy em trai của Trần Liễu là Trần Cảnh, nên Doãn gọi vua bằng chú ruột, Doãn cũng là anh em cùng mẹ khác cha với Thái tử Hỏang sau này là vua Trần Thánh Tông

Đầu tháng 12 năm Đinh Tỵ hai đạo quân Nguyên gặp nhau ở Việt Trì sau khi đi dọc theo sông chảy qua phù Kinh đến ngã ba sông Bạch Hạc ngày 12-12 Đinh Tỵ (17-1-1258).

Ngột Lương đã đến Bình Lê Nguyên, đó là một vùng nằm trong nhánh sông Cà Lồ (Cà-giang) Bình Xuyên (tỉnh Vĩnh Phú) bên này sông vua cho bày thế trận đợi giặc, quân lính ngựa voi san sát, bên kia sông Ngột Lương vạch kế hoạch tấn công cho Triệt Triệt Đô như sau : "Quân người khi đã sang sông đừng đánh chúng vội, chúng tất đến đánh ta, phò mã Hoài Đô theo sau cất hậu quân của chúng người rình lấy cướp thuyền, quân Nam nếu tan vỡ chạy ra sông không có thuyền tất bị ta bắt". Triệt Triệt Đô theo hạ lưu sang sông đánh nhau với quân nhà Trần, vua Thái Tông xông lên phía trước đốc thúc quan quân đánh giặc. Thế yếu dần lui quân ở Cự Bản - Tướng Lê Tần hiên ngang cỡi ngựa điềm nhiên vào trận giặc phò vua về thuyền, giặc thấy lấy tên bản - Tần lấy ván gõ thuyền che cho vua khỏi trúng tên.

Thuyền quân ta xuôi về Phù Lỗ để giữ nguyên được dân binh khỏi thương tổn và hao mòn khí giới. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách chống giặc, Nhật Hiệu đang dựa mạn thuyền cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "nhập Tống" lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu ? là quân do Nhật Hiệu chỉ huy Hiệu bảo : "Không gọi được chúng đến".

Vua lập tức dời thuyền hỏi thái sư Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ trả lời : "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác". Âm mưu cướp thuyền của Triệt Đô thất bại, Ngột Lương nổi giận cho đòi Triệt Đô để trừng trị, Đô hoảng sợ uống thuốc độc tự vận, hôm sau (18-1-1258)

Vua cho phá sập cầu Phù Lỗ chặn đường tiến công của giặc, bọn giặc đi theo dọc bờ sông bắn tên xuống nước chỗ nào thấy tên không nổi thì biết chỗ sâu lựa theo đó mà vượt sông. Quân nhà Trần lui về hướng Thăng Long, quân địch đuổi theo.

Trước thế giặc mạnh đang tấn công ồ ạt lại rất hưng phấn, để bảo toàn lực lượng và tiêu hao dân sức lực và giảm ý chí chiến đấu của quân Nguyên, Vua quan nhà Trần vạch ra kế hoạch lẩn tránh đụng độ với địch, buộc chúng hành quân liên tục, cho chúng đánh vào chỗ không người quân ta rút về Thăng Long, rồi bỏ trống kinh đô, rút về sông Thiên Mạc, trong khi đó Linh từ quốc mẫu là vợ Trần Thủ Độ lại xuất đi tản, vợ con các tướng tá, nam phụ lão ấu cùng các cung tần mỹ nữ con cháu của vua ra khỏi thành Thăng Long, yểm trợ vũ khí thu được cùng quân lương góp phần cho cuộc chiến đấu của quân ta ở tiền phương. Mười hai ngày sau khi chiếm Động Bộ Đầu.

Đầu năm 24-12 Đinh Tỵ quân ta phản kích tấn công quân Nguyên sau khi chúng đã mệt mỏi hạ trại. Thế trận của giặc bị phá vỡ chạy tán loạn, trên đường tháo chạy chúng không còn hơi sức đâu mà cướp bóc phá phách, bằng mọi cách phải tìm đường thoát thân nhanh nhất nên dân ta mỉa mai chúng là "giặc Phật"..

Khi chạy ngang Quy Hóa bị Hà Bổng tập kích đánh cho một trận tới bờ, để giải thích sự thất bại nhục nhã này vua quân nhà Nguyên đổ lỗi là do khí hậu ất nhiệt của phương Nam và vì vừa thôn tính xong Vân Nam nên không tính đến chiếm Đại Việt.

Thực sự thì việc chiếm Đại Việt là một trong kế hoạch tấn công Nam Tống của quân Mông Cổ từ phía Nam lên mà Đại Việt và Chiêm Thành là bàn đạp cho mũi tấn công này.

Sự thất bại này đã làm khó khăn cho Mông Cổ khi thanh toán toàn bộ Trung Quốc. Quân Mông Cổ rút lui tan tác lo tìm đường thoát thân, bỏ cả khí giới, tán loạn hàng ngũ, không dám cướp bóc nên dân ta gọi chúng là "giặc Phật".

Trở về kinh đô sau ngày chiến thắng mừng một tháng giêng năm Mậu Ngọ (1258) vua ngự ở chính điện, định công phong tước : cho Lê Tần gọi Lê Phụ Trần làm ngự sử đại phu lại đem công chúa Chiêu Thánh (Lý Chiêu Hoàng – vợ của Thái Tông) gả cho và nói “Trẫm không có khanh thì đâu có ngày nay khanh hãy cố gắng để cùng được trọn vẹn về sau”. Ban cho Hà Bổng tước hầu.

Bấy giờ sứ Nguyên sang đòi lễ vật tuế công hằng năm, đòi hỏi lung tung vua bèn sai Lê Phụ Trần và Chu Bác Lãm đi sứ sang Nguyên và định lệ cứ ba năm tiến cống một lần

Ngày 24 tháng 2 Mậu Ngọ (1258) vua Thái Tông nhường ngôi cho thái tử Hoảng lui về ở Bắc Cung - Thái tử lên ngôi hoàng đế là Trần Thánh Tông, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1, đại xá thiên hạ

TRẦN THÁNH TÔNG (1258-1278)

Tên húy là Hoảng con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiến Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gương báu, hậu có mang. Năm Canh Tý Thiên Ứng chính Bình năm thứ 9, ngày 25 giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu, nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy ! Nhưng ưu du cõi tam muội, tìm dấu đạo nhất thừa thì không phải là phép trị nước hay của đế vương.

Mẹ Thánh Tông là Thuận Thiên chị của Lý Chiêu Hoàng là vợ của Trần Liễu. Trần Liễu là anh của Thái Tông còn gọi là Yên Sinh Vương hiệu Từ Thiệu Đại Vương là cha của Trần Hưng Đạo, Tuệ Tĩnh và Thiệu Cảm -

Thánh Tông lấy Thiệu Cảm làm vợ phong làm hoàng hậu sinh ra Trần Nhân Tông.

Sau khi nhường ngôi cho con Thái Tông cùng coi chính sự với con, sự ra đời "hai vua" điều hành một nước có từ đó.

Thượng hoàng Trần Cảnh nghiên cứu về đạo Phật môn phái Thiền Tông cùng với Trúc Lâm, Túc Lự, Đại Đăng, Ứng Thuận, Thiên Phong. Thái Tông viết nhiều tác phẩm về đạo Phật như Thiền Tông Chỉ Nam, Kim Cương tam muội kinh Chú giải, Lục thì Sám hối khoa nghi, khóa hư lục, thi tập... Trong bài phổ thuyết sắc thân ông viết : "Nếu chưa đạt được Tâm Phật và Ý tổ thì trước hết hãy trì giới niệm kinh, đến khi đạt tới trình độ thì Phật cũng không, mà Tổ cũng không, thì cốt giới nào để trì, kinh nào cần để niệm... ? Lúc đó thì dù cư trú trong thế giới ảo sắc mà thật ra đã là cư trú trong thế giới chân sắc, ở trong phàm thân mà kỳ thực đã ở trong Pháp thân".

Thái Tông rất chú trọng đến sám hối vì cuộc đời của ông có quá nhiều đau khổ như đã lấy vợ của anh mình, giết tất cả quân lính của Trần Liễu khi Trần Liễu làm loạn...

Thánh Tông lên ngôi lúc 18 tuổi, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm chết lúc 51 tuổi vua trung hiếu nhân từ tôn lên, trọng đạo là một người kế thừa xuất sắc xây dựng nền tảng cho triều đại nhà Trần vững chắc về nhiều mặt như văn hóa, chính trị, kinh tế, pháp luật và quân đội.

Năm 1261 thi lại cho các viên chức hành chính về chữ viết và cách làm tính, lấy người nào đỗ cho làm việc ; về y tế thì cho thành lập các Ty thái y để chăm lo sức khỏe cho dân - đơn vị y tế thiết lập đầu tiên của nước ta bắt đầu có từ đó. Khảo thi

những người tinh thông nghề nghiệp bỏ vào các chức vụ, khuyến nông, lập phường, lập hội để nâng cao nghề nghiệp và sản xuất.

Năm 1262, Thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên mỗi người được ban tước hai tư (quan chức thời xưa mỗi cấp chia nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng lên một cấp) còn đàn bà một vị được tặng hai tấm lụa

Tháng 8 năm Đinh Mão (1267) xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy

Năm 1268 vua nói Tôn thất rằng : " Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong ta và các khanh là bà con ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc "

Đến đây xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bái triều thì vào trong điện, lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngũ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

Còn như trong các lễ lớn ở triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai không hòa thuận, kính sợ và cũng không phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Năm 1271 tháng 3 phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng Quốc Thái Úy, nắm giữ việc nước.

Cũng năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào châu. Vua lấy cơ có bệnh từ chối không đi.

Năm 1272, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi đạo đức, thông hiểu kinh sách làm tư nghiệp quốc tử giám.

Năm 1278, chọn người Nho học có đức hạnh trong thiên hạ để dạy Đông cung thái tử.

Năm 1275, mở khoa thi chọn học trò giỏi.

Năm 1266 và 1267 chọn vào làm Hàn Lâm Viện học sĩ. Theo chế độ cũ không phải là hoạn quan thì không làm hành khiển, chưa bao giờ dùng Nho sĩ.

Năm 1275, mở khoa thi chọn học trò giỏi.

Bắt đầu 1267 thì nước ta mới sử dụng Nho sĩ Văn Học được giữ quyền bính.

Năm 1272, Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu Lê Văn Hưu dâng sắc chỉ soạn xong bộ Đại Việt Sử Ký từ Triệu Vũ đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi, Bộ sử này được coi như bộ sử được in ấn đầu tiên của nước ta.

Năm Bính Dần 1266, xuống chiếu cho Vương hầu, Công chúa, Phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp là nô tỳ để khai khẩn vùng bỏ hoang, lập điền trang - Vương hầu có thực ấp bắt đầu từ đó.

Năm 1262, xuống chiếu chế tạo vũ khí, quân thủy lục tập trận ở chính bãi phù sa sông Bạch Hạc, đóng thêm chiến thuyền chia quân lính thành từng đội ngũ có quân số rõ ràng.

Mùa thu tháng 8 năm 1267, định quân ngũ : mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người, như vậy quân số của một quân là 2.400. Cả nước gồm có Lục quân thì quân số chính quy của thời ấy là 144.000 người.

Tháng 4 năm 1272 sứ Mông Cổ là Nguyên Ngột Lương sang dụ hỏi giới hạn cột đồng cũ, Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám, Phu trở về nói rằng cột đồng Mã Viện đứng lâu năm đã mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 10 xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của Tứ Thư, Ngũ Kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách

Năm 1276, sai Đào Thế Quang sang Long Châu mượn cố đi mua thuốc để thăm dò tình hình người Nguyên.

Năm Giáp Tuất 1274, người Tống sang quy phục đem theo 30 chiến thuyền chở đầy của cải, vợ con vượt biển đến. Những người này tự xưng là Hồi Kê. Vua cho ở tạm phường Nhai Tuân.

Năm 1261, Nhà Nguyên sai Lê Bộ Lang trung Mạnh Giáp đưa thư sang dụ, đại ý nói "Quan liêu sĩ thứ Đại Việt hãy làm ăn yên ổn như cũ". Vua cho Trần Phụng Công và Nguyễn Thám mang thư sang Nguyên thông hiếu.

Năm 1259, Linh Từ Quốc Mẫu chết. Linh từ quốc mẫu là Trần Thị Dung em ruột của Trần Thừa. Trần Thừa là cha của Trần Liễu và Trần Cảnh (vua Thái Tông). Trần Thị Dung lấy Huệ Tông, có 2 con là Thuận Thiên (vợ Trần Liễu sau là vợ Trần Cảnh), Lý Chiêu Hoàng (vợ Trần Cảnh sau là vợ Lê Phụ Trần) Thủ Độ giết Lý Huệ Tông và lấy Dung làm vợ, Dung là mẹ vợ của Trần Liễu và Trần Cảnh, là bà ngoại của Vua Thánh Tông và Trần Hưng Đạo vừa là bà cô, bà dì ruột của hai người này.

Thái sư Trần Thủ Độ chết năm 1264. thọ 71 tuổi

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng có tài lược hơn người, làm quan dưới thời Nhà Lý được mọi người suy tôn Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông, Vì thế ông được nhà nước trọng dụng, quyền át cả vua

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông khóc mà nói rằng : " Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao ? "

Thái Tông lập tức lệnh xe đến ngay dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo và nói hết những lời của người ấy cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời : "Đúng như những lời hấn nói "

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh Từ Quốc Mẫu (Vợ Trần Thủ Độ) có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại không cho đi, về dinh khóc bảo Thủ Độ ; " Mụ này làm vợ ông mà bị quân hiệu khinh nhờn đến thế "

Thủ Độ tức giận sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu cứ theo như sự thật trả lời,

Thủ Độ nói : "Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa. Lấy vàng lụa thưởng cho, rồi cho về

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm Tể Tướng, Thủ Độ tâu : " An Quốc là anh thần, nếu cho là giỏi hơn thần thì thần xin về trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm Tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra sao ? "

Vua bèn thôi

Thủ Độ tuy làm tể tướng nhưng mọi việc không việc gì là không để ý đến Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc chết, nhưng cái tội giết Huệ Tông và thông dâm với Hoàng hậu thì thật...

Năm 1274, vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết Di hậu lục 2 quyển. Bạn của vua là Tuệ Tĩnh thiền sư, Thánh Tông ký thác con mình là Trần Nhân Tông cho ông dạy dỗ.

Tháng 2 năm Đinh Sửu (1277) vua thân chinh đi đánh người Man, Lào ở động Nấm Bà La bắt bộ đảng hơn 1000 người giải về

Thái Tông chết tạ thế ngày 1/4 Đinh Sửu (1277) tại cung Vạn thọ

Mùa xuân tháng 2 năm Mậu Dần (1278) dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa, tháng 3 Lý Chiêu Hoàng qua đời thọ 61 tuổi

Tháng 10 ngày 22 Mậu Dần (1278) vua Thánh Tông nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Khâm, Khâm lên ngôi Hoàng đế là Trần Nhân Tông

TRẦN NHÂN TÔNG (1278-1293)

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyễn Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ Nguyên Phong năm thứ 8 tháng 11, được tính anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh Phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Năm 1279 Mông cổ thôn tính nước Tống, Nước Chiêm Thành sai Chế Năng và Tra Diệp sang cống, bọn này xin ở lại vua không cho

Năm 1280, vua ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu để làm chuẩn đo lường, đặt ra quan kiểm pháp để kiểm tra công việc xét xử của phán quan và người thi hành án.

Năm 1281 sai chú họ là Trần Di Ái đi sứ sang Nguyên. Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, sai bộ tướng Sài Xuân (Thung) đem 1000 quân hộ tống trở về nước.

Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chăn màn trướng, hấn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân nằm khểnh, không ra tiếp Quang Khải vào hấn trong phòng, hấn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi vào trong phòng. Xuân đứng dậy, vái chào mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hấn.

Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Tháng 4/1282 (Nhâm Ngọ), Trần Di Ái đi sứ về nước bị vua trị tội

Mùa thu tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1282) Thụ thần Lạng Châu là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng : Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là xâm lược nước ta

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô, vua sai hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này như chuyện Hàn Dũ bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Hàn Thuyên giỏi làm thơ phú bằng chữ quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ thực bắt đầu từ đấy

Mùa đông tháng 10 vua ra ngự ở Bình Than đóng ở vũng Trần Xá họp các vương hầu, trăm quan bàn kế sách công, thủ chia nhau trấn giữ các nơi hiểm yếu.

Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm phó đô tướng quân.

Vua thấy Quốc Tuấn Trần Kiên còn nhỏ, không cho dự bàn. Quốc Tuấn trong lòng hổ thẹn phần kích nhân tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Sau đó lui về huy động hơn 1000 gia nô, đóng chiến thuyền viết lên cờ 6 chữ "phá cường địch, báo hoàng ân". Khi đối diện xông lên trước, giặc trông thấy phải lui...

Năm 1283, phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội

Bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo là lời kêu gọi làm nức lòng quân sĩ và nhân dân tham gia đánh giặc cứu nước, ông nói :

1-Ta thường nghe : Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao đế, Do Vu chĩa lưng chịu giáo che chở cho Chiêu Vương, Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ. Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước. Kinh Đức, một chàng tuổi trẻ thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây, Thế Sung, Cảo Khanh một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa khí, bỏ mình vì nước, đời nào không có ? giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.

Vương Công Kiên là người thế nào ? Tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào ? Mà giữ thành Điếu Ngư nhỏ như cái đấu, đường đường chống với quân Mông khá đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời nay còn đời ơn sâu ! Cốt Đái Ngột Lang là người thế nào ? Tì tướng của ông là Xích Tu lại là người thế nào ? Mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu trong vài tuần khiến cho quân trưởng đời Nguyên, đến nay còn lưu tiếng tốt !

2- Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường. Uốn lưỡi cú điều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam vương mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau ?

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

3- Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đái Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến tiệc sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo việc làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang, thì cửa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý ngàn vàng khôn chuộc. Vả lại, vợ bé con riu, việc quân cơ trăm sự ích chi, tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng mất, chẳng những gia quyến của ta bị tan mà vợ con các người cũng khốn, chẳng những xã tắc tổ tông ta bị dày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên, chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tên là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui vẻ phỏng có được không ?

4- Nay ta bảo thật các người : Nên nhớ câu “đặt mồi lửa vào dưới đồng củi” là nguy cơ, nên lấy điều “kiềm canh nóng mà thổi rau nguội” làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập được cung tên khiến cho người người giỏi như Bàn Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam vương ở Cảo Nhai. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bổng lộc của các người cũng đời đời hưởng thụ, chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền, chẳng những danh hiệu của ta không bị mai một mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ dầu các người không muốn vui vẻ, phỏng có được không ?

5- Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy ? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi sau đây sau khi giặc đã dẹp yên muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa ? Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

Vua điểm quân thủy bộ tập trận, duyệt binh ở Đông Bộ đầu,

Tháng 12/1284 thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng ban yến hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói ĐÁNH. Muôn người cùng hô một tiếng như bật ra từ một cửa miệng.

Năm 1284, Trần Hưng Đạo điều quân ở các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm, chọn những người dũng cảm làm tiền phong vượt biển vào Nam để trấn giữ phía Nam. Thế quân lên dần. Các quân thấy vậy không đạo quân nào không tới tập họp. Vua làm thơ đề ở đuôi thuyền rằng :

Cối Kê cự sự quân tu ký

Hoan Diển do tồn thập vạn binh

(Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ, Hoan Diển còn kia chục vạn binh)

đồng thời vua cho hơn 20.000 quân + 500 thuyền chiến sang cứu viện cho vua Chiêm

Lúc bấy giờ là Indara đệ ngũ cùng với thế tử Chế Mân đánh nhau với quân của Toa Đô. Toa Đô đến cảng Tân Châu (Qui Nhơn) ngày 30-12-1282 đánh nhau với Chế Mân mãi đến tháng 3-1284 thì rút quân về vùng hồ Đại Lãng (Cầu Hai ở Huế) Toa Đô bị quân Chiêm và Đại Việt đánh đuổi, vua Nguyên phải từ bỏ chiến lược dùng bàn đạp Chiêm Thành để tấn công Đại Việt - Đại Việt đánh Nam Tống.

Tháng 12 năm Giáp thân (1284) Giặc đánh vào ải Vinh Châu, Nội bàng, Chi Lăng, quân ta lui về Vạn Kiếp, Hưng vũ Vương Nghiễn cùng các vương khác như

Uất, Tảng, Hiện.. đốc xuất 20 vạn quân đến hội ở Vạn Kiếp dưới quyền điều khiển của Trần Hưng Đạo

Năm Ất Dậu (1285), ngày mồng 6 tháng giêng, Ô Mã Nhi đánh vào Vạn Kiếp và núi Phả Lại, quan quân vỡ chạy.

Ngày 12 giặc vào Gia Lâm, Đông Ngàn, Vũ Ninh bắt được quân ta thấy người nào cũng thích hai chữ “Sát Thát” bằng mực vào cánh tay, chúng tức lăm, giết hại rất nhiều. Chúng đến Đông Bộ Đầu dựng một lá cờ lớn.

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng: “Thần hèn mọn bất tài nhưng xin được đi”

Vua mừng, nói: “Ngờ đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa ký như thế!” rồi sai đem thư giảng hòa.

Ô Mã Nhi hỏi Chung: “Quốc Vương người vô lễ, sai người thích chữ “Sát Thát”, khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy lớn lắm”

Chung đáp: “Chớ nhà cần người lạ không phải tại chủ nó. Ví lòng trung phần mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không rõ việc đó. Tôi là cận thần tại sao không có?”. Nói rồi giơ cánh tay cho xem.

Ô Mã Nhi nói: “Đại quân từ xa tới, nước người sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bọ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao?”

Khắc Chung: “Hiền tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên, đóng quân ở đầu biên giới đưa thư tin trước, nếu không thông hiếu mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, hướng chi là người”.

Ô Mã Nhi: “Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương người nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mảy may. Nếu cứ chấp nê thì chỉ trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát”.

Khắc Chung về, Ô Mã Nhi bảo các tướng: “Người này ở vào lúc bị ức hiếp mà lời lẽ tự nhiên không hạ chủ nó xuống là Chích, không nịnh ta là Nghiêu mà chỉ nói “chớ nhà cần người”, giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó có người giỏi chưa thể mưu tính được”. Sai người đuổi theo nhưng không kịp.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng Tướng thái sư Trần Quang Khải chặn đánh quân của nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An.

Ngày 1 tháng 2, con thứ của Đại vương Quốc Khang là Trần Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Tắc đem cả nhà đầu hàng quân Nguyên.

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh. Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan là muốn làm thư giảng nạn nước vậy.

Trần Bình Trọng dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc tức Thiên Mạc nay là bãi Mạn Trù, bị bắt. Vương

không chịu ăn, giặc hỏi việc nước không trả lời, giặc hỏi: “Muốn làm vương đất Bắc không?”

Vương thét to: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Vương bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi thuyền nhỏ đến Tam Trĩ Nguyên, sai người đem thuyền ngự ra Ngọc Sơn để đánh lừa giặc. Lúc ấy xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài lại còn mối hiềm cũ nên nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm gậy có bịt sắt nhọn. Mọi người đều gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền vứt đầu sắt nhọn đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên: “Bậc đại thần vào hoàn cảnh bị hiềm nghi, tức phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử như hào cửu tứ của quẻ Tỳ thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. nếu không thành nhất định sẽ mang tai họa. Quách Tử Nghi nhà Đường, Trần Quốc Tuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Ngày mồng một tháng 3, hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thủy Chú, lấy thuyền ra sông Nam Triệu vượt biển Đại Bàng vào Thanh Hóa.

Văn Chiêu Hầu Trần Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễm, Trịnh Long cũng thế, đem gia thuộc đầu hàng giặc Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh, Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống, nói: “Thần bị thưởng đế quả trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc”.

Đến khi Ích Tắc sinh giữa trán có cái vết lõm mờ như hình con mắt, giống hệt người trong mộng., đến 15 tuổi, thông minh hơn người, vẫn có ý tranh đoạt ngôi trưởng đích. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống Nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng để được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua Lão Qua thẳng đến Chiêm Thành hội với quân Nguyên ở châu Ô Lý rồi cướp châu Hoan, châu Ái tiến đóng Tây Kết, hẹn trong 3 năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn: “Giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm tất mỗi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hãy làm nhụt chí chúng, ắt sẽ đánh bại được chúng”.

Tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương(?) và Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái đem tiếp binh đồn đánh giặc ở bến Tây Kết. Hai bên giao chiến ở Hàm Tử Quan, các quan đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng Hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng: “Đó là quân Thát của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng”

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên thấy quân Tống đều kinh hãi bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy.

Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Ngày 3 tháng 5, hai vua đánh bại giặc ở Trường Yên, chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mồng 7, Toa Đô từ Thanh Hóa tới.

Ngày 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh, báo.

Thượng tướng Trần Quang Khải, Quốc Toản, Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại giặc ở các xứ kinh thành, Chương Dương. Giặc tan vỡ lớn, bọn Thoát Hoan và A Lạt rút chạy qua sông Lô.

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư để chi viện cho nhau.

Do binh giặc đến huyện Phù Ninh, viên phụ đạo là Hà Đặc lên núi trí Sơn cố thủ. Giặc đóng ở Cự Đà. Hà Đặc lấy tre đan thành hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì cứ dẫn ra dẫn vào. Lại đục thủng cây to, cắm tên lớn vào giữa lỗ để giặc ngỡ là sứa bắn khoả xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc nữa. Quân ta hăng hái xông ra đánh bại được chúng. Đặc đuổi đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hăng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí, y phục của giặc trốn về dâng lên, xin dùng cờ xí giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cả phá được giặc.

Ngày 20, hai vua tiến đóng Đại Mang Bộ. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiến đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, chém đầu Toa Đô. Nửa đêm. Ô Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hóa, hai vua đuổi theo nhưng không kịp, bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hằng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hằng mang quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên có tẩm thuốc độc bắn trúng đầu gối trái của Hằng, Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đồ đồng chạy trốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên bắn, Lý Quán chết. Quân Nguyên tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói: “Người làm tôi phải nên như thế này”, rồi cởi áo ngự sai quân đem liệm chôn. Nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô tẩm dầu để răn, vì cơ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã 3 năm vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: “Than ôi, câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bày tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mối quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy, có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Ngày 6 tháng 6, hai vua về kinh sư, Thượng Tướng Trần Quang Khải có làm thơ rằng:

“Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử Quan
Thái bình tu trí lực
Vạn cổ thử giang san”

Ngày hôm ấy nước to.

Sai Đặng Du Chi đưa bọn tề thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, kê Na Liên Ba mươi người về nước vì đi theo toa Đô nên bị bắt.

Tháng 8, sai Tả Bộc Xa Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Năm Bính Tuất 1286, mùa xuân thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha đến.

Tháng 3 Năm Bính Tuất (1286) vua Nguyên sắc cho Thượng Thư tỉnh Ao Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, đại tướng Trương Văn Hổ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cố đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6 lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương: “Thế giặc năm nay thế nào?”

Vương trả lời: “Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp thì có kẻ đầu hàng trốn chạy. Nhờ uy linh của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên đã quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen với việc chiến trận mà quân nó thì sợ phải đi xa.vả lại, chúng còn nơm nớp cái thất bại của Hằng, Quán không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn”.

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu, tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10 kiểm duyệt, diễn tập, quân lính điều động được

Năm Đinh Hợi 1287, tháng 2 Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2 cá nhà táng chết ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên phát quân Mông Cổ, quân Hán Nam, 3 tỉnh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lính Vân Nam, lính người Lê ở 4 châu ngoài biển chia đường vào cướp. Trương văn Hổ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ

Hành thượng thư tỉnh do Bình Chương Sự Áo Lỗ Xích, các Tham Tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trấn Nam vương.

Quan chấp chính xin chọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Hưng Đạo Vương nói: “Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn mà như Bồ Kiên thì cũng làm được gì?”

Tháng 3, ân xá.

Tháng 4, Tá Thiên Đại Vương Đức Việc quyên tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sắc.

Ngày 1 tháng 10, nhật thực.

Ngày 11 tháng 11 mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, thái tử Nguyên A Thai xâm phạm ải Phú Lương.

Vua hỏi: “Giặc tới, liệu tình hình thế nào?”

Vương thưa: “Năm nay, đánh giặc nhàn”

Ngày 24, lệnh cấm quân giữ ải Lăng Kinh.

Hưng Đức Hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lùi về đóng ở ải Vũ Cao.

Ngày 28, Nhân Đức hầu Toàn đem thủy quân đánh ở vụng Đa Mỗ. Giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Ngày 16 tháng 12, Nguyễn Thức đem quân Thánh dực dưng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đai Than.

Ngày 26, quân ta gặp giặc và đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về đông. Người các hương (vùng) Ba Điểm, Bằng Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thù cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Dư đánh thất lợi, thượng hoàng được tin đòi giải về kinh. Khánh Dư nói: “Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai ba ngày để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn”.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tạt theo sau nên thu thập tàn binh đợi chúng. Quả nhiên đúng, Dư đánh bại chúng bắt được quân lương khí giới rất nhiều, tú binh cũng không kể xiết. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha tội, nói: “Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng?” bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên báo tin. Giặc quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này vết thương của dân không thấm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó”

Trước đây, Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Khánh Dư duyệt quân các trang, ra lệnh:”Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma lô (Ma lô là một hương ở Hồng Lộ khéo nghề đan cật tre làm nón), ai trái tất phải phạt”.

Nhưng Dư đã sai người nhà mua nón Ma lô từ trước, chở đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngầm báo cho dân trong trang:”Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma lô đậu”. Người trong trang nổi gót tranh nhau mua, ban đầu không tới 1 tiền, sau giá đắt bán 1 chiếc giá 1 tấm vải. Số vải thu được hàng ngàn tấm. Thờ mừng của một người khách phương Bắc có câu:”Vân Đồn kê khuyểnđiệc

giai kinh”(Vân Đồn gà chó thảy đều kinh) ý châm biếm Khánh Dư. Dư tính tham lam, thô bỉ, những nơi ông trấn nhậm, mọi người đều ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng nên không nỡ bỏ mà thôi.

Năm Mậu Tý 1288, Ô Mã Nhi đóng vào phủ Long Hưng.

Ngày 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng bắt được 300 thuyền giặc, 10 thủ cấp, quân Nguyên chết đuối rất nhiều.

Ngày 29 tháng 2, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng.

Ngày 8 tháng 3, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng đón thuyền lương của Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở cửa sông Bạch Đằng phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc triều lên cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy. Bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Triều xuống, thuyền giặc vướng cọc, Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Áo Lỗ Xích. Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối không kể, nước sông do vậy đỏ ngầu cả. Đến khi Văn Hổ đến, quân mai phục ở hai bờ đổ ra đánh. Triều rút xuống nhanh, thuyền lương của Hổ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Ta bắt hơn 400 thuyền, bắt sống Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc dâng lên thượng hoàng. Thượng Hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cũng nói chuyện, uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thái dẫn quân trốn về Tư Minh.

Hai vua trở về Long Hưng.

Ngày 17 đem các tướng giặc là Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc, Sầm Đoàn, Phàn Tiếp, nguyên soái Điền, các Vạn hộ, thiên hộ làm lễ dâng thặng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó, quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm tới được quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá ở lăng đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết có làm thơ rằng:

“Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu”

(Xã tắc hai phen bon ngựa đá, Non sông ngàn thuở vững âu vàng).

Một lần nữa Thoát Hoan thất bại trở về, cơn giận của chúa Mông Cổ Hốt Tất Liệt lại bùng lên, hấn đuổi đứa con trai của hấn ra Dương Châu và hạ lệnh suốt đời không cho gặp mặt, tên tướng phụ tá Thoát Hoan là Aquruetiz (Áo Cổ Xích) bị đuổi đi Giang tây.

Ngày 27 tháng 3 năm Mậu Tý (18-4-1288) xa giá hai vua trở về kinh sư xuống chiếu đại xá tha tô thuế tháng 6 cử sứ bộ Trần Khắc Dụng đi sứ sang nhà Nguyên tố cáo tội ác của giặc và bàn việc trả tù binh.

Tháng 11 Hốt Tất Liệt cử Lưu Đình Trực sang Đại Việt đưa theo 24 người trong các sứ bộ của ta từ trước bị vua Nguyên giam lại, Hốt Tất Liệt đòi thả hết tù binh và bắt vua Trần sang châu.

Tháng 5/1289 định các công thần đánh Nguyên trong 2 cuộc kháng chiến, người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập Trung Hưng

Thực Lục lại sai vẽ hình, trước kia quân Nguyên vào cướp, vương hầu quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng, đến khi giặc thua bắt được cả một hòm biểu xin hàng, thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng kẻ phản trắc.

Mùa xuân tháng hai Canh Dần (1290) vua đánh Ai Lao,

Tháng 3 đói to, thăng gạo giá 1 quan tiền dân nhiều người bán ruộng đất và con cái, vua ra lệnh phát thóc công miễn thuế dân đình chọn các quan văn chia đi cai trị các lộ,

Vua để tâm trong việc dùng người để cai trị dân và sửa sai các phép nước như tháng 3-1292 xuống chiếu rằng phạm làm văn tự bán đứt hoặc cầm nợ thì phải làm 2 bản giống nhau mỗi bên cầm một bản về sau phải lẩn 2 đốt ngón tay đeo nhẫn áp út bên trái vào giữa tờ giấy (9-1304).

Mùa xuân tháng ba năm Quý Ty (1293) vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Hoàng thái tử Trần Thuyên đổi niên hiệu là Hưng Long, đế hiệu Anh Tông

TRẦN ANH TÔNG (1293-1314)

Tên là Thuyên, sinh năm 1276, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhọc sức dân dựng gác Ánh Vân thì chẳng phải là tội vết nhỏ trong đức lớn đó sao ?

Giặc động binh ở biên giới Hốt Tất Liệt sai Lương Tăng đem thư và dụ vua Trần sang châu. Vua lấy cơ có bệnh từ chối, sai Tử Kỳ sang tặng phong vật, nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng,

Lập An Nam hành tỉnh lấy bọn Bình Chương Liêu Nhi Bạt Đô cầm quân đóng ở Tĩnh Giang đợi lệnh tiến đánh, nhưng đến tháng giêng năm sau (1294) thì Hốt Tất Liệt chết Thành Tông (Thiết Mộc Nhĩ) lên ngôi xuống chiếu bãi binh và thả Tử Kỳ về nước.

Năm Ất Mùi (1295) thượng hoàng trở về kinh sư, vì trước đã xuất gia

Năm Giáp Ngọ (1294) Trần Quang Khải tạ thế, thọ 54 tuổi là người có học thức, giỏi ngoại ngữ thường được dùng để thông dịch hay tiếp khách ngoại quốc, ông vừa là một nhà thơ có tập thơ "Lạc đạo" được lưu hành ở đời, ông cùng quốc công Trần Hưng Đạo là hai trụ cột của triều đình nhà Trần.

Luật pháp nhà Trần rất nghiêm, lệnh không được đánh bạc. Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc bị vua sai đánh chết. (1296)

Ai Lao thường hay quấy nhiễu người biên giới. Thượng hoàng, Phạm Ngũ Lão, Trương Hiến đem quân đi tiêu trừ vào các năm 1290, 1294, 1298, 1301, năm 1298 tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiến được cử đi đánh Ai Lao tử trận được phong tước Minh Tự và cho thờ ở Thái Thường.

Có một lần Nhân Tông ngự ở điện Trùng Quan có Trần Hưng Đạo theo hầu vua nói "Nhà ta vốn là người hạ lưu (hiển khánh) đời đời chúng dưng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi" nếp nhà theo nghề võ nên xăm rồng vào đùi để tỏ không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung, Vua Anh Tông rình lúc thượng hoàng quay nhìn đi chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa, một lúc sau Thượng Hoàng hỏi Quan gia đâu rồi? Quan gia đã trốn rồi chăng? " (1299)

Năm Bính Thân (1296) Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào châu

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ, Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua :

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ "

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về.

Bổ nhiệm Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại An phủ Kinh Sư(1298).

Năm Kỷ Hợi (1299) tháng 5 lấy Đoàn Nhữ Hài làm Ngự Sử Trung Tán

Bấy giờ Thượng Hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xươg bồ say khướt, thượng hoàng thông thả đi thăm khắp các cung điện . Mãi, thượng hoàng không thấy vua lấy làm lạ hỏi Quan gia ở đâu ? cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng vua không tỉnh, thượng hoàng giận lắm nói : " Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được, Trẫm đang sống mà người còn như thế, huống chi sau này "

Vua rập đầu tạ tội

Trần Nhân Tông xuất gia lần thứ 2 vào núi Yên Tử tu theo lối khổ hạnh hiệu là Đầu Đà.

Năm 1299, xuống chiếu cho các nhân sĩ trong nước chuẩn bị ôn luyện để đợi thi.

Năm 1300, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ, quan văn thì đội mũ chũm đinh màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh ống tay của các quan văn võ là 9 tấc đến 1 thước.

Trần Hưng Đạo ốm nặng vua ngự tới thăm hỏi kể sách chống giặc phương Bắc, mùa thu, tháng 8 ngày 20, ông qua đời

Năm Tân sửu tháng 3 (1301) Thượng Hoàng vân du sang Chiêm Thành

Tháng 4 ra lệnh soát tù để xem có ai bị oan ức hay bị giam giữ lâu ngày mà không được thả,

Tháng 11 thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về

Năm 1302 Phạm Ngũ Lão dẹp phản nghịch, được phong làm Điện Sứ và được ban hổ phù

Năm 1304 về phép thi : trước hết thi ám tả thiện Y quốc và truyện Mục thiên tử để loại bớt, thứ đến thi kinh nghi, kinh nghĩa, đề thơ (tức thể cò thi ngũ môn tường thiên) hỏi về " vương độ khoan mẫn " theo luật " tài nạn xạ trĩ" về phú thì dùng 8 thể văn " để đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm ". Kỳ thứ ba là : Thi chế, chiếu, biểu ; Kỳ thi

thứ tư là thi đối sách. Lại cho thi các thủ phân tức là các quan lại nắm việc binh pháp Thi kẻ sĩ trong nước hỏi 7 khoa.

Tháng 3/1304, Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên, Bùi Mộc đỗ bảng nhãn, Nguyễn Trung Ngạn 16 tuổi đỗ hoàng giáp. Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn, Phường Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày để cho dân chúng chiêm ngưỡng.

Năm Ất Tỵ (1305) tháng 2 Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn 100 người dâng hiến vàng bạc, hương quý vật lạ làm vật lễ cầu hôn

Năm Bính Ngọ (1306) tháng 6 gã Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, trước đây khi Thượng hoàng vân du sang Chiêm có hứa gã rồi

Năm Đinh Mùi (1307) tháng 5 Chế Mân qua đời, tháng 10 vua sai Nhập Nội Hành Khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung và An Phủ Sứ Đặng Vân sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Chế Đa Đa về

Năm Mậu thân (1308) Thượng hoàng Nhân Tông ngồi bổng nhiên mà hóa ở am Ngọa Vân, núi Yên Tử, hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ, nhà sư Pháp Loa thiêu xác thượng hoàng được hơn ba ngàn hạt xá lị mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư

Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Nguyên sau khi sứ Nguyên là thượng thư An Lỗ Khôi sang báo tin Nguyên Vũ Tông lên ngôi

Năm Canh Tuất (1310) Linh cữu của Nhân Tông quàn ở điện Diên Hiê, khi sắp đưa, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà cũng không giãn ra được, vua cho gọi Trịnh trọng Tử tới bảo : "... người hãy làm thế nào cho họ tránh ra "

Trọng Tử bèn đến ngay thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hồ dục đến ngồi thành hàng trước thềm sai hát mấy câu điệu Long Ngâm. Mọi người kinh ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giãn người, bèn rước linh cữu về lăng Quy Đức

Năm Tân Hợi (1311) Vua đi đánh Chiêm Thành, dụ vua Chiêm là Chế Chí đem gia thuộc đi đường biển tới hàng, đưa Chế Chí về Thăng Long phong làm Hiệu Thuận Vương, qua năm sau thì Chế Chí chết ở hành cung Gia Lâm (1313)

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục Hầu

Năm Giáp Dần (1314) tháng 3 ngày 18, Vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh

TRẦN MINH TÔNG (1314-1329)

Trần Minh Tông Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh. Thái tử là con thứ tư của Anh Tông, mẹ là Chiêu Hiến Hoàng thái hậu Trần Thị là con của Trần Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 55 tuổi.

Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước làm rạng rỡ công nghiệp người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục. Tiếc rằng không nhận ra mưu gian của Đỗ Khắc Chung để đến nỗi giết oan Trần Quốc Chẩn.

Năm Canh Thân (1320) ngày 16 tháng 3 Trần Anh Tông băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường.

Anh Tông tinh trời khiêm tốn hòa nhã, hòa mực với người trong họ, mọi việc triều đình tự mình quyết đoán.

Khi thư rồi trong muôn việc bận, Anh Tông để tâm tới việc trước thuật nhưng viết được gì, vẽ được gì đều đem đốt hết có tập thơ Thủy vân tùy bút cũng đốt luôn.

Khi vua đau nặng Bảo từ Thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán Đĩnh, Phổ Huệ xin vào gặp vua để trình bày việc sống chết. Vua trả lời rằng Sư hãy đến đây, ta chết rồi, quan giá có sai bảo gì thì cứ việc làm, còn như chuyện sau khi chết thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta.

Mùa đông tháng 10-1320 vua Minh Tông xuống chiếu rằng : những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố tính giá tiền ruộng đất đền gấp đôi. Nếu làm Văn Khế giả thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11 Phạm ngũ Lão mất tại phủ đệ vua ban ở vườn cau trong thành thọ 66 tuổi. Vua nghỉ chầu 5 ngày, đó là ân điển đặc biệt

Phạm ngũ Lão xuất thân trong quân ngũ nhưng rất thích đọc sách, ông có làm bài Thuật hoài như sau :

Hoành giáo giang san cấp kỷ thu,
Tam quân tù hổ khí thôn Ngưu
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

(Múa giáo non sông trải mấy thu, Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu Công danh nam tử còn vương nợ Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu)

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, tất cả chiến lợi phẩm thu được đều cho vào kho, coi của cải như không.

Năm Quý Hợi, tháng 8 (1323), xuống chiếu rằng : khi tranh chấp ruộng, mà ruộng có lúa thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn một phần lưu lại.

Tháng 10, lệnh đúc tiền kẽm nhưng tháng 12 sang năm lại ra lệnh cấm tiền kẽm.

Mùa hạ (1322), người Nguyên tranh chấp biên giới, sai hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên để tranh biện, Hiến mất trên đường du thuyết, vua rất thương tiếc.

Vua Minh Tông là một người tài hoa, một họa sĩ kiêm thi sĩ.

Năm 1324, tháng 4, vua ban cho Đại hành khiển Thượng thư tả bộc xạ Trần Bang Cẩn một bức tranh và một bài thơ của vua như sau :

Hình dung cốt cách nại đông hàn
Tướng mạo đình đình diệc khả khan,
Phong lưu nhất đoạn hồn miên tận
Tâm lý nan miêu cảnh cảnh đần.

Năm Bính Dần (1326), vua sai vẽ chân dung Bùi Mộc Đạc, cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp bổ nhiệm thì Mộc Đạc mất, thăng chức cho Trần Khắc Chung

Bấy giờ các quan trong triều đều là những tay cự phách như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu, Đoàn nhữ Hải, Lê Duy...

Bài Ung Châu của Nguyễn Trung Ngạn :

Hào kiệt tiêu ma hận vị hư,
Đại giang y cựu thủy đông lưu.
Quảng tây hình thắng vô đa cảnh,
Lĩnh ngoại phồn hoa độc thử châu.
Cố lũy tinh kỳ thê lạc chiếu
Không sơn cổ giác tống thâm thu.
Tòng quân lão thú tăng kinh chiến,
Thuyết đảo Nam chinh các tự sầu.

(Hào kiệt qua đời hận chữa nguôi
Sông kia như cũ hướng đông xuôi.
Quảng tây cảnh đẹp, nào đâu lắm,
Lĩnh ngoại phồn hoa, ấy đấy thôi.
Lũy cũ, tinh kỳ vin bóng rớt,
Núi trơ kèn trống tiễn thu rồi.
Lính xưa đã nếm mùi chinh chiến,
Nói tới Nam chinh luống ngậm ngùi).

Năm 1326 Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng phải trở về

Năm 1328 Giết quốc phụ thượng Trần Quốc Chấn là em ruột của vua Trần Anh Tông và anh của Công chúa Huyền Trân

Bấy giờ vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha Hoàng hậu là Quốc Chấn giữ ý định đợi hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu là con của thái sư Nhật Duật muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thân của Quốc Chấn là Trần Phẩm. “Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó”. Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chấn ăn uống bất phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho cha uống, Quốc Chấn uống xong thì chết, bắt bố hơn 100 người liên quan. Vài năm sau, gặp khi vợ cả, vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục xử lăng trì. Nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Võ là con Quốc Chấn đã ăn sống hết cả thịt nó. Văn Hiến được miễn tội chết bị giáng xuống làm dân thường. Còn Khắc Chung khi chết đem về thôn Giáp Sơn bị con cháu của Quốc Chấn băm xác ra.

Ngày 15 tháng 2, năm Kỷ Tỵ (1329) vua nhường ngôi cho thái tử Vượng, đổi niên hiệu là Khai Hựu tên là Hiến Tông Hoàng đế.

TRẦN HIẾN TÔNG (1329-1341)

Tên húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị. Ở ngôi 13 năm thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, tiếc thay !

Vua lên ngôi mới 10 tuổi

Mọi việc triều chính phần lớn do Minh Tông điều hành.

Có 2 lần đánh Ai Lao, lần thứ nhất (1334) Ai Lao nghe tin chạy trốn vua sai Trung Ngạn mài vách núi mà ghi công.

Lần thứ 2 vào tháng 9-1335, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài chết đuối. Hài đem quân Thân Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, ngày giao chiến mây mù che tối, giặc phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to sa xuống nước chết đuối quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số chết đuối đó.

Năm 1336, Thượng hoàng mới đem quân về kinh sư.

Tháng 9 - 1337, Trung Ngạn kiến nghị lập Tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói, Vua xuống chiếu cho các bộ làm việc đó.

Xét duyệt các quan văn võ, vẫn đặt thuộc viên các sảnh viện người nào có tờ cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Trần Nhật Duật chết 1330 thọ 77 tuổi là một thân vương tôn quý, làm quan trải 4 triều, ba lần coi giữ trấn lớn. Trình Túc phu nhân là người Thanh Hoa cho nên các vợ lẽ của Nhật Duật đều là người Thanh Hoa.

Cũng năm này Đỗ Khắc Chung chết, được tặng chức Thiếu sư.

Trần Khánh Dư : chết vào tháng 8/1339. Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Trần Khánh Dư nhân cơ hội đánh úp quân giặc được Thánh Tông khen, sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thụy. Con trai của Hưng Đạo định lấy Thụy làm vợ, vua sợ phật ý Hưng Đạo nên sai người đánh chết Dư ở Hồ Tây nhưng dặn là đừng đánh chết, đuổi về Chí Linh làm nghề bán than.

Tháng 10-1282 được phục chức nhưng Dư cũng không bỏ được lối làm cũ. Khi Khánh Dư giữ Vân đồn năm 1286, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề sinh nhai ăn mặc theo lối người phương bắc. Dư ra lệnh "quân trấn giữ Vân đồn là để ngăn phòng giặc Hồ không đội nón của phương bắc, sợ vội vàng khó lòng phân biệt nên đội nón ma lôi, ai trái tất phải phạt". Khánh Dư đã sai người mua nón Ma lôi từ trước chở thuyền đến đậu ở cảng. Lệnh vừa ra sai người ngăm báo trong dân, thiên hạ hoảng hốt tranh nhau mua lúc đầu nón giá 1 tiền sau tăng lên bằng giá trị 1 tấm vải, do đó mà Khánh Dư giàu sụ.

Trương Hán Siêu là một danh tướng nhưng là người cao ngạo, ông đã từng soạn văn bia ở chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, là thầy dạy hoàng thái tử học. ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ, chỉ chơi thân với bọn hoạn quan như

Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa cợt nói cười. Khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng Nùng Ích, khi coi chùa Quỳnh Lâm thì gả con gái cho Tam bảo rô Nguyễn Chế đều vì mê sự giàu có của họ cả. Lại khi Trương Hán Siêu làm hành khiển thì nói hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ, vua lập tức điều tra thì Hán Siêu nói: "Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng cho nên nói thế, biết đây là có chuyện tin xét này" là Siêu nói láo.

BẠCH ĐĂNG GIANG PHÚ

của Trương Hán Siêu là một bài khá nổi tiếng

Khách có kẻ :

Giương buồm giong gió chơi vơi

Lướt bể chơi trăng mải miết

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương

Chiều lần thăm chừ Vũ Huyệt

Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt.

Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết

Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều

Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết

Bèn giữa dòng chừ buông chèo

Học Tử Trường chừ thú tiêu dao

Qua cửa Đại Than, ngược bến Đông Triều

Đến sông Bạch Đằng, thuyền bơi một chiều

Bát ngát sóng kinh muôn dặm

Thướt tha đuôi trĩ một màu

Nước trời : một sắc, phong cảnh : ba thu

Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu

Sông chìm giáo gãy, gò đây xương khô

Buồn vì cảnh thảm đứng lặng giờ lâu

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá

Tiếc thay dấu vết luống còn lưu !

Bên sông các bộ lão, hỏi ý ta sở cầu ?

Có kẻ gậy lê chống trước, có người thuyền nhẹ bơi sau

Vái ta mà thưa rằng :

Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã

Cũng là bãi đất xưa thuở trước

Ngô chúa phá Hoằng Thao

Đương khi ấy : thuyền tàu muôn đội, tinh kỳ phát phối

Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói

Trận đánh được thua chưa phân

Chiến lũy Bắc Nam chống đối

Anh nhật nguyệt chừ phải mờ
Bầu trời đất chừ sắp đổi
Kìa : Tất Liệt thế cuồng, Lưu Cung chước đổi
Những tướng gieo roi một lần
Quét sạch Nam bang bốn cõi !
Thế nhưng :
Trời cũng chiều người
Hung đồ hết lối !
Khác nào như khi xưa :
Trận Xích Bích quân Tào Tháo tan tác tro bay
Trận Hợp Phì giặc Bò Kiên hoàn toàn chết trụi
Đến nay nước sông tuy chảy hoài
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi !
Tái tạo công lao, nghìn xưa ca ngợi
Tuy nhiên :
Từ có vũ trụ đã có giang san
Quả là :
Trời đất cho nơi hiểm trở
Cũng nhờ :
Nhân tài giữ cuộc điện an
Hội nào bằng hội Mạnh tân :
Có vương sư họ Lữ
Trận nào bằng trận Tuy thủy, có quốc sĩ họ Hàn
Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng
Bởi đại vương coi thế giặc nhàn
Tiếng thơm còn mãi, bia miệng không mòn
Khách chơi sông chừ ủ mặt, người hoài cổ chừ lệ chan
Rồi vừa đi vừa ca rằng :
Sông Đằng một dải dài ghê
Sóng hồng cuồn cuộn tuôn về bể Đông.
Những người bất nghĩa tiêu vong
Nghìn xưa chỉ có anh hùng lưu danh
Khách cùng nổi tiếp mà ca rằng
Anh minh hai vị thánh quân
Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh
Giặc tan muôn thuở thẳng bình
Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao !

Minh Tông nhận xét Nhữ Hải : Nhữ Hải dùng mưu tất thắng, thừa kế tất thắng, dân đã gần thành cuối cùng bị giặc nhử mồi mà chết, Nhữ Hải không phải không biết

tình thế của giặc, chỉ vì muốn làm to quá mới đến nỗi vậy...". Nhữ Hải vì kiêu căng nên chuốc lấy cái chết."

Mùa xuân vua cho đổi tên lịch Thụ Thì thành lịch Hiệp Kỷ. Đặng Lô cho rằng lịch các đời trước đều gọi là lịch thụ thì nay xin đổi lại. Lô đã từng làm lung linh nghi khảo nghiệm thiên tượng không việc gì là không đúng, vua bèn y theo.

Năm Tân Tỵ (1341) mùa hạ tháng 6 ngày 11 vua băng ở chính tẩm miếu hiệu là Hiến Tông,

Mùa thu tháng 8 ngày 21 Thượng hoàng cho đón hoàng tử thứ 10 của mình là Hạo lên ngôi lúc đó Hạo mới 6 tuổi. Đế hiệu là Dụ Tông Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Thiệu phong năm thứ I

TRẦN DỤ TÔNG (1341-1369)

Tên húy là Hạo, con thứ 10 của Minh Tông, do Hiến TỬ hoàng thái hậu sinh ra. Ở ngôi 28 năm thọ 34 tuổi, băng táng ở Phụ Lăng. Vua tính rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn, các di đều thần phục. Đời Thiệu Phong chính sự đều tốt đẹp; tứ năm Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Trước đó vào mùa thu tháng 8-1339 ngày 15 ban đêm, con của thượng hoàng là Hạo đi thuyền chơi Hồ Tây bị chết đuối, vớt được ở lỗ cống đơm cá. Thượng hoàng sai thầy thuốc Trâu Canh cứu chữa. Canh nói "dùng kim châm sẽ sống lại nhưng chỉ sợ sẽ bị liệt dương". Dùng kim châm thì quả như lời ông ta nói. Từ đấy mọi người gọi Trâu Canh là Thần Y. Canh sau được thăng mãi lên quan phục hầu Tuyên huy viện Đại sử kiêm thái y.

Tháng 7 năm Tân Mão 1351. Bấy giờ Trâu Canh thấy vua bị liệt dương dâng phương thuốc nói rằng giết đứa bé con trai, lấy mật hòa với dương khởi thạch mà uống rồi thông dâm với chị hay em gái mình thì sẽ hiệu nghiệm. Vua làm theo, thông dâm với chị ruột mình là công chúa Thiên Ninh, quả nhiên công hiệu". Canh từ đấy càng được yêu quý hơn được ngày đêm luôn trong hậu cung hầu hạ thuốc thang. Canh liền thông dâm với cung nữ. Việc phát giác thượng hoàng đình bắt Canh chết nhưng vì có công chữa khỏi bệnh cho vua nên được tha. Canh nói nghiệp cha là Trâu Tôn người phương bắc trở nên danh y nhưng không có hạnh kiểm.

Trong 28 năm ở ngôi, 15 năm đầu có vua cha kèm cặp nên chính sự có nề nếp, sau khi Minh Tông chết, Dụ Tông sống buông thả, dâm dật, cờ bạc, rượu chè, chơi bời quá độ cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Năm Nhâm Ngọ (1342) phong con gái thượng hoàng là Ngọc Tha làm Thiên Ninh công chúa gả cho Chính Túc Vương Kham

Năm Quý Mùi (1343) là năm mất mùa đói kém, dân nhiều người làm kẻ trộm cướp nhất là gia nô của các vương hầu

Năm 1344 Ngô Bệ tụ họp bè đảng ở núi Yên Phụ làm giặc cướp (Hải Hưng)

năm nay cũng mất mùa đói kém , dân nhiều người phải đi xin ăn hay làm nô cho các thế gia

Phục hồi quan tước cho Trần Quốc Chấn

Năm 1345 Thi Thái học sinh, phép thi dùng ám tả, cổ văn, kinh nghĩa, thi phú

Mùa thu sứ giả Nguyên là Sĩ vương Hành sang hỏi việc Cột Đồng, vua sai Phạm Sư Mạnh đi biện bác việc này

Mùa đông sai quân đi bắt Ngô Bê, , Bê chạy thoát.

Ở Trung quốc loạn lạc, giặc giã cướp bóc, Các thế lực bắt đầu xâu xé đánh lẫn nhau.

Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên soạn bộ Hoàng triều Đại Điển và khảo soạn bộ hình thư để ban hành

Năm 1345, 1346, 1347 hạn hán, nước to vỡ đê...

Năm 1345. Tháng tư có nạn đói xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tạp phạm.

Năm 1344 đặt đồn điền sứ và phó sứ ở ty khuyến nông

Tháng 10.1348 thuyền buôn nước Đờ Bô (Java) đến hải trang Vân Đồn, ngầm mua ngọc trai, Người Vân Đồn nhiều người mò ngọc trai bán cho họ

tháng 3.1349 thuyền buôn phương Bắc cống bát Diên Biên, rồi nước Đại Oa cống sản vật và chim vẹt đỏ biết nói.

Buổi đầu dựng nước, thuyền buôn nước Tống sang dâng người nước Tiểu Nhân, thân dài bảy tấc tiếng như ruồi nhặng, không thông ngôn ngữ, lại dâng một tấm vải hỏa hoãn (vải chịu lửa) giá mỗi thước là 300 quan tiền, lưu truyền làm của quý, sau may áo vua, cất hơi ngấn , sai cất trong nội phủ, Bảo Uy tư thông với cung nhân lấy trộm áo ấy một hôm mặc áo ấy vào trong rồi vào châu, tâu việc trước mặt thường hoàng đế lộ ống tay áo ấy ra Thượng hoàng trông thấy có ý ngờ sai người kiểm xét lại quả nhiên áo ấy bị mất. Bị giết

Năm 1351 Lấy Trương Hán Siêu làm Tham tri chính sự và Nguyễn Trung Ngạn làm Nhập nội hành khiển, mùa đông vua ngự điện Thiên An, duyệt cấm quân ở Long Trì

Năm Quý Tỵ (1353) xuống chiếu cho các vương hầu đóng thuyền chiến, chế tạo vũ khí, luyện tập binh sĩ

Mùa hạ cử đại binh đi đánh Chiêm Thành , nữa chừng phải quay về vì trở ngại trong việc chuyên chở lương.

Mùa thu tháng 9 người Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu, quân ta không ngăn được vua sai Trương Hán Siêu đem các quân Thần sách đi trấn giữ Hóa châu

Năm 1354 đói kém liên miên, dân khổ vì nạn giặc cướp. Có kẻ tự xưng là cháu ngoại Trần Hưng Đạo tụ tập bọn gia nô của các vương hầu làm giặc

Năm 1355 Động đất, hạn hán, lụt to

Chu Nguyên Chương nước Nguyên khởi binh về sau xưng hoàng đế tức Minh Thái Tổ Nguyên Chương

Năm 1356 Vua và Thượng Hoàng đi tuần biên giới, đến Nghệ An

Ngày 19-2-1357 Thượng Hoàng Minh Tông chết. Minh Tông cũng là một người con hiếu thảo một người cha tốt. Ông thường nói với các hoàng tử "Con nào mà dốc sức mưu tính sản nghiệp, keo sản làm giàu thì không phải là con ta. Nếu quá lo chuyện đó thì chẳng thà phân tán hết của cải cho nghèo đi còn hơn. Vì như vậy đâu không tránh khỏi túng thiếu vẫn còn là hành vi của bậc quý nhân khi se mình triệu đình muốn lập đàn chay cầu đảo, phóng sinh súc vật...". Vua bảo "thân ta không thể lấy con lợn, con dê mà đổi được

Khi bệnh trầm trọng". Trâu Canh dâng thuốc và nói mạch phiền muộn vua ứng khẩu đọc một bài thơ :

chuẩn mạch hưu luân phiền muộn đa,
Trâu công lương tử yếu điều hòa,
nhược ôn phiền muộn vô hưu yết,
chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn gia

(Xem mạch chờ bàn nhiều phiền muộn, ông Trâu cắt thuốc cho yên nếu còn nói phiền muộn chỉ sợ càng tăng thêm phiền muộn lên vua thôi).

Sai đem đốt hết các bản thảo thơ của mình. ông từng nói "người làm vua dùng người, không phải là có lòng riêng với người đó mà chỉ nghĩ là người đó biết thôi. Bởi vì người đó theo tấm lòng của ta, giữ chức cho ta, làm việc cho ta, chịu khó nhọc cho ta, cho nên ta có là Hiền mà dùng họ. Nếu ta quả Hiền thì những người được ta dùng cũng hiền như Nghiêu Thuấn đối với Tắc Khiết, Quỳ Long vậy. Nếu ta không hiền thì những kẻ ta dùng cũng không hiền như Kiệt Trụ đối với Phi Liêm, Ác Lai vậy. Đó chính là đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu cùng loại thì hợp nhau. Kiệt Trụ đâu có tình riêng với bề tôi hấn bảo hấn ngu tối thì được chứ bảo hấn có tình riêng thì không phải... "

Mùa hạ lệnh cho các lộ Thanh Hóa, Nghệ An khơi các kênh ngòi cũ

Năm 1358 mùa thu hạn hán, sâu cắn lúa, cá chết nhiều

Ngô Bộ dựng cờ lớn tiến xưng vị hiệu, yết bảng nói cứu giúp dân nghèo. Từ Quảng Ninh đến Chí Linh đều thuộc quyền Ngô Bộ

Năm 1359 Trần Hữu Lượng là con cháu Trần Ích Tắc em vua Trần Nhân Tông chiếm Giang Tây - Trung Quốc xưng đế, đặt quốc hiệu là Hán đổi niên hiệu Đại nghĩa đánh nhau với Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) đến năm 1366 Chương và Lượng đánh nhau ở hồ Phiên Dương bị chết trận, Chu Nguyên Chương đến vây ở Vũ Xương, con của Lượng là Trần Lý đầu hàng năm ấy Hán mất nước.

Tháng 10.1360 có tàu các nước Lô Hạc (Thái Lan), Trà Nha, Xiêm La.

Tháng 3.1361 Chiêm Thành vượt biển đến cướp dân ở Dĩ Lý (Quảng Bình).

Năm Nhâm Dần (1362) mùa xuân tháng giêng, lệnh cho các vương hầu, công chúa dâng các trò tạp hý, vua xét duyệt trò nào hay thì thưởng cho.

Trước đây khi đánh Toa Đô, bắt được người phương Bắc là Lý Nguyên Cát rất giỏi hát, những con trẻ của các nhà thế gia theo y tập hát điệu phương Bắc, Nguyên Cát sáng tác các vở tuồng truyện cổ các cổ tích như Tây Vương mẫu hiến bàn đào. Trong tuồng có các vai quan nhân, chu tử, đàn nường, câu nộ, gồm 12 người, mặc

áo gấm, áo thêu, đánh trống, thổi sáo, gảy đàn, vỗ tay, gõ òn phím đàn thay đổi nhau ra vào làm trò. Khiến người xem xúc động, muốn cho buồn được buồn, muốn cho vui được vui. Nước ta có tuồng truyện bắt đầu từ đây.

Cho gọi các nhà giàu trong nước vào cung đánh bạc làm vui

Năm 1362 vua ra lệnh cho các vương hầu công chúa dâng các trò hí tạp vua xét duyệt trò nào hay thì thưởng, cho gọi các nhà giàu trong nước vào cung đánh bạc, có tiếng bạc đặt tới 300 quan tiền, ba tiếng thì đã gần ngàn quan rồi.

Lại sai tư nô cày một mẫu đất ở trên bờ Bắc sông Tô Lịch để trồng hành tỏi đem ra bán gọi tên Phường ấy là Vườn tỏi (đến nay vẫn còn) rồi sai làm quạt để bán.

Tháng 3.1363 cho thi học trò hỏi về văn nghệ để lấy người sung vào quán các.

Tháng 4.1364 gọi Bùi Khoan vào cung để uống rượu, Khoan lập mẹo uống 100 thùng rượu vua thưởng cho.

Tháng 5 đi hóng gió chơi trăng vì uống rượu quá say lợi xuống sông tắm bị bệnh 2 tháng mới khỏi.

Tháng 3 Chiêm Thành vào cướp Hóa Châu

Lấy Đỗ Tử Bình làm Đồng Tri môn hạ

Năm Quý Mão (1363) tháng 3 thi học trò, hỏi về văn nghệ, để lấy người sung vào quán các

Mùa đông cho đào hồ ở vườn ngự trong hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mắt khai ngòi cho chảy thông nhau, trên bờ hồ trồng thông, tre và hoa thơm cỏ lạ. Lại nuôi chim quý thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng hai cây quế và dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, lại đào một hồ nhỏ khác, sai người Hải Đông chở nước mặn vào đó, đem các thứ hải vật như đôi mồi, cua cá nuôi trong đó. Lại sai người Hóa Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngự để thả cá thanh phụ vào đó. Đặt chức Khanh Đô để trông coi. Có thể xem đây là vườn bách thú đầu tiên của nước ta

Năm 1364 vua đi hóng gió chơi trăng. Vì uống rượu say, lại lội xuống sông tắm nên bị ốm, sai thầy thuốc Trâu Canh thuốc thang mãi đến hai tháng mới khỏi

Tháng giêng năm Ất Tỵ (1365) theo tục ở Hóa Châu tháng giêng hằng năm trai gái họp nhau ở Bà Dương chơi trò đánh đu. Người Chiêm Thành biết, đã nấp sẵn ở đầu nguồn Hóa Châu từ tháng chạp năm trước, đến khi ấy ập đến bắt đem đi

Năm sau tháng 3 người Chiêm Thành vào cướp phủ Lâm Bình

Năm 1366 Minh Thái Tổ lên ngôi ở Kim Lăng đặt niên hiệu Hồng Vũ sai Dịch Tê Dân sang thăm ta.

Tháng 6.1366 vua ngồi thuyền đến chơi nhà Trần Ngô Lang đến canh ba mới về, tới sông Chử Gia bị cướp mất ấn báu và gươm báu vua tự biết mình không sống lâu càng thả sức chơi bởi trác táng.

Năm Mậu Thân (1368) Chiêm Thành sai Mục Ba Ma sang đòi lại đất biên giới Hóa Châu

Năm 1369 vua băng ở chính tẩm, miếu hiệu là Dụ Tông, ngày vua sắp băng vì không có con, xuống chiếu đón Nhật Lễ vào nối đại thống

Dương Nhật Lễ là con người làm trò tên Dương Khương, mẹ Nhất Lễ khi đóng trò có tên hiệu là Vương Mẫu (trò có tích " Vương Mẫu hiến bàn đào " nên lấy tên ấy làm hiệu.

Lúc đó mẹ Nhật Lễ đang có thai, Cung Túc Đại Vương Dục (anh Hiến Tông - Dụ Tông) thích nàng xinh đẹp lấy làm vợ, khi đẻ, Dục nhận Dương Nhật Lễ làm con mình.

Lúc này Hoàng Thái Hậu bảo các quan rằng : " Đại vương Dục là con đích trưởng mà không được ngôi vua, lại sớm lìa đời, Nhật Lễ chẳng phải là con của Dục ư ? "

Rồi đón Nhật Lễ lập làm vua

DƯƠNG NHẬT LỄ (1369-1370)

Ngày 15 tháng 6 năm Kỷ Dậu (1369) Nhật Lễ lên ngôi, đổi niên hiệu là Đại Định năm thứ I

Tháng 12 Nhật Lễ sai người giết Hiến Từ Tuyên Thánh thái hoàng thái hậu là người đã đưa mình lên ngôi hoàng đế

Năm Canh Tuất (1370) Nhật Lễ cùng với Trần Nhật Hạnh muốn đổi thành họ Dương , Lễ hàng ngày chỉ muốn rong chơi rượu chè dâm dật thích chơi các trò hát xướng đúng là bạn của Dụ Tông.

Tháng 9, Thái tử Nguyên Trác, con là Nguyên Tiết cùng hai người con của Thiên Ninh công chúa đem người tôn thất vào thành định giết Nhật Lễ,

Lễ trốn qua tường ẩn nấp dưới gậm cầu, mọi người lùng kiếm không thấy giải mới tán ra về.

Sáng mai Nhật Lễ vào triều cho người đi bắt 18 người chủ mưu.

Con thứ ba của Minh Tông tên là hoàng tử Phủ có con gái làm vợ Nhật Lễ sợ vợ lây đến mình xin ra trấn ở Đà Giang. Ngâm hẹn với các em là Kính, Nguyên Đán, Thiên Ninh công chúa Ngọc Tha hội ở sông Đại Lại (Thanh Hóa) dấy quân chống lại Nhật Lễ

Tháng 11 Hoàng tử Phủ, công chúa Thiên Ninh và các em dẫn quân về kinh sư, bắt và giam Nhật Lễ ở phường Giang khẩu.

Hoàng tử Phủ Lên ngôi vua , đổi niên lại niên hiệu, đại xá, là Nghệ Tông Hoàng Đế.

TRẦN NGHỆ TÔNG (1370-1372)

Tên húy là Phủ, con thứ ba của Minh Tông. Mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh hoàng thái hậu, mẹ đẻ là thứ phi họ Lê của Minh Tông, em gái cùng mẹ với Hiến Từ, do con gái của Nguyễn Thánh Huấn lấy một người họ Lê sinh ra. Ở ngôi 3 năm, nhường ngôi 27 năm, thọ 74 tuổi. Vua đẹp yên được tai nạn bên trong,

Song cung kính kiệm ước thì có thừa mà cương nghị quyết đoán thì không đủ, bên ngoài thì quân giặc xâm phạm kinh kỳ, bên trong thì gian thần ngấp nghé ngôi báu. Xã tắc suy mòn rồi đến diệt vong.

Nhật Lễ cho gọi Ngô Lang vào trong màn nói rằng : " ta có lọ vàng chôn ở trong cung người đi lấy về đây. Ngô Lang quỳ xuống vâng lệnh Nhật Lễ thừa cơ hội bóp cổ Ngô Lang cho đến chết. Trần Ngô Lang là người đã khuyên Nhật Lễ đầu hàng vua

Vua nghe được ban lệnh giết Nhật Lễ và con là Liễu đem chôn ở núi Đại Mông. (Hàng Buồm - Hà Nội), sau đánh chết Nhật Lễ và con là Liễu đem chôn ở núi Đại Mông

Cuối năm Chu Văn An mất, được truy tặng tước Văn Trinh Công, ban cho thờ ở Văn Miếu

Năm Tân Hợi (1371) Phong công chúa Thiên Ninh làm Lạng Quốc thái trưởng công chúa, Nguyễn Đán làm tư đồ

Cho bãi bỏ phép cắt chân bãi bồi và lệnh kiểm kê tài sản.

Trong mười năm nước Chiêm Thành đem quân đánh phá cướp bóc và 3 lần chiếm Kinh sư.

Sáu lần đánh phá Đại Việt vào các năm 1361 (62, 65, 66, 67, 71).

Năm 1371, vào tháng 3 quân Chiêm Thành từ cửa Đại An tiến thẳng vào thành Thăng Long,

Du binh của Chiêm vào đến bên Phục Cổ (Phố Nguyễn Du Hà Nội hiện nay) Nghệ Tông chạy thoát sang Đông Ngàn ;

Ngày 27 giặc ủa vào thành Thăng Long, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái, ngọc lụa, đặc biệt là chúng đốt trụi hết tất cả, từ cùng điện, nhà cửa, **TƯ TỊCH SỔ SÁCH** do vậy kho tàng thư sạch không, nước nhà từ đó sinh ra nhiều chuyện

Điều này giải thích được tại sao nước ta không còn có các tư liệu của những triều đại trước.

Không phải chỉ riêng một lần này mà Chiêm Thành đã thực hiện kế hoạch đốt sổ sách và tài liệu, thư khố kiểu này đến ba lần nên chỉ có lẽ vì thế mà bây giờ chúng ta đã không còn các tư liệu từ thế kỷ thứ 15 trở về trước.

Chiêm Thành sợ dĩ sang cướp là vì mẹ Nhật Lễ chạy trốn sang nước ấy xúi giục chúng vào cướp để báo thù cho Nhật Lễ.

Bấy giờ thái bình đã lâu ngày thành quách biên cương không phòng bị giặc đến không có quân nào ngăn được, chúng đốt trụi cung điện nhà cửa thư tịch, sổ sách do vậy sạch không.

Nước nhà từ đó sinh ra nhiều chuyện.

Tháng 10 lấy tư sử Phan Nghĩa làm Lễ bộ lang trung soạn định Quốc triều tống chế và các lễ nghi, ra lệnh cho những người có chức tước phải khai báo để làm thành sổ sách nhưng dân gian giả dối quá lắm lấy không làm có rất nhiều.

Sai xây dựng cung thất cốt cho giản di, mộc mạc

Tháng 8-1372 xuống chiếu cho các bộ làm sổ hộ tịch.

Tháng 10 ngự đến phủ Thiên Trường sửa lại miếu thờ ở các lãng.

Tháng 5.1371 lấy người họ ngoại là Lê Quý Ly làm Khu mật viện sai sứ. Tháng 9 gia phong Trung tuyên quốc thượng hầu.

Mẹ của vua là em ruột của bố Lê Quý Ly, cho nên khi vua mới lên ngôi rất tín nhiệm Quý Ly,

Vua lại đem em gái mới góa chồng là công chúa Huy Ninh gả cho ông ta, Huy Ninh trước là vợ của tôn thất Nhân Vinh. Nhân Vinh bị Nhật Lễ giết hại,

Nghệ Tông làm vua được 3 năm - Ngày 9 tháng 11.1371 nhường ngôi cho em là hoàng thái tử Kính

TRẦN DUỆ TÔNG (1372-1377)

Tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông và là em Nghệ Tông. Mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi. Sinh năm Đinh Sửu (1337) tháng 6 ngày mồng 2. Khi Nghệ Tông lánh nạn, quân lính, khí giới đều là công sức của vua cả, vì thế sau này Nghệ Tông mới nhường ngôi cho. Vua ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi. Vua ương gàn cố chấp, không nghe lời can, khinh thường quân giặc nên mang họa vào thân chứ không phải bất hạnh.

Nghệ Tông nhường ngôi 27 năm thọ 74 tuổi lúc đầu thì việc nước yên ổn, nhưng sau để cho Lê Quý Ly là anh em cô cậu với vua chuyên quyền đến nỗi nhà Trần diệt vong.

Duyệt Tông Hoàng Đế tên húy là Kính, con thứ 11 của Minh Tông và mẹ là Đôn Từ hoàng thái phi, sinh năm Đinh Sửu, Khai Hựu năm thứ 9 (1337) tháng 6 ngày mồng 2.

Khi trước, vua Nghệ Tông (con thứ 3 của Minh Tông) lánh nạn Dương Nhật Lễ, quân lính và khí giới đều là công sức của Kính cả, vì thế năm 1372 Nghệ Tông đem ngôi nhường cho.

Vua Duyệt Tông ở ngôi 4 năm, thọ 41 tuổi (1337-1377).Vua là một tay kiệt xuất nhìn thấy rõ hiểm họa Chiêm Thành nên sửa soạn tiêu diệt mầm mống từ phương nam

Nhưng vì các tướng dưới quyền hèn nhát như Đỗ Tử Bình, Lê Quý Ly không tuân lệnh hành quân tác chiến nên vua bị vây hãm và chết tại trận tuyến

Đó là một trong rất ít vì vua của nước ta da ngựa bọc thây

Khi đang ở trên ngôi, trong triều đại nhà Trần thì Duyệt Tông được đánh giá là một người chững chạc lên ngôi ở tuổi 36 xông pha lửa đạn, . Vua thì kiệt xuất mà đám quần thần thì quá ngu ngốc yếu hèn, nhân tài sĩ tử biến mất là một điểm báo sự diệt vong của nhà Trần.

Năm Quý Sửu (1373) mùa xuân, đổi niên hiệu.

Thái tử Kính lên ngôi, vua chuẩn bị ngay một cuộc tổng tiến công Chiêm Thành ngay. Việc chuẩn bị chiến tranh kéo dài trên 4 năm.

Mùa thu, tháng 8 định việc bổ sung quân ngũ, đóng sửa thuyền chiến chuẩn bị đánh chiếm Chiêm Thành.

Mùa đông tháng 12 năm Quý Sửu (1373) xuống chiếu nói rõ việc vua sẽ thân chinh đánh Chiêm Thành cho toàn dân rõ,

Tháng 3 cho đào kênh từ Nghệ An đến Hà Hoa để dễ bề tiếp liệu,

Tháng 8 chọn dân binh để bổ sung quân ngũ, những người thấp bé nhưng nhanh nhẹn can đảm cũng được thu nhận.

Đặt quân hiệu nghiêm chỉnh có chức đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu, lại xuống chiếu cho các quan.

Năm ấy, giặc cướp đua nhau nổi dậy.

Đầu năm 1374 tổ chức thi tiến sĩ để chọn nhân tài,

Năm Giáp Dần (1374) mùa thu tháng 8, chọn dân đinh bổ sung quân ngũ những ai nhanh nhẹn và can đảm. Trước đây, quân túc vệ có các quân Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần – về sau đặt thêm các quân Uy Tiệp, Bảo Tiệp, Long Dực, Ý Yên, Thiên Trường, Bắc Giang, Điện Hậu, Long Tiệp. Những quân này xam ba chữ đen lên trán. Quân thị vệ thì xam trắng. Các quân Hoa Ngạch, Tả Ban, Hữu Ban và quân Thanh Hoá, Nghệ An, Hoá Châu, Thuận Châu, Lâm Bình đều đặt quân hiệu có đại đội trưởng, đại đội phó làm tướng hiệu.

Xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào.

Năm Ất Mão (1375) chọn Khu mật viện đại sứ Lê Quý Ly làm tham mưu quân sự. Xuống chiếu chọn các quan viên biết luyện tập võ nghệ, thông hiểu thao lược thì không cứ là người tôn thất đều cho làm tướng coi quân. Sai Đào Lực Sinh và Hà Tử Công đốc suất người Thanh Hoá, Nghệ An, Tân Bình đắp sửa đường sá từ Cửu Chân (thuộc Thanh Hoá) đến Hà Hoa (thuộc Hà Tĩnh) trong 3 tháng thì xong.

Mùa thu tháng 8 làm sổ quân, thải bớt người già yếu, lấy người khoẻ mạnh bổ sung vào. Những người làm thuê của các hộ, các xá Thanh Hoá, Nghệ An đều phải sung vào quân ngũ.

Xuống chiếu cho những người giàu ở các lộ đem dâng thóc.

Tháng 4, chỉnh đốn binh mã, quy chế xe thuyền...chuẩn bị làm lễ hội thề.

Tháng 5, Chiêm Thành đến cướp Hoá Châu.

Tháng 6, xuống chiếu chuẩn bị việc thân chinh đánh Chiêm Thành. Ngự sử Trung tá Lê Tích dâng sớ can :

–“Binh đao là đồ hung khí, không nên tự mình gây ra. hướng chi ngày nay vừa mới dẹp được giặc trong nước, thế như cái nhọt lâu năm chưa khỏi, chúa không nên vì mối tức giận riêng mà dấy quân, tướng không thể cầu công mà đánh liều. Dù Chiêm Thành không có lòng thần phục, cũng chỉ nên sai tướng đi đánh để chờ trời diệt chúng, còn xa giá thân chinh thì thần trộm nghĩ là không nên”.

Vua không nghe.

Tháng 8, xuống chiếu sai quân dân Thanh Hoá, Nghệ An, Diễn Châu chở 5 vạn斛 lương tới Hoá Châu.

Tháng 10, đại duyệt quân thủy bộ ở bãi cát sông Bạch Hạc. Hai vua đích thân làm tướng.

Tháng 12, vua thân đi đánh Chiêm Thành, dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh sư. Đến bến sông xã Bát (thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay ?), có người làm lễ đám ma, vua truyền phạt 30 quan tiền. Sai Lê Quý Ly đốc thúc Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương cấp cho quân.

Trước đây, chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga quấy rối biên giới, vua sai hành khiển Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Hoá Châu. Chế Bồng Nga đem 10 mâm vàng dâng vua. Tử Bình im đi, cướp làm của mình, nói dối là Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, nên đem quân đánh.

Vua giận lắm, quyết ý thân chinh. Bấy giờ, quan quân đến cửa biển Di Luân (thuộc Quảng Bình), các quân vượt biển mà tiến. Vua cưỡi ngựa dẫn quân bộ men theo bờ biển, đến cửa biển Nhật Lệ đóng quân lại, tập luyện một tháng. Người Tân Bình bắt được dân Chiêm trốn sang đem nộp.

Năm Đinh Tỵ (1377) mùa xuân tháng giêng, ngày 23 đại quân tiến cửa Thị Nại (cảng Quy Nhơn, Bình Định) rồi đóng quân ở động Ý Mang.

Chế Bồng Nga dựng trại bên ngoài thành Đồ Bàn (Bình Định) sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá hàng, nói dối là Bồng Nga đã chạy trốn, để lại thành không, nên tiến quân gấp, đừng để nhỡ cơ hội.

Ngày 24 vua mặc áo đen, cưỡi ngựa nê thông (lông đen, trắng như màu bùn), sai Ngự Câu vương Húc mặc áo trắng, cưỡi ngựa trắng, kịp truyền lệnh tiến quân.

Đại tướng Đỗ Lễ can :

- *“Nó đã chịu hàng là muốn bảo toàn đất nước làm đầu. Quan quân vào sâu đánh phá thành giặc là việc bất đắc dĩ. Xin hãy sai một biện sĩ cầm mảnh thư đến hỏi tội, để xem tình hình hư thực như kế sách của Hàn Tín phá nước Yên ngày trước, không phải khó nhọc mà thành công. Cổ nhân có nói “lòng giặc khó lường”, thần xin bệ hạ xét lại cho kỹ”.*

Vua nói :

- *“Ta mình mặc giáp cứng, tay mang gươm sắc, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi vào sâu trong đất giặc, không ai dám đương đầu với ta. Thế là cái cơ trời giúp ta đó. Huống chi, nay chúa giặc nghe tin đã chạy trốn, không còn lòng dạ đánh nhau. Cổ nhân cũng có nói : “Dùng binh quý ở thần tốc”. Nay nếu dừng lại không tiến, thì thực là trời cho mà không lấy, để nó lại cơ mưu khác thì hối sao kịp. Người chính là hạng đàn bà !”*

Vua sai lấy áo đàn bà cho Lễ mặc.

Quân lính bèn nối gót nhau mà đi như xâu cá. Tiền quân và hậu quân hoàn toàn cách biệt. Giặc thấy thế xông ra đánh chặn. Vua đã dặn Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly đánh bọc hậu phía sau địch cắt đường bắt tay với tiền quân. Nhưng Đỗ Tử Bình không thực hiện lệnh vua

Quân ta giao chiến với giặc từ giờ. Tỵ hơn nữa ngày không thấy quân đánh bọc hậu của Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly đến. Quan quân tan vỡ, vì thế mà vua bị hãm trong trận mà chết.

Bọn đại tướng như Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hoà, Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu vương, đem con gái gả cho.

Đỗ Tử Bình chỉ huy hậu quân không chịu tiến đánh nên thoát chết.

Lê Quý Ly đốc quân chở lương, nghe tin vua bị vây hãm, bỏ trốn về nước.

Ngày hôm ấy ở kinh sư, ban ngày mà trời tối om, chợ búa phải đốt đuốc để mua bán. Xe cũ chở Tử Bình về qua Thiên Trường, người ta lấy gạch ngói ném vào mà chửi hấn.

Quân trở về, trị tội Tử Bình, tha chết nhưng phạt tội đồ làm lính.

Mùa hạ tháng 5 ngày 13 (1377) thượng hoàng Nghệ Tông thấy vua Duệ Tông chết vì nạn nước mới lập con trưởng của vua là Kiên Đức đại vương Hiến lên ngôi.

TRẦN PHẾ ĐẾ (1377-1388)

Tên húy là Hiến, con trưởng của Duệ Tông, mẹ là bà Gia Từ hoàng hậu Lê thị, sinh ngày mồng 6 tháng 3 năm Đại Trị thứ 4 (1361) đến khi Duệ Tông đi đánh phương Nam rồi mất, được Nghệ Tông lập lên làm vua. Sau bị giáng làm Linh Đức Vương, rồi bị thất cổ chết. Ở ngôi 12 năm thọ 28 tuổi, chôn ở núi An Bài.

Vua u mê, nhu nhược, không làm nổi việc gì, uy quyền ngày càng về tay kẻ dưới, xã tắc lung lay, đến thân mình cũng không giữ được. Thương thay !

Giản Hoàng đổi niên hiệu là Xương Phù năm thứ nhất đại xá thiên hạ, các quan dâng tôn hiệu Hiếu thiên Thế đạo khâm minh nhân hiếu hoàng đế

Tháng 6 ngày 11, năm Đinh Tỵ (1377) quân Chiêm vào cướp.

Thượng hoàng nghe tin, sai Trấn quốc tướng quân Cung Chính vương Sư Hiền giữ cửa biển Đại An. Giặc biết có phòng bị, chúng theo cửa biển Thiên Phù mà vào rồi tiến thẳng đến kinh sư.

Ngày 12, giặc rút về, ra cửa biển Đại An gặp bão chết rất nhiều.

Chiêu hồn (Duệ Tông) chôn ở Hy Lăng, miếu hiệu là Duệ Tông.

Nhà Minh có ý xâm lược nước ta định lợi dụng sơ hở đó nhưng thái sư Lý Thiên Trường can vua Minh rằng : "Em chết vì nạn nước mà anh lập con của em lên, xem việc người như vậy thì có thể biết được mệnh trời". Vua Minh xét việc ấy bèn bỏ đi.

Tháng 5 năm Mậu Ngọ (1378) Chiêm Thành đem theo Vương Húc đã đầu hàng giặc đến cướp Phủ Nghệ An, giặc lại đánh vào sông Đại Hoàng, Đỗ Tử Bình và Lê Quý Ly lại dùng lại, vua sai Đỗ Tử Bình đi chống giữ, Đỗ Tử Bình thua chạy, giặc tiến sâu đánh chiếm.

Cuối cùng Thăng Long bị Chiêm Thành chiếm lần thứ hai giặc cướp phá đốt sạch, An phủ sứ Lê Giốc bị giặc bắt, giặc buộc Giốc phải lạy, Giốc trả lời chúng "Ta

là quan của nước lớn, sao phải lay chúng mày". Giặc nổi giận giết ông. Việc này tâu lên Giốc được truy phong Mạ Tặc Trung Vũ Hầu.

Mùa đông 1378 lựa chọn người khỏe mạnh dưng cảm xung vào quân Vệ sĩ.

Lê Quý Ly được phong làm Tiểu Tư Không kiêm Hành Khu mật đại sứ

Quý Ly tiến cử Nguyễn Đa Phương làm tướng quân, Đa Phương là con Sự Tề, Quý Ly hồi nhỏ học Sự Tề, Sự Tề dạy cho võ nghệ nhân đó nhận Đa Phương làm em.

Quý Ly tạo thêm vây cánh, mọi việc trong triều đình đều do tay Quý Ly và thượng hoàng Nghệ Tông cất đặt, vua chỉ làm vị.

Chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga một vị minh quân của nước Chiêm Thành, đã tụ tập quân dân Chiêm Thành lại. Trước đó từ thời Lê - Lý quân Chiêm hèn nhất, hễ quân ta đến là đem cả nhà chạy trốn hoặc hợp nhau khóc lóc xin hàng, Chế Bồng Nga nay lại dạy cho họ thay đổi dần thói cũ trở nên can đảm hăng hái chịu gian khổ và trở thành tai họa của nước ta.

Tháng 9.1379 Vua sai chở tiền giấu vào núi Thiên Kiện và khám Khả Làng - Lạng Sơn (Tầng dưới của tháp Chùa) vì sợ nạn người Chiêm đốt cung điện.

Năm 1380 giặc Chiêm tấn công ở Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa vua sai Quý Ly đi đánh, Quý Ly dẫn viên tướng chỉ là Nguyễn Kim Ngao ra đánh, Ngao quay thuyền trở lại để tránh mũi nhọn của giặc, Quý Ly đem chém Ngao để rao trong quân.

Tháng giêng 1383 Quý Ly thống lĩnh quân đi đánh Chiêm Thành. thuyền đến Vọng biển Lại Bộ Nương (Kỳ Anh Hà Tĩnh) và Ô Tôn (Quảng Bình) bị sóng đánh hư hỏng bèn đem quân trở về.

Mùa thu tháng 9.1384 vua Minh sai bọn Dương Bân, Hứa Nguyên mang tờ thư của bộ Hộ sang đòi lương để cấp cho binh lính ở Lâm An (Vân Nam) - vua sai Hành Khiển Trần Nghiêu Du đôn đốc chuyển vận lương thực tới địa bàn huyện Thủy Vĩ (Lào Cai) giao nộp ; bấy giờ các quan sai đi nhiều người nhiễm sơn lam mà chết.

Tháng 2.1386 nhà Minh sai Lâm Bột sang đòi các giống các loại cây cau, vải, mít, nhãn vì nhân Nguyễn Tông Đạo nói hoa quả phương Nam có nhiều thứ ngon.

Nhà Minh lại sai bọn Cẩm y vệ xá nhân Lý Anh sang mượn đường đánh Chiêm Thành, đòi 50 con voi, đặt các dịch trạm từ phủ Nghệ An cung cấp cỏ thức ăn đưa voi đến Vân Nam.

Tháng 9.1385 vua Minh sai sứ sang đòi 20 tăng nhân, trước đây nước ta đưa bọn nội nhân Tông Đạo, Nguyễn Toán đến Kim lăng, bọn ấy tây với vua Minh rằng Tăng nhân nước Nam biết dựng đạo tràng giỏi hơn tăng nhân phương Bắc đến đây nhà Minh cho sứ sang đòi.

Quý Ly bắt đầu thao túng triều đình. Trần Nguyên Đán trí sĩ ở Côn Sơn gởi thư cho bạn đang làm quan có câu

Kim cổ hưng vong chân khả giám

Chư công hà nhẫn gián thư hy

(Còn mất xưa nay gương đã rõ, các ông sao nữ vắng thư can)

bởi vì khi ấy Quý Ly đang giữ quyền bính, các bậc hiền nhân quân tử buồn lo thoái thế.

Đối với Quốc gia ông đã từng khuyên vua một câu như sau : " Xin bệ hạ kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như con, thì nước nhà vô sự "

Người đời châm biếm Trần Nguyên Đán - Nguyên Đán tính chuyện thông gia với Quý Ly để mong tránh mối họa sau này, đem con là Mộng Dữ gửi gắm Quý Ly, sau Quý Ly đem công chúa Hoàng Trung là con gái trước của vợ mình để gả cho Dữ

Vợ của Quý Ly là công chúa Huy Ninh có chồng chết là Nhân Vinh. Công chúa Huy Ninh là em gái Nghệ Tông nên Mông Dữ gọi Quý Ly là Bố ghê.

Trần Nguyên Đán đã từng ám chỉ Quý Ly là con quạ già. qua bài thơ Thập Cầm

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha

Bất thức lão nha liên ái phủ

(Đem con mà gởi cho loài quạ, Chẳng biết loài quạ có xót thương)

Trần Nguyên Đán có 2 con gái tên là Thái và Thai sai nho sinh đem văn học dạy cho hai người. Nguyễn Ứng Long dạy Thái, Nguyễn Hán Anh dạy Thai.

Ứng Long nhân gần gũi lả lơi làm thơ quốc ngữ khêu gợi Thái, thông dâm với Thái, Thái có thai, Ứng Long bỏ trốn, đến ngày Thái đẻ. Nguyên Đán hỏi Ứng Long ở đâu ! Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội trốn rồi. Ứng Long được Hồ Quý Ly cân nhắc, sử dụng đổi tên là Phi Khanh. Nguyễn Trãi sau này là con của Phi Khanh. Là kết quả của mối tình vụng trộm giữa Ứng Long và con gái Trần Nguyên Đán (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Bản Kỷ - quyển 8 trang (8a) Kỷ nhà Trần).

Năm 1386 lấy Hồ Tông Thốc làm Hàn Lâm học sĩ phụng chỉ, Thốc người Sĩ Thành, Diễm Châu (Xã Thổ Thành, Huyện Đông Thành, Phủ Diễm Châu - Nghệ An) Nhân tiết Nguyên tiêu đạo nhân Lê Pháp Quan treo đèn đặt tiệc mời khách văn chương đến dự tiệc làm vui, Thốc nhận thiệp xin làm thơ, làm xong một trăm bài thơ trên bàn tiệc, mọi người xúm lại xem rất thán phục. từ đấy tiếng dậy kinh sư, vì giỏi văn học nên được người đương thời kính phục. mà thơ rượu không ngày nào là không có

Trước kia Tông Thốc làm An Phủ có lấy của dân, việc bị phát giác, Nghệ Tông lấy làm lạ hỏi ông chuyện đó. Tông Thốc lạy tạ thưa rằng : " Một con chịu ơn vua cả nhà ăn lộc trời " Vua tha tội cho, ông thọ hơn 80 tuổi mất tại nhà

Vua càng ngày càng lớn hiểu biết mọi việc thấy Quý Ly chuyên quyền lộng hành nên bàn với

đã có ý muốn loại trừ hẳn

Mùa thu tháng 8 Vua bàn mưu với Thái Úy Ngạc rằng :""Thượng Hoàng tin yêu ngoại thích Quý Ly cho hẳn mặc sức làm gì thì làm nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự"".

Con Vương Nhữ Chu là Nhữ Mai hầu vua học, nhân tiết lộ mưu đó, Quý Ly biết được. Đa Phương khuyên Quý Ly lánh ra núi Đại Lại để đợi biến động, Phạm Cự Luận nói : " Không được, một khi đã ra ngoài thì khó lo chuyện sống còn "

Quý Ly nói : "Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử , không để tay kẻ khác giết mình" Quý Ly theo kế của Cự Luận bàn, bèn liền vào tâu với Thượng hoàng Nghệ Tông, Ngày 6.12.1387 sáng sớm thượng hoàng Nghệ Tông vờ về ngự ở Yên Sinh sai diên hầu hộ vệ, rồi sai chi hầu nội nhân gọi vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có 2 người theo hầu, đến nơi thượng hoàng bảo vua "Đại Vương lại đây", rồi lập tức sai người đem vua ra giam ở chùa Tư Phúc tuyên đọc nội chiếu rằng : " ... giáng vua làm Linh Đức Đại Vương và đón Chiêu Định lên ngôi " Lát sau Thượng Hoàng diu vua xuống phủ Thái dương thất cổ cho chết -

Lúc đó các quan chỉ huy như Thiết Liêm, Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, tướng quân chỉ huy thiết giáp là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân thiết sang là Nguyễn Bát Sách định đem quân vào cướp lấy vua đem ra nhưng vua viết hai chữ "giải giáp" đưa ra cho các tướng và răn bảo họ không được trái ý thượng hoàng, các tướng mới thôi do đó thượng hoàng Nghệ Tông mới giết chết được vua.

Về sau Quý Ly thanh toán các kẻ thù của mình như A Phu, Khoái, Văn Nhi, Kha Bát Sách, Lặc, đều bị giết chết hết.

Chỉ có Bát Sách chạy trốn được, Quý Ly cho bắt giam mẹ của Bát Sách lúc đó Sách mới chịu ra nộp mình và bị Quý Ly giết chết.

Thượng hoàng Nghệ Tông lập con út của mình tên Ngung lên ngôi

THUẬN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tên húy là Ngung, con út Nghệ Tông, ở ngôi hơn 9 năm, xuất gia hơn 1 năm, bị Quý Ly giết, thọ 22 tuổi. Vua chỉ ngồi giữ ngôi không, việc nước trong tay quyền thần, tai họa đến thân mà không biết, thương thay !

Thuận Tông hoàng đế lúc đó mới 12 tuổi (1389) về sau bị phế, Thuận Tông đi tu, nhưng sau cũng bị Quý Ly giết chết.

Trong triều đại Thuận Tông thì 5 năm đầu thì Nghệ Tông còn sống Quý Ly còn dè dặt nhưng sau khi Nghệ Tông chết thì mọi việc do Quý Ly định đoạt.

Năm Kỷ Ty 1389 tháng 10 quân Chiêm Thành đến đánh ở Thanh Hóa, Quý Ly thống lĩnh quân đi đánh.

Ngày 20 giặc phục sẵn voi rồi giả vờ bỏ doanh trại rút về. Quý Ly bày quân tinh nhuệ dũng cảm làm quân cảm tử, truy kích giặc, Thủy quân mở hàng cọc xông ra đánh, giặc liền phá đập chẵn nước, rồi tung voi trận xông ra quân ta thua chạy.

Chỉ huy quân hữu Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt sống, 70 tướng còn lại đều bị chết trận

Quý Ly để tỳ tướng Phạm Khả Vĩnh và Đa Phương ở lại cầm cự với giặc còn mình thì trốn về...

Vua sai Trần Khát Chân chỉ huy quân Long Tiệp ra quân đánh giặc, Khát Chân vâng lệnh khẳng khái nhỏ nước mắt mà lạy tạ ra đi.

Nguyên Diệu là em trai của vua Giản Hoàng muốn báo thù cho anh đem quân đầu hàng Chiêm Thành.

Đa Phương từ ngày trở về kinh sư thường hay lên tiếng chê trách Quý Ly là bất tài, Quý Ly giận lắm gièm với Thượng Hoàng

Thượng hoàng nói : " Nên trị tội nhẹ để cảnh cáo hấn "

Quý Ly tâu : "Đa Phương rất gan góc, tráng kiện, thần sợ hấn trốn sang nước Minh phương Bắc hay Chiêm Thành phương Nam, thả cọp để mối họa về sau, chi bằng giết đi là hơn "

Rồi bắt Đa Phương phải tự tử

Năm 1390 tháng giêng Chế Bồng Nga cùng với Nguyên Diệu dẫn hơn 100 chiến thuyền đến quan sát tình thế quân quan ta. Các thuyền giặc chưa tập hợp lại thì có tên Tiểu thần của Chế Bồng Nga là Ba Liêu Kê Nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết chạy sang doanh trại quân ta trở vào chiến thuyền sơn xanh bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hấn. Khát Chân liền ra lệnh các cây súng nhất tề nổ đạn, bắn trúng thuyền Bồng Nga, xuyên suốt ván thuyền, Bồng Nga chết, người trong thuyền ồn ào kêu khóc Nguyên Diệu cắt lấy đầu Bồng Nga chạy về với quan quân. Đại đội phó Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và đầu ngũ là Dương Ngang liền giết luôn Nguyên Diệu lấy cả đầu Bồng Nga, bỏ đầu giặc vào hòm đi thuyền về báo tin thắng trận.

Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba Thượng hoàng Nghệ Tông đang ngủ, giật mình tỉnh dậy sợ quá tưởng là giặc đánh vào ngự doanh nhưng sau khi biết chỉ là tin thắng trận. Mừng quá cho gọi tới xem cho kỹ và hỏi : "Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao tổ thấy đầu Hạng Vũ, thiên hạ yên rồi"

La Ngai tướng của Chiêm Thành dẫn số quân còn lại đến trên bờ sông Lô hỏa táng xác Bồng Nga rồi ngày đêm đem đi bộ men theo chân núi, gác đường sạn đạo mà trở về, gặp quan quân ta đuổi theo thì dừng voi lại tung tiền bạc của cải để quân ta ngừng lại.

Cuối năm Giáp Tuất (1394) thì Thượng hoàng chết. Vua rất hèn nhát mới nghe giặc Chiêm Thành đến là vội vàng chuồn ngay đi nơi khác, giết con mình là Trang Định Vương Ngạc năm 1391, giết bà con là Trần Nhật Chương (1392), giết cháu là Giản Hoàng năm 1388 - Còn Quý Ly thì giết con rể của mình là Thuận Tông hoàng đế (1399), giết con của thầy mình là Nguyễn Đa Phương (1389), Y sư Tề là sư phụ dạy võ cho Quý Ly, Quý Ly nhận làm em nuôi, giết đồng đội của mình là : Bình Khuê, Mạnh Đa Phương, Lê Hợp, Hữu Lũng... Quý Ly càng ngày càng chuyên quyền.

Năm 1398 Ra lệnh cho những người có ruộng phải khai báo số mẫu ruộng, Hành Khiển Hà Đức Lân nói kín với người nhà rằng : " Đặt ra phép này chỉ để cướp ruộng của dân thôi " Quý Ly nghe được giáng chức ông này.

Năm 1396 dưới đời vua Lê Thuận Tông có người tên Vương Như Chu dâng phương sách làm tiền giấy Vua Thuận Tông chuẩn y : một đồng tiền đồng = 1 đồng 2 tiền giấy, có các đơn vị như sau từ 10 đồng, từ 30 đồng, từ 1, 2, 3, 5 tiền và từ một quan

Tháng 5/1397, cho mở thêm trường học ở nơi xa xôi, đặt học quan và quan điền để chi dùng cho việc trong phủ châu mình phủ châu nhỏ thì cấp cho 10 mẫu, lớn thì 15 mẫu, dùng chữ Nôm để dạy cho các cung nữ và đổi lại cách thi cử vào năm 1396. Quy định cách thức chọn nhân tài, bỏ kỳ thi ám tả cổ văn và cứ năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội

Tháng 11/1397, bức vua dời đô ra Thanh Hóa - An Tôn

Tháng ba ngày 15 (1398) Quý Ly bức vua phải nhường ngôi cho con, Lê quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương

THIỆU ĐẾ (1398 – 1400)

Thái tử AN, con trưởng của Thuận Tông, ở ngôi 2 năm, Quý Ly cướp ngôi, phế làm Bảo Ninh Đại Vương.

Thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân

Năm Kỷ Mão 1399, vua Thuận Tông cho dựng các quán xá dọc theo rừng rậm, đồng hoang từ cầu Đại Tân đến bến Đàm xá cho quân dân qua lại nghỉ ngơi. Đặt sở Tuần kiểm ở sông Đại La, sai chăng sợi dây chèo to ở giữa sông phàm các ghe thuyền phải kéo dây theo thứ tự mà đi.

Mùa hạ năm Kỷ Mão (1399) Quý Ly họp thề ở Đồn Sơn. Trần Khát Chân và tôn thất Hăng, trụ quốc Nhật Đôn các tướng Phạm Khả Vĩnh, Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm ông Thiện, Phạm Ngưu Tất... đã có ý muốn giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân để xem như lệ của thiên tử...

Phạm Tổ Thu và thích khách Phạm Ngưu Tất cầm gươm định chém. Trần Khát Chân trừng mắt ngăn lại. nên việc không xong

Quý Ly chột dạ đứng dậy võ sĩ hộ vệ xuống lầu. Ngưu Tất vút gươm xuống đất nói "Chết cả lũ thôi".

Sau việc phát giác. Quý Ly ra lệnh giết hơn 370 người liên quan, tịch thu gia sản, con gái bắt làm tỳ, con trai từ 1 tuổi trở lên hoặc bị chôn sống hoặc bị chìm nước, lòng bất dư đảng liên mấy năm không ngớt, người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu, không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường ngủ trọ hễ có ngủ trọ thì phải báo nhà láng giềng cùng nhau xét giấy tờ hành lý, lý do đi qua để làm chứng bảo lãnh. Các xã đều đặt điểm tuần, ngày đêm tuần tra canh giữ.

Trần Khát Chân người Hà lang, Huyện Vĩnh Linh ba đời làm thượng tướng quân. Người đời truyền rằng Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đồn Sơn gào lên ba tiếng, chết ba ngày sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bầu...

Tháng 6 năm Kỷ mão (1399) Quý Ly tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng mặc áo bờ hoàng, ở cung Nhân thọ

Nguyễn Dụng Phủ người Cổ Đằng dâng thư nói rằng : " Chương hoàng là hiệu gì ?, Bờ hoàng là sắc gì ? Đối với việc phó thác của tiên đế thì thế nào ? " Quý Ly giận quá bắt giam

Tháng 2, ngày 28 năm Canh Thìn (1400) Quý Ly bức vua nhường ngôi, Quý Ly đổi niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu, đổi thành họ Hồ, phế vua làm Bảo Ninh Đại Vương, vì vua là cháu ngoại nên không giết

HỒ QUÝ LY & HỒ HÁN THƯƠNG (1400 – 1407)

Quý Ly tên tự là Lý Nguyên, tự suy tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang, đời Hậu Hán thời Ngũ Quý sang làm thái thú Diển Châu. Sau đó làm nhà ở hương Bào Đột Châu này, rồi là trại chủ. Đến đời Lý có, (có người) lấy công chúa Nguyệt Đích, sinh ra công chúa Nguyệt Đoan, đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến hương Đại Lại, Thanh Hóa làm con nuôi tuyên úy Lê Huấn, từ đấy lấy họ Lê làm họ mình. quý Ly là cháu bốn đời của Huấn. Đời Trần Nghệ Tông, từ chức Chi hậu tứ cục chánh chưởng thăng lên Khu mật đại sứ, lên Tiểu tư không, tiến phong Đồng bình chưởng sự, liên tiếp gia phong tới Phụ chính thái sư nhiếp chính, Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương, Quốc Toản Chương Hoàng, rồi thay ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, trở lại họ Hồ chưa đầy một năm rồi truyền ngôi cho con là Hồ Hán Thương.

Hồ Hán Thương tên cũ là Hoả, tiếm ngôi được hơn 6 năm. Sau hai cha con đều bị người Minh bắt

Quý Ly cho mình là người Trung Quốc con cháu Ngu Thuấn,

Phan Phu Tiên sử gia bàn về chuyện này như sau : " Khổng Tử nói " Không phải ma nhà mình mà cũng siểm nịnh" Vì thế mà Dịch Thanh từ chối dòng dõi Lương Huệ Công ; Lưu Viếp tạ từ không nhận họ hàng Lưu Thái Hậu. Nhà Đường tế Đế Nghiêu làm tiên tổ mà tiên nho chê cười; Chiêu Liệt là con cháu Trung Sơn Tỉnh Vương mà Ôn Công không thừa nhận, Đâu phải có riêng tư gì mà khen chê

Là vì họ hàng xa xôi, các đời biến đổi, khó mà tin chắc được, Quý Ly lại nhận là dòng dõi xa của Hồ Công Mãn, tế Ngu Thuấn làm thủy tổ, thì cái tội dối đời để tiếm ngôi thực không có gì to bằng "

Năm 1400 Quý Ly sai thuộc quan ở tam quán, chi hậu nhân, nội tâm học sinh chia nhau đi các lộ bí mật dò hỏi tin tức của các quan lại

Năm 1402 Nguyễn Cảnh Chân dâng thư nói xin theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường để phòng việc biên cương cho đầy đủ

Quý Ly phê rằng : " Biết được mấy chữ mà dám nói chuyện Hán Đường thực là thằng ngọng hay nói, chỉ chuốc lấy tiếng cười thôi" đủ biết tư cách và cách hành xử đối với các quan lại của Quý Ly như thế nào

Quý Ly làm sách Quốc ngữ Thi Nghĩa, chép thiên Vô Dật ra quốc ngữ

Quý Ly làm một bài thơ đưa cho Nguyễn Cảnh bảo giết Thuận Tông - Nguyên quân (Thuận Tông) không chết thì người phải chết bài thơ như thế này :

Tiền hữu dung ám quân

Hôn Đức cập Linh Đức

Hà bất tảo an bài

Đổ sử lao nhân lực

(Một nước có vua hèn, Hôn đức và Linh đức, sao không sớm liệu đi, để cho người nhọc sức).

Đại khái thơ văn của Quý Ly như vậy cả Đỗ Dụng Phủ, Nguyễn Như Thuyết vì khuyên can mà bị đui, bị bắt bớ. Quý Ly soạn sách Minh đạo đại khái chê Hàn Dũ là "Đạo nhỏ" Chu Mậu Thức, Trình Di, Chu Tử.. tuy học rộng mà ít tài không sát với sự việc, chỉ thạo cốp nhặt văn chương

Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lợi phê bình sách Minh Đạo của Quý Lý, năm 1392 dâng thư nói : "Như thế là không phải" bị Quý Ly đày đi chỗ khác.

Hoàng Hối Khanh là một người uyên bác, năm 1401 ông là tác giả của các sáng kiến Làm sổ hộ tịch kiểm tra được dân số từ 15 tuổi đến 60 tuổi trở xuống đồng tính gấp bội. Sổ hộ tịch chép từ 2 tuổi trở lên, lấy số hiện tại làm thực số không cho phép người lưu vong được ghi tên, yết thị cho các phiên trấn hễ có người kinh nào trú ngụ thì đui về nguyên quán hay là sáng kiến đồ gạo chín làm lương khô có thể dùng trong vài năm mà không hư...

Vương nữ Chu là tác giả việc thiết kế và qui định thời trang triều phục mũ áo cho các quan và việc làm ra tiền giấy và các quy chế của đồng tiền này, mùa hạ tháng 5 năm Bính tý (1396) phát hành tiền giấy tên Thông Bảo Hội Sao. in xong ra lệnh cho mọi người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng lấy 1 quan 2 tiền giấy.

Thể thức tiền giấy :

Tờ 10 đồng vẽ : Rồng

Tờ 30 đồng vẽ : Sóng

Tờ một tiền vẽ : Mây

Tờ 3 tiền vẽ : Lân

Tờ 5 tiền vẽ : Phượng

Tờ 1 quan vẽ : Rồng

Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, gia sản tịch thu

Cấm tuyệt đối mọi người xử dụng, lưu trữ tiền làm bằng đồng có từ trước, ai phạm tội thì bị giết

Năm 1401 Hán Thương phát tiền giấy cho các lộ, theo giá cả mà mua thóc chưa vào kho, vì có sự thay đổi quan lại ở các lộ, phủ, châu, huyện.. nên không thực hiện được

Năm 1403 Bấy giờ người buôn bán phần nhiều chê tiền giấy, vua cho lập điều luật xử phạt

Năm 1405 Hán Thương cấm nấu rượu vì lãng phí thóc gạo

Năm 1402 đắp sửa đường từ Tây Đô đến Hóa Châu dọc đường đặt phố xá trạm truyền thư gọi là đường thiên lý.

Nguyễn Đại Năng dùng lửa để cứu, kim để châm làm phương pháp điều trị Hán thương bỏ vào chức Quảng tê tự thừa (cơ quan y tế) đặt thêm chức chánh phó ở các lộ định lại mức thuế ruộng và ra lệnh tịch thu thuế của các tôn thất nhà Trần.

Gần cuối năm 1402 sĩ nhân Nguyễn Bẩm dâng thư cho Hồ Quý Ly nói rằng :
"Quý Ly nên nhường ngôi, lui về Kim Âu (Thanh Hóa) Hồ Hán Thương thì nên tôn lên làm Thái Thượng Hoàng, Thái tử Nhuế lên ngôi Vua " Quý Ly giận lắm, cho là Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém

Năm 1404 Hồ Hán Thương định thể thức thi chọn nhân tài cứ tháng 8 năm nay thi Hương, tháng 8 năm tới thi ở Bộ Lễ, tháng 8 năm kế tiếp thi Hội cứ thế mà giáp vòng. Phép thi phỏng theo lối văn tự ba trường của nhà Nguyên hưng chia ra năm kỳ trong đó có thi viết chữ và thi toán

Ông cũng cho khai Liên Cảng nhưng không khai được vì bùn cát cho đóng thuyền Trung tàu tải lương, Cổ lâu thuyền tải lương, chỉ là mượn tiếng là tải lương thôi, nhưng thực ra là thuyền chiến

Tháng 4/1392 và 6/1405, xuống chiếu "câu lời nói thẳng" đó là cái bẫy của Quý Ly. Bùi Mộng Hoa dâng thư đại ý nói "Thần nghe trẻ con có câu hát rằng : Thâm hiểm như thái sư họ Lê (Quý Ly)" Xem thế Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu"

Thượng hoàng xem tờ tâu rồi đưa cho Quý Ly xem. Mộng Hoa trốn biệt không dám lộ mặt. Xem thế mới biết dã tâm của Quý Ly.

Năm 1402 tháng 7, Chúa Chiêm Ba Đích Lai sai cậu làm sứ giả là Bồ Điền sang dâng voi trắng và đất Chiêm Động (Tam Kỳ). Quý Ly bắt ép phải sửa tờ biểu là dâng nộp cả Động Cổ Lũy (Quảng Ngãi), rồi chia đất ấy thành 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

Năm Ất Dậu 1405 Quý Ly có 1 bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyên Trưng như sau :

Thiên dã phú, địa dã tái
Huynh đệ nhị nhân, như hà bất tương ai
Ô hô ai tai hề ca khảng khái

(Đại khái là anh em sao không thương nhau.....).

Vợ của Nguyễn Ông Kiều thường ra vào cung, đem thơ ấy nói cho chồng nghe Ông Kiều đem thơ ấy truyền tụng ở cầu Hoa Cái, học sinh trong phủ của Hồ Nguyên Trưng đem chuyện ấy báo cho Trưng, Trưng tâu với Quý Ly , Quý Ly mật sai Tử Triệt bắt Kiều, Kiều khai thêm Lê Địch, Đỗ Lóat, Hà Nhật Tuyên..

Quý Ly sai giết Kiều và Lê Địch, đày Tuyên đi châu xa

Nguyễn Nhữ Minh vì có nghe bài thơ đó nên cũng có tội phải tội đồ ra Cửu Chân, vài tháng sau Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng : " Ta kiện nhau với mày " lát sau thì chết, Nhật Tuyên cũng chết vì tội bè đảng

Tháng 9 Hán Thương sai Phan Canh sang Minh xin giảng hòa

Nhà Minh đòi cắt đất Lộc Châu ở Lang Sơn (1405)

Hán Thương tổ chức lại quân đội và sai Phan Canh sang Minh xin giảng hòa, sai Hoàng Hối Khanh đắp thành Đa Bang (Sơn Tây) để chống giặc

Hán Thương chiếu truyền cho các quan họp bàn nên Hòa hay Chiến

Quân Minh bắt đầu chiến dịch xâm chiếm Đại Việt bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, bắt triều cống sứ sai, gái, trẻ con bị thiến, cây trái, voi ngựa, binh lương, tài nhân... vàng bạc.

Hạch sách đủ điều, Quý Ly một mực y theo các đòi hỏi của quân giặc.

Tháng 4.1406 sai Hàn Quan và Hoàng Trung đem 10 vạn binh lấy cớ đưa Thiêm Bình là Trần Vương con cháu nhà Trần về nước. (Thiêm Bình là gia nô của Trần Nguyên Huy). Quân Minh đánh vào cửa ải Lãnh Kinh quân Hồ thất bại rút chạy, Nguyên Trưng suýt bị bắt sống.

Hồ Vấn từ Vũ Cao dẫn quân tới đánh úp giặc

Tướng Minh là Hoàng Trung liệu thế địch không nổi bỏ chạy trốn. cho quan y là Cao cảnh Chiêu gửi thư xin hàng và xin thả tù binh, tướng Hồ Xá cho phép vì thế mà một số lớn tù binh của giặc Minh trốn về được

Sau khi thắng trận Hồ Hán Thương ban thưởng chiến công cho các chiến sĩ và tướng lĩnh, sai Trần cung Túc sang Minh xin cầu hòa

Mùa thu tháng 7 Hán Thương cho đóng cọc gỗ ở bờ nam sông Cái, cho dân tích trữ lương thực, cho gọi các quan cũ chờ lệnh bổ dụng

Tháng 9 nhà Minh sai Trương Phụ, Huỳnh dương Bá, Trần Húc đem 40 vạn đánh cửa ải Pha Lũy, cử một toán mai phục, một toán hành quân

Mộc Thạnh, Lý Bân cũng đem 40 vạn quân đánh vào cửa ải Phú Lệnh (Hà Giang) xê núi chặt cây mở đường tiến quân, hai đạo quân tổng cộng là 800.000 người. quân Minh tràn vào nước ta như vỡ bờ. chúng hội quân ở Bạch Hạc

Trước đó Trương Phụ và Mộc Thạnh đã cho tuyên truyền, kể các tội ác của cha con họ Hồ , rêu rao tìm người con cháu họ Trần để cho khôi phục tước vương, dân tình thì chán ngán, binh sĩ thì hoang mang, lòng người rối loạn, chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ không còn bụng dạ chiến đấu nữa.

nên quân Minh dễ dàng thôn tính nước ta. Lại nữa con cái nhà Họ Mạc như Mạc Địch, Thúy, Viễn (Cháu Mạc Đĩnh Chi) đón hàng quân Minh

Tháng 12 quân Minh chiếm Việt Trì quân ta không giữ nổi rút sang phía nam sông Cái. ngày mùng 9 giặc đánh úp quân Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy là Nguyễn công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt, lặng im không có tiếng động của chiến trận

Sáng ngày 12, Trương Phụ, Hoàng Trung, Mộc Thạnh, Trần Tuấn đồng loạt tấn công thành Đa Bang. tướng Hồ là Nguyễn Tông cố chống cự nhưng cuối cùng bại trận, quân Minh vào Đông Đô bắt cướp con gái ngọc lụa, thống kê kho lương, chia quan làm việc, chiêu tập dân xiêu tán, làm kế ở lâu dài. Chúng thiến hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng.

Năm Đinh Hợi (1407) mùa xuân tháng 2 Hồ Quý Ly và Hán Thương rút quân về Thanh Hóa, ở Thăng Long chỉ còn lại Hồ nguyên Trưng, Hồ xạ, Hồ Đổ, đa số bọn quan lại đều đầu hàng giặc

Tháng 3 quân nhà Hồ tiến công quân Minh ở Hàm Tử nhưng bị giặc mai phục. Nguyễn hy Chu bị Trương Phụ bắt. Hy Chu chửi Phụ là giặc tàn bạo bị Phụ giết

Quý Ly vượt biển trở về Thanh Hóa

Quân Minh đánh vào cửa biển Diễn Canh ở Thanh Hóa, Nguyễn Thức gặp Hồ Quý Ly nói : " Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác" Quý Ly giận chém chết

Tháng 5 giặc tấn công vào cửa Kỳ La, ngày 11, đánh vào Vĩnh Ninh, Bọn vệ quân Vương sai Hồ bắt được Quý Lý ở bãi Chỉ Chỉ. Ngày 12 Hán Thương và Thái tử Nhuế cùng các quan bị bắt ở núi Cao Vọng (huyện Kỳ Anh - Hà Tĩnh)

Riêng Nguyễn Phi Khanh, Đỗ Mãn, Trần Nhật Chiêu... thì đã đầu hàng giặc từ trước, duy chỉ có Ngô Miễn, Kiêu Biểu nhảy xuống nước tự vẫn không để lọt vào tay giặc, khi Miễn chết vợ là Nguyễn thị ngửa mặt lên trời than rằng : " Chồng ta thờ chúa, một đời ăn lộc, ngày nay giữ tiết nghĩa mà chết, thế là chết xứng đáng, còn óan hận gì nữa? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày chẳng lẽ lại không còn chỗ đến nữa hay sao ? Nhưng đạo chồng, ơn vua, một chốc mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào! Chi bằng xin theo nhau "

Nói xong cũng nhảy xuống nước chết

Cuối năm 1407 tổng kết giặc thu được sau khi bắt cha con Hồ Quý Ly là : 48 phủ châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 ngựa, 35750 trâu bò và 8865 thuyền.

Trương Phụ, Mộc Thạnh sai Đô Đốc Thiêm sự Liễu Thăng bắt giải Hồ Quý Ly cùng các con Hán Thương, Nguyên Trưng, Triết, Uông các cháu là Nhuế, Lô, Phạm, cháu nhỏ là Ngũ Lang và em Quý Ly là Quý Tỳ cùng các thân thuộc và tướng lĩnh và ấn tín về Kim Lăng để dâng cho vua Minh

Trương Phụ, Mộc Thanh đem quân về để lại Lưu Nghi và Thượng Thư Hoàng Phúc cai trị

Ngô sĩ Liên khi bàn về Hồ Quý Ly ông viết : "Họ Hồ giết Thuận Tông mà cướp lấy nước, những người như Trần Hãn, Trần Khát Chân muốn giết mà không được, sau khi họ chết 7, 8 năm sau không ai làm được việc ấy nữa... Họ Hồ cho là không còn ai dám làm gì nữanhưng người trong nước không giết thì người ngoài nước có thể giết được.....cho nên giặc Minh mới giết được Hồ Quý Ly, còn giặc chúng chỉ giả nhân, giả nghĩa để dễ bề chiếm nước ta..."

Mùa đông tháng 10 năm Đinh Hợi (1407) Giản Định Đế đang ở Mộ Độ, Châu Trường Yên, lên ngôi vua đổi niên hiệu Hưng Khánh tổ chức quân mã kháng chiến chống Minh.

TRẦN GIẢN ĐỊNH (1407-1409)

Tên húy là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tông, tên hiệu cũ là Giản Định, họ Hồ đổi phong là Nhật Nam Quận Vương. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong, chẳng phải vì không may.

Giản Định Đế là con thứ của vua Nghệ Tông, tên là Ngỗi, được Quý Ly phong là Nhật Nam Quận Vương, khi quý Ly bị quân Minh bắt, được Trần Triệu Cơ phò tá, dấy binh đưa lên ngôi, khôi phục nhà Trần.

Trước đó vào tháng 4 Đặng Tất nghe tin Giản Định Đế đang ở Trường Yên, Tất giết viên quan nhà Minh rồi đem quân tới hội và tiến con gái mình sung vào hậu cung. Vua phong Tất làm Quốc Công cùng mưu sự.

Năm 1408 Tướng nhà minh là Trương Phụ cùng bọn thổ quan Mạc Thúy đánh vào Diên Châu, Vua và Đặng Tất vì quân ít không địch nổi, rút về nam đến Hóa Châu. Quân Minh đuổi theo, đánh vào cửa biển Bồ Chính, Phạm thế Căng đón hàng quân Minh, giặc trao cho chức tri phủ Tân Bình, rồi đặt lưu quan, chia để trị, Trương Phụ trở về lại Đông Đô

Tháng 4 Đặng Tất rước vua trở về Nghệ An

Tháng 12 năm Mậu Tý (1408) Đặng Tất phá quân Minh ở Bồ Cô hản (Nam Hà) Mộc Thạnh đem 5 vạn quân từ Vân Nam tới, chia quân thủy bộ giao chiến. Vua cầm dùi đánh trống hạ lệnh cho quân xua vào đánh quân giặc vỡ tan chém được thượng thư Lưu Tuấn, Lữ Nghi và hơn một vạn quân. Chỉ có mình Mộc Thạnh chạy thoát về thành Cổ Lộng

Vua bảo các quân ; " Hãy thừa thế chẻ tre, đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan thì chắc chắn phá được chúng " Do dự mãi không quyết bỏ lỡ thời cơ bắt Mộc Thạnh

Năm 1409, vua nghe lời học sinh Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền, nếu không tính sớm đi sau này e khó lòng kiềm chế. Vua cho gọi 2 người đến bóp cổ giết Tất, Chân chạy lên bờ, lực sĩ đuổi theo chém chết, do vậy mà nghĩa quân tan rã.

Trương Phụ tung hoành khắp chốn, Phụ đi đến đâu giết chóc đến đấy. Có nơi thây chất thành núi, có chỗ moi ruột quấn vào cây, hoặc rán thịt lấy mỡ hoặc nướng đặt làm trò thậm chí có đứa mổ bụng lấy thai, cắt lấy hai cái tai để nộp.

Kinh lộ các nơi lần lượt đầu hàng, những dân còn sót lại bị bắt làm nô tì và bị đem bán đi khắp bốn phương. Năm này đói và dịch bệnh nặng hơn năm trước.

Con Đặng Tất là Đặng Dung, con Nguyễn Cảnh Chân là Cảnh Dị đều căm giận vì cha bị giết oan, mới đem quân Thuận Hóa về Thanh Hóa, đón rước Nhập nội thị trung Trần Quý Khoáng (Khoách) đến Nghệ An lên làm vua

TRẦN TRÙNG QUANG (1409-1413)

Tên húy là Quý Khoáng, con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội Nghệ Tông, gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm. Vua gặp thời loạn lạc, gắng chí mưu việc khôi phục nhưng vì trời không giúp nhà Trần nữa, nuốt hận mà chết, thương thay !

Ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Sửu Trần Quý Khoáng lên ngôi ở Chi La(Đức Thọ - Hà Tĩnh) hiệu là Trùng Quang, Trần Quý Khoáng là con thứ của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội của vua Nghệ Tông, cháu gọi Giản Định Đế bằng chú. Quý Khoáng lấy Nguyễn Súly làm Thái Phó, Cảnh Dị làm Thái bảo và Đặng Dung làm Đồng bình chương sự

Giản Định Đế lúc đó đang ở Thái Bình bị quân của Quý Khoáng đánh úp bắt được, sau tôn làm Thượng Hoàng cùng nhau đánh giặc Minh

Quân ta mấy lần ra Bình Than, Hàm Tử đánh nhau với quân Minh nhưng không trụ lại được bèn rút về Nghệ An tính kế

Năm Canh Dần (1410) Nguyễn cảnh Dị cùng vua đánh đuổi quân Minh đến Bình Than, đốt phá gần hết thuyền trại của quân Minh

Bấy giờ các hào kiệt nghe tin đều hưởng ứng, Người Thanh Hóa là Đồng Mặc, Nguyễn Ngân Hà là hai thủ lĩnh địa phương cũng đã làm cho quân thù khiếp sợ nhưng lẻ tẻ nên cuối cùng phải bại vong.

Năm Tân Mão (1411) Vua Trùng Quang sai sứ giả Nguyễn Nhật Tư, Lê Ngân xin cầu phong đều bị vua Minh giết chết, sau sai Hồ Ngạn Thần và Bùi Nột Ngôn cũng không xong việc

Năm Canh Thìn (1412) mùa hạ Mộc Thạnh đem quân tấn công Nghệ An, quan quân ta thua chạy. Đặng Dung cô thế dùng thuyền nhẹ vượt biển trốn đi

Quân Minh chiếm Nghệ An, Thanh Hóa, Diển Châu

Năm 1413 vua trở lại Nghệ An, quân lính mười phần chỉ còn lại 3, 4 phần. Khi đến Hóa Châu Vua Trùng Quang sai Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong mang phướng vật tới Nghệ An. Trương Phụ giữ Nguyễn Biểu lại, Biểu tức giận mắng Phụ rằng : " Bên trong thì mưu kế đánh chiếm, bên ngoài thì rêu rao là quân nhân nghĩa... " Trương Phụ giận và giết chết

Mùa Thu tháng 9, Trương Phụ đánh nhau với Nguyễn Súly ở Sái Già (Sông Ái tử) Đặng Dung mai phục binh tượng nửa đêm đánh úp trại Trương Phụ. Đặng Dung nhảy lên thuyền của Trương Phụ định bắt sống nhưng không biết mặt hấn, Phụ vội vàng đi thuyền nhỏ trốn thoát, quân Minh khiếp vía bị giết gần phân nửa.

Sau Phụ biết quân của Đặng Dung ít nên quay trở lại, quân ta tan chạy.

Tháng 11 Cảnh Dị và Đặng Dung bị Phụ bắt, Cảnh Dị mắng vào mặt Phụ "Tao định giết mày thì lại bị mày bắt". Trương Phụ giận quá giết Cảnh Dị rồi lấy gan mà ăn.

Vua chạy qua Lão Qua (Ai Lao) Phụ sai người lùng bắt được thế là nhà Trần mất.

Trở lên là 12 đời vua nhà Trần, bắt đầu từ năm Bính Tuất (1226) chấm dứt ở năm Kỷ Mão (1399), tổng cộng là 174 năm và 2 đời vua nhà Hậu Trần 7 năm.

Năm Giáp Ngọ 1414, nhà Minh thôn tính nước ta và đặt ách đô hộ rất tàn ác, dã man kéo dài 4 năm

Những người lánh giặc thì chạy sang nước Lão Qua hay Chiêm Thành, còn người ở lại thì chịu đựng sự áp bức của bọn quan lại nhà Minh

Mùa hạ tháng 4 Tổng binh Trương Phụ, Mộc Thạnh đem Trùng Quang Đế, Nguyễn Súly, Đặng Dung về Đông Quan rồi giải về Yên Kinh, Trùng Quang Đế đi

đến nửa đường nhảy xuống nước chết, Sứy thấy vua chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hấn ngã xuống nước chết, Sứy cũng nhảy theo xuống nước chết. Quốc thống từ nay thuộc về nhà Minh.

Quân giặc cho thi hành chính sách đồng hóa dân ta trong văn hóa, đời sống, phong tục, tập quán, bóc lột về mọi mặt như cấm con trai con gái không được cắt tóc, thu thuế, khai thác các mỏ vàng bạc..muối, bắt các bậc nho học, thầy thuốc thợ lành nghề đưa về Tàu.. trong nước vì thế mà trống rỗng

LÊ THÁI TỔ (1428-1433)

Vua họ Lê, húy là Lợi, người hương Lam Sơn huyện Lương Giang, trấn Thanh Hóa, ở ngôi 6 năm, thọ 51 tuổi, táng ở Vĩnh Lăng.

Vua hăng hái dấy nghĩa binh đánh dẹp giặc Minh. Sau 10 năm thì thiên hạ đại định. Đền khi lên ngôi đã ấn định luật lệnh, chế táclễ nhạc, mở khoa thi đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu nhập sách vở, mở mang trường học, có thể gọi là có mưu kế xa rộng mở mang cơ nghiệp. song đa nghi, hiếu sát, đó là chỗ kém.

Mùa Xuân, tháng giêng, ngày Canh Thân, năm Mậu Tuất (1418) Lê Lợi khởi binh ở Lam Sơn.

Vua nói rằng: "Bậc trượng phu sinh ra ở đời phải cứu nạn lớn, lập công to lưu lại tiếng thơm ngàn năm sau, sao lại chịu hèn nhát để cho người sai khiến". Thế rồi dẫn đầu hào kiệt dựng cờ nghĩa, thề diệt giặc Minh.

Vua đóng quân mai phục ở Lạc Thủy (thượng lưu sông Chu) đánh Mã Kỳ, chiếm được hơn 3000 thủ cấp rồi dời quân đến núi Chí Linh.

Tên phản bội Ái dẫn đường cho giặc đánh úp Lê Lợi bắt mất gia thuộc của vua và rất nhiều vợ con của quân dân, quân sĩ dần dần chán nản bỏ đi

Tháng 2 vua hết lương, không còn gì nổi lửa.Gặp khi giặc lui quân, bèn về đắp thành đất ở Lam Sơn

Tháng 3 đánh Mường Yên, thu được trăm người

Tháng 9 Tổng binh nhà Minh là Lý Bân đem quân đến lòng sục bị vua mai phục ở Mường Một, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương quá nửa. Bân thua rút quân về, quân ta luôn luôn tập kích mai phục giặc Minh. Nhân dân hưởng ứng nồng nhiệt, quân và dân cùng đánh giặc.

Năm Kỷ Hợi (1419) mùa hạ tháng 4 vua đánh đồn Nga Lạc, bắt được viên chỉ huy Nguyễn Sao, chém được 300 thủ cấp

Bấy giờ chỗ nào cũng rối loạn, Lộ văn Luât dấy binh ở Thạch Thất, Trần Thái Xuân ở Đào Hội, Phạm Ngọc ở Đờ Sơn, Lê Ngã ở Thủy Đường

Năm 1420, tháng 10 vua nghe quân Minh sắp để đặc quân mai phục ở bến Bằng bắt được hơn 100 con ngựa, vau nghỉ chân ở Mưỡng Nanh rồi dời qua Mưỡng Thôi

Tháng 11 Ở Lỗi Giang vua sai Lê Sát, Lê Hào chia nhau tiến đánh, chém được hơn 1000 thủ cấp, thu được rất nhiều chiến cụ, từ đó thế giặc ngày một suy, tình hình trở nên bất an. Thượng thư Hoàng Phúc xin miễn việc bắt các quan viên về Tàu để chầu

Năm Tân Sửu (1421), tháng 11 Tham tướng nhà Minh là Trần Trí gồm hơn 10 vạn tên đánh sát ải Cổ Lũng (Thanh Hóa), sách Ba Lãm. Vua họp các tướng bà rằng : " Quân giặc nhiều, quân ta ít nhưng quân giặc mệt, quân ta nhàn... chắc chắn sẽ đánh bại chúng"

Đến đêm vua chia quân đánh úp doanh trại giặc, chém hơn 1000 thủ cấp sau vua ngầm phục kích ở đèo ống (Sông Mã) đánh cho Trần Trí tướng Minh một trận tới bời.

Nhưng đúng lúc ấy Ai Lao đem 3 vạn quân và 100 thớt voi, thỉnh linh tới doanh trại vua phao tin cùng hợp sức với vua để đánh giặc. Vua tin họ, không phòng bị nửa đêm họ đánh úp. Vua phải đích thân điều động phản kích, đuổi quân Ai Lao, bắt được 14 voi, chém hơn 1 vạn thủ cấp đuổi đến tận sào huyệt của chúng.

Năm Nhâm Dần (1422) Tháng 12., quân Ai Lao liên minh với giặc Minh, 2 mặt giáp công đánh quân ta ở Quan Du. Vua phải rút lui về Sách Khôi, giặc Minh vây kín, vua bảo các tướng sĩ :

" Giặc vây ta 4 mặt, có muốn chạy cũng không có lối nào. Đây chính là tử địa mà binh pháp đã nói đánh nhanh thì sống không đánh nhanh thì chết".

Vua nói xong chảy nước mắt, các tướng sĩ đều xúc động, tranh nhau liều chết quyết chiến, bốn tướng là Lê Lĩnh, Ván, Hào, Triệu xông lên trước trận chém chết tướng Minh là Phùng Quý còn Mã Kỳ và Trần Trí chạy thoát

Vua đem quân về núi Chí Linh. Ở Chí Linh hơn hai tháng lương cạn dần vua phải giết 4 con voi và ngựa của mình cỡi để nuôi quân.

Vua sai Lê Trăn, Lê Vận đi giảng hòa với địch.

Năm Quý Mão (1423) tháng 4 vua lại đem quân về Lam Sơn

Trần Trí, Sơn Thọ nhà Minh đưa biếu vua nhiều trâu ngựa cá muối... vua sai Lê Trăn đưa vàng bạc để đáp lễ. Bề ngoài thế nhưng trong thì giặc chuẩn bị ngầm mưu đánh úp quân ta. Vua biết được cắt đứt ngoại giao.

Năm Giáp Thìn (1424)Tháng 9. Vua chỉ huy quân và voi đánh úp đồn Đa Căng, (Thanh Hóa) Tham chính nhà Minh là Lương Nhữ Hốt chạy thoát, ta thu nhiều khí giới, lương thực. Đô chỉ huy Sứ quân Minh là Nguyễn Xuất Anh cứu viện cũng đánh bại phải chạy về thành Tây Đô, vợ con của Anh bị quân ta bắt, vua tha cho trở về

Vua di chuyển quân về hướng Nghệ An, chém chết Đô Ty Trần Trung.

Tháng 12 Sơn Thọ nhà Minh sai Nguyễn Sĩ đưa trả Lê Trăn xin cầu hòa

Tháng 12.(1424) Sau khi chấn chỉnh binh , tướng vua cho bao vây thành Nghệ An, sai Lê Liệt đem 1000 quân vây siết Đỗ Gia, rồi phục binh ở Bồ Ải giặc không ngờ tới đem hết quân ra đánh vua bèn tung phục binh ra đánh , chém đầu giặc không sao kể xiết, thuyền giặc trôi ngổn ngang, xác chết đuối tắt nghẽn cả khúc sông, ta chém chết tướng tiền phong của giặc là Đô Ty Hoàng Thành, bắt sống Chu Kiệt

Trần Trí, Sơn Thọ thu nhặt tàn quân chạy về thành Nghệ An, vua thừa thắng đuổi dài suốt 3 ngày đến tận dưới chân thành. Bọn Trí vào thành cố thủ.

Vua Minh sai cấm y vệ xá nhân bắt bọn Phương Chính và Sư Hựu về nước vì bị thua trận ở Châu Trà Lĩnh. Hựu đi nửa đường uống thuốc độc chết

Năm Ất Ty (1425) Vua đem quân đến hướng Đa Lôi, huyện Thổ Du, trấn Nghệ An, Tri phủ châu Ngọc Ma là Cầm Quý đem 8000 quân và 10 con voi đến theo giúp

Tháng 5 vua sai cháu gọi vua bằng cậu là Đinh Lễ sau đổi là Lê Lễ đi tuần ở Diễn Châu, đặt phục binh đón đánh thuyền lương của giặc,

Sau vua cử thêm các tướng khác như Lê Nhân Chú, Lê Sát, Lê Triện, Lê Bí cùng Lê đánh úp thành Tây Đô, quân Minh đóng cửa thành cố thủ

Tháng 7 vua sai Lê Nổ, Trần Hãn, Lê Ngân, Lê Bôi, Lê văn An... đi đánh các xứ Tân Bình, Thuận Hóa. Các nơi này đều thuộc vào tay ta, Quân Minh rút vào thành cố thủ, ngày đêm không dám ra ngoài.Các tướng suy tôn vua là "Đại thiên hành hóa".

Năm Bính Ngọ (1426) tháng 8 vua thấy quân tinh nhuệ của giặc đều ở chung quanh thành Nghệ An, bỏ lối Đông Đô Vua sai :

Phạm văn Xảo, Lê Khả...cắt đứt đường viện binh của giặc từ Vân Nam sang
Lê Bí, Lê Khuyển đến Bắc Giang chặn binh giặc từ Lưỡng Quảng
Lê Lễ Lê Xí làm hậu quân

Lê Triện đem quân bao vây thành Đông Quang, khi ấy Trần Trí đang ở Đông Quan thấy thành trở ngại nguy hiểm mới cho đắp thêm lũy, đào thêm hào. Gửi thư bảo Phương Chính, Lý An bỏ thành Nghệ An rút về Đông Quan. Bọn giặc bỏ Nghệ An vượt biển chạy về Đông Quang chỉ để Thái Phúc giữ thành, Lê Lợi đuổi theo bọn Phương Chính

Đến Tây Đô vua đóng quân ở Lôi Giang (Thanh Hóa) theo dõi cuộc hành quân của ta trên khắp các chiến trường.

Vương An Lão ở Vân Nam đem 1 vạn binh đến Tam Giang bị Phạm văn Xảo đánh tan

Lê Triện bắt Đô ty của giặc là Vi Lượng ở cầu Nhân Mục gần thành Đông Quang

Mùa đông tháng 10.1426, nhà Minh sai bọn tổng binh Thành sơn hầu Vương Thông, tham tướng Mã Anh, đem 5 vạn quân, 5 nghìn ngựa, chia đường sang cứu viện các thành Đông Đô. Một vạn quân Vân Nam tiến trước, thẳng đến Tam Giang, thuận dòng mà xuống. Lê Khả đón đánh giặc ở cầu Xa Lộc, giặc đại bại

Ngày 6 tháng 10 Vương Thông tập họp quân mới lần cử được hơn 10 vạn chia 3 hướng đánh vào quân ta

Wương Thông từ Khâu Ôn tới bến ỏ Sở (Hà Tây)

Phượng Chính từ cầu Yên Quyết (Hà Nội)

Sơn Thọ và Mã Kỳ từ cầu Nhân Mục

Trận quyết chiến xảy ra ở gần sông Yên Duyệt, ta chém được thượng thư Trần Hiệp, nội quan Lý Lượng và 5 vạn quân giặc, giặc chết đuối rất nhiều ở sông Ninh Kiều do vậy mà sông bị tắc nghẽn. Ta thu được ngựa, quân tư, khí giới xe cộ nhiều không kể xiết.

Phượng Chính theo đường Cổ Sở trốn về. Vương Thông, Mã Kỳ thoát thân chạy về thành Đông Quan. Quân ta vây hãm thành

Vua lúc bấy giờ đang ở Thanh Hóa, nhận được thư báo thắng trận của Lê Lễ bèn đích thân dẫn đại quân và 20 thớt voi chia 2 đường thủy bộ đi gấp.

Ngày 22 tháng 10 vào tới Phù Liệt, ngày 23 đến đêm hồi canh ba đánh úp, giặc ùa chạy vào thành xác gối lên nhau. Ta vây kín, giặc càng ngày càng cùng quẫn cố thủ trong thành chỉ mong đợi viện binh., , "

Lê Lợi dời quân ra đóng ở Đông Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Nội)

Tháng 11 Lê Lợi tìm được con cháu nhà Trần là Trần Cảo tôn lên làm vua đặt niên hiệu là Thiên Khánh

Wương Thông, Sơn Thọ hể đánh là thua, chán nản lo sợ bèn sai người đưa xin hòa mong được toàn quân trở về nước. Vua thuận cho.

Vua sai cận thần trao đổi với quân Minh, cho phép họ được đi lại mua bán không khác gì dân thường.

Bấy giờ bọn Lương Nhữ Hốt đã bán nước, làm quan to cho giặc bèn ngầm ngầm làm kế phản gián. Vương Thông nghe lời nên đem lòng ngờ vực. Vua biết điều đó nên quyết định đánh cho giặc một trận. Chúng bèn rút lui vào thành cố thủ đợi viện binh,

Vua sai các tướng lần lượt đánh chiếm các thành Điều Diêu, Thi Cầu (Thăng Long), Tam Giang (Vĩnh Phú), Xương Giang (Hà Bắc), Khâu Ôn (Lạng Sơn) Quân Minh bấy giờ bị vây khốn chung quanh.

Năm Đinh Mùi (1427) thắt chặt vòng vây quanh thành Đông Quan

Quân Minh ở Nghệ an, Diễn Châu đầu hàng

Lấy Nguyễn Trãi làm Triều Tiệt Đại Phu, Nhập Nội Hành Khiển

Ngày 13 tháng giêng giết quan Tư Mã Lê Lai, tịch thu gia sản vì cậy có chiến công nói năng khinh mạn. Chém thiên hộ Lý Vân và tòng nhân Bùi Vinh vì chở mắm muối vào thành Chí Linh cho quân Minh

Giặc cạn lương, mòn mỏi nhiều nơi ra hàng

Lê Lợi sai viên chỉ huy họ Tăng đã đầu hàng theo Nguyễn Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang

Tháng 3 Lê Lợi duyệt quân ở Vĩnh Động (Hưng Yên), diễu tập thủy trận

Vua nhà Minh sai An Viễn Hầu Liễu Thăng đem 7 vạn quân qua xâm lược, lấy Lý Khánh làm Tham tán quân vụ

Tháng 4 Lê Lợi bảo dụ các tướng hiệu và quân nhân 10 điều quân lệnh và 3 điều răn các quan văn võ

Tháng 6 Trấn thủ Quảng Tây là Trấn viễn Hầu Cổ Hưng Tổ của nhà Minh đem 5 vạn quân sang cứu viên bị quân ta đánh tan ở cửa ải Nam Quan

Tháng 9 quân ta hạ thành Xương Giang

Ngày 18 tháng 9 năm Đinh Mùi (1427), nhà Minh sai Tổng binh Chinh lỗ tướng quân Thái tử Thái phó An viên hầu Liễu Thăng, Tham tướng Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tự, Thượng thư Lý Khánh, Thượng thư Hoàng Phúc đem hơn 10 vạn quân và hai vạn ngựa đánh vào cửa Pha Lũy (Nam Quan)

Chinh Nam tướng quân thái phó Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Từ Hạnh, Đàm Trung đem 5 vạn quân, 1 vạn ngựa đánh vào cửa Lê Hoa.

Lê Sát, Lê Liệt và các tướng khác mai phục ở ải Chi Lăng

Địch một cánh từ Vân Nam, một cánh từ Lạng Sơn đánh vào. Quân ta vừa đánh vừa rút dụ địch dần dần lọt vào ổ phục kích. Ngày 20, Liễu Thăng đốc suất đại quân đuổi theo bị Lê Sát và Nhân Chú tung hết quân mai phục chém Liễu Thăng ở núi Yên Ngựa.

Ngày 25, vua sai Lê Lý, Lê Văn An đem 3 vạn quân tấn công và giết được Lương Minh.

Ngày 28, Lý Khánh tự tử, Thôi Tự, Hoàng Phúc cũng đại bại

Thôi Tự, Hoàng Phúc rút về Xương Giang và vô cùng kinh hoàng khi biết thành Xương Giang đã bị ta lấy từ trước, Chúng bèn giả xin hòa để tìm đường chạy vào thành Chí Linh. nhưng Lê Lợi đón biết trước ý định của chúng, cương quyết khước từ không cho giã hòa.

Ngày 15 tháng 10, quân Minh đại bại ta chém hơn 5 vạn thủ cấp bắt sống bọn Thôi Tự, Hoàng Phúc, hơn 3 vạn tù binh và rất nhiều khí giới, binh lương.

Trong khi đó thì Mộc Thạnh cùng với các tướng của ta Phạm Văn Xảo, Lê Khả đang quần thảo ở cửa Lê Hoa. Lê Lợi liệu tính rằng Mộc Thạnh tuổi đã già, từng trải việc đời lại biết tiếng vua từ trước, bèn sai lấy 1 tên chỉ huy, 3 tên thuộc hạ cùng sắc thư phù ấn của Liễu Thăng gửi tới cho Mộc Thạnh.

Mộc Thạnh trông thấy rất hoảng sợ trong phút chốc quân hấn tan vỡ tháo chạy. quân ta truy kích tới cùng, Mộc Thạnh chỉ còn một mình một ngựa tháo chạy

Vua lại sai giải Thôi Tự, Hoàng Phúc cùng song hổ phù, ấn bạc hai tằng của Liễu Thăng gửi cho thành Đông Đô biết.

Mùa đông tháng 11 Vương Thông và Sơn Thọ xin được giảng hòa và xin mở cho đường về. Lê Lợi chấp nhận, lại gửi tặng thổ sản và hải sản

Vương Thông vẫn còn do dự chưa quyết có lần đem quân ra cửa thành đánh, ngã ngựa súyt bị bắt

Ngày 22, vua cùng Tổng binh quan nhà Minh là Thái tử Thái bảo Thành sơn hầu Vương Thông, Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính... hội thề ở phía nam

thành, hẹn đến ngày 12.12 thì đem quân về nước và sai người đem tờ trình xin trả đất lại cho ta.

Lê Lợi sai Nguyễn Trãi soạn thư cầu phong, sai người dâng biểu của Trần Cảo xin lập dòng dõi họ Trần, vua Minh nhận được biểu sai Công bộ Thượng Thư La Nhữ Kính mang chiếu sắc phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương

Ngày 29 tháng 11 Lê Lợi sai Lê thiếu Dĩnh lên đường sang Yên kinh mang theo tờ biểu và phương vật.....bảng danh sách đầy đủ để trần tình và xin phong cho Trần Cảo làm quốc vương

Ngày 12.12.1427, Vương Thông sai quân bộ qua sông Lô đi trước, quân thủy theo sau.

Lê Lợi ra lệnh cho : cánh đường thủy cấp 500 chiếc thuyền giao cho Phương Chính, Mã Kỳ nhận lãnh, cánh đường bộ cấp lương thảo giao cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc lãnh nhận. Còn hơn 2 vạn người bị bắt hoặc đầu hàng và 2 vạn con ngựa thì do Mã Anh lãnh nhận. Chinh man tướng quân Trần Tuấn đem quân trấn thủ đi theo.

Tất cả đều tới dinh Bồ Đề nơi ở của Lê Lợi mà lạy tạ. Bọn Phương Chính vừa xúc động vừa hổ thẹn mà rơi nước mắt.

Ngày 17 tháng 12, Vương Thông cùng vua nói chuyện từ biệt suốt đêm rồi lên đường về nước. Vua sai đưa trâu, rượu, cờ thêu, trống vè cùng các lễ vật tiễn chân rất hậu.

Từ đấy, việc binh đao dập tắt, thiên hạ thái bình.

Sau khi dẹp yên giặc Minh vua ban bố Đại Cáo khắp thiên hạ, toàn văn bài Đại Cáo như sau (Bài này do Nguyễn Trãi soạn)

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Tư Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có.
Vì vậy :
Lưu Cung tham công nên thất bại,
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét
Chứng cứ còn ghi

2. Vừa rồi :

Nhân họ Hồ chính sự phiến hà
Để trong nước lòng dân oán hận
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi
Người bị ép xuống biển, dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thường
luồng
Kẻ bị đem vào núi, đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán.
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa ?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cấy
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Nam Hải không rửa sạch mùi !
Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được

3. Ta đây :

Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ
Những trần trọc trong cơn mộng寐,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi,
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuấn kiệt như sao buổi sớm
Nhân tài như lá mùa thu
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc
Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông
Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà :

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nghìn chốn bể khơi
Tự ta, ta phải dốc lòng vùi vãi hơn cứu người chết đuối.
Phần vì giận quân thù ngang dọc
Phần vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Khi Khôi Huyện, quân không một đội
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn
Ta gắng chí khắc phục gian nan
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo
Trận Bồ Đằng, sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lĩnh, trúc chẻ tro bay
Sĩ khí đã hăng
Quân thanh càng mạnh
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại
Tuyển binh, tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về,
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tụy Động, thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm luân giặc : Trần Hiệp đã phải bêu đầu.
Mọt gian kẻ thù : Lý Lượng cũng đành bỏ mạng
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công
Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ.

Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan,
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế :

Thằng nhãi con Tuyên Đức, động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem đầu chữa cháy,
Đình Mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại.
Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong,
Ta sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực.
Ngày mười tám, trận Chi Lăng Liễu Thăng thất thế,
Ngày hai mươi, trận Mã Yên Liễu Thăng cụt đầu.
Ngày hăm năm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn
Thuận đà ta đưa mũi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc,
Sĩ tốt kén người hùng hổ,
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh,
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn,
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng, sọt toang đê vỡ.
Đồ đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội.
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn thây chất đầy đường,
Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay ! Sắc phong vân phải đổi,
Âm đạm thay ! Ánh nhật nguyệt phải mờ.
Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật !
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để
thoát thân.

Suối Lãnh Câu, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào tiếng khóc.
Thành Đan Xá, thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng,
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng.

Thần vũ chẳng giết hại, thề lòng trời, ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho năm trăm chiến thuyền
ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc.
Vương Thông, Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run !
Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng.
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức,
Chẳng những mưu kế kỳ diệu
Cũng là chưa thấy xưa nay.

4. Xã tắc tũ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Kiền khôn bĩ mà lại thái
Nhật nguyệt hối mà lại minh
Ngàn thu vết nhục nhã sạch lầu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc.
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng, ngầm giúp đỡ mới được như vậy.
Than ôi !
Một cỗ nhung chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm,
Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo
Ai nấy đều hay.

(Bản Đại Cáo (Bình Ngô Đại Cáo) này do văn thần Nguyễn Trãi soạn)

Vua Minh đã liệu trước, bọn Vương Thông cùng quần, việc đã đến thế, không
lắm thế nào được nữa, đành sai bọn La Nhữ Kính mang thư sang phong Trần Cảo làm
An Nam Quốc Vương, bãi bỏ quân nam chinh, ra lệnh cho Thông trở về Bắc, trả lại
đất cho An Nam, việc triều cống theo lại lệ cũ năm Hồng Vũ, cho sứ thần đi lại

Năm Mậu Thân (1428) mùa xuân tháng giêng, quân Minh đã về nước, Lê Lợi
bền thâm cả nước, lấy năm này làm năm đại định

Ngày 10 tháng giêng Trần Cảo uống thuốc độc chết (chuyện Trần Cảo bị Lê
Lợi giết hay tự tử thì có nhiều giả thuyết)

Tháng 2 định các mức khen thưởng cho những hỏa thủ và quân nhân của quân
Thiết đột có công siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai gồm 121 người

Tháng 4 Lê Lợi từ điện tranh ở Bồ Đề vào đóng ở thành Đông kinh

Năm Mậu Thân (1428) ngày 15 tháng 4, vua lên ngôi ở Đông Kinh, đại xá,
đổi niên hiệu Thuận Thiên, dựng quốc hiệu Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (Thăng
Long) (Đông Đô : Thăng Long còn Tây Đô : Thanh Hóa).

Xướng chiếu tha thuế, chiêu hiền, sửa sang chính sự, thưởng phạt công minh,
kê khai tài sản v.v...

Tháng 11.1428 cho làm sổ đất, sổ hộ tịch, ra lệnh chỉ đặt xã quan ở các xã lớn từ 100 người trở lên, ra lệnh cho các quan viên quân dân cả nước hạn đến tháng 5/1429 đến Thăng Long để quan văn thì hỏi kinh sử, quan võ hỏi về binh pháp ai tinh thông sẽ bổ làm quan.

Tháng 7.1429 ra lệnh cho các quan đại thần, văn võ trong ngoài họp bàn về qui chế đồng tiền. Tờ chiếu viết : "Tiền là mạch máu của sinh dân, không thể không có, nước ta vốn có mỏ đồng, nhưng đồng tiền cũ đã bị nhà Hồ hủy bỏ, trăm phần chỉ còn được một. Đến nay, việc quân việc nước thường hay bị thiếu. Muốn cho tiền được lưu thông sử dụng, để thuận lòng dân há chẳng khó sao ? Mới rồi có người dâng thư trình bày xin lấy tiền giấy thay cho tiền thực, Trẫm sớm khuya nghĩ ngợi chưa nghĩ ra cách gì ? Vì rằng tiền giấy là thứ vô dụng lại được lưu hành như vật hữu dụng trong dân, thực không phải là ý nghĩa yên dân, dùng của. Những đời xưa người ta cho rằng vàng bạc, da lụa, tiền thực, tiền giấy đều không thể cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn. Truyền cho các đại thần, trăm quan và những người hiểu biết việc đời ở trong, ở ngoài đều nghị bàn quy chế đồng tiền cho thuận lòng dân để không vì ưa thích riêng của một người mà bắt ép muôn người không muốn phải theo, để làm phép hay của một đời. Nên bàn định sớm rồi tâu lên, Trẫm sẽ tự chọn lấy mà cho thi hành".

Ngày 24.11.1428, giết bọn phản nghịch tên Phong, Nhữ Hốt trong khi giặc rút về, vua đã tha tội nhưng bọn này lại âm mưu kết bè đảng ngầm sai người đi đường tắt xui quân Minh gây sự và sẽ làm nội ứng. Người đưa thư bị bắt, vua giết người đưa thư và giấu chuyện ấy đi. Đến tháng 8 lại có một trong mấy đứa phản nghịch cáo giác việc giống y như vậy vua mới hạ chiếu giết hết cả bọn

Tháng 2.1429, công thần Trần Nguyên Hãn khi ấy đã về trí sĩ ở quê nhà, bị triều đình bắt tội, Trần Nguyên Hãn uất hận tự tử.

Tháng 11.1430, giết công thần là thái úy Phạm Văn Xảo, tịch thu gia sản vì nghe lời bọn Lê Quốc Khí, Trình Hoành Bá khuyên thái tổ giết đi.

Ngày 6. 12. 1431, sai làm sách Lam Sơn Thực Lục do vua tự làm bài tựa, ký tên là Lam Sơn động chủ.

Tháng 12.1428, cho xây cung Vạn Thọ, chế tác chiến khí, thuyền bè, đúc tiền Thuận Thiên thông bảo, cứ 50 đồng là 1 tiền.

Vua từng nói : Nếu các điều lệnh của trẫm có điều gì bất tiện cho việc quân, việc nước, hoặc các việc sai dịch không hợp lý, hoặc thuế khóa nặng nề hoặc có việc tà dâm bạo ngược thì tâu xin sửa lại. Trẫm nghĩ : "muốn thịnh trị phải được người hiền tài, muốn được người hiền tài phải cần tiến cử cho nên người đứng đầu thiên hạ phải lo việc ấy trước tiên người không được ai tiến cử hoặc vì thù hận, hoặc vì đê nén, vì dập thì đến ngay chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến. Nếu xét có thực tài thì sử dụng.

Ngày 22.8.1432, Lê Lợi băng hà.

LÊ THÁI TÔNG (1433-1442)

Tên húy là Nguyên Long, con thứ của Thái Tổ, ở ngôi 7 năm, băng khi đi tuần ở miền Đông, thọ 20 tuổi táng ở Hựu lăng. Vua thiên tư sáng suốt, nổi vận thái bình; bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch. Trọng đạo, sùng Nho, mở khoa thi chọn hiền; xử tù xét án phần nhiều tha thứ khoan hồng. Cũng là bậc vua tài giỏi biết nổi giữ cơ đồ. Song đam mê tửu sắc đến nỗi thành linh băng ở bên ngoài, cũng là tự mình chuốc lấy tai họa.

Ngày 8.9.1432, thái tử Nguyên Long nối ngôi. Lúc đó Nguyên Long mới 11 tuổi, hiệu là Lê Thái Tông, niên hiệu Thiệu Bình.

Vua thiên tư sáng suốt, nổi vận thái bình, bên trong ức chế quyền thần, bên ngoài đánh dẹp Di Địch, trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn hiền sĩ, xử tù, xét án thứ khoan hồng song đam mê tửu sắc, quán quít vợ người đến nỗi phải đột tử ở nơi không phải nhà mình. âu đó cũng là tình yêu của tuổi trẻ mà lại làm vạ lây đến sinh mạng nhiều người.

Quyền chính nằm trong tay các quan đại thần Lê Sát, Lê Ngân, Lê Liệt, Lê Bôi.

Bãi chức hành khiển Lê Khắc Phục, giết chết Lê Nhân Chú, cho tay chân là Lê Quốc Trinh làm hành khiển, Lê Hữu Thừa làm thiết đột trung quân Lê E làm điện tiền đô.

Vua đang còn tuổi thiếu niên nên ham chơi.

Các ngôn quan dâng sớ : " Bệ hạ kế thừa cơ nghiệp có sẵn rồi nên lưu ý tự học thuật, năng tìm nhân tài để lo trị nước thành công. Nay đại thần tiến cử Thiếu bảo hữu bật vào hầu giáng sách, bệ hạ đứng dậy bỏ đi không nghe, thế là một điều không nên..."

Bấy giờ vua đã lớn (14 tuổi) xét đoán mọi việc đã sáng suốt mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao dung. Sát không nhận ra điều đó.

Bèn bãi chức tước của đại tu đồ Lê Sát

Vào tháng 6.năm Đinh Tỵ (1437) cho Lê Sát được tự tử ở nhà, vợ con và điền sản bị tịch thu.

Giáng con gái Lê Sát lúc đó là Ngọc Dao vợ của vua làm thứ dân, lấy con gái Lê Ngân làm Chiêu Nghi Lê Nhật Lệ làm Huệ Phi.

Tháng giêng (năm Canh Thân 1440) vua đích thân đánh tên phản nghịch Hà Tông Lai ở huyện Thu Vật.

Tháng 3 năm 1441 lại đánh tiếp, bắt được tướng Ai Lao là Đạo Mộng.

Tháng 11 năm đó lập Hoàng tử Bang Cơ mới 1 tuổi làm Hoàng thái tử, phế Nghi Dân làm Lạng Sơn Vương, giáng Dương Thị Bí mẹ của Nghi Dân làm thứ dân.

Năm vua Thái Tông 16 tuổi thì có 4 con là Nghi Dân, Bang Cơ, Khắc Xương và Tư Thành.

Phế lập hoàng hậu liên tục.

Nguyễn thị Lộ là thiếp của Nguyễn Trãi. Lúc đó bà quen Nguyễn Trãi lúc bà mới 16 tuổi. Nguyễn Trãi hơn Thị Lộ khoảng 20 – 25 tuổi và Thị Lộ hơn vua Thái Tông khoảng 15 tuổi, Thị Lộ đã được gọi vào cung và phong làm Lê Nghĩ Học Sĩ, có lẽ lúc đó Thị Lộ khoảng 28 - 30 tuổi còn Thái Tông mới lớn, khoảng 14 - 15 tuổi. Thị Lộ đã ảnh hưởng trên một vài quyết định của Thái Tông.

Tháng 8 năm Tân Dậu (1441) : Lệnh bắt giam hạng đàn bà ngỗ nghịch, đó là làm theo kế của Nguyễn Thị Lộ.

Lê Lễ suốt đời làm gia thân cho Thái tổ rất được tin dùng, sớm tối hầu không lúc nào rời bên cạnh, dốc lòng trung tín, có sức hơn người, khi Thái tổ khởi nghĩa vợ cả vợ lẽ mà vua phá vòng vây thoát khỏi nguy hiểm phần nhiều là công của Lễ. Thái Tổ nói : "Nếu dồn mọi công lao, thì ngôi tể tướng chẳng người còn ai ? Trẫm có tiếc gì với người...". Khi sắp băng khóc bảo Lễ rằng : Nếu Trẫm không còn thì còn ai biết khanh nữa, sợ từ đây về sau bị giáng truất thôi". Sau bị Thị Lộ gièm, phải giáng làm Thái tử Thiếu bảo.

Mùa thu, tháng 7 năm Nhân Tuất 1442 Hoàng tử Tư Thành sinh.

Ngày 27 vua đi tuần về miền Đông, duyệt quân ở Chí Linh, Nguyễn Trãi mời vua ngự của Côn Sơn ở hương của Trãi.

Vua đi thuyền từ bến Đông vào sông Thiên Đức, qua mộ Bạch Sư ở cầu Bông, xã Đại Toán huyện Quế Dương thì thuyền ngự không đi lên được các quân hết sức kéo dây cũng không nhúc nhích hình như có người giữ lại vua bèn sai trung sứ đi hỏi khắp những người già cả xưa ấy xem chỗ này có vị thần nào.

Các cụ già bảo : Ngày xưa, có người tên là Sư Bạch, khi còn sống rất tinh thông pháp thuật. Sau khi mất, chôn ở ven sông thường hiển linh, người xứ này vẫn tế thần long trọng

Lão trung sứ hỏi tế bằng thứ gì :

Người già nói tế bằng ghé.

Trung sứ đem việc ấy về tâu, vua sai đem ghé non tế thần, bấy giờ thuyền ngự mới đi được.

Ngày 4 tháng 8 vua về đến vườn Vải huyện Gia Định bỗng bị bạo bệnh rồi băng.

Trước đây, vua thích vợ của thừa chỉ Nguyễn Trãi là Thị Lộ, người rất đẹp, văn chương rất hay, gọi vào cung phong làm lễ nghi học sĩ ngày đêm hầu bên cạnh.

Đến khi đi tuần miền đông, xa giá về tới vườn Vải, xã Đại Lại ven sông Thiên Đức, vua thức suốt đêm với Thị Lộ rồi băng,

Các quan bí mật đưa về.

Ngày mồng 6 về tới kinh, nửa đêm đem vào cung rồi mới phát tang. Mọi người đều nói Thị Lộ giết vua.

Ngày 16, giết hành khiển Nguyễn Trãi và vợ là Nguyễn Thị Lộ bi bắt tội đền ba họ. Trước đây, Thị Lộ ra vào cung cấm, Thái Tông thấy rất ưa, liền cột nỏ với Thi, đến đây vua đi tuần về miền đông, đến chơi nhà Trãi rồi bị bạo bệnh mà mất cho nên Trãi bị tội ấy.

Ngày 9 tháng 9 giết các hoạn quan là Đinh Phúc và Đinh Thắng vì khi Nguyễn Trãi sắp bị hành hình có nói là hối hận không nghe lời của Thắng và Phúc

LÊ NHÂN TÔNG (1442-1459)

Tên húy là Bang Cơ, con thứ ba của Thái Tông, mẹ là Tuyên Từ Hoàng thái hậu Nguyễn thị, tên húy là Anh, người làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Vua sinh năm Tân Dậu, Đại Bảo năm thứ hai (1441) tháng 6 ngày Giáp Tuất mồng 9. Năm thứ 3 (1442) ngày 6 tháng 6 được lập hoàng thái tử, đến tháng 8 ngày 12 thì lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Hoà, lấy ngày sinh làm Hiến Thiên thánh tiết. Ở ngôi 17 năm, thọ 19 tuổi táng ở Mục Lăng. Vua ở tuổi thơ ấu đã có thiên tư sáng suốt, về người tuấn tú đàng hoàng, dáng điệu nghiêm trang, sùng đạo Nho, nghe can gián, thương người làm ruộng, yêu nuôi muôn dân, thực là bậc vua giỏi biết hiữ cơ đồ, không may bị cướp ngôi giết hại. Thương thay !

Mẹ là Tuyên Từ Hoàng hậu, Nguyễn Thị Anh. Vua lên ngôi lúc mới ba tuổi nên thái hậu buông rèm coi chính sự nắm quyền quyết đoán việc nước với các tay chân như Trịnh Khắc Phục, Lê Khả, Lê Thụ

Năm Quý Hợi (1443) tháng 11 nhà Minh sai Chánh sứ là Quang lộc tự thiếu khanh Tống Kiệt sang phong cho vua làm An Nam Quốc Vương

Tháng 7-Giáp Tý (1444) bắt giam thái phó Lê Liệt.

Mùa hạ năm 1445 Chiêm Thành vào cướp thành An Dung ở Thuận Hóa

Mùa hạ năm 1446 Lê Thụ đánh Chiêm Thành, tấn công thành Chà Bàn, bắt chúa Chiêm Thánh là Bí Cai, phi tần, bộ thuộc ngựa voi đem về Đại Việt

Năm 1448 giết Đàm Thảo Lư vì Thái Úy Lê Khả có tư thù với Lư, bãi chức Bá Viễn vì Khả, Phục ghét Bá Viễn.

Năm 1448 Lê Khắc Phục, Mộng Tuân, Công Soạn, Lật và nhiều người khác nữa lấy tiền của nhà nước mua hàng phương Bắc chở nặng toan về nói thác là quan khâm sai nhà Minh lại có việc không đến hội kiến. Đái quan là bọn Hà Cập thì vào cánh với nhau không nói một câu, triệu đình cũng không ai hỏi đến tội đó.

Năm 1448 bắt các khảo quan phải uống máu ăn thề những thói tư túi thì không thể nào hết được. Khảo quan lại không thông hiểu văn tự, luật lệ, thơ phú nên người đương thời diễu là "Khảo quan ngu" nạn hối lộ tham trong từng chính quyền cũng như thi cử. Kết bè đảng thanh toán nhau làm cho xã hội càng ngày càng bất an.

Năm Tân Mùi (1451) vào tháng 7 ra lệnh giết thái úy Lê Khả và con là Lê Quát ; Trịnh Khắc Phục và con là Trịnh Bá Nha.

Năm Kỷ Ty, Tháng 8.(1449) Thái hậu viết chỉ dụ họp đại thần rằng :

" Từ khi quả nhân coi chính sự đến nay, thấy rõ lòng trung quân ái quốc của các đại thần đã hết sức phò tá giúp rập. Bên trong sửa xin trị nước, bên ngoài đánh dẹp Di địch, để giữ yên thiên hạ. Quả nhân sớm khuya suy nghĩ có cách nào báo đền công lao ấy. Nhưng vì tài hèn đức bạc, thẹn mình không giỏi bằng các thái hậu họ Mã, họ Đằng và bà Tuyên Nhân ngày xưa để làm trọn đạo ưu đãi đại thần. Nay sẽ sai triệu

sĩ họp bàn những việc nên làm hiện nay, để thành khuôn phép hay của một đời. Cho không còn những tệ xấu nữa. Các Khanh hãy cùng nhau thể theo ý ấy để trọn đạo làm tôi, đừng để chỉ riêng các ông lão Quỳ, Tắc, Triết, Y, Phó Chư Thiên đời xưa ca ngợi mà thôi, như thế chẳng tốt đẹp biết bao... "

Năm Bính Dần (1446) mùa xuân tháng giêng đúng kỳ hội quân lớn cho người khỏe mạnh đi đánh Chiêm Thành. Mùa Hạ quân ta tiến công thành Chà Bàn phá tan quân giặc bắt được chúa nó là Bí Cai và các phi tần, bộ thuộc... Năm 1448 tại Tây Đạo Nguyễn Phú Tân rằng các trấn lộ Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Lương ở miền núi hẻo lánh ruộng đất sỏi đá xơ xác, lại thêm nhiều năm liền bị hạ hán sâu bọ dân chúng rất rối, xin lấy thóc công cho dân vay, may ra dân được hồi sinh.

Ngày 3.10 năm Kỷ Mão (1459) Nghi Dân đang đêm bắc thang, chia ba đường trèo thành vào cung cấp với sự đồng lõa của Lê Đắc Ninh chỉ huy cấm binh vào giết chết Nhân Tông và Tuyên từ Hoàng thái hậu.

LÊ NGHI DÂN (1459-1460)

Lạng Sơn vương Nghi Vương lên ngôi hoàng đế đổi niên hiệu là Thiên Hưng ban ân rộng rãi cho các quan văn võ trong ngoài đồng thời sai sứ sang cầu phong.

Ngày 6 tháng 6 năm Thìn (1460) sau buổi chiều mọi người đều ngồi ở nghị sự đường ngoài ở cửa Sùng. Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Lê Lăng, Lê Niên, Lê Yên... cùng nhau giết hai tên phải nghịch đầu sỏ là Phan Bang, Phan Dồn trước Nghị sự đường, rồi sai đóng các cửa thành giết hết bè đảng phản nghịch là Trần Lăng hơn trăm tên. Đón Tư Thành lên ngôi hoàng đế, quyết định giáng Nghi Dân làm Lê Đức Hậu,

LÊ THÁNH TÔNG (1460-1497)

Tên húy là Tư Thành, con thứ 4 của Thái Tông, ở ngôi 38 năm thọ 56 tuổi. băng tán ở Chiêu Lăng

Vua sáng lập chế độ văn vật khả quan mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng thực là bậc vua anh hùng tài lược, tuy nhiên có hơi tự phụ về vấn đề văn học, tình nghĩa anh em thiếu hẳn lòng nhân ái.

Lên ngôi vua xong đổi niên hiệu là Quang Thuận, làm lễ phát tang cho Nhân Tông và thái hậu, tuyên dương Đào Biểu đã chết vì bảo vệ Nhân Tông, giết Đắc Ninh vì tội phản nghịch.

Năm 1460 sai Lê Liệt dẫn quân đi đánh họ Chăm ở Bồn Man. Sai Nguyễn Bá Kỳ dựng bia ở Mục Lăng ghi công Nhân Tông, chỉnh đốn lại quân ngũ, làm lại sổ hộ tịch răn đe Đô Ngự sử đài là Ngô Sĩ Liên và Nghiêm Nhân Thọ vì tội quan thân bán nước vì đã theo Nghi Dân

Mùa hạ tháng 4.Nhâm Ngọ (1462) định lệ cam kết trong thi Hương : "Kẻ nào vào loại bất hiếu bất mục, bất nghĩa loạn luân diên tọa thì dẫu học giỏi cũng không cho thi".

Thí sinh phải nộp căn cước

Phép thi Hương dùng thi ám tả đề loại bớt

Ra sắc chỉ cho cả nước rằng : Các quan viên văn võ làm việc đến 65 tuổi được nghỉ việc, 60 tuổi có thể xin trí sĩ.

Đinh rằng các bản tâu đề thì chính viên quan nha môn ấy phải ký tên không được nhờ lại dịch ký tên hộ.

Tháng 3 năm Ất Dậu (1465) đặt sáu viện, lấy quân lính thân tín đưa vào làm quân tá hữu Vũ Lâm.

Năm sau 1466 bắt đầu đặt năm phủ (Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc), đổi sáu viện thành sáu tự, đổi khâm hình viện thành hình bộ, đều đặt chức thượng thư ở các bộ.

Phép thi Hương trước hết thi ám tả để loại bớt. Đề mục thi : kỳ thứ nhất thi tứ thư gồm 5 bài. Kỳ thứ hai : thi chiếu, chế, biểu dùng thể cổ văn hay tứ lục, kỳ thứ ba : thi thơ đường luật, phú dùng cổ thơ hay Ly Tao, văn tuyển 300 chữ trở lên, kỳ thứ tư thì một bài văn sách hỏi về kinh, sử hay việc đương thời hạn 1000 chữ.

Năm 1463 thì đặt ra 3 năm có 1 kỳ thi hội.

Tháng 5.Nhâm Ngọ (1462) ra sắc chỉ cho các quan : tan buổi chiều đến giờ mù phải có mặt ở nha môn để làm việc. Vắng mặt đuổi việc.

Năm 1463, tổ chức thi Hội cho các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ có 4400 người, lấy đố 44 người tỷ lệ 1%. Lương Thế Vinh đố Trạng, ngày 22 truyền loa xướng danh các tiến sĩ, ban ân mệnh cho từng người, sai các quan lễ bộ đem bảng vàng treo ngoài cửa Đông Hoa. Bắt đầu định lại lệ thi Hội, cứ 3 năm thi hội lại một lần.

Năm Giáp Thân (1464) tháng 2, vua ngự về Tây kinh bái yết Sơn Lăng, tháng 7 giải oan cho Nguyễn Trãi, truy phong chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, bổ cho con trai Nguyễn Trãi là Anh Vũ đã đỗ hương cống, chức đồng tri châu cấp cho 100 mẫu ruộng để làm tự điền.

Tháng 2 năm Đinh Hợi (1467), vua ra lệnh tìm kiếm những di cảo thơ văn của Nguyễn Trãi.

Tháng 5. Đinh Hợi (1467) ra sắc chỉ rằng : từ nay về sau người nhận chức ở tại nơi biên giới xa phải đủ 9 năm mới được đổi về các huyện ở dưới kinh. Các quan chuyển đổi đi nơi khác không được dỡ lấy đồ dùng nơi công sở.

Tháng 6. Đinh Hợi (1467), vua ra lệnh cho 12 thừa tuyên điều tra về hình thế sông núi, sự tích xưa nay của các hạt, vẽ thành bản đồ ghi chú rõ ràng rồi gửi về Bộ Hộ để làm bản đồ địa lý.

Tháng 4năm Canh Tuất (1490), xác định bản đồ toàn quốc gồm 13 xứ thừa tuyên, 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 40 động, 60 nguồn, 30 trường.

Tháng 8.1467, định biên chế quân ngũ : mỗi vệ có 5 sở, 20 đội.

Tháng 5.1466 đang mùa làm ruộng, những quân nhân ứng dịch ở thường ban thì cho ở lại túc trực làm các việc giữ cửa, coi nhà, canh điền, lợp nhà, cắt cỏ, nuôi voi.

Còn các quân ở sảnh viện và những thợ ở Cục Bách Tác thì giữ lại một nửa làm việc, nửa kia cho về làm ruộng vườn.

Tháng 2 Đinh Hợi (1467), sai hành tổng binh là Khuất Đã đem quân đi đánh Ai Lao, đến sách Câu Lộng ở Mã Giang, đóng quân nửa tháng, Khuất Đã sai người lấy lễ họa phúc lợi hại dụ bao Đạo Đông là tướng giặc ra hàng,

Tiểu trừ giặc cỏ ở Mang Nhung,

Triệu thái sư Đinh Liệt, Nguyễn Lỗi, Lê Niêm, Nguyễn Đức Trung đánh giặc cỏ ở trấn An Bang.

Năm Mậu Tuất (1478) tháng 12 quy định các lễ hôn nhân và giá thú : Lấy vợ trước hết phải nhờ mối lái đi lại bàn định, rồi sau mới định các lễ Cầu Thân, lễ Dẫn Cưới, lễ Đón Dâu. Ngày hôm sau con dâu chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ nhà thờ . Không được như trước nhà trai đã dẫn lễ cưới rồi mà còn để 3, 4 năm sau mới cho đón dâu.

Năm Giáp Thìn (1448) tháng 3 vua ra lệnh cấm phá thai như sau :

Trước đây có lệnh cấm rằng : " Loại đàn bà tàn nhẫn, vì muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn tránh khó nhọc, thấy mình có thai, dùng kế cho sẩy thai, thương tổn tính mệnh, làm hại luân thường, cùng là những kẻ phá thai cho người khác, đều phải tra xét, trị tội theo pháp luật.. "

Vua Lê Thánh Tông có tài văn chương lưu loát, điển tích dồi dào nên hễ cứ viết dụ, sắc, chỉ, cho các quan thì lời văn chải chuốt hoa mỹ, dẫn các điển cố rồi mới kết luận.

Thử xem một sắc chỉ của vua cho Hình bộ tả thi lang Nguyễn Mâu rằng : "ngươi chăm lo việc nước, điều gì hay thì quy về cho vua, không kém gì Như Hối, Huyền Linh, đến như Đái Trụ xử việc phức tạp khó khăn, Ngoạn Bâu tâu bày rõ ràng tường tận, so với hai người đó cũng khá hơn một chút. Làm bầy tôi như vậy thực đáng khen ngợi lắm, nên ban cho bạc lạng. Khi nào bạc lạng đến nơi người càng thêm mài dũa thêm lòng son vốn có, mong cho ta tới cõi lành trị. Ta có lỗi lầm gì hãy thẳng thắn chỉ ra, hãy cứng cỏi như Đông Tuyên, chớ như Tô Uy quen thói giấu giếm"

Các chỉ dụ của Thái Tông đại khái lời lẽ như vậy trong suốt 37 năm cai trị, sự đơn điệu đó đã được Nguyễn Bá Kỳ khuyên vua và cho rằng vua làm văn không chú ý kinh sử.

Vua dụ lại rằng : "Trẫm vừa xem hết tờ số, người bảo trẫm là không chú ý đến kinh sử, lại chuộng lối học phù hoa vô dụng, chỉ ngụ ý ở ngoài mây khói.Nếu ta ưa chuộng văn hoa không lấy gốc kinh sử thì còn sách nào nữa ?

Vua lập ra hội Tao Đàn gồm có 28 nhà thơ đương thời, đại đa số là các quan lại dưới quyền. Vua làm thơ khẩu khí, tự ví mình hơn Đỗ Phủ, Lý Bạch, thường làm bài xướng còn các quan thì làm các bài họa.

Vua sai Ngô Sĩ Liên làm tiếp bộ Đại Biệt Sử Ký Toàn Thư mà trước đó Phan Phu Tiên đã làm từ năm 1455, bộ này có 15 quyển làm xong tháng giêng năm Kỷ Hợi (1479). Đó là một bộ sử cải biên lại từ Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu đời Trần.

Sắc dụ cho Hàn lâm viện thừa chỉ Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, ngự sử đài Quách Đình Bảo, đồng các Đỗ Nhuận, hàn lâm viện Đào CỬ và Đàm Văn Lễ biên soạn các sách "Thiên Nam dư hạ tập" và "Thân Chính Ký sự" Vua đề vào bài tựa "Thiên nam dư hạ tập" của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng :

Hỏa thử thiên đóa bố
Băng tà ngũ sắc ty
Cánh cầu vô địch thủ
Tài tác cốn long y

(Vải dệt lông chuột lửa, lụa năm *sắc tà* băng lại tìm tay vô địch, cát may áo cốn rồng)

"Thiên Nam Dư hạ tập" : là một bộ sách gồm 100 quyển, ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, các sắc của cả một thời, bộ luật Hồng Đức là một phần trong tập sách này. Sau đời Lê Trung Hưng bộ sách này bị tan tác mười phân chỉ còn lại một.

"Thân Chính ký sự là chép về thân chinh đánh giặc của Lê Thánh Tông khi đánh Ai Lao.

Ngày 27 tháng 11 năm 1496 Lê Thánh Tông nói với Thân Nhân Trung và Đào CỬ : "Mây bay giữa trời, trăng treo lơ lửng, mây đến thì trăng mờ, mây đi thì trăng sáng, ai mà chẳng thấy, nhưng rất ít người diễn tả được. Ta ngẩng nhìn trời cao cảm hứng, rung động trong lòng thể hiện bằng ngôn từ trong đó có câu :

Tố thiềm hạo hạo ngọc bàn thanh.
Vân lộng hàn quang ám phục minh

(Vầng thiềm vàng vạc như mâm ngọc, mây giỡn hào quang sáng lại mờ)
Người thường có thể diễn tả được như thế. Bài thơ của Âu Dương Tu có câu "Lư Sơn ca danh tiết" thì Tử Mỹ (Đỗ Phủ) cũng không làm nổi, duy có ta làm được có phải nghi đâu. Dù Lý (Lý Bạch) Đỗ (Đỗ Phủ) Âu (Âu Dương Tu), Tô (Tô Đông Pha) sống lại vị tất đã làm nổi, duy có ta làm được. Bài thơ « Cầm sắt" của Lý Thương Ẩn đời Đường viết :

Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp
Thục đế xuân tâm thác đỗ Quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam diềm nhật noãn ngọc sinh yên

thực là kỳ lạ, tươi đẹp, thực là tinh tế, có thể so sánh với thơ ta, nhưng tươi đẹp sáng và trong trẻo, thì không bằng câu thơ ta, có phải ta chơi chữ lạ để cho là hay, khoe một chữ khéo để cho là đẹp đâu? Chỉ nói thật, nói thẳng như Âu Dương Tu thôi, các người bảo thế nào ? « Không biết hai vị quan kia đó trả lời ra sao ? Hay chỉ tung hô, "

Thực sự thì thơ của Lê Thánh Tông chỉ thuộc vào loại trung bình mà thôi, có lẽ vua hơi khoác lác và chỉ có Nguyễn Bá Kỳ là người nhận xét vua rõ nhất.

Vào cuối đời, Lê Thánh Tông sáng tác tập thơ ngự chế "Quỳnh Uyển Cửu ca" nghĩa là chín khúc ca trong vườn quỳnh. đề tài là : được mùa, đạo làm vua, tiết tháo của người làm tôi, văn nhân, mai hoa.... Tập "Cổ kim bách vịnh thi", "Xuân vân thi tập" (1496) "Cổ kim cung từ thi tính tự"; "Anh hoa hiếu trị thi tập" 1468.

Về ngoại giao, dưới thời Lê Thánh Tông giữ hòa hiếu với nhà Minh, triều cống đều đặn. Các sứ thần của nhà Minh qua Đại Việt được tiếp đãi nồng hậu có khi vua còn ban cho cả thơ văn và cùng nhau xướng họa; các sứ giá Đại Việt thì có tài ứng đối.

Trong yên dân, ngoài các nước lân bang phục tùng, có khi đem quân đánh dẹp ở các vùng biên giới phía Bắc như Nhã Lan, Bồn Man, Sơn Man... Ai Lao.

Năm 1471, vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành, trước khi tiến chiếm thành Chà Bàn vua soạn "Bình Chiêm Sách" ban cho các doanh - "Bình Chiêm sách" có 10 lẽ tất thán, có 3 việc đáng lo, vua sợ các tướng sĩ chưa hiểu sai chỉ huy Nguyễn Thế Mỹ dịch ra quốc ngữ để nhắc lại, cuối tháng 2 thì đánh và bắt được chúa Chiêm Thành là Trà Toàn.

Lê Thánh Tông là một người con rất có hiếu. Tháng 2 năm 1496 Hoàng thái hậu đau, vua cùng hoàng thái tử ngày đêm chăm sóc không lúc nào rời, khi dâng thuốc hay đồ ăn uống vua nhất định tự mình nếm thử. Khi mẹ chết, mọi việc mặc áo, khâu liệm, bỏ gạo vào miệng người chết vua đều tự làm lấy.

Vua xứng đáng là bậc anh minh nhưng tiếc rằng vua có quá nhiều phi tần nên mắc bệnh nặng, vợ vua là Trường Lạc hoàng hậu bị giam ở cung khác, đến khi vua ốm nặng mới được đến hầu bên cạnh, bèn ngậm giấu thuốc độc trong tay mà sờ vào chỗ lở, bệnh vua do vậy mà nặng thêm.

Vua sinh được mười bốn hoàng tử và 20 công chúa. Chọn trưởng tử là hoàng tử Tranh lên nối ngôi.

Ngày Nhâm Tý, 30 tháng giêng năm Đinh Tỵ, vua băng hà ở điện Bảo Quang, ngày hôm ấy gươm thần và ấn thần biến mất.

LÊ HIẾN TÔNG (1497-1504)

Tên húy là Sanh, lại húy là Huy, con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, thọ 44 tuổi, táng ở Dụ Lăng.

Vua thiên tư anh minh, thông tuệ, giữ vững thịnh trị, thái bình, mới trong khoảng 7 năm mà thiên hạ bình yên, xứng đáng là bậc vua giỏi giữ cơ đồ, thế mà ở ngôi không lâu, đáng tiếc thay !

Thái tử Tranh còn gọi là Huy lên ngôi hiệu là Hiến Tông, lúc đó vua 37 tuổi, đã chững chạc, thông hiểu kinh điển.

Mùa thu tháng 7 Mậu Ngọ (1498) sắc dụ cho các quan viên và dân chúng về thể đạo thịnh suy, quan hệ phong tục. Vua dẫn chứng ở Kinh dịch, Kinh Thư, Kinh Thi để bàn luận. Cũng năm đó trúng mùa lớn gạo thóc đầy đồng, vua chỉ dụ cho các tuyên sứ dạy cho dân dự trữ gạo thóc để khi cần.

Tháng 4 năm Kỷ Mùi (1499) thi Hội có 5.000 người dự thi, lấy đỗ 55 người. Vua ra điện Kính Thiên dự lễ xướng danh cho các tiến sĩ. Bộ Lễ đem bản vàng treo ngoài cửa Đông Hoa

Đỗ Lý Khiêm, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Khắc Kiệm ba người đậu đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ.

Tháng 6, sắc cho Lai bộ thượng thư Toàn Cận rằng : Ý vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc gia... theo đó mà tính giảm.

Tháng 8 xuống chiếu kể từ nay, trên từ thân vương dưới đến dân chúng đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ để cho phong tục được thuần hậu.

Tháng 10 : nhắc lại quy chế y phục thường triều và các ngày quốc kỵ cho công hầu bá, phò mã, các quan văn.

Mùa hạ năm Canh Thân (1500) có sắc chỉ rằng : kể từ nay khi có việc xây dựng hay sửa chữa phải dự tính trước mọi thứ xem công việc nặng hay nhẹ khẩn cấp hay thư thả mà làm lần.

Tháng 4. Quý Hợi (1503) Lễ bộ Dương Trục Nguyên tâu xin đắp đê bên sông Tô Lịch từ xã Trát Kiều đến Cống Xuyên đề phòng lụt hạn, xin đào từ Yên Phúc đến cừ Thượng Phúc để tưới tiêu.

Tháng hai năm Nhâm Tuất (1502), thi Hội có 5000 người dự thi, lấy đỗ 61 người. Vua ngự ở điện Kính Thiên. Hồng Lô tự truyền loa xướng danh, mọi năm bản vàng vẫn treo ở cửa Đông Hoa đến nay vua sai lễ bộ bưng ra, đánh trống nổi nhạc rước

treo ở cửa nhà Thái Học.

Bản vàng treo ở nhà Thái Học bắt đầu từ đó.

Tháng 4 Nhâm Tuất (1502) y theo lời tâu của hình bộ Nguyễn Quang Hiến ghi danh cho các quân ngục tốt ở Ty Ngũ hình để được xuất quân về làm ruộng.

Ngày 17-12 Kỷ Mùi (1499) vua Minh sai Hàn lâm viện Thị Giảng Lương Trừ đem chiếu thư sang phong cho Lê Hiến Tông chức An Nam quốc vương

Tháng 2 Giáp Tý (1504), vua ngự về Tây Kinh, tháng 4 ngự về Lam Sơn, khi xa giá trở về cung bị ốm, tháng 5 ngày 23 vua vì ham nữ sắc, bị bệnh nặng khi sắp băng di mệnh cho hoàng tử tên Thuần nối ngôi

Thuần là con thứ 3 trong 6 con trai của Hiến Tông

Hoàng tử Thuần lên ngôi hiệu Túc Tông, niên hiệu Thái Trinh lấy ngày sinh làm lễ Thiên Ninh Khánh Tiết.

LÊ TÚC TÔNG (1504-1505)

Tên húy là Thuần lại húy là Thuần, con thứ ba của Hiến Tông, ở ngôi chưa đầy 1 năm, thọ 17 tuổi thì băng, táng ở Kinh Lăng. Vua dốc chí hiếu học, thân người hiền, vui việc thiện, không may mất sớm, tiếc thay !

Đại xá thiên hạ, thả tù nhân, thả cung nữ, rã đe thế lực họ ngoại...
Đẹp tan nhóm phản loạn Đòan thế Nùng ở Cao bằng
Tháng 12 vua ốm nặng, rời băng ở điện Hoàng Cực
Làm vua được 6 tháng, truyền ngôi cho anh là hoàng tử Tuấn là con thứ hai của Hiến Tông

Ngày 18 tháng 12, Giáp Tý (1504) tất cả đại thần, quan lại, thân vương vâng theo chiếu chỉ đến điện Hưng Minh rước hoàng tử Tuấn - húy Huyền, lên ngôi hoàng đế,

Hoàng tử Tuấn lên ngôi gọi là Uy Mục Đế.

LÊ UY MỤC (1505-1509)

Tên húy là Tuấn lại húy là Huyền, con thứ hai của Hiến Tông, anh thứ của Túc Tông, ở ngôi 5 năm thọ 22 tuổi, bị Giản Tu công Dinh đuổi đi, rồi sau bị hại, chôn ở An Lăng. Vua nghiện rượu, hiếu sát hoang dâm, thích ra oai, tàn hại người tông thất, giết ngầm tổ mẫu, họ ngoại hoành hành, trăm họ oán giận, người bấy giờ gọi là Quỷ Vương, điềm loạn đã xuất hiện từ đấy.

Mẹ của vua là Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cận, lúc bé mồ côi cha, nhà nghèo tự bán mình cho người phủ Phụng Thiên, sau nhà ấy có tội, Nguyễn Thị bị tịch thu sang làm nô tỳ do đó được vào hầu Trường Lạc Hoàng hậu, vợ vua Thánh tông. Khi Hiến Tông còn là thái tử thấy có sức đẹp thì ưa, lấy vào làm phi sinh ra Uy Mục Đế - nhưng mất sớm.

Trường Lạc hoàng hậu cho rằng Uy Mục là con người tỳ thiếp, không thể nối được nghiệp đế khăng khăng đòi lập người khác.

Bấy giờ Nhữ Vi đóng các cửa thành lại và lập Uy Mục lên ngôi.

Tổ mẫu có ý không vui.

Sau Uy Mục liền sai quan hầu cận ngầm giết chết bà nội của mình là Trường Lạc hoàng hậu rồi nghỉ chầu 7 ngày.

Năm Bính Dần (1506) tháng 12 thi các quân sắc và nhân dân ở sân điện Giảng võ có 30000 người dự thi lấy đỗ 1519 người, Nguyễn Tử Kỳ đỗ đầu

Hứa Thiên Tích (1507) là sứ nhà Minh gặp vua có thơ rằng

An Nam tứ bách vận vu trường

Thiên ý như hà giáng quỷ vương

(Nghĩa là vận nước An Nam bốn trăm năm rất dài không biết lòng trời như thế nào lại giáng sinh ông vua quỷ sứ)

Năm 1508, lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên vũ vệ, Đặng Dung là người xã Cao huyện Bình Hà, tiên tổ Đặng Dung là Mạc Đĩnh Chi trạng nguyên triều Trần, làm

quan Tả bộc xạ gần đến đời Đặng Dung chuyển đến ở xã Cổ Trai. Đặng Dung có sức khoẻ võ cừ, được sung vào quan túc vệ.

Mùa đông người nước Hắc La La xâm nhập cửa ải Chu Thôn Điền (Hưng Hóa) vua sai Trần Thúc Mạ đánh dẹp

Năm Kỷ Ty (1509), từ khi lên ngôi, vua đêm nào cũng cùng cung nhân huyện vui đùa uống rượu vô độ, khi rượu say liền giết cả cung nhân.

Bấy giờ uy quyền thuộc về họ ngoại chuyên cậy quyền thế vùi dập các quan. Kể thì vì ý riêng giết hại sinh dân, kể thì dùng ngón kín và yêu sách tiền của...

Mùa thu tháng 8. Năm Kỷ Ty (1509), xuống chiếu giết những người Chiêm hiện đang bị giam giữ và giết chết các nữ sử nội thần người Chiêm.

Xua đuổi tôn thất và công thần về Thanh Hóa. Ngâm sai nội nhân Nguyễn Đình Khoa đi dò xem tất cả 26 vương là các chú, và anh em của vua

Giản tu Công Đinh là con chú bác, bị giam vào ngục sau thoát ra trốn về Tây Đô, sau cùng với Nguyễn Văn Lang là con trai của Nguyễn Đức Trung. (Trung là cha của Trường Lạc hoàng hậu, vợ vua Lê Thánh Tông).khởi binh

Tháng 11.1509, Giản Tu Công từ Tây Kinh tiến đánh vào Thăng Long, ngày 28 Uy Mục thua chạy đến phường Nhật Chiêu, bị bắt và bức tử.

Giản Tu Công giân Uy Mục vì đã giết cha mẹ, anh chị em, con rể mình lên lấy xác Uy Mục bỏ vào miệng súng thần công cho nổ tan hết hài cốt -

Giản Tu Công lên ngôi là Tương Dực đế niên hiệu Hồng Thuận (1509) xét bàn luận công, tội, ban phát tước hàm cho các người ứng nghĩa.

LÊ TƯƠNG DỤC (1510-1516)

Tên húy là Đinh lại húy là Trừu, cháu của Thánh Tông, con thứ hai của Kiến Vương Tân, ở ngôi 7 năm thọ 24 tuổi, bị quyền thần Trịnh Duy Sản giết, táng ở Nguyên Lăng.

Vua buổi đầu lên ngôi, ban hành giáo hóa, thận trọng hình phạt, cũng đáng coi là có công nghiệp. song chơi bời vô độ, xây dựng liên miên, dân nghèo thất nghiệp, trộm cướp nổi lên, dẫn đến nguy vong là bởi ở đấy.

Trong bảy năm cầm quyền và chết ở tuổi 24.

Năm năm đầu dưới sự điều dắt của Nguyễn Văn Lang, chính sự được yên ổn, dân được ấm no.

Từ khi Lang chết vua đắm ra chơi bời rượu chè, trác táng. Vì không có con nối dõi vua phải thân hành cầu tự mãi không kết quả, gian dâm với vợ lẽ của cha và vợ của các anh em...

Về ngoại giao năm 1510 Vua sai sứ sang Minh, đến tháng 11 lại sai Đỗ Lý Khiêm, Nguyễn Bình Hòa cùng 8 người khác với 25 quân đi theo sang tiến cống.

Tháng giêng năm Quý Dậu (1513), vua Minh sai chánh sứ Trạm Nhược Thủy, Phan Hy Tăng sang sách phong vua làm An Nam Quốc Vương, ban cho một bộ mũ áo quan võ bằng da và một bộ thường phục.

Hy Tăng trông thấy vua bảo Nhược Thủy rằng Quốc vương An Nam mặt thì đẹp mà người lại lệch, tính háo dâm là vua lợn, loạn vong sẽ không lâu đâu.

Hai mươi tuổi chưa có con nối dõi, vua đích thân đi cầu tự ở điện Tường Quang.

Tháng 3 năm Quý Dậu 1510, vua đã loạn luân thông dâm với rất nhiều người như vào tháng 5.1510, cho gọi cung nhân của Mẫn Lệ Công (Uy Mục Đế) và các cung nhân của triều trước để thông dâm, hay tháng 2.1515 sau khi xem tập trận ở xã Định Công, Vua về ngự chơi nhà Hoàng phi Lê Thị (là bà phi của Uy Mục Đế).

Vua thích làm nhiều công trình thổ mộc, đắp thành rộng đến mấy ngàn trượng bao quanh điện Tường Quang, chùa Thiên Hoa, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp hoàng thành dưới làm cửa uốn dùng ngói vỡ và đất đá nện xuống lấy đá phiến và gạch vuông xây lên, lấy sắt xuyên ngang lại

Sai làm thuyền chiến, sai thợ vẽ kiểu, sai bọn xử nữ trần trường chèo thuyền chơi trên Hồ Tây, Vua cùng chơi lấy làm thích lắm.

Vũ như Tô thiết kế và xây cất công trình gồm điện lớn hơn 100 nóc, xây Cửu Trùng Đài, đào hồ thông với sông Tô Lịch...

Ngày 25 tháng 3 Canh Ngọ (1510) đêm canh hạ hoạn quan Nguyễn Khắc Hoài, rồi tên nội thần Nguyễn Lĩnh đón vua ngự đến Đầm Sen, bọn phản nghịch bèn ra ngoài đem kiệu ngự đi đến Hoa Khê, tôn Hoa Khê Vương Tông lên làm Ngụy Chúa. Vua sai Thọ quận công Trịnh Hựu đánh đuổi. Bọn phản nghịch bị giết quá nửa, số còn lại vượt sông qua Bồ Đề trốn vào núi Tam Đảo.

Ở Thanh Hóa, Nghệ An, Ngọc Sơn có Lê Hy, Trịnh Hưng, Lê Minh Triệt, Lê Hốt, Đặng Hân nổi loạn vua sai Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ tiêu trừ vào các năm 1512, 1515.

Năm 1516 Trần Cao tự xưng là con cháu của Trần Thái Tông, dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm đem quân qua các huyện Tiên Du, Gia Lâm đánh vào thành Thăng Long, vua đem quân đánh Cảo lui quân, sau vua bị Trịnh Duy Sản ám hại.

Cao tiến đánh chiếm được kinh thành tiếm xưng làm vua, đổi niên hiệu Thiên ứng, cùng Lê Quảng Độ coi việc nước.

Trịnh Duy Sản nhiều lần can ngăn trái ý vua Tương Dực nên bị vua đánh bằng trượng. Duy Sản cùng một số đồ đệ mưu phước lập, nói phao đi đánh giặc, đem 3000 quân vào thành Vua ngỡ là có giặc đến bèn ngự ra ngoài cửa Bảo Khánh.

Ngày mồng 7 mờ mờ sáng, có thừa chỉ Nguyễn Vũ theo vua đi tắt qua cửa nhà Thái Học, đến hồ Chu Tước, Phường Bích Câu vua gặp Sản và hỏi : "Giặc ở phương nào ?" Duy Sản không trả lời, quay nhìn chỗ khác cười âm thầm, vua quát ngựa chạy về phía Tây. Duy Sản sai vũ sĩ là tên Hạnh cầm giáo đâm vua ngã ngựa rồi giết chết. Nguyễn Vũ cùng chết theo vua, đem xác vua về Bắc Sở khâm liệm rồi thiêu.

Có thuyết nói : để xác ngang trên mình ngựa đem về cửa Nam Thiên ở viện Đãi Lâu, cho phủ tể tướng. Khâm Đức hoàng hậu cũng tự nhảy vào lửa mà chết. Hoàng hậu là con gái của Nguyễn Vũ.

Năm Giáp Tuất (1514) vào tháng 9, lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ là Lê Tung soạn bài “Đại Việt thông giám tổng luận” dâng vua, bài này là nhận xét tổng kết sách Đại Việt Thông giám thông khảo của sử quan đô tổng tài Vũ Quỳnh chép từ đời Hồng Bàng thị đến năm đầu Thái Tổ Cao hoàng đế, sách gồm 26 quyển.

Sau khi giết Tương Dực, lập con trưởng của Cẩm Giang Vương lên ngôi

Con Cẩm Giang Vương là Huệ làm Chiêu Tông thân hoàng đế, đổi niên hiệu Quang Thuận

LÊ CHIÊU TÔNG (1516-1522)

Tên húy là Y lại húy là Huệ, con trưởng của Cẩm Giang Vương Sùng, đích tôn của Kiến Vương Tân, cháu bốn đời của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, bị Mạc Đăng Dung giết, thọ 26 tuổi, chôn ở lăng Vĩnh Hưng. Bấy giờ trong buổi loạn lạc, quyền bính không ở trong tay, bên trong thì nghe lời siểm nịnh, gian trá, bên ngoài lại ham mê săn bắn chim muông, ngu dốt bất minh, ương ngạnh tự phụ, bị nguy vong là đáng lắm.

Trịnh Duy Sản và Nguyễn Thương đem quân đi đánh Trần Cảo ở Chí Linh bị Cảo giết chết ở gần Vạn Kiếp, sau Cao thua chạy về ẩn ở Lạng Nguyên và truyền ngôi cho con là Lạng, rồi cắt tóc đi tu sau không ai biết ở đâu.

Các quan lại xưng hùng, xưng bá gây hiềm khích với nhau. Trần Chân đánh nhau với Nguyễn Hoàng Dụ, Mạc Đăng Dung đánh Hoàng Dụ, đào mả Nguyễn Văn Lang là cha của Hoàng Dụ. Nguyễn Kính, Nguyễn Áng, Nguyễn Hiệu đánh vào kinh sư. Đỗ Duy Nhạc vào trong thành tha hồ cướp phá, trước đó mấy năm, quân Trần Cảo đã làm sạch kinh thành cướp bóc đốt phát vứt hết sách vở giấy tờ.

Mạc Đăng Dung được gọi về để trấn yên, Dung lợi dụng thời cơ, tóm thâu quyền hành, vua sợ nên ngầm âm mưu với quan Phạm Hiến, Phạm Thứ đang đem trốn ra khỏi thành cùng mưu với Trịnh Trung để dẹp Đăng Dung. Dung biết được cho quân đón đường.

LÊ CUNG HOÀNG (1522-1527)

Phụ : MẠC ĐĂNG DUNG

Tiến ngôi 3 năm, sau tiến truy tôn là Thái Tổ.

MẠC ĐĂNG DOANH

Con Mạc Đăng Dung, ở ngôi 11 năm, sau truy xưng tôn hiệu là Thái Tông.

Trở lên, triều Lê(1527) bắt đầu từ năm 1418 đời Thái Tổ, đến năm 1427 đời Cung Hoàng, gồm 110 năm. Nếu tính gộp với họ Mạc ở ngôi từ năm 1528 đến năm 1532 gồm 5 năm, tổng cộng là 115 năm.

Ngày 28 tháng 7 năm 1522 Đăng Dung cho kéo cờ ở kinh thành cùng với thái sư Lương Quốc Công là Phụ, tôn Xuân là em của Chiêu Tông làm vua - tên Lê Cung Hoàng để niên hiệu Thống Nguyên.

MẠC ĐĂNG DUNG (1527-1529)

Ở ngôi 3 năm, sau truy tôn là Thái Tổ.

Đến năm Đinh Hợi 1527, tháng sáu, ngày 15, phế vua bắt nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung. Dung giáng phong vua làm Cung vương, bắt luôn mẹ là Hoàng thái hậu giam chung rồi giết chết, thái hậu trước khi chết khẩn trời : "Đăng Dung là kẻ bề tôi, manh tâm cướp ngôi, lại giết mẹ con ta, ngày sau con cháu nó cũng bị như thế".

Mùa đông tháng 12, năm Kỷ Sửu 1529, Mạc Đăng Dung ở ngôi được 3 năm thấy mình tuổi già bèn truyền ngôi cho con là Đăng Doanh xưng là Thái thượng hoàng ra ở điện Tường Quang, coi nghề đánh cá làm thú giao du tự lạc.

MẠC ĐĂNG DOANH (1530-1540)

Con Mạc Đăng Dung, ở ngôi 11 năm, sau truy xưng tôn hiệu là Thái Tông.

Doanh xưng là Mạc Đại Chính năm thứ nhất, nắm chính quyền được 11 năm, tháng 3 năm đó hạn hán có sâu lúa, lúa má chết khô đầu hạ tuần tháng sáu mới có mưa.

Lê Ý người Thanh Hóa, cháu ngoại họ Lê nổi lên chống họ Mạc. Chỉ trong vài tháng có đến mấy vạn người về theo. Lê Ý đóng quân ở Tây Đô. Đăng Doanh đem quân vào đánh mấy lần bị thua.

Tháng 8, Doanh hội quân ở Hoàng Hóa chia quân 2 đạo cùng tiến, Lê Ý phục binh chặn đánh quân Mạc sợ hãi thua chạy, bỏ lại thuyền bè khí giới. Quốc Trinh là một cánh quân khác không biết là đại quân họ Mạc đã tan tác - tiến lên bị quân của Ý quay lại giết hơn 1 vạn tên quân của Ý một ngày thắng liền hai trận uy danh vang dội, quân lính trở nên kiêu ngạo, không phòng bị, coi thường địch quân.

Mạc Quốc Trinh biết yếu điểm đem quân đánh úp, bắt được Ý đem về kinh sư dùng xe xé xác ở ngoài cửa Nam Thành.

Họ Mạc ra lệnh người trong xứ không được dùng giáo mác, kỷ luật nghiêm minh, từ đây đất nước thanh bình.

Người đi đường, kẻ buôn bán đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về, chỉ mỗi tháng xem lại một lần, có khi

sinh đẻ cũng không biết là gia súc của mình. Trong khoảng vài năm, người đi đường không nhặt của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp

Vua Trang Tông nhà Lê một mặt dựa vào Ai Lao làm hậu cứ, một mặt sai sứ sang nhà Minh kể tội cha con Mạc Đăng Dung tiếm ngôi ấy là vào năm Nguyên Hóa thứ 2 (1533).

MẠC PHÚC HẢI (1540-1546)

Mạc Hiến Tông tức Mạc Phúc Hải (1540-1546) con trưởng Mạc Thái Tông.

Năm 1540, mùa đông tháng 11, Mạc Đăng Dung cùng cháu là Văn Minh cùng bề tôi là Nguyễn Như Quế, Đỗ Chí Khanh cùng 7 viên đại thần qua trấn Nam Quan. Mỗi người cầm thước, buộc dây ở cổ, đi chân không, đến phủ phục trước mặt của quân Minh, quỳ gối cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tô Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng xin cho nội thuộc vào Khâm Châu, lại xin ban chính sóc, cho ấn chương, để kính cẩn coi giữ việc nước và chờ lệnh thay đổi hay quyết định khác.

Lại sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh

Năm 1532, cho mở khoa thi Hội chọn Nguyễn Thiến, Bùi Vinh, Ngô Sơn Khoái 3 người đỗ Tiên Sĩ cập đệ.

Năm 1535, lấy đỗ Nguyễn Bình Khiêm, Bùi Khắc Đốc.

Năm 1538, lấy Giáp Hải, Trần Toại... định lệ cứ 3 năm thi Hội một lần để chọn nhân tài.

Trong lúc đó sau khi Lê Ý bị giết

Nguyễn Kim đang ở Ai Lao cho người về nước tìm con cháu của họ Lê tên là Ninh, còn gọi là Huyền, con vua Chiêu Tông cháu xa đời của Thánh Tông, mẹ là Phạm thị Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trĩ huyện Thụy Nguyên, lên ngôi gọi là Trang Tông Dụ hoàng đế đổi niên hiệu là Nguyên Hòa, phong nguyên Kim làm thái sư Hưng quốc công, ngày đêm cùng mưu chung lo việc khôi phục.

Phụ : họ Mạc

LÊ TRANG TÔNG (1533 – 1548)

Tên húy là Ninh, lại húy là Huyền, ở ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi. Vua gặp vận gian truân phải đi lánh nạn, nhờ được bề tôi cũ tôn lập, bên ngoài liên kết với nước láng giềng, bên trong dùng được các tướng giỏi cho nên mọi người đều vui lòng gắng sức, nền móng trung hưng bắt đầu từ đây.

Vua là con của Chiêu Tông, cháu xa đời của Thánh Tông, mẹ là Phạm thị, tên húy là Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trĩ, huyện Thụy Nguyên. Khi Đăng Dung

cướp ngôi, tiếm hiệu, vua tránh về Thanh Hoa. Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim sai người dò tìm, đón vua sang nước Ai Lao tôn lập.

Năm Nhâm Dần 1542, tháng 3 ngày 22, Mạc Phúc Hải cháu nội của Mạc Đăng Dung lên trấn Nam Quan chịu sự khám nghiệm của quan lại nhà Minh rồi sai Nguyễn Điều Kinh sang tạ ơn nhà Minh, cho Vũ Tuân sang tuế cống.

Vua Minh sai giảm bớt cỗ bàn để tỏ ra không phải là lễ tiếp bởi không coi họ Mạc như là vua chư hầu.

Nhân dân chán chê tư cách của họ Mạc nên theo về nhà Lê càng ngày càng đông, thái sư Nguyễn Kim đang ở Ai Lao trở về báo yết vua Trang Tông ở Nghĩa Lộ..

Năm 1545, tháng 5, tướng họ Mạc là Trung Hậu Hầu giả hàng mời Thái tử Nguyễn Kim đến dinh hấn, ngầm bỏ thuốc độc trong quả dưa dâng lên trước mâm cỗ, kim tin thực ăn dưa bị trúng độc chết.

Đất nước bấy giờ đã dần dần phân hóa thành 2 miền Nam Bắc. Bắc : triều họ Mạc, Nam triều : Vua Lê.

Ngày 8-5 Bính Ngọ (1546), Mạc Phúc Hải chết, con trưởng là Phúc Nguyên lên thay.

MẠC PHÚC NGUYÊN (1546-1561)

Mạc tuyên Tông tức Mạc Phúc Nguyên (1546-1561), con trưởng Mạc Hiến Tông.

Mạc Kính Diển là chú hành xử quyền hành ở Bắc triều.

Tháng giêng năm Mậu Thân (1548), Trang Tông chết, thái tử Huyền nối ngôi xưng là Trung Tông Hoàng đế, ở ngôi 8 năm thọ 22 tuổi.

Sau khi Kim chết, Trịnh Kiểm là con rể làm Đô Tướng Tiết Chế các dinh được vua giao kế nhiệm cha vợ và về sau quyền hành đều nằm trong tay Trịnh Kiểm.

TRỊNH KIỂM (1545-1569)

Làm chúa đến năm 1569 thì nhường ngôi cho con trưởng là Trịnh Cối, mất 1570.

LÊ TRUNG TÔNG (1548-1556)

Tên húy là Huyền, con trưởng của Trang Tông, ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi.

Vua ủy nhiệm bậc trung thần mưu lược, đánh giết kẻ tiếm hiệu cướp ngôi, có thể gọi là có tài lược đế vương, song hưởng thọ không lâu, đất đai của tiên vương chưa thu phục được hết, tiếc thay !

Năm Giáp Dần Họ Lê mở khoa thi Hội đầu tiên để chọn nhân tài, Đinh Bạt Tụy đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân.

Năm 1557, Lê Bá Ly, Nguyễn Thiếu, mỗi người đem hơn 100 quân bản bộ đi đem trốn vào cửa ải Thanh Hoa xin hàng.

Năm Bính Thìn 1556, ngày 24 tháng Giêng vua băng không có con nối ngôi. Trịnh Kiểm bàn với đại thần nước không thể một ngày không có vua. Bèn Tôn Duy Bang lên ngôi hoàng đế, vua lấy hiệu Anh Tông.

LÊ ANH TÔNG (1556-1573)

Tên húy là Bang, ở ngôi 18 năm, thọ 42 tuổi)

Vua là dòng dõi đế thất, nhờ huân thần tôn lập, mưu cuộc trung hưng, thực là mệnh trời trao cho vậy. Song sự nghiệp chưa xong một nửa, lòng nghi hoặc dần nảy sinh, chỉ tin lời gièm pha mà xiêu giạt ra ngoài. Thương thay !

Năm Bính Dần 1566, Mạc Thuần Phúc sai thượng thư kiêm Đông Các Đại Học Sĩ Giáp Hải lên đầu địa giới Lạng Sơn đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về nước. Quang Bí phụng mệnh đi sứ năm Gia Tĩnh thứ 27 bị nhà Minh giữ lại 18 năm đến nay trở về cuộc đi sứ dài nhất trong lịch sử nước ta.

Trịnh Kiểm thay vua điều hành việc nước.

MẠC MẬU HỢP (1562-1592)

Mạc Mậu Hợp ở ngôi 31 năm (1562-1592) cũng là tên thật vì bị giết nên không được đặt miếu hiệu, con của Mạc Tuyên Tông. Năm 1592 bị Trịnh Tùng giết.

Năm 1557, Mạc Kính Điển đem quân vào đánh phá Thanh Hóa bị Vũ Lăng nhảy qua thuyền Điển chém quân hầu đứt làm 2 đoạn, Kính Điển hoảng hồn nhảy xuống sông chạy trốn vào hang núi ẩn náu 3 ngày mới tìm đường trốn về.

Tháng 9 năm Đinh Ty 1557, thái sư Trịnh Kiểm đem 5 vạn quân thủy bộ đánh ra miền giữa Sơn Nam.

Họ Mạc sai Nguyễn Quyện chống giữ ở sông Giao Thủy, quân họ Trịnh thất bại bị quân Mạc đánh bọc hậu, đến tháng 10 thì Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hóa.

NGUYỄN HOÀNG (1558-1613)

Con thứ hai của Nguyễn Kim (người dựng ra Nam triều) sinh 1525, vào trấn thủ Thanh Hóa 1558 đến năm 1570 kiêm luôn xứ Quảng Nam, thường được gọi là chúa Tiên, ở ngôi chúa 55 năm, mất 1613 thọ 88 tuổi được truy tôn làm Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế.

Trong thời gian ở ngôi đã cho quân đánh Chiêm Thành (1611) mở rộng bờ cõi tới tỉnh Phú Yên ngày nay.

Năm Mậu Ngọ, Trịnh Kiểm tâu vua cho Nguyễn Hoàng đem quân vào Trấn đất Thuận Hóa do lời yêu cầu xin của vợ là công chúa Ngọc Bảo chị ruột của Nguyễn Hoàng.

Tháng 9.1559, Thái sư Trịnh Kiểm đem 6 vạn quân lên đường Bắc phạt, động binh ở Thiên Quan.

Năm 1560, Mạc Phúc Nguyên sai đem quân giữ thành Thăng Long.

Quân từ Bạch Hạc đến Nam Xang, Trịnh Kiểm cho quân đi đánh ở các châu phủ khác, Đông Triều, Giáo Sơn, Chí Linh...

Bất thần tháng 3.1561 sai Mạc Kính Điển đánh phá Thanh Hoa, đánh đến cửa Yên Trường làm vợ con, gia thuộc Trịnh Kiểm, tướng tá tìm đường trốn chạy.

Trịnh Kiểm nghe được tin Thanh Hoa bị đánh úp bèn lật đật bỏ Thăng Long trở về ngay Thanh Hoa để giải cứu.

Đất nước bị can qua, dân tình khốn khổ, đói kém dịch bệnh, ruộng vườn xơ xác dân ta thán động đến trời. Xã hội suy đồi, quan quân thì hà khắc bóc lột, tư túi.

Trong triều thì quân thần sa đọa Ở gia đình thì con cái vợ chồng loạn luân, cương thường đạo lý xuống dốc thảm hại.

Khoa thi cũng được mở nhưng lèo tèo chỉ vài thí sinh.

TRỊNH TÙNG (1570-1623)

Con thứ Trịnh Kiểm

Ngày 18.2.Canh Ngọ (1570) thái sư Trịnh Kiểm qua đời. Trịnh Cối, Trịnh Tùng là hai anh em tranh quyền với nhau, cuối cùng yếu thế, Trịnh Cối đầu hàng nhà Mạc

Mạc Kính Điển tiếp nhận, phong cho Cối tước Trung Lương Hầu.

Ngày 6.8.1570, Mạc Kính Điển đốc suất thân vương và tướng tá, đem hơn 10 vạn quân cùng 700 chiến thuyền vào đánh Thanh Hoa.

Trịnh Tùng thống lĩnh nam quân, hội cùng các tướng và vua đốc lòng đánh trả. Gân một năm giao chiến, hai bên mệt mỏi

Kính Điển thu quân về kinh sư, lấy sông Cả làm ranh giới phân chia 2 miền.

Nguyễn Hoàng từ khi vào trấn nhậm Thuận Hóa như cá gặp nước, mở mang bờ cõi, yên định nhân tâm, pháp luật nghiêm minh, càng ngày càng trù phú. Dân chúng, hiền sĩ các nơi theo về càng ngày càng đông.

Trịnh Tùng thì hùng cứ ở Nghệ An.

Năm Nhâm Thân (1572) Cảnh Hấp và Đinh Ngạn nói với vua rằng : Tả tướng Trịnh Tùng cầm quân quyền thế rất lớn, bề hạ khó lòng tôn tại với ông ta được. Vua nghe theo bèn đem 4 hoàng tử trốn đi, chạy đến Thành Nghệ An và ở lại đó.

Tả tướng nói với các quan rằng : "Nay vua nghe lời nói gièm pha của kẻ tiểu nhân... hãy tìm hoàng tử lập lên để yên lòng dân rồi sẽ đem quân đi đón vua về cũng chưa muộn"

Lê Cập Đệ rủ Trịnh Tùng ra sông du ngoạn và lập mưu giết Trịnh Tùng.

Việc bị phát giác, Tùng cho chém Cặp Đệ.
Lấy hoàng tử thứ 5 là Đàm tôn lên ngôi vua, hiệu Thế Tông, đổi niên hiệu Gia Thái.

LÊ THẾ TÔNG (1573-1599)

Tên húy là Duy Đàm, con thứ năm của Anh Tông, ở ngôi 27 năm, thọ 33 tuổi. Vua tuổi còn thơ ấu, tin dùng huân thần, nên dẹp yên được kẻ tiếm nghịch, khôi phục được cơ nghiệp cũ, làm nên thái bình. Công trung hưng còn gì hơn thế nữa !
Vua sinh ngày tháng 11 năm Chính Trị thứ 10 (1567), được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên. Khi Anh Tông chạy ra ngoài, vua còn thơ ấu không đi theo, được Tả tướng Trịnh Tùng đón về lập về lập làm vua. Lấy ngày sinh làm Dương Nguyên thánh tiết.

Trịnh Tùng sai Nguyễn Hữu Liên đi đón Anh Tông từ Nghệ An về, Liên gặp vua Anh Tông giữa ruộng mía. Liên quỳ lạy và xin bệ hạ mau mau trở về.

Tổng đốc Vị theo hầu vua khi xa giá về đến Lôi Dương,

Vị bức hại vua phao là vua thất cổ tự tử.

Ở phương Bắc, Mạc Mậu Hợp trở về Thăng Long.

Tháng 4 năm Đinh Sửu 1577, cho mở khoa thi Hội lấy Vũ Giải đỗ tiến sĩ cập đệ, tháng 8 sai Kính Điển đánh vào Thanh Hoa..

Tháng 2.1578, đánh lần nữa. Trịnh Tùng sai quân đi chống đỡ.

Tháng 10, sai Mạc Ngọc Liên đem quân đánh Tuyên Quang và Lương Hoa đến Châu Thu , Châu Vật.

Tháng 10 Canh Thìn (1580), Mạc Kính Điển chết.

Kính Điển là người nhân hậu, dũng lược, thông minh tài chí, nhậy bén, hiểu đời từng trải nhiều gian nan nguy hiểm. Ông là trụ cột của nhà Mạc, có 9 con trai, 9 con gái.

Mạc Mậu Hợp ở trên ngôi vua là một người háo sắc bị sét đánh gần chết. Lại bị bệnh thong manh. Mưu lấy vợ của Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên, con gái của Nguyễn Quyện, Hợp giết Khuê, Khuê biết chạy trốn đầu hàng Trịnh Tùng.

Tháng 10 Nhâm Thìn 1592 Mạc Mậu Hợp cho xây dựng lại kinh thành Thăng Long. Càng ngày càng luông tuồng đấm say tửu sắc.

Sau 70 năm chiến tranh hai miền Nam Bắc với hơn 38 lần đánh nhau, đất nước xơ xác điêu tàn, dân tâm ly tán oán hờn cả họ Mạc, họ Trịnh lẫn vua Lê.

Năm Nhâm Thìn 1592, Tiết chế Trịnh Tùng lập trai đàn tế lễ thần núi, sông - thề sẽ tiến ra phương Bắc diệt Mạc khôi phục đất của triều Lê.

Tháng 11 năm Nhâm Thìn (1592), Mạc Mậu Hợp bị vây hãm. Hợp trốn chạy về huyện Kim Thành, trấn Hải Dương, Nghĩa quốc công của họ Mạc trở tay không kịp. Quân Trịnh thu được 70 chiến thuyền cùng khí giới. Tướng Mạc là Trần Bác Niêm đem quân đến hàng.

Tiết chế Trịnh Tùng ngăn cấm quân sĩ không được cướp bóc để dân yên nghiệp.

Dân Sơn Nam đem giỏ cơm, bầu nước ra đón vương sư, trai gái già trẻ không ai không ngưỡng mộ ơn đức.

Trịnh Tùng đóng quân ở bến Sa Thảo, Liêm quận công đem 5.000 người đến hàng.

Mạc Mậu Hợp bỏ thuyền đi bộ đến một ngôi chùa ở huyện Phượng Nhãn ẩn nấp đó 11 ngày, cuối cùng bị quan quân bắt được trong chùa khi đang giả làm thầy tu. Hợp bị bắt về kinh sư, bêu sống 3 ngày rồi chém gởi đầu về hành tại Vạn Lai, Thanh Hoa.

Mạc Kính Chỉ chạy về thôn Tân Mạnh, Yên Quảng thì bị bắt.

Cùng năm đó, tiết chế Trịnh Tùng sai người xây cung điện, làm hành tại ở phía Tây Nam thành Thăng Long chỉ trong vòng 1 tháng thì xong. Khi đó Thế Tông từ Thanh Hoa Tây Đô vào kinh sư.

Ngày 16 tháng tư, Quý Ty (1593) vua lên chính điện, nhận lễ châu mừng của trăm quan, đại xá thiên hạ.

Họ Mạc tiếm ngôi bắt đầu từ năm Đinh Hợi (1527) kể từ Mạc Đăng Dung đặt niên hiệu Minh Đức, truyền 5 đời đến năm Nhâm Thìn 1592 là Hồng Minh năm thứ 3, Mạc Mậu Hợp bị bắt lại tiếp từ năm Quý Ty 1593 cho đến tuyệt diệt 67 năm.

Năm Quý Hợi, tháng 5/1593, thái phó Đoan quận công Nguyễn Hoàng từ Thanh Hoa đích thân đem tướng sĩ, voi ngựa thuyền ghe về kinh sư lạy chào. Vua sai thống lĩnh thủy binh đi đánh Mạc Kính Chương chạy vào Hải Dương và Sơn Nam về sau bị dẹp dần. Mạc Ngọc Liễn, một công thần nhà Mạc được phong làm thái phó, một cột trụ của họ nhà Mạc khi sắp lâm chung (1954) có di chúc lại : "Nay vận nhà Mạc đã hết. Họ Lê lại phục hưng đó là số trời... chớ nên rước người Minh vào trong nước ta để dân ta phải làm than đau khổ... tội đó lớn không gì nặng bằng".

Năm ấy Kính Chương đem quân chiếm huyện Thanh Hà, bấy giờ nhân dân các huyện Hải Dương mất mùa to, đói kém đến nỗi ăn thịt lẫn nhau, chết đói hết một phần ba. Loạn lạc, trộm cướp nổi lên khắp nơi. Vua nhà Minh nhiều lần sai người sang dò la sự tình không ngày nào không có.

Năm Bính Thân (1596) Vua Minh sai người mang chiếu đòi vua Lê hội khán, vua Lê cùng Phùng Khắc Khoan phải lên trấn Nam Giao để chờ đợi. Nhiều lần mãi đến năm sau, Vương Kiến Lập, sứ giả Minh mới qua hội khán.

Vua lại sai công bộ tả thi lang Phùng Khắc Khoan đi sứ sang Minh, gặp tiết Vạn Thọ, Khoan làm 30 bài thơ dâng vua Minh. Vua khen hay, cho in ra và bảo sứ Triều Tiên viết lời tựa cho tập thơ Vạn Thọ:

Năm Mậu Tuất 1598, tháng 3, sai Nguyễn Hoàng đem thủy quân đánh dẹp Hải Dương.

Tháng 2 Thăng công Tử Trịnh Tráng làm Bình quận công.

Năm Kỷ Hợi (1599) ngày 24/8, vua băng, thọ 33 tuổi, ở ngôi được 27 năm. Thời kỳ này gọi là vua Lê chúa Trịnh : vua chỉ ngồi chấp tay đại diện cho quốc gia còn quyền hành trong nước đều do Trịnh Vương quyết định.

LÊ KÍNH TÔNG (1599-1619)

Tên húy là Duy Tân con thứ của Thế Tông, ở ngôi 20 năm, thọ 32 tuổi, băng tang ở lăng Hoa Lăng.

Vua tướng mạo hùng vĩ, nổi ngôi giữ nghiệp mà trong nước bình yên. Nhưng lại riêng nghe mưu gian đến nỗi có việc chẳng lành, thật rất đáng thương.

Bình An Vương Trịnh Tùng cùng với triều thần tôn con thứ là Duy Tân lên làm vua hiệu Kính Tông, đổi niên hiệu Thuận Đức, đến tháng 7 năm sau đổi là Hoàng Định.

Nguyễn Hoàng ngầm sai Phan Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê mưu phản. Trịnh Tùng cùng các quan bàn việc đánh dẹp. Hoàng muốn kế của mình trôi chảy nên giả vờ xin đem quân đuổi đánh, rồi đốt hết doanh trại, trốn về Thuận Hóa. Bấy giờ, trong nước loạn lạc lòng người dao động, Bình An Vương Trịnh Tùng bèn hộ vệ Hoàng thượng trở về Tây Đô để lo giữ đất căn bản. Đất nước lúc đó hình thành 2 miền rõ rệt. ở phương Bắc là nhà Mạc, từ Thanh Hóa ra Thăng Long là vua Lê chúa Trịnh - Thuận Hóa - Quảng Nam là Nguyễn Hoàng. Sau khi Nguyễn Hoàng về Thuận Hóa, Trịnh Tùng có viết cho Hoàng một bức thư tình nghĩa cậu cháu nhưng rất cương quyết bảo Nguyễn Hoàng phải quay trở lại. Nguyễn Hoàng không nghe từ đó hai bên cắt đứt mối giao hảo, mỗi phe hùng cứ một phương.
(Mẹ của Trịnh Tùng là chị ruột của Nguyễn Hoàng).

Năm Quý Sửu 1613, Nguyễn Hoàng tạ thế, thọ 89 tuổi, có 10 con trai, trấn thủ đất Thuận Quảng 56 năm.

Trước khi quyết định lập nghiệp ở phương Nam, Nguyễn Hoàng có nhờ người hỏi Nguyễn Bình Khiêm thì Khiêm trả lời "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân" do đó mà Hoàng xin Trịnh Kiểm vào Nam lập nghiệp. Hoàng chết, con là Nguyễn Phúc Nguyên nối nghiệp chúa.

NGUYỄN PHÚC NGUYÊN (1613-1635)

Còn gọi là chúa Phật hay chúa Sãi, con thứ 6 của Nguyễn Hoàng (4 con trước mất sớm, con thứ 5 ở làm con tin Đàng Ngoài), thân mẫu họ Nguyễn (Gia Dụ hoàng hậu) sinh 1563.

Năm 50 tuổi nối nghiệp chúa (1613) tức Thụy Quận Công, ở ngôi 22 năm thọ 72 tuổi, được truy tôn là Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế.

Năm 1627 được Trần Đức Hoà tiến cử Đào Duy Từ, Đào Duy Từ bày kế sách cho Nguyễn Phúc Nguyên như đắp lũy Trường Dục, Lũy Thầy để ngăn chúa Trịnh. Tháng 3 năm Kỷ Mùi (1619) Bình An Vương Trịnh Tùng đến lâu ở bên Đông xem đua thuyền, khi trở về đến chỗ ngã ba chột có tiếng súng nắp bắn voi của Vương. Vương cho điều tra, biết là vua Kính Tông cùng con trai thứ của mình là Trịnh Xuân mưu giết mình. Trịnh Tùng bắt vua thất cổ chết, giam con là Trịnh Xuân trong nội phủ.

LÊ THẦN TÔNG (1619-1643 và 1649-1662)

Tên húy là Duy Kỳ, con trưởng của Kính Tông ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 6 năm, lại lên ngôi 13 năm, thọ 56 tuổi thì mất, chôn ở lăng Quần Ngọc.

Vua sống mũi cao, mặt rộng, thông minh, học rộng, mưu lược sâu, văn chương giỏi xứng đáng là bậc vua giỏi. Song chốn cung vi không có chế độ, mê hoặc Phật giáo, đó là chỗ kém.

Sau khi vua chết, lấy thái tử Duy Kỳ lên nối ngôi, hiệu là Lê Thần Tông Uyên hoàng đế. 4 năm sau (1623) Trịnh Tùng bị bệnh, truyền ngôi cho con trưởng là Trịnh Tráng.

Xuân là em của Trịnh Tráng, đang ở Đình Ngang làm loạn định cướp ngôi của anh. Xuân cho voi ngựa, binh lính tấn công phủ Chúa : cha là Trịnh Tùng đang đau nặng phải chạy trốn ra ngoài, Xuân nổi lửa đốt nhà cháy lan khắp kinh thành, Trịnh Tráng họp bàn với các quan, sai em là Trịnh Khải hộ giá Trịnh Tùng phiêu dạt ra xứ Quán Bạt dụ Trịnh Xuân vào để trao cho đại quyền. Xuân ngậm cỏ phủ phục trước sân. Tùng kể tội Xuân là kẻ loạn thần, tặc tử, truyền Sĩ Lâm sai người chặt chân Xuân cho đến chết. Thế là cha giết con.

TRỊNH TRÁNG (1623-1657)

Con trưởng của Trịnh Tùng, 1623-1657 được nhà Minh phong là Phó quốc vương.

Thời gian hơn 40 năm tiếp đó tình hình tương đối bình yên. Nam Bắc không xâm phạm lẫn nhau. Cả 2 bên đều tổ chức thi Hương, thi Hội cứ 3 năm tổ chức một lần.

NGUYỄN PHÚC LAN (1635-1648)

Còn gọi là chúa Thượng, con thứ 2 của Nguyễn Phúc Nguyên, sinh 1601, ở ngôi 13 năm, thọ 47 tuổi, được truy tôn là Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng Đế.

Năm Quý Mùi 1643 tháng 2, sai Trịnh Tạc, Trịnh Lê... thống lĩnh đại quân đi đánh Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hóa, đánh úp tỳ tướng Thăng Lương hầu ở xã Trung

Hòa, tiến quân thẳng tới cửa biển Nhật Lệ, đóng quân ở xã An Bài. Ba chiếc tàu chiến của Hà Lan định giúp Trịnh Tráng đánh Nguyễn ở cửa sông Gianh, kết quả một chiếc bị phá hủy, hai chiếc hỏng phải chạy vội ra Đàng ngoài. Nguyễn Phúc Tần và Chuồng Cơ, Tôn Thất Trung đánh đắm một chiếc ở cửa biển Hoàn Hải (Cửa Môn)

LÊ CHÂN TÔNG (1643- 1649)

Tên húy là Duy Hựu, con trưởng của Thần Tông, 13 tuổi được truyền ngôi, ở ngôi 7 năm, thọ 20 tuổi thì băng, táng ở lăng Hoa Phố. Vua tính trời trầm tĩnh, khoan dung phúc hậu, có đức của người làm vua. Trong 6, 7 năm liền được mùa. Nếu trời cho sống lâu thì cũng được lòng người, giàu của như tiếng tốt của Văn Đế nhà Hán vậy.

Tháng ba Trịnh Tráng hộ vệ xa giá tiến vào Bồ Chính. Khí hậu nóng bức, gió Nam Lào thổi qua khiến cho quan quân sức khỏe xuống dần, bèn chỉnh đốn hàng ngũ rồi rút đại quân về Thăng Long.

Về đạo Gia Tô thì các giáo sĩ Âu châu đến truyền đạo từ mấy chục năm trước cả Đàng trong lẫn Đàng ngoài. Tuy nhiên việc rao giảng tin mừng của đạo Thiên chúa có vẻ được phát triển nhiều ở miền Bắc.

Tháng 7 năm Ất Dậu (1645) có lệnh cấm đạo gắt gao ở Đàng ngoài. Giáo sĩ Alexandre Rhodes bị trục xuất chạy sang Ma Cao, rồi sang Batavia, trở về Roma.

Ông Alexandre Rhodes người đã sáng chế ra chữ quốc ngữ hiện nay bằng các mẫu tự La tinh.

Thánh kinh và các giấy tờ đều được viết bằng thứ chữ đó được truyền giảng trong giáo dân. ông soạn thêm từ điển Việt - Bồ Đào Nha - La Tinh.

Năm 1659 thống kê số lượng nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Đàng Ngoài gồm có : Nghệ An 75, Sơn Nam : 183, Hải Dương : 37, Kinh bắc : 15, Thanh Hoa : 20, Sơn Tây : 10.

Tháng 4 Ất Dậu (1645), Trịnh Tráng phong cho con là Trịnh Tạc làm Thái úy Tây Quốc công và trao quyền trông coi việc nước. , Trịnh Lịch là em Trịnh Tạc đem quân chống lại bị Trịnh Tráng đánh dẹp và giết chết.

Tháng 6 năm Đinh Hợi (1647), vua sai Trịnh Tráng đem quân đi đánh Trung quốc, chiếm một vài vùng ở tỉnh Quảng Đông là đất cũ của ta. Sau bị quân nhà Thanh tái chiếm phải rút quân trở về..

NGUYỄN PHÚC TẦN (1648-1687)

Còn gọi là chúa Hiền, con thứ 2 của Nguyễn phúc Lan, sinh 1620, ở ngôi chúa 39 năm, được truy tôn là Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế.

Năm 1648, Nguyễn Phúc Lan chết, con là Nguyễn Phúc Tần lên thay.

Năm 1649, vua Chân.Tông chết trẻ (20 tuổi), Thái thượng hoàng là Thần Tông trở lại ngôi vua.

LÊ THẦN TÔNG (HẠ)

Vua Lê Thần Tông (1619 - 1662) Thần Tông tên là Duy Kỳ làm vua 38 năm, làm vua 2 lần ; lần đầu 25 năm truyền ngôi cho con, con chết lên làm vua lại thêm 13 năm nữa. Tháng 9 Nhâm Dần 1662 vua Lê Thần Tông chết, Số năm trị vì bằng với vua Lê Thái Tông.

Năm 1650, mùa đông tháng 10, thi Hội. Các nhân sĩ trong nước lấy đỗ KhươngThế Hiên, Nguyễn Văn Lễ, Trịnh Cao Đệ.

Các lái buôn thuyền Pháp, Ý, Nhật, Bồ Đào Nha khi đến kẻ chợ được phép trú ngụ ở các làng Thanh Trì, Khuyến Lương.

Năm Nhâm Ngọ 1642 hai tàu của Hà Lan bị đắm ở cù lao Chàm. Nguyễn Phúc Lan sai thả, nhưng trên đường về họ bị quân Bồ Đào Nha giết chết. Công ty Đông Ấn Hà Lan không biết việc đó nên sai Vanliesvelt đem tàu sang đánh Chúa Nguyễn. Kết quả tàu Hà Lan thua to, Vanliesvelt tử trận. Sau đó người Hà Lan trả thù bằng cách cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng bắn giết một số thường dân rồi tiến ra Đà Nẵng.

Từ đó họ chống chúa Nguyễn ra mặt.

Tháng 10 Tân Mão 1651, toàn quyền Hà Lan sai sứ giả là Vertegen sang thương nghị với chúa Nguyễn Phúc Tần, Phúc Tần mới lên ngôi cũng muốn giao hảo với người Âu châu nên ký hòa ước với Hà Lan và định việc buôn bán. Hòa ước được ký có nhiều khoản, riêng khoản thứ 3, 9 và 10 nói đến việc miễn thuế và cho lấy Hội An làm thương *điểm*...

Năm Ất Mùi 1655, tháng 8, quân nhà Nguyễn bức sát Trịnh quân ở Nghệ An, các tướng Trịnh như : Vũ Văn Thiêm, Nguyễn Hữu Sắc, Lê Nhân Hậu, Trịnh Lương thua chạy cả khí giới, quân lương, về sau đóng quân ở Bắc Hà đợi viện binh của Trịnh Tạc. Tạc dẫn đại quân vào cứu viện đến đất Kỳ Hòa thì chúa Nguyễn cho lui quân.

Từ năm Nhâm Thìn 1652 đến năm Nhâm Dần (1662) quân nhà Trịnh Nguyễn đánh nhau cả thảy là 8 lần.

Năm 1657, Trịnh Tráng chết, con là Trịnh Tạc kế vị.

TRỊNH TẠC (1657-1682)

Là con trưởng của Trịnh Tráng,

Năm đó Trịnh Toàn ngầm mưu làm phản bị Trịnh Tạc can ngăn kịp thời. Trịnh Tạc sai quân đi đánh tan quân Mạc ở Cao Bằng

LÊ HUYỀN TÔNG (1662-1671)

Tên húy là Duy Vũ, con của Thần Tông, em của Chân Tông, ở ngôi 9 năm, thọ 19 tuổi thì băng, táng ở lăng Quả Thịnh. Vua tính trời nhân hậu, về người đoan nghiêm, những năm ở ngôi, trong nước yên trị, thóc lúa được mùa, cũng đáng gọi là bậc vua hiền. Nhưng ở ngôi không được lâu, thực đáng tiếc !

Thái tử Lê Duy Vũ lên kế vị hiệu là Huyền Tông, em của Chân Tông ở ngôi 9, năm thọ 18 tuổi, vua nhân hậu, mất sớm

Trong chín năm làm vua, nhiều thiên tai xảy ra làm nhiều người chết, đói kém mất mùa, nước cuốn trôi.

Năm 1663 đại hạn ở Đàng Trong, năm sau hạn hán đàng Ngoài.

Năm 1670 có bệnh dịch trong nước, bão lụt đàng Trong.

Năm 1667 vỡ đê ở Thanh Hóa...

Năm 1669 nhà Thanh sai Lý Tiêu Căn, đem chỉ dụ sang bảo ta trả lại cho họ Mạc 4 châu ở Cao Bằng, vua phải thuận.

Tháng 10 Quý Mão 1663, đàng Ngoài lệnh cấm người trong nước học đạo Hoa Lang (Gia Tô, Thiên Chúa) trước đây có người nước Hoa Lang vào nước ta, lập ra đạo bọn đàn ông đàn bà nhiều kẻ tín mộ Trường giảng đạo người ở hỗn tạp trai gái không phân biệt, trước đã đuổi người giảng đạo đi rồi mà sách đạo, nơi giảng đạo hãy còn, thói tệ chưa đổi đến đây lại nghiêm cấm

Tháng 11 Giáp Thìn 1664 ở Đàng Trong Nguyễn Phúc Tần ra lệnh cấm đạo Gia Tô. Lúc đó số giáo dân ở Đàng Trong lên đến 100.000 người.

Tháng 9 Kỷ Dậu(1669) chiếc thuyền đầu tiên của Pháp đến Đàng Ngoài chở theo một số giáo sĩ người Pháp họ khai là tàu của công ty Đông Ấn xin đến thông thương.

Mùa đông tháng 11/1670 có chỉ truyền cấm thông đồng với người nước ngoài bán trộm súng.

Sau đó công ty Đông Ấn Pháp được mở thương điếm ở Phố Hiến.

Năm Nhâm Tý 1672, công ty Ấn Độ của Anh cử William Gyfford và 5 tùy tùng đi tàu Zant đến Đàng Ngoài dâng phẩm vật và xin Lê Gia Tông cho được buôn bán, Trịnh Tạc cho phép mở hiệu bán ở Kẻ Chợ, Phố Hiến. Gyfford phụ trách thương điếm của Anh.

Năm Tân Hợi 1671, Trịnh Tạc đưa em Huyền Tông là Lê Duy Cối còn gọi là Lê Duy Khoái mới 11 tuổi lên kế vị anh mình vừa mới chết.

LÊ GIA TÔNG (1671-1675)

Tên húy là Duy Cối, con thứ của Thần Tông. Khi xưa, Thần Tông băng, vua mới 2 tuổi, vua sai chính phi Trịnh thị Ngọc Lung nuôi ở trong cung. Huyền Tông

băng không có con nối, bèn lên ngôi báu. Ở ngôi 4 năm thì băng, thọ 15 tuổi, chôn ở lăng Phúc An. Vua tướng mạo anh vĩ, tính thời khoan hòa, có đức độ của người làm vua, tiếc rằng ở ngôi không lâu, chưa thấy sự nghiệp gì.

Năm 1672, tháng Chạp, Trịnh Tạc đem 18 vạn quân đi đánh chúa Nguyễn ở Châu Bố Chính. trước khi tiến quân, tế cáo trời đất thân kỳ kể tội

Vương cho phò hoàng thượng ngự giá đi đánh, mùa thu tháng 8 đại quân đến Châu Bố Chính. Nguyễn Phúc Tần được người Hà Lan giúp đỡ đã đánh bại quân Trịnh.

Đây là trận cuối cùng của Trịnh Nguyễn phân tranh, lấy sông Gianh làm ranh giới phân chia 2 miền.

Tháng 4 năm Ất mao (1675) vua băng

LÊ HY TÔNG (1675-1705)

Họ tên Lê Duy Hiệp, con Lê Thần Tông nhưng khi vua mất chưa chào đời, sinh 1663, lên ngôi 1675, ở ngôi 30 năm.

Năm 1705, lên làm Thái thượng hoàng đến năm 1716 thì mất thọ 53 tuổi.

Tháng 4 năm Ất Mão 1675 vua băng.

Khi Thần Tông sắp băng gọi Trịnh Tạc bảo là cung nhân Trịnh Thị Ngọc Trúc đang mang thai 4 tháng và nhờ Trịnh Vương trông nom con mình. Đến khi 9 tuổi ở trong phủ, Vương đích thân dìu lên điện, lên ngôi hoàng đế là Hy Tông niên hiệu Vĩnh Trị.

Tháng 10 cùng năm, Phạm Công Trứ chết, ông là một người sâu sắc điềm tĩnh, giản dị làm việc có mưu thuật, ông cũng là một sử gia tu chỉnh lại "Đại Việt sử ký toàn thư" bản kỷ thực lục, viết bản kỷ tục biên.

Năm 1667, Nguyễn Phúc Tần cho bọn tướng cũ nhà Minh là Dương Ngạn dich, Hoàng Tiêu kéo 3000 quân đến xin trú ngụ nước ta. Họ được trú ngụ tại Đông Phố (Tân Mỹ). Mạc Cửu lập ấp rải rác ở vùng Thơm, Kẻ Nàng, Rạch Giá. Đất nước càng ngày càng mở rộng, Đàng Trong trúng mùa liên tục thóc lúa đầy nhà trong khi đó Đàng Ngoài bị lụt lội hạn hán liên miên vào các năm 1680, 1681 bệnh dịch 1686.

Năm 1681 Hồ Sĩ Dương mất, ông người làng Hoàng Hậu. Có nhiều trước tác như : Trung San Lam Sơn thực lục, Đại Việt Lê triều đế vương, Trung hưng công nghiệp ; Lê Huy viết thêm Tục biên sử ký.

Năm 1682, tàu Saint Joseph mang theo thư của hoàng đế Pháp là Louis XIV, Trịnh Căn gửi thư phúc đáp kèm theo nhiều tặng phẩm quý giá.

NGUYỄN PHÚC TRẦN (1687-1691)

Còn gọi là chúa Nghĩa tước Hoàng Quốc Công, , con thứ 2 của Nguyễn Phúc Tần, sinh 1649, ở ngôi 4 năm thọ 42 tuổi, được truy tôn Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế.

Tháng 3 Đinh Mão 1687, Nguyễn Phúc Tần chết, Nguyễn Phúc Trăn là con lên nối ngôi chúa. Phúc Trăn dời đô từ Ái tử về Phú Xuân và bắt đầu xây dựng kinh đô Huế.

Năm 1674, Nguyễn Phúc Tần sai Nguyễn Dương Lâm đem quân cứu viện nước Chân Lạp vì trong nước đó Nặc Ô Đài liên kết với nước Xiêm muốn đoạt ngôi vua của Chân Lạp lúc đó là Nặc Ôn, dẹp yên bạo loạn Dương Lâm trao quyền hạn lại cho Nặc Ôn và kéo quân về.

Năm 1688, Thổ quan nhà Minh phủ Khai Hóa (Vân Nam) xâm chiếm các động thuộc ba Châu. triều đình sai Trần Thọ đưa thư đòi lại các đất Vi Xuyên, Bảo Lạc, Thủy Vi nhưng rốt cuộc nhà Thanh im luôn không trả lời.

Năm 1693, sai Cai cơ Nguyễn Hữu Kính đánh Chiêm Thành vì vua Chiêm Thành là Ba Tranh hay quấy nhiễu ở vùng Diên Ninh, Bình Thanh (Phú Khánh).

Năm 1700, Đàng Trong cho thao diễn ngựa chiến. Đàng Ngoài tổ chức thi Hội lấy đỗ 19 tiến sĩ.

Năm Nhâm Ngọ 1702, nước sông lên cao, vỡ đê ở Thanh Hóa.

Năm 1703, Đàng Ngoài đại hạn.

Năm 1705, Đàng Trong sâu bệnh phá hoại mùa màng. ở biên giới, quân Thanh sang Châu Lộc Bình (Lạng Sơn) lấn cướp những ruộng lúa chín.

Năm 1701 tháng 8 năm ấy công ty Đông Ấn của Anh đem 200 lính xâm chiếm đảo Côn Lôn.

Tháng 10.1703, dân trên đảo cùng với quân lính người Mã Lai, có sự phối hợp trấn thủ Trấn Biên (Đông Nai) là Trương Phúc Phan diệt được quân Anh.

Năm 1705 cho Nguyễn Cửu Vân phòng giữ phiên trấn (SG- Tây Ninh) khai khẩn xứ Vũng Cù, đắp lũy xây thành để phòng giữ quân Chân Lạp.

Năm 1706, Triều Phúc vua Ai Lao đến dâng cống xin cưới con gái họ Trịnh để lấy chỗ dựa chống lại sự xâm lấn của các bộ lạc chung quanh.

NGUYỄN PHÚC CHU (1691-1725)

Còn gọi là Quốc chúa, con trưởng Nguyễn Phúc Trăn, sinh 1675, ở ngôi 34 năm thọ 50 tuổi, có 3 lần mở mang bờ cõi :

-Lấy hết phần đất còn lại của Chiêm Thành (1693), biên giới cực Nam của xứ Đàng Trong, từ đó kéo dài đến Bình Thuận ngày nay.

-Lấy phần đất Chân Lạp tiếp giáp với xứ Đàng Trong (1698) là vùng miền Đông Nam Bộ ngày nay.

-Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho Chúa, đó là diện tích của các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và một phần của tỉnh An Giang, Sóc Trăng ngày nay(1714).

Năm 1708, tháng 7, người Chăm ở Nam Bàn cũ nổi dậy khởi nghĩa bị Hòa Đức đem quân đàn áp. ở Hà Tiên, Mạc Cửu chiêu mộ dân lập ra 7 thôn xã Mạc xin thần phục chúa Nguyễn Phúc Chu được phong là thống lĩnh Hà Tiên. Vùng này ngày càng trù phú, các thương thuyền ngoại quốc như Tàu, Chân Lạp, Xiêm La, Gia Va từng ghé đến.

TRỊNH CƯƠNG (1709 – 1729)

Con của Trịnh Bính, nổi nghiệp năm 1709

Trịnh Cương là con trưởng của Tấn quan vương Trịnh Bính là cháu của Khang Vương Trịnh Căn.

Năm 1709, Cương lên ngôi được gia phong là Nguyên Soái Tổng Quốc Chinh An Đô Vương. Cương là người biết giữ mối quan hệ giữa vua và chúa không quá mức lấn quyền như các chúa trước. Đáp lại, vua Lê đặc biệt kính trọng Cương khác thường. Cương là người có học thức đã lấy phép Tô Dung Điện học và các cải cách ở Trung Quốc để áp dụng lại chính sách thuế khóa để hạn chế các bất công mà nền hành chính, thuế khóa gây ra.

Năm 1711, chúa Nguyễn sai đo diện tích bãi cát Trường Sa vào tháng 4, đặt đồng hồ ở châu Bố chính để định chiều dài của đường đi, chia ruộng đất, bãi tô thuế ở những vùng mới khai khẩn như Phiên Trấn (Sài gòn), Trấn Biên (Biên Hòa - Đồng Nai) để ổn định đời sống và thiếp lập thôn phường. Chúa Trịnh sai các quan trong triều đi các địa phương để đôn đốc việc đập sửa đê điều.

Năm 1714, vua Chân Lạp là Nặc Yên xin chúa Nguyễn cứu viện vì có nội loạn trong nước.

Năm 1718, Trịnh Cương cấm nhân dân chứa các ván in sách, ý muốn ngăn ngừa tình trạng sách vở có nội dung chống lại triều canh và trật tự thối nát lúc đó.

Tháng 9, Trịnh Cương cho chuyển ba phiên làm sáu phiên để rút hết quyền hành của 6 bộ bên cung Vua về phủ Chúa.

LÊ DUY TÔNG (1705-1729)

Thái thượng hoàng mất, Lê Duy Đường, con trưởng Lê Hy Tông, sinh 1680, lên ngôi 1705, năm 1729 lên làm Thượng hoàng, tạ thế năm 1731, thọ 51 tuổi.

Năm Canh Tý (1720), Duy Tông đổi niên hiệu là Bảo Thái, tháng 11 ra lệnh đánh các sắc thuế trên đồng, muối, quế và kiểm soát chặt chẽ việc mua bán. Công ty Đông Ấn của Anh bãi bỏ thương điếm và triệu hồi toàn bộ trở về.

Tháng 10 Tân Sửu, bàn về thuế khóa và lực dịch. Trịnh Cương đề ra nguyên tắc tài chính đảo ngược trước hết tính số chi ra, rồi sau sẽ định số cho dân phải nộp.

Năm 1720, khôi phục lại quan chế đời Hồng Đức qui định nghi thức trang phục của quan lại.

Năm 1721, Đàng Ngoài xóa bỏ hình phạt chặt tay.

Năm 1723, định kỳ 3 năm kiểm kê số lượng và số nhân khẩu ven sông. Nhà Trịnh cấp ruộng cho các trường học.

Năm 1725 tháng 10 - 11, Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn xem xét địa thế đồng ruộng, kiểm tra hệ thống thủy lợi, bắt các xã nộp bản đồ thủy lợi để đợi duyệt xét quy hoạch.

Vua cho yết bảng để dân phản ánh việc làm tốt xấu của quan lại địa phương.

Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Chu mở mang bờ cõi phía Nam.

Năm 1697, đặt phủ BìnhThuận gồm đất Phan Rang, Phan Rí phía Tây.

Năm Ất Tỵ (1725) Phúc Chu tạ thế, ông là người có nhiều con nhất trong lịch sử vua chúa (147 con trai và gái). ông là người có học vấn cao, có công mở mang bờ cõi về phương Nam.

NGUYỄN PHÚC CHU (1725-1738)

Con trưởng Nguyễn Phúc Chu sinh 1696, tước Đĩnh Quốc Công thường gọi là Ninh Vương, ở ngôi 13 năm thọ 42 tuổi sau được truy tôn là Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế.

Đàng Ngoài, chúa Trịnh Lê cho tổ chức thi toán và thi Bác Cử để chọn võ quan. Ra lệnh cho các người ngoại quốc không được khai thác mỏ bạc, điều đình với Trung Quốc trả lại mỏ đồng Tu Công mà họ đã chiếm nhiều năm trước. Sự kiện này xảy ra năm 1728.

LÊ ĐẾ DUY PHƯỜNG (1729-1732)

Lê Duy Phường, con thứ của Lê Dụ Tông, sinh 1709, lên ngôi 1729, năm 1732 bị chúa Trịnh Giang phế, đến năm 1735 bị giết, thọ 26 tuổi

Năm Kỷ Dậu (1729) vua Dụ Tông nhường ngôi cho con là thái tử Duy Phường, Tháng 10 Trịnh Cương chết, Trịnh Giang lên thay cha.

TRỊNH GIANG (1729-1740)

Nổi nghiệp cha đến năm 1740 nhường ngôi chúa cho em để làm thái thượng vương.

Trịnh Giang là người ương hèn, dâm dục, loạn luân với cung nữ của cha là Kỳ Viên. Bị sét đánh gần chết sau mắc bệnh điên.

Năm Canh Thân 1740, thấy tình hình nguy ngập, thái phi Vũ Thị đã cùng triều thần bàn cách lập Trịnh Doanh là em Trịnh Giang lên ngôi chúa.

Suốt đời Trịnh Giang thích sống dưới hầm không ra ngoài, người đời gọi là Chúa Hang, nơi ở gọi là cung Thường Trì.

LÊ THUẦN TÔNG (1732-1735)

Họ tên Lê Duy Tường, con trưởng Lê Dụ Tông, sinh 1699, lên ngôi 1732, mất 1735, thọ 36 tuổi.

Tháng 9 Ất Mão (1735) Trịnh Giang giết vua Lê Duy Phường đã bị truất ngôi từ năm 1732.,

Cũng năm này Đàng Trong, chúa Nguyễn lập tại Gia Định (Hòa Đa) thành châu Đinh Viễn và dinh Long Hồ (đều thuộc Cửu Long ngày nay). Trước đó, vào năm 1720, cho đặt các ấp thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Phú Khánh.

Năm 1731, ở Đàng Ngoài, cho biên soạn sách “Quốc Triều Hội Điển”, sách này viết vào năm 1734.

Cho tổ chức thi Tào Sĩ là khoa thi võ ngang hàng với tiến sĩ thi văn. Nguyễn Túc Ưông đỗ đầu với tác phẩm binh học là "Bình Pháp tập lược”.

Năm 1732, triều đình Lê Trịnh mua và tìm sách cũ sót lại để khôi phục Tàng thư tịch cổ.

Năm 1734, lại ban hành Ngũ kinh đại toàn để dạy học trò, ra lệnh khắc in các bản Tứ thư chữ sử để ban hành trong nước.

LÊ Ý TÔNG (1735-1740)

Lê Duy Thận, con thứ 11 của Dụ Tông, sinh 1719, lên ngôi 1735. Năm 1740, lên làm thượng hoàng 19 năm, mất 1759 thọ 40 tuổi.

Năm 1736, Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tứ được Nguyễn Phúc Chu cho làm đô đốc trấn Hà Tiên. ông là người nhìn xa, hiểu rộng thích văn thơ lập ra Chiêu Anh Các mời các văn nhân thi sĩ tham gia, để lại 10 bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên về sau hợp lại 320 bài của 25 tác giả Trung Quốc và 6 tác giả Việt Nam.

Đàng Ngoài thì Trịnh Giang càng ngày càng trở nên điên loạn, ông bị bệnh tâm thần phân liệt nặng làm nhiều điều thất đức.

Loạn lạc, giặc cướp nổi lên, dân tình đói khát lầm than, nhiều dịch bệnh hoành hành.

Năm 1741, vào tháng 8, ở Đàng Ngoài mất mùa liên tiếp, nhân dân khắp nơi bị đói, người đi ăn xin đầy đường giá thóc gạo cao vọt, bệnh dịch phát sinh, chỉ còn một phần mười số người sống sót.

Năm 1737, tổng kê số giáo dân theo đạo Gia Tô cả nước là 250.000 người.

Chúa Nguyễn và Trịnh đều ra lệnh cấm đạo Gia Tô và buộc các giáo sĩ người ngoại quốc phải rời khỏi nước ta. Trong năm đó, nhà sư Nguyễn Dương Hưng dấy binh khởi nghĩa ở vùng Tam Đảo.

Năm 1734 Quách Công Thi, tù trưởng vùng Lạc Thế nổi dậy chống triều đình.

Năm 1738, tháng Chạp, Lê Duy Mật được các thân vương tôn lên đứng đầu nghĩa quân mưu đồ dẹp chúa Trịnh lộng hành. Cơ mưu bại lộ. Duy Mật chạy về Thanh Hóa lập căn cứ chiêu tập quân sĩ nông dân, các dân tộc thiểu số ở trấn Ninh vùng Nghệ An, Thanh Hóa. Cuộc chiến đấu kéo dài 32 năm, năm 1770 nhân khi Duy Mật đang trấn ở thành Trịnh Quan thuộc trấn Ninh, bị ba đạo quân họ Trịnh tấn công.

Quân Trịnh bắt mẹ của con rể là Lại Thế Triều viết thư đầu hàng. Triều phản bội mở cửa thành quân Trịnh tràn vào.

Lê Duy Mật tự vẫn.

Ở Đàng Ngoài, dưới chế độ hà khắc của Trịnh Giang, dân chúng nổi lên nhiều nơi như Hoàng Công Chất ở Sơn Nam, Nguyễn Tuyển, Cừ, Vũ Trác Oánh ở Hải Dương, Mộ Trạch.

TRỊNH DOANH (1740-1767)

Là em của Trịnh Giang nối ngôi anh năm 1740

Năm 1740, Trịnh Doanh thế Trịnh Giang, đem quân đi tiêu trừ và vỗ yên dân chúng nhưng phải tốn nhiều sức, của, và sinh mạng.

Năm 1744, dư đảng nhà Mạc đứng lên ở vùng Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa.

LÊ HIỂN TÔNG (1740-1786)

Lê Duy Diêu. Con trưởng Lê Thuần Tông được chú ruột là Lê Ý Tông truyền ngôi năm 1740, ở ngôi 46 năm, mất 1786, thọ 69 tuổi.

Năm 1740, Vũ Đình Dung, Đoàn Oanh Chấn ở xã Ngân Gia phối hợp với nhau mở cuộc tiến công vào phố Chân Ninh.

Tháng 3 năm đó Tế và Bông Lai thủ lĩnh phong trào nông dân ở huyện Yên Lạc chiếm cứ vùng Sơn Tây.

Hiển Tông năm Canh Dần thứ 19, Chúa Nguyễn cho đúc chuông lớn nặng 3285 cân treo ở chùa Thiên Mục. Chùa Thiên Mục nằm ở gò xã An Ninh phía Tây ngoài kinh thành, dưới chân gò là sông Hương. (Năm Gia Long thứ 14 được xây dựng lại, chính giữa là điện Đại Hùng, mặt sau, tả hữu đều dựng 1 nhà bếp, sau là điện Quan Âm, phía đông phía tây có điện Thập vương, tả hữu có Lôi Gia, chính giữa mặt trước là Nghị Môn, có lầu tả, lầu hữu đặt chuông trống ngoài cửa có dựng bia...)

Năm 1742 Nguyễn Hữu Cầu đi 180 thuyền, tiến vào cửa sông gần Chí Linh đánh nhau với quân Trịnh. Cầu kiểm soát toàn bộ duyên hải miền Bắc - Hoàng Ngũ Phúc tướng nhà Trịnh bị tấn công dữ dội.

Năm Giáp Tý 1744, Trịnh Doanh con thứ 3 của Trịnh Cương, em của Trịnh Giang. Giang thấy em có văn tài võ lược phong làm Khâm sai tiết chế.

Năm 1736 Giang trao quyền nhiếp chính cho Doanh, đến năm 1740 thái phi Vũ Thị và quần thần tôn Doanh làm Chúa thay cho Trịnh Giang vì Giang mắc bệnh tâm thần phân liệt. Lê Duy Phường được cha là vua Lê Dụ Tông nhường ngôi vào năm 1729 đến năm 1736, bị Trịnh Giang truất ngôi và bị giết năm 1735 hiệu là Hôn Đức Công. Duy Tường được tôn lên, hiệu là Lê Thuần Tông làm vua được 3 năm thì chết. Duy Thuận được lập làm vua gọi là Lê Ý Tông. Ý Tông làm vua được 5 năm (1735 - 1740) bị Trịnh Doanh truất phế, lập Duy Niên làm vua gọi là Lê Hiến Tông làm vua được 47 năm, lâu nhất trong lịch sử.

Năm 1736 Mạc Cửu mất Mạc Thiên Tứ được Nguyễn Phúc Chú cho làm Đô đốc trấn Hà Tiên ông là người nhìn xa hiểu rộng thích văn thơ lập ra Chiêu Anh Các mời các văn nhân thi sĩ để lại 10 bài thơ vinh cảnh Hà Tiên về sau hợp lại 320 bài của 25 tác giả Trung Quốc và 6 tác giả Việt Nam.

ở Đàng Ngoài thì Trịnh Giang càng ngày càng bị bệnh tâm thần phân liệt nặng hơn làm nhiều điều thất đức, loạn lạc, giặc cướp nổi lên. Dân tình đói khát lầm than dân than oán, lại thêm các dịch bệnh

NGUYỄN PHÚC KHOÁT (1738-1765)

Con trưởng Nguyễn Phúc Chú, sinh 1714, ở ngôi 27 năm thọ 51 tuổi (Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế). Đã nhận đất của vua Chân Lạp là Nặc Tôn (vùng giữa Hà Tiên và Đông Nam Bộ).

Nguyễn Phúc Chú lên nối nghiệp chúa lúc 30 tuổi, ở ngôi được 13 năm. Sau chú là Nguyễn Phúc Khoát. Khoát bắt đầu xưng vương..

Năm 1744, cho đúc ấn Quốc Vương, lên ngôi vua ở phủ Phú Xuân, ban chiếu bố cáo thiên hạ, cho thay đổi triều phục, các chức danh cho phù hợp với cương vị mới của một vương quốc, Khoát còn cho xây dựng kinh đô, điện Kim Hoàng, Quang Hoa các gác Dao Trì, Triệu Dương... Kinh đô Phú Xuân trở thành nơi đô hội lớn, văn vật thanh danh lừng lẫy.

Năm 1746, Dương Bao Lai, Diệp Mã Lăng cầm đầu cuộc khởi nghĩa của người Chăm ở Thuận Thành. Lý Văn Quang tụ tập 300 người nổi loạn ở Trấn Biên, vua sai Cai cơ Tống Phước Đại đánh dẹp, dân ở biển Long Xuyên nổi loạn cũng bị dẹp ngay.

Tháng 9/1747, chúa Nguyễn lập xưởng đúc súng.

Tháng 11/1747, cho đúc tiền kẽm trắng để lưu thông được dễ dàng.

Năm 1754, tháng 6, quân Nguyễn chia làm 2 đạo tiến đánh Chân Lạp đến tận Nam Vang, Nặc Nguyên dâng biểu xin hàng phục.

NGUYỄN PHÚC THUẦN (1765-1777)

Còn gọi là Định Vương, con thứ 16 của Nguyễn Phúc Khoát, sinh 1754, o93 nôi 12 năm, mất khi bị Tây sơn đánh đuổi (Duệ Tông Hiếu Định Hoàng Đế).

Năm Ất Dậu 1765 Phúc Khoát chết, Nguyễn Phúc Thuần 12 tuổi lên thay. Quyền thần Trương Phúc Loan không muốn lập Nguyễn Phúc Luân vì Luân đã lớn tuổi không thể lộng hành được.

Năm 1767 Đinh Hợi, Trịnh Doanh chết, Trịnh Sâm lên thế.

TRỊNH SÂM (1767-1782)

Là con Trịnh Doanh.

Sâm là người cứng rắn, thông minh quyết đoán, được học hành đến nơi đến chốn nhưng rất ty hiềm với thái tử Duy Vĩ nên sau khi lên nghiệp chúa được 2 năm thì ngầm giết Thái tử. Khi Sâm lên ngôi Chúa, em là Trịnh Lệ định đoạt ngôi bị bại lộ nên Trịnh Sâm bắt giam.

Tháng 10 Quý Ty (1773), Trịnh Sâm cấm đạo Thiên Chúa.

Tháng 11 Tân Mão (1771), triều đình Lê Trịnh cấm thương nhân Trung Quốc chở trộm thóc gạo về nước. Cấm không được ở lẫn với dân địa phương và không ai được bán các loại gỗ tứ thiết cho họ.

Tháng 5/1773, Chúa Trịnh cấm đúc tiền trộm.

Năm 1774, nạn đói ở Nghệ An, Thuận Hóa trước trừ phú nay trăm bề xơ xác "mỗi lĩ gạo trị giá một tiền".

Tháng 7/1770, nạn đúc tiền trộm làm tiền tệ mất giá nghiêm trọng, dân chúng càng thêm đói nghèo.

Cuối năm 1771 và đầu 1772, vua Xiêm đem quân đánh Hà Tiên, Tổng Phước Hiệp và tướng Trần Liên giữ Hà Tiên đem quân vòng sau lưng tiến qua Chân Lạp đánh vào nước Xiêm, vua Xiêm chạy về Hà Tiên, gửi thư cầu hòa cho Mạc Thiên Tứ.

Tháng 10/1771 thuyền buôn nước ngoài vào Hội An tấp nập, nộp 30.800 quan tiền thuế. Tháng 6/1772 nộp 10.430, tháng 1/1773 nộp 13.200

Phúc Thuần nhỏ tuổi mọi quyền hành đều do Trương Phúc Loan sắp đặt, Các nguồn lợi chủ yếu của vương quốc Đàng Trong đều rơi vào tay Loan..

Tháng 10 Giáp Ngọ (1774), xảy nạn đói lớn ở Thuận Hóa, người chết đầy đường. Ruộng đồng khô héo, cường hào đúc tiền trộm làm xáo trộn nền kinh tế.

Trước bối cảnh đó 3 anh em Tây Sơn : Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ khởi nghĩa, lập đồn trại, lấy danh nghĩa đánh đổ quyền thần Trương Phúc Loan. Nhân dân hưởng ứng rất đông.

NGUYỄN NHẠC (1771 - 1793)

Con trưởng ông Hồ Phi Phúc, lớn hơn Nguyễn Huệ 10 tuổi, sinh khoảng năm 1743.

Năm 1771, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế 1778 niên hiệu Thái Đức, tại thành Đồ Bàn (sau còn đổi thành Hoàng Đế).

Năm 1786 xưng là Trung ương hoàng đế, chết bệnh.

Tháng 8 năm Quý Tỵ (1773) nghĩa quân Tây Sơn đánh thành Qui Nhơn, tuần phủ Bùi Đắc Tuyên bỏ chạy. Sau khi hạ thành Quy Nhơn nghĩa quân tiến công Quảng Ngãi, Diên Khánh, Bình Khang.

Tháng 5 Giáp Ngọ 1774, lợi dụng Đảng Trong nội loạn Hoàng Ngũ Phúc và Trịnh Sâm đem quân đánh Đảng Trong, tiến quân một cách dễ dàng. Trịnh Sâm chiếm Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Thuận mang gia quyến chạy vào Quảng Nam sau chạy vào Trấn Biên - Gia Định.

Tổng Phúc Hiệp đem quân chúa Nguyễn chiếm lại Bình Thuận, Diên Khánh, tuy vậy phạm vi hoạt động của Tây Sơn đã mở rộng ra gần một nửa đất Đảng Trong, cắt khu vực chiếm đóng của quân Nguyễn ra làm 2 đầu, Nhà Nguyễn bị chia cắt suy yếu hẳn đi vì 2 bên không tiếp tế được cho nhau trong khi ở Phú Xuân thì quân Lê - Trịnh đánh gấp.

Tháng 2 Ất Mùi 1775 Tây Sơn đánh Quảng Nam bắt được Nguyễn Phúc Dương.

Tháng 4/1775, Nguyễn Nhạc cùng Lập Đình, Lý Tài đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sơn, bị thua quân Tây Sơn rút về. Nguyễn Nhạc đổi sách lược tìm cách hòa hoãn với chúa Trịnh để rảnh tay thôn tính Nguyễn Phúc Thuần.

Chúa Trịnh phong Nguyễn Nhạc làm Tráng Tiết tướng quân Tây Sơn Hiệu Trưởng trấn giữ từ Quảng Nam trở vào.

Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ được phong trấn giữ đất từ Phú Yên trở vào sau khi Huệ đánh úp Phú Yên giết Nguyễn Văn Hiên và bắt sống Nguyễn Khoa Kiên.

Chúa Nguyễn lui dần vào Gia Định.

Tháng 10 Ất Mùi (1775) Quân Trịnh mắc bệnh dịch chết hơn một nửa. Hoàng Ngũ Phúc bỏ Quảng Nam lui về Phú Xuân. Hai anh em Tôn Thất Quyên và Tôn Thất Xuân (con Nguyễn Hữu Khoát) dấy binh chiếm Quảng Nam nhưng bị nghĩa quân Tây Sơn nhanh chóng đánh tan.

Năm Bính Thân 1776 Nguyễn Lữ đem quân vào đánh chiếm Trấn Biên, Phiên Trấn Long Hồ, chiếm thành Sài Gòn - Nguyễn Phúc Thuần bỏ Sài Gòn chạy về Bà Rịa.

Sau chiến thắng, Nguyễn Lữ rút quân đem theo hơn 200 thuyền lương lấy được ở Gia Định đưa về Qui Nhơn.

Năm 1776, nhà Trịnh suy yếu không đủ sức chú ý đến mặt Nam nên để Nguyễn Nhạc cai quản Quảng Nam và phong Nhạc làm Quảng Nam Trấn thủ tuyên úy đại sứ Uy quốc công

Năm Đinh Mậu (1777) nhà Trịnh suy yếu nên để mặc Nguyễn Nhạc làm trấn thủ Quảng Nam. Tháng 8 Nguyễn Huệ kéo quân đến VĩnhLong, Phúc Dương chạy về Ba Vực thì bị bắt và bị giết, đến tháng 9 Nguyễn Huệ vào Long Xuyên và giết Nguyễn Phúc Thuần. Sau chiến thắng, Nguyễn Huệ về lại Quy Nhơn.

Tháng giêng năm Mậu Tuất 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng Đế lấy niên hiệu Thái Đức, đổi thành Đờ Bàn ra thành Hoàng đế, phong Nguyễn Lữ chức Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhượng tướng quân.

Đàng Ngoài, hạn hán đói kém.

Tháng 2 Giáp Ngọ (1774), giá gạo cao vọt người chết đầy đường. Tháng 10, đói ở Thanh Hóa.

Tháng 7/1778, ở Yên Quảng, Thục Toại Nguyễn Kim Phẩm nổi dậy, quân số có hàng vạn người hoạt động ở Sơn Nam.

Năm 1779, thổ tù Hoàng Văn Đồng cha truyền con nối cai quản mỏ đồng Tự Long không nộp thuế, chống lại triều đình Lê-Trịnh.

Ở phủ Chúa, một hôm tiếp dư Trần Thị Vịnh sai nữ tỳ là Đặng Thị Huệ bưng khay hoa đến trước mặt Chúa Trịnh Sâm - Thị Huệ mặt phượng, mày ngài vẻ người rất xinh đẹp hấp dẫn. Chúa Trịnh trông thấy đem lòng yêu. Sống với chúa như vợ chồng. Khi Huệ có thai, Chúa lại càng cưng quý hơn. Huệ sinh con trai tên là Cán, Thị Huệ mặc sức tung hoành, Trịnh Sâm càng ngày càng say mê Thị Huệ. Huệ tìm được người trong phủ chúa là Huy quận công Hoàng Đình Bảo hai người cấu kết và thuyết phục Trịnh Sâm truyền ngôi chúa cho Cán, phế Trịnh Tông.

TRỊNH CÁN (1782)

Con thứ của Trịnh Sâm, mẹ là Đặng thị Huệ nối ngôi chú nhưng bị anh là Trịnh Khải cùng kiêu binh truất phế.

Năm Nhâm Dần 1782, Trịnh Sâm chết. Cán lên ngôi được 2 tháng thì bị loạn kiêu binh và Trịnh Tông phế lập, giết Thị Huệ và Đình Bảo, đưa Trịnh Khải lên ngôi.

TRỊNH KHẢI (1782-1786)

Con trưởng Trịnh Sâm, mẹ họ Dương trước bị cha truất bỏ ngôi con trưởng, sau phế em và tự lập làm chúa. Năm 1786, bị Tây sơn bắt, tự tử ở tuổi 26.

Trong khi đó ở Đàng Trong, Nguyễn Phúc Ánh chính thức lên ngôi Vương vào năm Canh Tý 1780, dùng ấn "Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bảo" niên hiệu thì vẫn theo chính sách nhà Lê.

Năm 1782, Nguyễn Nhạc và Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào biển Cần Giờ đánh tan thủy binh Tống Phước Thiêm, quân Nguyễn thua rút về Ba Giồng - Nguyễn Ánh phải chạy trốn ra đảo Phú Quốc - Nhạc trở vào Quy Nhơn,

Nguyễn Ánh quay về tái chiếm Gia Định - Nguyễn Huệ vào đánh lần 11, năm sau (1783) Nguyễn Ánh giao con là hoàng tử Cảnh cho giám mục Bá Đa Lộc sang Pháp để cầu viện. Nguyễn Huệ đuổi gấp, Ánh phải cưỡi trâu lội qua sông thoát thân rồi đem vợ con ra Phú Quốc, bị Nguyễn Huệ truy kích tới cùng may nhờ Lê Phúc Điều mặc áo ngự đứng đầu thuyền giả làm Nguyễn Ánh mới đánh lạc hướng quân Tây Sơn.

Từ Côn Lôn chạy qua đảo Hổ Cốt rồi Phú Quốc, cuối cùng trốn sang Xiêm nương thân và cầu viện.

Tháng 2 năm Giáp Thìn 1784 dẫn 2 vạn thủy quân Xiêm-Việt cùng 300 chiến thuyền kéo về Gia Định - Nguyễn Ánh chiếm được Ba Thắc, Trà Ôn, Sa Đéc.

Nguyễn Huệ đem đại binh vào Gia Định, quân Tây Sơn rút lui nhử giặc vào trận địa mai phục sẵn, quân Xiêm vào Rạch Gầm và Xoài Mút bị phục binh Tây Sơn đánh phải rút chạy. Chiêu Tăng, Chiêu Sương cùng vài nghìn sĩ tốt theo đường núi chạy về nước.

Nguyễn Ánh chạy sang Trấn Giang rồi qua Xiêm, xin trú ở Long Kỳ, ngoại thành Vọng Các.

Nguyễn Ánh sản xuất, đóng thuyền chiến, tích trữ lương thực, thu nạp nghĩa sĩ. Ánh còn giúp vua Xiêm đánh bại Miến Điện và quân Chà Và, vua Xiêm rất thần phục.

Ở Đàng Ngoài năm 1784, nạn kiêu binh làm náo loạn kinh thành giết chết Nguyễn Triêm, phá nhà Nguyễn Lê và Dương Khuông.

Tháng 5/1786, Nguyễn Huệ làm Tiết chế quân thủy bộ cùng với Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Lữ đem quân đánh Phú Xuân. Phạm Ngô Cầu ra hàng Tây Sơn. Thần tốc tiến quân đến sông Vị Hoàng thu được 100 vạn học thóc. Trịnh Khải tháo chạy bị bắt ở Hạ Lôi –

TRỊNH BỒNG (1786)

Không rõ lai lịch, tự lập làm chúa bị Nguyễn Hữu Chỉnh đánh đuổi.

Nghĩa quân Tây Sơn đã lật đổ nền thống trị của chúa Trịnh gần 216 năm.

Tháng 7 Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ bái yết vua Lê Hiển Tông lúc đó đã 70 tuổi ở điện Kính Thiên, và xin định ngày cử hành nghi lễ đại triều để dâng sổ sách bình dân để tỏ rõ nghĩa phò Lê của mình.

Vua Lê Hiển Tông gả con gái là công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ, lúc đó công chúa mới 16 tuổi.

Tin Nguyễn Huệ chiếm được Thăng Long, Trịnh Khải bỏ chạy bị bắt ở Hạ Lôi. Tây Sơn lật đổ nền thống trị của Chúa Trịnh xây dựng hơn 200 năm (1569- 1787), tiếng tăm lừng lẫy của Nguyễn Huệ làm Nguyễn Nhạc sợ hãi, cho rằng Nguyễn Huệ giữ quân ở ngoài khó bề kìm chế, liền lấy 500 thân binh ra Phú Xuân, chọn thêm quân tinh nhuệ lên đường ra Thăng Long ngay.

Huệ biết được lòng hoài nghi của anh nên thân hành ra tận ngoại ô đón tiếp và tạ tội tự chuyên của mình, Huệ đem binh phù nộp cho anh.

Vua Tây Sơn yên lòng nắm được binh quyền nên lại trở vào Nam.

Tháng 4 Đinh Mùi 1787, Nguyễn Nhạc chia phía Nam làm 3 miền, từ Hải Vân trở ra Bắc giao cho Nguyễn Huệ gọi Bắc Bình Vương.

Đất Gia Định thuộc Nguyễn Lữ gọi Đông Định Vương

Nhạc thì đóng ở Qui Nhơn xưng là Trung ương Hoàng Đế.

Trước khi quyết định kéo quân về Nam, Nhạc và Huệ thấy Nguyễn Hữu Chỉnh quỷ quyệt, phản phúc muốn bỏ lại nên mật truyền đêm 17-8 Bính Ngọ (1786) cuốn cờ rút êm. Chỉnh quá sợ chạy theo van xin Huệ cho đi cùng nếu ở lại có thể bị dân Bắc Hà giết chết.

Huệ cho Chỉnh ở lại Nghệ An.

Khi quân Tây Sơn rút về Phú Xuân thì ở Bắc thành Trịnh Lệ liền đem quân qua đò Thanh Trì, kéo về chiếm lại Phủ Chúa. Đang đêm Trịnh Lệ nổi trống triệu tập triều quan.

Vua Lê sau khi gắn bó với Tây Sơn không muốn chia quyền với Trịnh Lệ, Lệ mưu thoán nghịch. Vua Lê chúa Trịnh đánh nhau tới bời.

Trong lúc đó nội bộ anh em Nhạc Huệ bắt đầu có mâu thuẫn dẫn đến giao tranh. Nhạc cho gọi Đặng Văn Trấn từ Gia Định vào cứu viện nhưng bị Huệ đánh tan.

Xung đột kéo dài 3 tháng sau anh em giải hòa lấy Bản Tân làm mốc giới từ Quảng Nam trở vào thuộc Nguyễn Nhạc.

Sau diệt Trịnh Lệ, Đình Tích Nhưông đưa Trịnh Bồng lên ngôi chúa. Nhưông chuyên quyền, chúa Trịnh lấn vua Lê. Sau khi Hiến Tông chết –

LÊ CHIÊU THỐNG (1786-1788)

Lê Duy Kỳ, con trưởng thái tử Lê Duy Vĩ, tức là cháu đích tôn Lê Hiến Tông (thái tử Vĩ trước đó bị tội phế làm thứ dân nên không được truyền ngôi.)

Lê Chiêu Thống sinh 1765, lên ngôi 1786, ở ngôi 2 năm, sau mất vì bệnh trong khi đang sống lưu vong tại Trung Quốc 1793, thọ 28 tuổi.

Tuy không liên tục, nhưng triều Lê xét về danh nghĩa gồm 27 đời vua truyền ngôi trên 360 năm.

Lê Chiêu Thống mời Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân vào cứu viện sau khi đã nhiều lần xuống nước với Trịnh Bồng,

Vua phong Trịnh Bồng làm Yên đô vương.

Nguyễn Hữu Chỉnh phao lên rằng mình vâng lệnh vua Lê về mộ binh ở Nghệ An. Chỉnh đánh tan thế lực của Trịnh Bồng một cách dễ dàng, các tướng lãnh của Trịnh bỏ chạy.

Trình Bồng trốn về xã Dương Xá rồi Quyết Võ Hải Dương và đi mất không còn ai tìm ra tung tích.

Ở Bắc Hà, Chính kiêu căng đắc chí thu tóm mọi công việc triều chính trong tay.

Chính đã từng nói "Đường trời mở rộng thênh thang, ta đây cùng với Tây Sơn một triều đình kém ai"

Nguyễn Huệ sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân ra Nghệ An hợp với Tiết chế thủy bộ Vũ Văn Nhậm để diệt Chính.

Bị quân Nhậm tấn công, Nguyễn Hữu Chính đem vua Lê Chiêu Thống chạy sang Kinh bắc, đến Mục Sơn thì Chính bị Nguyễn Văn Hòa bắt được giải về kinh và giết chết.

Vũ Văn Nhậm giết được Chính trở nên lòng hành, mưu phản chống lại Nguyễn Huệ. Được Ngô Văn Sở mật báo, Nguyễn Huệ trong 10 ngày đem quân ra Thăng Long và giết chết Nhậm.

Năm Đinh Mùi 1787, sứ giả Bồ Đào Nha đến Xiêm gặp Nguyễn Ánh báo tin Bồ Đào Nha chuẩn bị 56 chiến thuyền và quân để đáp lại yêu cầu của Nguyễn Ánh.

Tháng 11 tại Pháp, thay mặt Nguyễn Ánh và có hoàng tử Cảnh đi theo làm con tin, Giáo sĩ Bá Đa Lộc đã ký với triều đình Pháp hiệp ước Versailles trong đó có 2 điều khoản chính : Chúa Nguyễn nhượng đảo Côn Lôn và Căng Hội An cho Pháp để cho Pháp dễ dàng buôn bán.

Đổi lại, Pháp cung cấp cho Chúa Nguyễn 4 chiến thuyền, 1650 lính đánh thuê và quân nhu đạn dược...

Hai hiệp ước với Bồ Đào Nha và Pháp chỉ bàn trên giấy tờ chứ không được thực thi.

Trong lúc đó Nguyễn Ánh củng cố lực lượng.

Tháng 8 năm Mậu Tý (1788) sai người sang Hạ Châu (Singapore) để mua súng đạn, lưu huỳnh, diêm tiêu tăng cường binh lực mọi mặt.

Một loạt chính sách được ban hành để cải tổ đất nước. Ánh chú trọng việc chiêu hiền đãi sĩ.

Tháng 10 Mậu Thân (1788) 29 vạn quân Thanh chia làm 3 đạo, do tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, ào ạt kéo vào xâm lược nước ta.

Trước kẻ địch đông gấp bội Ngô Văn Sở theo lời đề nghị của Ngô Thời Nhiệm tạm thời rút quân về giữ Tam Điệp, giữ mặt thủy bộ từ Trường Yên đến Biện Sơn trở vào và Nguyễn Văn Tuyết nhanh chóng báo tin cho Nguyễn Huệ ở Phú Xuân biết.

Ngày 17.12.1788, quân Thanh vào Thăng Long, đặt bản doanh ở cung Tây Long. Cùng đi có vua Chiêu Thống.

Năm năm trước Chiêu Thống theo Nguyễn Hữu Chính chạy sang Kinh Bắc bỏ trống ngai vàng nên khi Nguyễn Huệ vào Thăng Long tạm giao quyền giám quốc cho Lê Duy Cận.

Nay Chiêu Thống muốn đòi lại ngôi báu nên sai Hoàng Thái Hậu nhà Lê sang Thanh xin quân cứu viện.

Sau khi lấy được Thăng Long, dựa vào thế quân Thanh và Tôn Sĩ Nghị, Lê Chiêu Thống trả thù tàn bạo những người theo Tây Sơn.

QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ NGUYỄN HUỆ (1753-1792)

Em thứ hai của Nguyễn Nhạc, tên là Nguyễn Huệ còn có tên Nguyễn Văn Thơm, Nguyễn Văn Bình, đương thời gọi ông Ba Thơm, sinh 1753, tham gia khởi nghĩa năm 18 tuổi.

Năm 1776, làm Phụ Chính cho Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc.

Cuối 1784, tổng chỉ huy quân đội đánh bại quân Xiêm La tại Rạch Gầm-Xoài Mút.

Năm 1786 được phong là Bắc Bình Vương cai quản vùng đất từ Quảng Nam ra Bắc.

Ngày 25 tháng 11 năm (Mậu Thân) tức 22-12-1788 lên ngôi hoàng đế niên hiệu Quang Trung.

Xuân Kỷ Dậu (1789) đại phá quân Thanh trong trận Ngọc Hồi-Đống Đa.

Mất ngày 16-9-1792 thọ 39 tuổi.

Ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788), được tin báo quân Thanh xâm lược đã vào nước ta, Nguyễn Huệ làm lễ tế cáo trời đất ở phía Nam núi Ngự Bình ở Phú Xuân lên ngôi Hoàng đế niên hiệu Quang Trung rồi lập tức ra lệnh xuất quân, đến Nghệ An lấy thêm quân.

Quân số khoảng 10 vạn với vài trăm voi chia ra làm 5 doanh –

Quang Trung mở cuộc duyệt binh kêu gọi tinh thần chiến đấu của quân sĩ.

Ngày 20 tháng chạp đến Tam Điệp. ông hạ lệnh cho quân sĩ ăn Tết nguyên đán trước và hẹn ngày mồng bảy tháng giêng Kỷ Dậu "sẽ vào thành Thăng Long mở tiệc ăn tết khai hạ". Đất Bắc đang vào những ngày đầu xuân

Quang Trung dụng binh thần tốc, đêm 30 tháng Chạp quân Tây Sơn vượt bến đò Gián Khẩu đánh tan quân trấn thủ Sơn Nam Hoàng Phùng Nghĩa.

Ngày mồng 3 tháng giêng Kỷ Dậu, tiến sát đồn Ngọc Hồi. Hạ Hồi cách trung tâm Thăng Long khoảng chừng 20 km về phía Nam. Quân Tây Sơn bao vây 4 phía bắt loa gọi đầu hàng. Quân Thanh sợ hãi không dám chống cự đua nhau ra hàng, nộ hết khí giới lương thực.

Sáng ngày mồng 5 đến đồn Ngọc Hồi quân Mãn Thanh đóng kín cổng thành, bắn tên như mưa. Trên thành cắm chông, bố trí súng hỏa pháo. Nguyễn Huệ thân đốc chiến cho hơn 100 voi tiến trước, quân Tây Sơn mang lá chắn bằng ván và rơm, dắt đoản đao, vượt qua súng đạn và chông sắt xông vào đánh xấp lá cà với quân Thanh.

Giặc không địch nổi, bỏ đồn xéo lên nhau mà chạy. Trong trận này, quân Thanh chết quá nửa.

Thừa thắng, quân Tây Sơn phá vỡ luôn các đồn Văn Điển, Yên Quyết. Tướng giặc Trương Sĩ Long, Hứa Thế Thanh, Thượng Duy Thăng tử trận. ở mặt trận khác, đô đốc Long đem quân chọc thủng đồn Khương Thượng trong khi đó một toán quân Thanh bị đánh lạc vào đầm Mực nhiều tên chết vì bị voi ngựa giày đạp. ở đồn phương Thượng, tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống cận thế chạy đến gò Đống Đa, Lương lũy Nam Đồng thật cổ tự vẫn.

Ngay khi được tin đồn Khương Thượng bị mất, Tổng đốc Quảng Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt cầm đầu chạy trốn, quân sĩ nhốn nháo tranh nhau qua cầu phao. Cầu gãy, vô số quân giặc bị chết đuối.

Cánh quân Vân Nam, Quý Châu nghe tin quân Thanh đại bại, Tôn Sĩ Nghị trốn chạy, bèn vội vã rút về Trung Quốc.

Lê Chiêu Thống cùng 25 cận thần theo bại tướng Mãn Thanh về Yên Kinh. Vua Càn Long có ý muốn đưa Lê Chiêu Thống về Việt Nam lần nữa nhưng Phúc An Khang dụ Lê Chiêu Thống làm giả người Mãn Thanh và sau đó tâu vua Càn Long là Chiêu Thống muốn ở lại Trung Quốc nên Càn Long phong cho Chiêu Thống chức quan Tam Phẩm.

Chiêu Thống uất ức và chết sau 5 năm sống lưu vong, thọ 28 tuổi

Như vậy, nhà Lê Trung Hưng từ Lê Trang Tông (1533) cho đến Lê Chiêu Thống (1789) trải 18 đời với 265 năm trị vì.

Ngày mồng bảy, tháng giêng, năm Kỷ Dậu, quân dân Thăng Long ăn tết khai hạ mừng chiến thắng như lời hứa của vua Quang Trung. Vua Quang Trung áo bào còn vương mùi thuốc súng, trước ba quân mở tiệc ăn mừng.

Quang Trung đã làm đúng lời ông quyết với ba quân, đoàn quân đại thắng đã ăn Tết khai hạ giữa cảnh hồi sinh của Thăng Long giải phóng. Nguyễn Huệ đã cho đón một cảnh đào đất Bắc gửi về Phú Xuân cho vợ là công chúa Ngọc Hân, mang theo hương vị của khói súng, hương vị của mùa xuân, hương vị chiến thắng

Vua yết bái an dân và ra lệnh tha chết cho giặc, quân Thanh còn sót lại lần lượt ra hàng.

Vua nói : nay ta tới đây thân đốc viện binh, chiến thủ ra sao đã có phương lược sẵn, chỉ nội 10 ngày nữa thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh, song ta nghĩ nước Thanh lớn hơn ta gấp 10 lần, Thanh bị thua tất lấy làm thẹn phải tìm cách rửa hờn, nếu cứ để binh lửa kéo dài mãi thật không phải phúc trăm họ. lòng ta không nở. Nên chi, sau khi chiến thắng, ta nên khéo đường từ lệnh thì mới dập tắt được ngọn lửa binh tranh, việc từ lệnh đó ta sẽ giao cho Ngô Thời Nhiệm".

Việc binh giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân, về ngoại giao chính trị giao cho Ngô Thời Nhiệm và Phan Huy Ích –

Lần thứ hai Nguyễn Huệ ra Bắc rồi lại về Nam.

Tháng giêng năm ấy, vua Càn Long phong Nguyễn Huệ làm An Nam quốc vương.

Tháng ba năm Canh Tuất 1790, Phan Công Trị giả đóng làm Quang Trung cùng Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích sang Trung Quốc dự lễ mừng thượng thọ bát tuần của vua Càn Long.

Càn Long tiếp đón long trọng sứ đoàn nước ta.

Sau chiến thắng quân Mãn Thanh, vua Quang Trung quay lại Phú Xuân.

Tháng 5, ban chiếu khuyến nông và chiếu lập học, kêu gọi khẩn hoang, khôi phục sản xuất nông nghiệp, buộc dân phiêu tán phải trở về quê quán.

Trường học mở rộng xuống tận xã ấp, mượn đền chùa của phủ huyện để làm trường học.

Tháng 8 mở khoa thi Hương dùng chữ Nôm đầu tiên của triều Tây Sơn. Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử) làm chánh chủ khảo –

Vua xá thuế ruộng đất và cấp thẻ bài “thiên hạ đại tín” cho dân vào tháng 10 năm Canh Tuất (1790).

Năm 1791 thu thập đồ đồng tốt trong nước để chế tạo vũ khí và đúc tiền "Quang Trung thông bảo", lập kho chứa thóc

Tháng 3 Kỷ Dậu 1789 ban chiếu cho khắc in sách Ngũ Kinh, Tứ Thư và các bộ sử để lưu hành trong nhân dân.

Tháng 6 Tân Hợi (1791), cho thành lập viện Sùng Chính ở Nghệ An tập hợp được nhiều sĩ phu đương thời như Nguyễn Thiện, Phan Tố Định, Bùi Dương Lịch . Viện phụ trách giáo dục và chuyên dịch sách chữ Hán sang Nôm. La Sơn Phu Tử làm viện trưởng. Ông dịch xong các bộ Tiểu Học, Tứ Thư ra chữ Nôm và đang dịch Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Dịch.

Ngô Thời Nhiệm là một danh sĩ, tác phẩm gồm có Bang Giao tập , Nhi thập nhất sử trích yếu, Hải dương chí lược và tham gia biên soạn "Đại Việt Sử Ký tiền biên",

Phan Huy Chú rể của Ngô Thị Sĩ để lại các sách : Bang giao tập, Dụ am thi văn tập, Ngô Gia Văn Phái , Tinh sà kỷ hành.

Nguyễn Thế Lịch giỏi về y học tác giả các tập : Lý âm dương pháp thông lục, Liêu dịch phương pháp toàn thư. Năm 1777 ông chế ra một loại thuốc chống bệnh dịch đang lan tràn ở Sơn Tây.

Đàng Ngoài có Lê Hữu Trác (1724 - 1791) hiệu Hải Thượng Lãn Ông, đã xây dựng một nền y học dân tộc toàn diện về lý luận, phương pháp điều trị bằng các dược phẩm có trong nước. Tác phẩm để lại : Hải Thượng y tông tâm lĩnh, Y hải cầu nguyên, Vệ sinh yếu quyết, Nữ công thắng lãm...

Nguyễn Gia Thiều (được phong tước Ôn Như Hầu) là một nhà thơ vừa là người có khiếu thẩm mỹ trang trí nội thất, ông đã được chúa Trịnh Sâm mời vào bài trí, tu sửa trong phủ Chúa, ông là nhà thơ Nôm nổi tiếng với tác phẩm : Cung Oán Ngâm Khúc, Tây Hồ, Ôn Như Thi Tập

Sau khi trở lại Gia Định năm Canh Tuất 1790, Nguyễn Ánh cho xây lại thành Gia Định theo kiểu bát giác bên trong có điện Kiến Phương, Kim Hoa... đổi làm kinh Gia Định.

Năm Tân Hợi (1791) vào tháng 5, 6 cho nông dân vay một vạn học thóc, lập trường hải quân ở bến sông Tân Bình, cấp thuyền cho thương nhân sang Xiêm buôn gạo, giảm thuế cho thuyền buôn nước ngoài.

Năm 1790 vào tháng ba, Lê Duy Chi em ruột Lê Chiêu Thống gây loạn ở sứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy hợp liên kết với quân Vạn Tượng mưu đánh Nghệ An.

Đốc trấn Nghệ An là Trần Quang Diệu đánh bại quân Vạn Tượng vào tháng 8, và tiến sâu vào đất nước này, đuổi vua Vạn Tượng chạy dài đến tận biên giới nước Xiêm mới lui quân về sau khi giết các tướng Phan Dung, Phan Siêu, bắt sống Thiều Kiên và Thiều Đế.

Bấy giờ đất nước phân chia 2 miền, từ Quy Nhơn ra Bắc thuộc Tây Sơn, phía Nam thuộc Chúa Nguyễn Phúc Ánh.

Năm 1790, đô đốc Hồ Văn Tự của Tây Sơn đem 9 ngàn quân đánh chiếm Nha Phan, Mai Nương (Thuận Hải) quân Nguyễn Ánh rút về Phan Rí. Nguyễn Ánh luôn luôn đề phòng và bổ sung lực lượng.

Tháng 6 Nhâm Tý (1792) thấy Nguyễn Nhạc tập trung nhiều chiến thuyền ở cửa Thi Nại, Nguyễn Ánh đem 128 chiến thuyền tấn công trước, đốt thủy trại của Tây Sơn rồi nhanh chóng rút về.

Năm đó Quang Trung sai tuyển 20 vạn quân chuẩn bị vào Gia Định đánh Nguyễn Ánh. Tháng 7, Quang Trung gửi hịch kêu gọi nhân dân Quảng Ngãi, Qui Nhơn hưởng ứng cuộc tấn công mà ông đang chuẩn bị nhưng đột nhiên Ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung từ trần, ở ngôi 5 năm, thọ 40 tuổi., mọi kế hoạch của vua về việc câu hôn Công chúa nước Trung Hoa và dự định tiêu diệt Nguyễn Ánh phút chốc trở thành một giấc mơ mà người kế nhiệm không thể nào thực hiện được. Công chúa Ngọc Hân, vợ vua Quang Trung là con của vua Lê Chiêu Thống, được phong làm Bắc cung hoàng hậu vô cùng đau xót trước sự ra đi đột ngột của chồng mình ở tuổi 40. Bà viết bài Ai tứ Văn để khóc chồng và khóc cho số phận của đất nước và của chính mình. Về sau bà bị bắt phải uống thuốc độc quyền sinh hưởng dương 29 tuổi, hai con bị thất cổ chết.

NGUYỄN QUANG TOẢN (1789-1802)

Con thứ của vua Quang Trung, mẹ họ Phạm mất trước Quang Trung. Ở ngôi 10 năm, bị Gia Long bắt và giết năm 1802.

Nguyễn Quang Toản nối ngôi, cậu là Bùi Đắc Tuyên làm thái sư giám quốc, thân tóm quyền hành trong tay. Lúc đó Quang Toản mới 10 tuổi. Đổi niên hiệu Cảnh Thịnh.

Đại thần trong triều ngoài trấn nghi kỵ lẫn nhau. Quang Toản không ngăn chặn nổi đành chỉ khóc mà thôi. Cận thần gièm pha về oai quyền Trần Quang Diệu quá lớn có thể làm phản –

Tư khấu Vũ Văn Dũng nổi loạn. Cha con Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở bị quan Tư Khấu Võ Văn Dũng giết chết. Dũng nghĩ là Trần Quang Diệu, Lê Văn Trung cũng là bè đảng với Tuyên nên sai người vào Qui Nhơn để giết. Diệu biết tin, nên đem quân ra Thuận Hóa, triều đình Tây Sơn hỗn loạn.

Nguyễn Ánh đã phân định với các tướng rằng : "Giặc chém giết nhau, có thể thừa cơ được."

Sau Quang Toản giải hòa.

Năm 1794 quân Tây Sơn được sự lãnh đạo của Nguyễn Văn Hưng, Lê Văn Trung, Trần Quang Diệu đem hơn 40.000 quân vào tái chiếm Phú Yên.

Năm sau có sự chính biến, tướng sĩ Tây Sơn phân tán, Nguyễn Ánh thừa cơ mở cuộc tấn công đánh lui quân Tây Sơn ở nhiều nơi.

Tháng 8-1 1795, Trần Quang Diệu bỏ Diên Khánh lui về Phú Xuân. Nguyễn Ánh để Tôn Thất Hội giữ Diên Khánh còn mình rút về Gia Định.

Tháng 7 Bính Thìn 1796, đặt ra 5 dinh thủy quân và mua đường để đổi lấy vũ khí.

Cuối năm đức tiền Gia Hưng thông báo, đặt ra qui chế thi cử, cuối năm 1795 sai người sang Tàu mua sách.

Năm Đinh Tỵ (1797) tháng 4, Nguyễn Ánh đem 100 chiến thuyền đi đánh Quy Nhơn, Đông Cung đi theo, sai Tôn Thất Hội giữ thành Gia Định. Khi đến Qui Nhơn, Nguyễn Ánh nghĩ ở Quy Nhơn có trọng bệnh chưa đánh được, bèn cho thuyền đi thẳng Quảng Nam.

Sai Đông cung thái tử ước hẹn với Võ Tánh ở Phú Yên, ra vào cửa biển Đại Chiêm đánh lấy Chiêm Định (Quảng Nam) Nguyễn Ánh nghĩ đánh thì dễ nhưng giữ đất rất khó nên sau đó trở về Gia Định để Nguyễn Văn Thành trấn giữ Diên Khánh.

Tháng 2 Mậu Ngọ (1798) Miến Điện đánh Xiêm - Xiêm sai sứ sang xin quân cứu viện, Nguyễn Ánh cho 7000 lính thủy, 100 thuyền chiến dưới quyền của Nguyễn Huỳnh Đức - Nguyễn Văn Trương điều khiển.

Nguyễn Ánh sai Đặng Trần Thường, Nguyễn Công Thái, Tống Viết Phúc cùng Bá Đa Lộc Đông cung thái tử Cảnh ra trấn giữ miền Diên Khánh.

Sau khi các tướng của Quang Toản gửi vào Qui Nhơn để giúp Nguyễn Nhạc chống lại Nguyễn Ánh

Thắng trận - các quan viên này tóm thâu quyền hành vào Tây Sơn ở Phú Xuân. Nguyễn Nhạc tức quá thổ huyết chết.(1793)

Con là Bảo được cho một huyện để lấy đó thờ cúng tổ tiên. Bảo giận lắm, viết biểu xin hàng Nguyễn Ánh - Ánh chưa đưa quân vào kịp thì Bảo bị Toản sai quân giết chết.

Năm Kỷ Mùi 1799 tháng 4, Nguyễn Ánh đem đại binh vào đánh Qui Nhơn lần thứ 3. Hạ thành Qui Nhơn,

Nguyễn Ánh cho đổi tên là thành Bình Định, bắt hơn 1 vạn người. Võ Tánh, Ngô Tùng Châu được giao ở lại giữ thành.

Năm sau (1800) Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem đại thủy bộ vào đánh Qui Nhơn, chặn đường tiếp tế của quân Nguyễn Ánh từ Phú Yên vào, án giữ cửa biển Thi Nai bằng thuyền, vây hãm thành Bình Định. Võ Tánh, Tùng Châu cạn hết lương đành tự vẫn và nhắn gửi cho Nguyễn Ánh nên đem quân vào đánh Phú Xuân vì bao nhiêu binh hùng tướng mạnh của Tây Sơn đang ở Bình Định, Phú Xuân trống trải đánh ắt là thắng.

Nguyễn Ánh theo lời đánh chiếm Phú Xuân đuổi Quang Toản chạy ra Bắc Hà.

Tháng 6 năm Tân Dậu 1801, Võ Tánh tự thiêu, Tùng Châu uống thuốc độc quyên sinh.

Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng lấy được thành Qui Nhơn. Nguyễn Ánh cùng Lê Văn Duyệt, Lê Chất đem đại binh vào cửa Tư Hiền. Chất và Duyệt phá quân Tây Sơn ở núi Qui Sơn, Lê Văn Duyệt bắt được đô đốc Phan Văn Sách và Nguyễn Văn Trị,

Ngày Mậu Dần tháng năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Ánh lấy được kinh đô. Tây Sơn bỏ chạy ra bắc, Nguyễn Ánh vào thành, coi các cung khuyết lấy được 13 cái ấn, 33 bản sách, cho niêm phong kho tàng, tịch biên tiền của, cấm quân không được nhiều hại để cho yên dân.

GIA LONG HOÀNG ĐẾ (1802-1820)

Nguyễn phúc Chung tự là PHÚC ÁNH, con thứ 3 của Nguyễn phúc Luân tức cháu nội Võ Vương Nguyễn phúc Khoát.

Nguyễn Ánh là người duy nhất còn sống trong 5 anh em, sinh ngày 15 tháng Giêng Mậu Ngọ (1762), chạy tránh Trịnh và Tây Sơn (1774) theo chúa Nguyễn vào Gia Định.

Năm 1780, chúa Nguyễn bị Tây Sơn giết, Nguyễn Ánh lên ngôi chúa, quy tụ lực lượng chống Tây Sơn, toàn thắng và lên ngôi hoàng đế 1802, niên hiệu Gia Long, 17 năm sau thì mất (1819) thọ 57 tuổi.

Năm 1802, Nguyễn Quang Toản sai Quang Thùy đem binh đánh Nguyễn Ánh - Bùi Thị Xuân, vợ Trần Quang Diệu cưỡi voi chỉ huy 5.000 quân. Quân Tây Sơn không thắng được lui về giữ Dinh Hà Trung.

Vua Gia Long cất đại quân để dàng vượt qua Nghệ An, Thanh Hóa, bắt được Bùi Thị Xuân và Trần Quang Diệu ở Thanh Chương, bắt Võ Văn Dũng ở Thanh Hóa (Ngọc Xá) đám tàn binh Tây Sơn rút về Thăng Long.

Kinh thành hỗn loạn - bại binh không người chỉ huy trở thành quân cướp bóc, quan tướng Tây Sơn nghe Nguyễn Ánh tràn vào vội vàng tháo chạy lên Kinh bắc. Nguyễn Quang Toản cùng em vượt qua sông Nhi Hà đến Xương Giang vào trú ở chùa Thọ Xương bị dân bắt nộp cho Gia Long.

Ngày Đinh Tỵ tháng sáu năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long đã đến ngoại ô thành Thăng Long kêu gọi quân lính Tây Sơn ra hàng và phủ dụ an dân.

Ngày Canh Thân, Gia Long ngự giá vào thành Thăng Long
Đó là ngày thống nhất cả ba miền (Nam Bắc Trung). Gia Long trú tại Thăng Long, ngự điện Kính Thiên, các quan đến làm lễ triều hạ.

Bố cáo trong ngoài biết rằng Bắc Hà đã đại định rồi.

Ban ấn đồng cho các trấn từ Nghệ An ra Bắc, lựa con cháu họ Trịnh để coi việc tế tự, tha thuế cho Bắc thành, yết miếu Lê Thái Tổ (Lê Lợi) cho lập miếu công thần, phong cho con cháu vua Lê là Lê Duy Hoán làm Diên Tự Công đặt đốc học các trấn Bắc Thành.

Đặt Nguyễn Văn Thành làm tổng trấn, ban cho sức ấn, trong ngoài 10 trấn đều thuộc quyền cai quản của ông, đặt 3 bộ : Bộ Binh, Hình, Hộ, khi ngự giá từ Bắc Thành về Phú Xuân bảo Nguyễn Văn Thành rằng : việc Bắc thành này đều giao cho người nào do, người phải ráng sức. Thành lạy thọ mạng.

Ngày Kỷ Hợi tháng 10 Nhâm Tuất (1802) ngự tới Thanh Hoa yết lăng miếu ở Thiên Tôn Sơn miếu Triệu Tổ (Nguyễn Kim).

Ngày Quý Dậu tháng 11 (1802), lễ tế trời đất, thân kỳ, hôm sau đem tù cáo trước thế miếu rồi đem anh em Nguyễn Quang Toản, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng xử trị hết phép.

Triều Tây Sơn bắt đầu với Nguyễn Nhạc xưng Trung ương Hoàng đế năm Mậu Tuất (1778) đến năm Nhâm Tuất (1802) Cảnh Thịnh bị Gia Long bắt, triều đại Tây Sơn kéo dài 25 năm.

Năm 1802 Gia Long cho đúc 9 khẩu thần công, cho đắp sửa lại thành Thăng Long, lập Văn miếu ở các trấn.

Tháng 5, sắc "nhà đồ" ở Bắc Thành đúc tiền Gia Long Thông Bảo.

Tháng 6, sứ giả nước Anh dâng đồ sản vật xin được lập phố buôn ở núi Trà Sơn, Quảng Nam. Gia Long không chấp thuận. Nguyễn Công Trứ dâng 10 việc điều trần vua giao cho bộ Lại xét.

Gia Long ngự giá ra Bắc Hà vào tháng 10

Sứ Tàu là Bồ Tế Sâm tháng Giêng năm Giáp Tý 1804, đem sức và quốc ấn sang tuyên phong đề nghị đổi quốc hiệu Việt Nam thay vì Nam Việt như lời yêu cầu của Gia Long.

Vua Gia Long thuận theo lời đề nghị này của Hoàng đế Trung Quốc, đặt quốc hiệu nước ta là Việt Nam

Từ đó với các nước lân bang như Xiêm, Chân Lạp đều có mối giao hảo tốt.

Tháng 2 năm 1803, tặng một số phẩm vật quý cho vua Xiêm.

Tháng 2/1804 đúc ấn 6 bộ (Binh, Hình, Hộ, Công, Lễ, Lại).

Tháng 10/1803 xuống chiếu sĩ phu Bắc Thành họp bàn về lợi hại của đề điều nên đắp đê hay bỏ đê ?

Tháng 4 (1804) cho thu thập sách còn cất giữ trong dân gian. Lê Quý Đôn dâng 6 quyển Tạp Lục và 2 quyển Quân Thơ Khảo biên của Đôn làm ra.

Cấp lương cho các quan dạy học ở Quốc Tử Giám.

Tháng 8 (1803), Nguyễn Công Trứ người huyện Nghi Xuân dâng 10 việc điều trần, Trứ là người văn võ song toàn.

Tháng Giêng 1826, Nguyễn Công Trứ đem quân đánh Lê Duy Lương.

Tháng 3 - 1828, Trứ được cử lãnh chức Doanh điền sứ chiêu mộ dân khẩn hoang ở vùng Nam định.

Năm 1805, vào tháng 6, người Chà Và đem quân cướp đảo Côn Lôn.

Tháng 8/1804 quan tài vua Lê Chiêu Thống ở Tàu về, vua sai quan Bắc Thành cấp tiền gạo cho lính hộ tống đem về an táng tại quê nhà ở Thanh Hóa.

Năm Bính Dần (1806) tháng 5 ngày Ất Tị, lên ngôi hoàng đế ở điện Thái Hòa, đánh chuông vàng hạ chiếu cáo khắp nơi ban tám điều ân xá, định ngày triều ứng, ngày sóc, vọng để thiết đãi triều ở điện Cần Chánh. Ngày 5, 10, 22, 25 thiết thường triều ở điện Cần Chánh, cho sửa lại thuế, tha thuế 3 năm cho lưu dân,

Đình lệ thử lúa nạp thuế : lấy 1 thăng lúa đổ vào nước, lúa nổi ở trong 2 phần trăm là đủ tiêu chuẩn để nộp, vì rằng lúa ấy trong 100 phần chỉ có 2 phần là lúa lép mà thôi - lúa lép thì nó mới nổi.

Vua nước Xiêm đem dâng 3 chiến thuyền để tỏ lòng thân phục Gia Long. Vua sai đưa sứ Xiêm về kinh chiêm bái rồi cấp cho tiền về.

Tháng 9-1807 Nặc Ông Chân vua Chân Lạp sai sứ sang nước ta xin thọ phong, vua Gia Long phong cho làm Cao Man quốc vương.

Tháng 12.1806 Lê Quang Định dâng sách “Địa dư nhất thống chí” gồm có 10 quyển –

Từ khi lên ngôi, dưới triều Gia Long trong nước có nhiều đám giặc cỏ nổi lên từ miền Bắc cho đến miền Trung, ở Cao Bằng, Hải Dương cho đến Nghệ An, Quảng Ngãi nhưng Gia Long khôn khéo cho quân vừa đánh vừa phủ dụ.

Tháng Giêng 1809, đặt chức Đô chính ở Bắc Thành để trông nom việc đê điều. Tháng 7 năm ấy định lệ đặt thuế thuyền buôn ở Hà Tiên, Xiêm La, Hạ Châu có 13 điều.

Năm 1810 khi trước Nặc Chân giận Xiêm, nhưng ý có nước ta bảo hộ đến khi nghe sứ Xiêm sang nước ta, Nặc Chân tưởng ta giao hiếu với Xiêm sợ lắm, sai người sang trần tình. Vua Gia Long đưa thư vỗ an và dụ rằng phải sai sứ sang Xiêm để kết nghĩa giao hiếu, Chân được thư mừng lắm dâng biểu trần tạ.

Tháng 3 năm Nhâm Thân (1812), Nặc Nguyên là em Chân làm loạn, muốn chiếm ngôi đánh đuổi Nặc Chân phải chạy về Tân Châu. Gia Long sai quan Tổng Trấn Tả quân Lê Văn Duyệt và Hiệp trấn Ngô Nhân Tĩnh đem 13.000 quân (năm 1813) đưa Nặc Chân về nước Cao Man - Nặc Chân vào thành La Bích - Lê Văn Duyệt thấy thành La Bích chật hẹp nên xây thành mới là thành Nam Vang và thành Lô Yêm để cho Phiên Vương ở và có chỗ trú lương thực.

Tháng 7 làm xong thành, vua Gia Long thấy Phiên quốc mới yên, kho tàng thiếu thốn nên viện trợ cho Nặc Chân 3.500 lạng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000斛 lúa để chi dùng. Trước khi rút quân về để lại quan hiệp trấn là Nhân Tĩnh cùng 1000 quân ở lại Nam Vang để bảo hộ nước này.

Năm 1819, đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên gọi là sông Vĩnh Tế. Lấy 5.500 người Việt và 5.000 dân Chân Lạp để cùng làm công trình thủy lợi này - cùng năm này cho đào thêm 2 sông khác là sông Bảo Định từ vùng Cù Úc đến sông Mỹ Tho - sông An Thông đào từ sông Mã Trường đến thành Phiên An, công trình sông An Thông cũng sử dụng 1 0.000 dân phu để đào.

Tháng 4, năm Giáp Tuất (1811) vua cho đào sông An Cựu để chứa nước khi hạn, tháo nước khi lụt. Sông này nằm ở phía Nam sông Hương đến xã Thân Phù giáp cửa Hà Trung.

Tháng 7 năm Mậu Thìn 1808, cho đắp đập Hà Trữ ở đầm Hà Trung bởi vì đất ruộng gần biển nên nước mặn thường tràn vào Huế, cho đắp thêm đập Kim Đôi, đập An Xuân.

Tháng 11 năm 1817, đào vét sông Tam Khê rộng 10 sào 8 trượng sông cách trấn Vĩnh Thanh 214 dặm (tây Nam).

Năm 1815, đội Hoàng Sa là Phạm Quang Anh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển vào tháng 2 - đến tháng 3 năm Bính Tý (1816)

Thủy quân và đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa để lập hải trình và trấn thủ.

Năm 1817 vào tháng 6, thuyền Ma Cao đậu ở Đà Nẵng đem dâng địa đồ đảo Hoàng Sa được vua Gia Long thưởng 20 lạng bạc.

Tàu của Pháp đưa thư cho Chaigneau xin vào dâng sản vật ở kinh thành. Nhưng Gia Long lấy cớ là không có quốc thư nên chỉ cho quan lại ở Quảng Nam tiếp mà thôi.

Tháng 6 năm Mậu Dần (1818), chuẩn y cho thương nhân Ma Cao và Pháp được buôn bán ở Gia Định, được nộp thuế bằng mọi thứ bạc và tiền có giá trị - đo định ngạch thức cho hai nước này.

Nguyễn Văn Thành người Thừa Thiên nhưng vào Nam sống đã qua hai, ba đời. ông là công thần của Gia Long, theo vua từ khi mới khởi nghiệp. Là người có học, không những giữ chức trung quân, ông còn được cử làm tổng tài coi việc soạn sách luật và quốc sử. Con trai ông là Nguyễn Văn Thuyên làm bài thơ xướng họa, bị Lê Văn Duyệt phát giác cho là có ý muốn phản loạn. Vua Gia Long ra lệnh chém Thuyên. Nguyễn Văn Thành uống thuốc độc mà chết. Bài văn tế "Chiến sĩ trận vong" hiện còn truyền tụng là của Nguyễn Văn Thành.

MINH MẠNG HOÀNG ĐẾ (1820-1840)

Nguyễn Phước Hiệu, hiệu Phước Đảm, con thứ tư của vua Gia Long, mẹ là Thuận Thiên Cao hoàng hậu.

Sinh 1791, ở ngôi 20 thọ 49 tuổi.

Tháng 5-1838, định ra chương trình học trò ở quán Tứ Dịch học tập văn tự ngoại quốc. Mỗi tháng đầu thì học chữ Tây, mỗi ngày 2, 3 chữ, chữ Thái ngày 7, 8 chữ. 5 tháng sau thì số chữ học tăng lên 3, 4 lần.

Sắc cho tỉnh Bình Thuận chọn những người am tường chữ Chàm và Bani để dạy học

Truyền Hà Nội, lựa người Tàu để dạy người mình học nói tiếng nước Tàu, Tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Điện lựa người Thổ để dạy tiếng và chữ Thổ.

Tháng 7.1835, vua dụ bộ Lễ rằng : Xưa có chức Ký, Đê, Tượng, Dịch đều là chức thông ngôn hiểu phong tục, tiếng nói của các nước khác nhau, triều ta nay giáo thành ra khắp 4 phương, phần nhiều các nước phía Đông, phía Tây đều trèo núi vượt khơi tới châu, vậy nên cần kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại quốc để phòng khi thông dịch.

Các trẻ từ 16 tuổi sắp xuống mà tính chất lanh lợi lại hơi thông kinh sử thời bộ phải kể tên tâu lên, triều đình sẽ cấp lương cho học tập tiếng nói chữ viết các nước gần xa.

Chờ khi học tập thành mà lại có tài trí, kiến thức sẽ xét dùng –

Vua lại truyền nội các rằng : "Chữ Âu châu chỉ có 24 chữ cái, nếu hiểu được 24 chữ ấy thời chữ khác cũng tự đó suy ra mà học tập".

Tháng 10.1839, phân phái quân thuyền ra ngoại quốc để làm việc công. Trần Tú Dĩnh, Đào Trí Phú qua Tân Gia Ba ; Trần Bưu, Cao Hữu Tân qua Tam ba rãng ; Nguyễn Đức Long, Lê Bá Tú qua Tiểu Tây dương ; Nguyễn Đại Bản, Nguyễn Du Hoa qua Hạ Châu.

Minh Mạng nghe nước Pháp vốn là nơi đô hội khiến Trần Viết Xương, Tôn Thất Thường đem hai người thông ngôn đến Tân Gia Ba lên thuyền, qua nước Pháp mua đồ.

Tháng 4.1839, vua Minh Mạng ngự ra cầu Bến Ngự xem thí nghiệm tàu chạy bằng hơi nước, lúc trước sai Võ Khô chế tạo tàu ấy, nhưng khi đem xe chở ra sông thì nôi nước bị vỡ nên không chạy được, nay làm lại được, máy vận hành tốt vua ban thưởng cho giám đốc Hoàng Văn Lịch, Võ Huy Trinh mỗi người một cái nhẫn pha lê. Vua nói : "Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng muốn cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo vậy nên chẳng nên nề hà tiền bạc gì".

Tháng 10, xuất thêm 1 chiếc và tháng 7-1840, sản xuất thêm 3 chiếc đặt tên Yến Phi, Vân Phi, Vụ Phi.

Tháng 7-1837, làm xe máy cửa ván bắt chước theo kiểu Pháp, lúc đầu dùng sức kéo của trâu bò, sau dùng sức đỡ của thác nước.

Nhà máy đặt ở thác đài làng Dương Hòa ở Hữu Ngạn thượng nguồn sông Hương. Sai Trương Viết Suy chế tạo xe "Thủy hỏa ký tế", xe nước, xe chữa cháy tiện dùng trong dân chúng.

Trước đó vua sai Chaigneau lên Thái Nguyên khám xét việc khai thác mỏ bạc Tống Tinh, *Minh Mạng biết chuyện đó do đọc nhật báo của Tây*, về sau Phan Thanh Giản lên thế.

Tháng 9-1839, tổng đốc Tôn Thất Lang đào cừ dẫn nước khai khẩn hơn 1000 mẫu ở Phú Yên được vua ban thưởng.

Nguyễn Công Trứ có công khai khẩn vùng Hải Dương - Nam Định.

Năm 1833 sai bộ Công sửa soạn thuyền bè ra đảo Hoàng Sa để đóng cọc bãi, lập miếu, dựng bia, trồng cây để tàu chuyển đi qua thấy mà khỏi mắc cạn, rồi sai vẽ bản đồ, hải đồ, địa hành khu vực.

Thủy quân Đại Tá Pháp là Bougainville mang hai tàu chiến vào cửa biển Đà Nẵng dâng phẩm vật và quốc thư, xin bang giao nhưng vua Gia Long lấy cố triều đình Đại Nam không ai biết tiếng Pháp nên không tiếp.

Triều đình Huế gọi những người chống đối là "Ngụy", mớ mả của những người này gọi là "mả ngụy", có người bị san bằng mồ mả hoặc mộ phần bị xiềng bằng xích sắt.

Thời Minh Mạng có nhiều giặc giã, trong thì Phan Bá Vành, Lê Văn Khôi ; Ngoài thì Xiêm La, Chân Lạp - Quân Xiêm La nhân cơ hội Lê Văn Khôi cầu cứu ý muốn đánh ta vì Chân Lạp không thần phục nữa.

Tháng Chạp 1833, 100 binh thuyền Xiêm xâm phạm tỉnh Hà Tiên. triều đình cử hải quân đến An Giang chặn đánh địch dưới quyền thống lĩnh của Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân.

Ở Nam Vang cũng bị Trương Minh Giảng - Trương Phúc Đĩnh đánh, Chất Tri tướng Xiêm chạy. Cánh Cam Lộ - Quảng Tri bị Lê Văn Thụy phá tan, bắt được tướng Xiêm là Man sắc Khôn la mân. Cánh Trấn Ninh do Bố chánh Nguyễn Đình Tân, án sát Võ Đình quản vệ đạo Trấn Tĩnh là Nguyễn Văn Thu chống giặc Xiêm.

Năm 1840 vua xuống chiếu kiểm tra dân số. Bộ Hộ báo cáo tổng số hộ trong nước như sau :

- Năm 1818 dân số : 612.912 hộ
- Năm 1839 dân số : 970.516 hộ.
- Ruộng đất : 4.063.892 mẫu
- Thóc thuế : 2.804.744斛,
- Tiền thuế : 2.852.462 quan,
- Vê bạc 121.114 lạng, vàng : 1.471 lạng.

Để dễ dàng điều hành và quản lý đất nước, vua cho đặt nội các ở trong cung năm 1829.

Lập ra Cơ Mật Viện vào tháng 12 năm 1834, dùng 4 đại thần đeo kim bài để phân biệt, Cơ Mật Viện là cơ quan cùng vua bàn bạc và quyết định các vấn đề hệ trọng nhất của đất nước.

Năm 1831, chia nước ra làm 31 tỉnh, tỉnh là đơn vị hành chính, có tổng đốc tuần phủ, bố chính và án sát để điều hành việc dân..

Tháng 10/1835, vua cho đúc 9 cái đỉnh đặt ở trước Thái Miếu, cánh có hoa văn hình núi sông vật tượng gọi là Cao, Nhơn, Chưông, Anh, Nghi, Thuần, Truyen, Dù, Huyền.

Nguyễn Du nhà thơ nổi tiếng đã viết truyện Kiều, sinh 3.1.1766, chết tháng 8.1820, trước tập ấm triều Lê sau ra làm quan triều Nguyễn.

Nguyễn Huy Tự (1743-1790) viết truyện Hoa Tiên.

Tháng 4.1821, Phan Huy Chú dâng "Lịch triều hiến chương loại chí" gồm 49 quyển.

Vua Minh Mạng ở ngôi 21 năm, sức làm việc rất đáng khâm phục, tất cả phê, bảo, dụ, chỉ, chế, cáo đều tự tay vua viết ra. Khi rỗi rãi ông còn làm thơ viết văn. Để lại 5 tập thơ, 2 tập văn và các bài "Thiên cơ dụ triệu", "Cổ khí minh văn" đều phát sinh đạo mầu mở rộng phép học.

Vua cũng viết ra 11 bài thơ trong đó có bài Đế Hệ thi và 10 bài phiên hệ thi dùng để đặt tên cho các con cháu đời sau.

Vua có rất nhiều con : 142 người gồm 64 Công chúa và 78 hoàng tử.

Tục truyền Minh Mạng có 1 toa thuốc cường dương nên có câu "Một đêm ngủ với sáu bà thì năm bà có thai".

Ông mất năm Canh Tý (1840) Hoàng Tử Miên Tông lên nối ngôi hiệu là Thiệu Trị.

THIỆU TRỊ HOÀNG ĐẾ (1841-1847)

Nguyễn phúc Miên Tông, con trưởng của vua Minh Mạng, mẹ là Tá Thiên Nhân hoàng hậu, sinh 1807, thọ 40 tuổi.

Hoàng tử Miên Tông lên ngôi năm 34, tuổi, ông là con thứ hai. Mẹ chết lúc mới 13 ngày tuổi được Thuận Thiên Cao hoàng hậu nuôi dưỡng, lên ngôi ở điện Thái Hòa hiệu là Thiệu Trị siêng năng chăm chỉ coi việc chính trị đều đặn ở điện Văn Minh, ngài gọi các đại thần bằng chức tước chứ không kêu tên như các vị vua khác. Là một nhà thơ trước tác có cả hàng ngàn vài thơ để lại

Các đại thần phò tá như Trương Đăng Quế, Tạ Quang Cự, Nguyễn Tri Phương, Võ Xuân Cẩn, Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn...

Tháng 5 Tân Sửu (1841) khiến các quan bàn việc xử trí thành Trấn Tây. Tạ Quang Cự và các quan tâu rằng nên rút quân về nước.

Trước đó giặc già ở trấn Tây nổi lên như rươi có tên Sứ và tên Xuy trước làm An phủ sứ rồi lên làm loạn ở xứ Kiên Giang. Quan quân vất vả đánh dẹp không thắng. Vua ra lệnh rút quân về An Giang.

Nguyên khi trước việc kinh lý xứ Trấn Tây công của Trương Minh Giảng nhiều hơn đến bây giờ lui quân - Giảng thẹn và giận cáo đầu không chịu tiếp các tướng. Khi quân về đến An Giang thì Trương Minh Giảng chết.

Sau khi Việt quân rút khỏi đất Cao Man thì nước Xiêm chiếm đóng ngay, dân Chân Lạp ngày càng khốn khổ dưới sự áp bức của quân Xiêm nên lại chạy sang cầu cứu Việt Nam.

Tháng 6/1848 vua sai đại thần Võ Văn Giai đi kinh lược Nam Kỳ. Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đánh quân Xiêm chiếm Nam Vang và giải phóng đất Chân Lạp - Tướng Xiêm là Chất Tri đưa thư xin giải hòa vua thuận cho.

Tháng 11/1845 Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn và tướng Xiêm là Chất Tri ước hòa tại Hội quân. Chất Tri rút quân về nước.

Nguyễn Tri Phương ở lại Trấn Tây sau vua cho rút ra khỏi đất Cao Man về lại An Giang.

Tháng 2.1847 phong cho Nặc Don làm Cao Man Quốc Vương, Ngọc Vân làm Cao Man quận chúa, giặc giả ở phương Nam đã ổn định..

Thiệu Trị sắc xuống Nội các cho các thợ in sách Võ Kinh 45 bộ để phổ biến, lập khoa thi võ.

Nhằm ngày lễ Vạn Thọ nhân lúc tế Nam Giao cho khởi công khắc 9 chữ ‘Đại Nam Thọ Thiên Vĩnh Mệnh Truyền Quốc Chỉ trên ấn ngọc.

Tháng 9.1847 bộ Hộ kiểm kê dân số điền thổ, kho tàng : dân số đến năm 1847 là 1.029.501 hộ ; điền thổ : 4.278.013 mẫu ; tiền : 12.234.358 quan ; vàng : 48.741 lượng. Huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn khai thác được mỏ vàng năm 1844 ;

Đào Tri Phú đi Tây về mua chiếc tàu thủy chạy hơi nước giá 280.000 quan tiền gọi là Điện phi hỏa cơ đại thuyền.

Năm Nhâm Dần (1842) sứ Tàu là Bửu Thanh đến Hà Nội làm lễ sách phong cho Thiệu Trị.

Thủy Xá (Hỏa Xá là dòng dõi người Nam Bân, Chiêm Thái hồi xưa nay cùng nhau cống nộp cho nước ta vua của Thủy Xá là Vĩnh Liệt, vua của Hỏa Xá là Mạ thái.

Tháng 9.1847 hai chiếc tàu nước Anh đến cửa Hàn muốn dâng quốc thư. Triều đình không thuận nhưng tiền đưa rất hậu. Vì trước đó vào năm 1844 tàu nước Anh mắc nạn ở Bình Thuận vua sai quân ra cứu nạn và đưa về Tôn Thất Thường là người đại diện cho Đại Nam để thương thuyết với nước Anh

Thời Minh Mạng lệnh cấm đạo rất gắt, đến khi Thiệu Trị lên ngôi thì nới nhẹ lệnh này. Trung tá thuyền trưởng Heroine là Favin vào Đà Nẵng xin vua giảm án vua bằng lòng và tha cho 5 người nhưng riêng giám mục Lefebver bị xử tử .

Năm sau thiếu tướng Cecile vào xin lần thứ hai, hai bên đang có sự giao hảo tốt thì vào tháng 3/1847 De Lapierre đang làm thương thuyết, hai tàu của Pháp đậu ở Đà Nẵng muốn lên bờ bị quân ta ngăn lại, quân Pháp biết không thể xâm phạm được, rồi đột nhiên nổ súng vào thuyền của triều đình làm 5 chiếc thuyền của ta bị đâm, Lãnh Binh Nguyễn Đức Chung, Ly Diên chết trận, ngày hôm sau chúng giương buồm chạy.

Vua và triều đình nổi giận về thái độ ngang ngược đó ra lệnh cấm đạo rất gắt chỉ mấy tháng sau khi ra lệnh này vua Thiệu Trị từ trần vào tháng 9/1847 làm vua được 7 năm thọ 41 tuổi.

Trong lịch sử nước ta vua Thiệu Trị được xem là một người rất uyên bác về văn học lịch sử khảo cổ và một nhà thơ –

Ông là người cực kỳ thông minh. Khi vua hỏi Trương Đăng Quế về lịch sử nước Xiêm, thấy triều thần có vẻ không thông lắm vua mới giải thích cho nghe : nước Xiêm nguyên xưa là Xích Thổ, sau chia làm 2 nước : Xiêm và La Hộc, La Hộc là đất trù phú giàu, Xiêm ăn nhờ. Sau vua La Hộc thôn tính nên gọi là Xiêm La Hộc... Vua giải

thích về địa lý nhân văn, chính trị và chuyển biến lịch sử của nước này rồi đưa ra một giải pháp chính trị cho Xiêm La và Chân Lạp mà nước ta là chủ chốt... Có một lần khác có 1 người dâng vua một cái nghiên mực không biết rõ xuất xứ, nghiên dài 7 tấc 4 phân, rộng 4 tấc 7 phân, dày 5 phân, đầu nghiên có khắc một bài minh "kỳ sắc ôn nhuận, kỳ chế cổ phác, hà dĩ tri chi, thạch cừ bí các, cải phong tức mặc, lan đài liên tức, Vĩnh nghi bửu chi, thơ thương thị thác" qua bài minh đó vua đã tính ra được xuất xứ tác giả và niên biểu của cái nghiên đó : gốc tích từ đời Hán, làm thành ở đời Tống là 1 báu vật đến giờ cách sau Hán Tống - Cái nghiên đã có từ 2.000 năm trước.

Vua lại ra một câu đố gồm có 56 chữ được thiết kế trên trận đồ bát quái vua bảo là có thể đọc thành 64 bài thơ, bài thơ đó nay được treo ở điện Long An nay là bảo tàng Viên Huế - câu đố hiểm hóc đó đã tồn tại trên 1 thế kỷ rưỡi mãi đến tháng 5/1995 mới có người giải mã được, người này tìm ra được ẩn số không phải chỉ đọc được 64 bài mà đọc được 96 bài (báo Ngày Nay số 330: 15/10/1995 Houston Texas)

TỰ ĐỨC HOÀNG ĐẾ (1848-1883)

Nguyễn phúc Thì, hiệu Nguyễn phúc Hồng Nhậm, con thứ 2 của vua Thiệu Trị, mẹ là Từ Dũ thái hậu tên Phạm thị Hàng

Sinh 1829, ở ngôi 35 năm, thọ 54 tuổi.

Tự Đức sinh ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu (1829) là con thứ hai (anh cả Hồng Bảo) ở ngôi 35 năm, thọ 54 tuổi táng ở Khiêm Lăng (lăng Tự Đức) thờ mẹ chí hiếu mẹ là bà Từ Dũ, tác người nho nhã, mặt hơi dài cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn hai mắt tinh mà lạnh.

Tự Đức bị bệnh đậu mùa

Một bức tranh của Tự Đức ở trong tạp chí France Illustration 5/1949 là một sản phẩm tưởng tượng.

Các đại thần phò tá như Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Tôn Thất Cáp, Phạm Phú Thứ, Trần Tiễn Thành, Ông Bích Khiêm...

Tự Đức lấy vợ ở tuổi 15 có tất cả 103 vợ nhưng không có con nối dõi.

Người yếu đuối nên không thể đi xa được chỉ 1 lần duy nhất là theo cha đi Hà Nội trong lễ sách phong. Ít khi ra khỏi hoàng cung chỉ trừ đi nghỉ hè, đi săn quanh vùng Huế.

Năm 1848 đến 1852 vua cho cải tổ lại cách thi cử đặt thêm bằng cử nhân.

Tháng 5/1851 mở thi chế khoa từ do văn bằng của nước ta được kể như sau : Tú tài, cử nhơn, tấn sĩ có 3 cấp Hoàng giáp, bảng nhãn và thám hoa . Tổ chức lễ xướng danh và ban yến khi thi hội

Tháng 7/1855 đã hoàn thành bộ Đại Nam Hội Điển năm sau sai làm bộ Việt sử khi mới lên ngôi cho lập nhà thờ Hiền Lương, nhà thờ Trung Nghĩa 2 nhà thờ này lập bên trái chùa Linh Mục - Võ Xuân Cẩn dâng sớ xin lục dụng con cháu Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt và Lê Chất. Vua thuận cho lập nhà thờ để tưởng niệm Võ

Trường Toàn - Nguyễn Tri Phương dâng biểu xin hiệu Sùng Đức sau đổi Tố đức – học trò của Võ Trường Toàn có những người thành danh như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng.

Sau biến cố 1847 vua Tự Đức ráo riết cấm đạo và kỳ thị với người Pháp lẫn người Tây phương.

Năm 1851 (Tân Hợi) ba linh mục Pháp là Charbonnier, Matharon, Bonnard bị xử chém, tin này làm xôn xao xúc động cả nước Pháp.

Tháng 7.1858 dưới sự phẫn uất của hoàng hậu Eugenie vợ của Napoléon đệ tam một người sùng đạo, vua Napoleon III ra lệnh cho hải quân trung tướng Rigault de Genouilly đem 14 chiến thuyền với 3000 quân Pháp, Y Pha Nho tấn công vào cửa Đà Nẵng bắn phá các đồn lũy rồi chiếm hai đồn An Hải và Tôn Hải. Vua sai Đào Trí, Nguyễn Tri Phương, Trần Hoàng, Châu Phúc Minh, Lê Đình Lý chia quân chống giữ. Lê Đình Lý tử trận.

Quân viễn chinh Pháp bị dịch tả, tính toán không thể chiếm được Đà Nẵng và Huế nên Genouilly để đại tá Toyon ở lại Đà Nẵng. Còn mình thì kéo quân vào Gia Định.

Chính phủ Pháp cử Hải quân Thiếu Tướng Page thay cho Genouilly.

Tháng 12 năm Mậu Ngọ (1858) Nguyễn Tri Phương đắp đồn Liên Trì lính Pháp đánh đồn Thạch Giản Nại Hiên. Vua ban cho Nguyễn Tri Phương một thanh ngự kiếm và sâm quế các hạng để khuyến khích.

Tháng giêng năm Kỷ Mùi 1859 Pháp bỏ Đà Nẵng kéo quân vào Gia Định bắn phá các đồn Lương Thiện, thuộc tỉnh Biên Hòa, Phước Vĩnh, Danh Nghĩa thuộc tỉnh Gia Định và cửa Cần Giờ.

Sau đó bức thành Gia Định, quan hộ đốc Võ Duy Ninh chạy giầy các tỉnh hội binh cứu viện rồi tự vẫn. Quân ta thua rút lui giặc vào đốt dinh trại kho tàng, lấy lương thực đem đi.

Sau khi Anh Pháp ký hòa ước với Mãn Thanh ngày 25.10.1860 rảnh tay thực dân chỉ định hải quân Trung tướng Charner làm tổng tư lệnh hạm đội Pháp đánh Trung Hoa tìm kế hoạch để đánh chiếm Nam Kỳ..

Tháng 6-1859 nước Pháp sai người đến nghị hòa, vua sai Nguyễn Tri Phương chuyên coi việc ấy. Nguyễn Tư Giản mật sớ tâu không nên nghị hòa, còn Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản tâu rằng người Pháp xin 3 khoản : về mặt cắt đất, điều ấy quyết định không cho, việc thông thương thì trước sau đã có lệ, cứ theo đó mà làm, việc cấm đạo thiên chúa thì tha là hay hơn.

Việc phúc đáp quá lâu nên sứ thần Pháp kéo tàu ra đi.

Đầu năm Tân Dậu (1861) quân Pháp đánh đồn Gia Định, đánh các đồn Cây Mai, Kiểng Phước, Khải Tường, tấn công vào đồn Trung (đồn Chí Hòa) - Nguyễn Tri Phương chỉ huy trận chiến, ông bị thương ở cánh tay. Tán lý Nguyễn Duy Toàn, Nguyễn Duy em ruột Nguyễn Tri Phương bị tử thương, Phạm Thế Hiển bị đạn khi về đến Biên Hòa thì mất.

Trong trận này ta tổn thất 300 người xác được đem chôn ở Thuận Kiều, thiếu tướng Vassoigne và đại tá Palanca bị thương. Trung tá Testard tử trận - trong trận chiến ngoài số quân đã có từ năm 1858 Pháp đem thêm 30 chiếc chiến thuyền và 10.000 quân, quân ta dần dần yếu thế không chống nổi rút lui về Tam Tỉnh sau lui lại Biên Hòa.

Tháng 7/1861 Nguyễn Bá Nghi là thượng thư bộ hộ tâu rằng “tình hình tỉnh Biên Hòa suy yếu, đánh giữ không được mà hòa lại không xong nên giảm bớt quân thử phái người đi cầu viện nước khác”. Vua giáng chức Nghi trước đó Nghi có tâu : "Sự thế Nam kỳ chỉ có hòa mới được. Chẳng thế e còn sanh điều ngại khác".

Vua chẳng nghe nên về sau quân Pháp dần dần thôn tính Nam Kỳ. Tàu chiến của Y Pha Nho đến Biên Hòa rồi ra cửa Cần Giờ, quanh vùng Cát Bà đưa thư cho quan trấn thủ xin ở núi Đờ Sơn, lập sở tuần ty tại huyện Nghiêu Phong tỉnh Quảng Yên trong 10 năm sẽ trả lại. Nếu triều đình không cho thì sẽ gây chiến ở Bắc Kỳ.

Vua sai quan phải chuẩn bị sẵn sàng.

Còn ở Sài Gòn sau khi chiếm đồn Kỳ Hòa, giặc Pháp đánh Hóc Môn và lập kế hoạch đánh chiếm tỉnh Định Tường.

Trung tá Bourdeis khám phá ra đường sông đi vào Bảo Định theo con nước đến được tỉnh thành. Từ Hóc Môn – Phú Lâm giặc men theo lộ đánh Tân Hương. Vượt sông Vàm Cỏ Đông đánh Long An, tiến về phía Trung Lương. Một cánh khác của giặc theo ngả cửa Đại đánh chiếm Tịnh Giang.

Tổng đốc Nguyễn Công Nhân vừa mới bổ nhậm đến Định Tường dùng kế hỏa công của Chu Du để đánh giặc Pháp ở Tịnh Giang nhưng không thành công.

Mỹ Tho bỏ ngõ giặc chiếm thành, trong trận này trung tá Bourdeis bỏ mạng, thiếu tướng Page đi trên pháp thuyền Fransé vào lấy Mỹ Tho mà không gặp sức chống trả nào của Nam quân cả.

Tin Định Tường thất thủ bay đến kinh đô làm bàng hoàng triều đình Huế. Giặc được thế tiến chiếm Gò Công và Đồng Tháp Mười.

Đất Gò Công là quê ngoại của vua Tự Đức.

Tri Huyện Toại chiêu mộ dân binh nổi lên đánh Pháp.

Ngày 22-6-1861 Huyện Toại chỉ huy nghĩa quân đánh đồn , sau thua tử trận ;

Trương Công Định trước có cầm đầu một toán nghĩa quân tham dự trận đánh Chí Hòa - được thăng chức Lãnh Binh. Ông có những hành động táo bạo làm khiếp vía địch quân cũng như những tên tay sai việt gian. Cùng với Huyện Toại, mở cuộc tấn công giặc ở Gò Công.

Hải quân thiếu tướng Bonard được điều sang thế Charner y thay đổi chiến lược, dùng người bản xứ để đánh người bản xứ, dụ dỗ tuyên truyền, chia rẽ lương giáo.

Mở màn là các trận đánh về phía Đông : Biên Hòa, Vũng Tàu, Bà Rịa lần lượt bị Pháp chiếm, đông thời ở phía Tây đột nhiên Pháp chiếm Vĩnh Long dưới quyền chỉ huy của trung tá Reboul với lực lượng 1.000 quân đổ bộ xóm Lò Gạch ở xã Hòa Mỹ cách Long Châu 5 cây số hai bên giao chiến đến tối thì tổng đốc Trương Văn Uyển liệu thế khó giữ nên đốt dinh trại kho tàng.

Ở Đồng Tháp Mười Võ Di Dương được phong chức thiên hộ, dân gọi ông là Thiên Hộ Dương ông rất can đảm nhưng "hữu dũng vô mưu", mọi việc binh bị đều giao cho Thủ Khoa Huân điều khiển.

Ở Cai Lậy có Phủ Cậu là vị quan già về hưu bị bệnh cùi đứng ra điều khiển việc quan bản dinh đóng ở Ba Giồng, Thuộc Nhiêu.

Ngày 29-8-1861 bao vây giặc ở Cái Thia, giết được 22 tên giặc Pháp. Giặc Pháp bắt cha của Phủ Cậu giết chết để trả thù

Đại tá Lebris cùng với Bellinger và Đại tá Desveaux kết hợp để đánh tan nghĩa quân.

Nguyễn Trung Trực nghi binh trên sông Vàm Cỏ Đông ở Bến Lức đốt cháy tàu Espérance và tấn công tù binh Lê Dương, Phi Luật Tân đóng dọc theo sông giết không còn một tên

Ông rút lui ra khỏi đồn Vĩnh Trị qua trú tạm ở huyện Duy Minh về sau Nguyễn Trung Trực bị trảm quyết ở Rạch Giá ngày 20-10-1868.

Trong lịch sử nước ta đây là lần đầu tiên một cuộc chiến tranh xảy ra giữa người Á Đông và Tây Phương.

Hai quan niệm, hai nền văn hóa hoàn toàn khác nhau. Khác với các cuộc chiến tranh có trước, giữa ta và Trung Quốc cùng một ý thức hệ cùng một loại văn hóa Đông phương, nên tầng lớp quan lại kể cả vua và nhân dân cứ lấy kiểu cũ, kể cũ để đối địch với lũ giặc từ phương tây tới.

Tháng 5/1879 Nguyễn Hiệp đi xứ Xiêm về. Vua hỏi tình hình nước Xiêm Hiệp tâu rằng : "Chúng tôi hỏi thăm nước ấy khi trước có người Bruxelles ở đó buôn bán, thời tình thế phương Tây cũng đã hơi biết, đến khi người Anh đến cầu thông thương, nước ấy hòa với nước Anh, nên Anh không gây oán được, vì thế đã không mất đất mà lại được giảng hòa với chín nước (Pháp, Ý, Phổ, Mỹ, Y Pha Nho, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ và Anh) chức lãnh sự thì cho Anh đầu, qua lại giao tiếp không trở ngại gì cả, mà nước Xiêm vẫn giữ được quyền, người ngoài không hiếp chế được."

Có những người tâm huyết như giáo dân Đinh Văn Điền, 1868 người huyện An Mô - tỉnh Ninh Bình dâng bản điều trần, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) đã gửi cho triều đình gồm cả một chương trình cải cách rộng lớn lời lẽ thống thiết xác thực như bản điều trần về tình thế phương Tây, về việc ngoại giao ngày 16-9-1871.

Quân Pháp lần lượt chiếm Biên Hòa, Gia Định, trấn biên Định Tường, Cai Lậy, Vĩnh Long... Bonard cử trung tá Simon đến Huế chiêu hàng triều đình Huế cuộc thương thuyết kéo dài từ 26-5-1862 đến 5-6-1862 hòa ước Nhâm Tuất (5-6-1862) ký giữa 3 nước Pháp, Y Pha Nho, và nước ta có 12 điều khoản cắt đất Gia Định, Định Tường, Biên Hòa cho Pháp.

Bồi thường chiến phí 4.000.000 đồng bạc chia ra trả trong 10 năm. Dân Pháp và Y Pha Nho được ra vào buôn bán tự do ở cửa Đà Nẵng, Ba Lạc, Vĩnh Xuân Đài, Quảng Yên.

Nếu nước Nam có muốn giao thiệp với các nước khác vay cắt đất nhượng địa thì phải có sự đồng ý của Pháp.

Tự do giảng đạo.

Pháp sẽ trả lại Vĩnh Long cho nước ta.

Bảng hòa ước sẽ được chính thức phê chuẩn năm sau.

Ngày 25-5-1863 hải quân thiếu tướng d'Ariès lãnh nhiệm vụ bàn giao tỉnh Vĩnh Long cho Phan Thanh Giản.

Sau khi ký hòa ước thấy mình quá thua lỗ nên vua cử một phái đoàn gồm có Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguy Khắc Đản lên đường sang Pháp và Madrid để đàm phán lại.

Sứ bộ cở theo 64 gói hàng, thùng đựng lễ vật và 1 cái kiện 9 cái lọng, và 24 gói lễ vật để tặng cho Y Pha Nho, đoàn tùy tùng có 62 người ngày 22-6-1863 đến Sài Gòn ngày 4-7 đáp tàu Europeén sang Pháp trong đoàn có Trương Vĩnh Ký và Tôn Thọ Tường làm thông ngôn ngày 9-9-1863 cập bến Toulouse rồi Marseille từ Lyon lên Paris.

Ngày 5-11-1863 sứ bộ được hoàng đế Nã Phá Luân III tiếp kiến. Vua nước Pháp từ chối các đề nghị của sứ bộ. Nã Phá Luân gửi tặng vua Tự Đức một bộ đồ bằng sứ.

Hầu tước Chasseloup Laubat tiễn sứ bộ ta lên đường về nước với lời hứa hảo.

Sứ bộ giã từ Paris sang Madrid thủ đô Y Pha Nho yết kiến nữ hoàng Y Pha Nho là Isabelle đệ nhị.

Ngày 18-3-1864 tàu Japon đưa sứ bộ về tới Sài Gòn.

Khi ở Pháp Phạm Phú Thứ có làm một bài thi Đông Tây dị thú đại ý đã kích nền văn hóa Phương Tây.

Hải quân thiếu tướng De la Grandière được cử sang nước Nam để dẹp loạn.

Tháng 6/1864, Phan Thanh Giản cùng toàn quyền Pháp là Aubaret yết kiến vua Tự Đức ở điện Cần Chánh, vua ban trà cho và nói : "Gửi lời thăm quốc chúa an hảo, từ nay về sau 2 nước ta giữ điều giao hảo". Aubaret thưa rằng : "Xin vâng" rồi cáo lui.

Tháng 9.1866 khâm sứ thượng thư Pháp ở Gia Định là Paul Vial về Huế xin đất 3 tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Hà Tiên -vua không thuận, y nói với Phan Huy Vịnh - Phạm Phú Thứ rằng : "Nếu bây không chịu giao cho xong, e những người ứng mộ gây ra việc binh ách" lời láo xược đó làm bàng hoàng vua quan.

Tháng 6.1867 Pháp huy động một số lớn thuyền chiến đến Vĩnh Long đưa tới hậu thư cho Phan Thanh Giản – Giản nói thế nào chúng cũng không nghe

Phan Thanh Giản mới thương lượng rằng "Chớ nhiều hại nhân dân. Còn tiền lúa trong kho cứ để nước tôi coi ngó" –

Pháp chiếm Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Phan Thanh Giản đem triều bào, ấn triện và làm tờ sớ gửi về dâng - nhịn đói mà chết..

Đồ Chiểu làm một bài thơ khóc Phan Thanh Giản trong khi đó vua quan triều Nguyễn lại trách cứ họ Phan đã để mất Nam Kỳ án di trảm danh cho họ Phan và vua Tự Đức ra lệnh đục bỏ tên tuổi của họ Phan trên bia Tiến sĩ.

Đất miền Nam đã trở thành thuộc địa của Pháp và chúng bắt đầu thiết lập ở Gia Định một thành phố.

Sàigòn được chọn là nơi đặt nền móng cơ sở của chính phủ thuộc địa.

Dinh toàn quyền xây dựng năm@@@, nhà thờ Đức Bà năm@@@. Bưu Điện năm @@@:, bệnh viện Grall năm.... ; dinh Soái phủ (dinh Gia Long) 23-3-1868

Khi Pháp đặt nền đô hộ ở Sàigòn họ đặt ra quan cai trị thuộc ngạch Phán ty, ngạch tư pháp là Niết ty. Cho sửa lại trường hậu bổ ở Huế và tăng cường cách giáo sư Pháp

Aymonier là viên công sứ Pháp là một học giả viết nhiều đề tài về Việt Nam và dân tộc Chăm.

Linh mục Kerlan cha sở nhà thờ Sàigòn là người sáng lập trường Tabert , linh mục từ trần năm 1872.

Đông Dương ngân hàng thành lập do chỉ dụ ngày 21-1-1875,

kinh chợ Gạo xong ngày 10-7-1877

nhà thờ đức bà do giám mục Colombert cử hành ngày 7-10-1877.

Lệnh bãi bỏ dùng chữ Hán do Lafont ký ngày 6-4-1878 mãi đến ngày 30-1-1882 mới thi hành.

Hội đồng quản hạt (conseil Colonial) được thành lập do chỉ dụ 8-2-1880

Năm 1886 Paul Bert cho lập hội đồng tư vấn.

Năm 1907 Paul Beau cho mở trường đại học.

Trương Công Định đánh Pháp ở Gò Công 1861 . Năm 1864 bị Huỳnh Công Tấn dẫn giặc Pháp , ông tử trận ngày 20-5-1864.

Thủ Khoa Huân sau khi tách ra khỏi Thiên Hộ Dương ông tụ tập nghĩa quân chống Pháp bị giặc bắt và bị chém ở cù lao Rồng.

Phan Liêm, Phan Tôn là con Phan Thanh Giản,

Trương Huệ là con Trương Công Định theo chí cha nổi gót lãnh đạo quân dân Nam bộ chiến đấu với thực dân xâm lược.

Thân Văn Nhiếp tự xưng là nguyên soái tụ tập nghĩa binh tấn công đồn Cai Lậy vào ngày lễ giáng sinh 1870 bị giặc giết 1-1-1871

Nghĩa quân ở vùng Ba Vát - Cái Mơn - Cần Thơ dưới quyền điều khiển của Tổng Thu, Tổng Cậy đã đánh tây vào ngày mùng 3 Nhâm Thân (1872) khắp nơi ở Nam bộ từ Sàigòn cho đến Trà Vinh, Vĩnh Trị, Cổ Chiên, Tây Thủy, Cần Giuộc, Trung Lương... khắp nơi nghĩa quân, thân hào nhân sĩ nổi lên chống Pháp rầm rộ.

Những việt gian tay sai khét tiếng đàn áp phong trào đáng kể là : Trần Bá Lộc, Huỳnh Công Tấn, Trần Tử Ca, Đỗ Hữu Phương, Đỗ Kiểng Phước...

Trong khi đó ở Bắc Kỳ có Pierre Lê Bảo Phụng nổi lên chống triều đình bị Nguyễn Tri Phương đánh tan và xử tử, các đảng cướp giặc cỏ, giặc tàu ô Trung Quốc, nạn thổ phỉ nổi lên lung tung làm cho xã hội càng thêm rối rắm như ở Cao Bằng có Ngô Côn chiếm Cao Bằng năm 1888 vua cử Phan Chi Hương đi tiêu trừ. Giặc Nông Hùng Thạc ở Tuyên Quang có dư đảng 10.000 năm 1862. Nguyễn Tri Phương, Ông

Ích Khiêm, Đỗ Trọng Bình, Trương Quốc Dung, Lê Tuấn có công bình bình định. Mọi vách đá ở Quảng nghĩa đầu hàng tháng 10-1885.

Vọng vạn niên cát địa vào tháng 9-1864 cho khởi lên xây Khiêm cung (lăng Tự Đức)..

Tháng 12-1864 công tử Hường Tập mưu giết vua việc phát giác bị xử trảm.

Tháng 8-1866 Đoàn Trưng cùng em Đoàn Hữu Ái, Đoàn Tư Thực... Tôn Thất Cúc làm nội ứng cùng với các phu phen lính đang ở Khiêm Cung kéo về Hoàng thành mưu giết vua Tự Đức có Long Võ Dinh Hồ Oai, Cáp Văn Sum ngăn chặn

Cuộc đảo chánh thất bại.

Lục quân thiếu tướng L'Arbaud thay đô đốc Dupré cho chiếc tuần dương hạm Bourayne đi tuần du khắp nơi.

Tháng 11 Đỗ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) đi 3 chiếc tàu đến cửa Cấm thuộc tỉnh Hải dương mượn đường qua Vân Nam có tên tự xưng tri phủ nước Tàu là Lý Ngọc Trì cùng đi theo.

Vua sai Phan Đình Bình cùng với khâm mạng Nguyễn Tri Phương gọi Dupuis để cùng nghị hội, không có ý, thuộc viên trong tàu còn lại là Uông Gia Sư và Hà Sầm quan quân ta muốn khám tàu, hai bên cự cãi sau đó Pháp điều động Francis Garnier đang đóng ở Thượng Hải về Hà Nội,

Lúc 6 giờ 20- 11-1873 giặc Pháp nổ súng vào thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn ở bắp đùi, bị Pháp bắt

Ông quê quán ở Thừa Thiên làm quan từ thời vua Minh Mạng, có nhiều chiến công hiển hách. Ông từ trần ngày 30-12-1873.

Trong trận này con trai ông là Phò mã Nguyễn Lâm cũng tử trận.

“ Giặc Pháp khởi sự bắn súng vào thành Hà Nội hồi 6 giờ sáng ngày 20.11. 1873, thống chế Nguyễn Tri Phương cầm quân đánh giặc, con là phò mã Nguyễn Lâm ra thăm cha ở Hà Nội, hal cha.con chống giữ ở cửa Đông Nam. Quân Pháp phá cửa ấy, Nguyễn Lâm trúng đạn chết, Nguyễn Tri Phương bị thương ở đùi, Francis Garnier bắt được đem về băng bó thuốc thang, ông nhịn ăn, phun thuốc, từ chối sự săn sóc của địch đến ngày 30.12.1873 thì qua đời.”

Pháp chiếm được Thăng Long bèn phân binh các đạo tiến chiếm vùng Trung Châu Bắc Bộ.

Hải quân trung úy Balny chỉ huy pháp hạm Espagnole đánh chiếm Hưng Yên, Phủ Lý.

Ngày 4. 12.1873, hạ thành Hải Dương.

Hautefeuille chiếm Ninh Bình ngày 5.12.1873, ở vùng Phát Diệm các giáo dân vui mừng thoát khỏi bị phân biệt đối xử.

Ngày 11.12.1873, Pháp làm chủ trọn miền Trung Châu gồm có sáu thành Hà Nội, Hưng Yên, Phủ Lý, Ninh Bình, Hải Dương và Nam Định.

Hoàng Kế Viêm được phong làm Tiết chế quân Bắc Kỳ, giặc Cờ Đen, người Trung Hoa, đầu hàng quân Nam triều, chủ tướng là Lưu Vĩnh Phúc được cho giữ lại

chức vụ. Hoàng Kế Viêm cho Lưu Vĩnh Phúc đóng quân ở đồn Hương Ngạnh (Phủ Hoài Đức)

Nam triều cử sứ bộ gồm có Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp có thêm các giám mục Sohier, linh mục Dargelger phụ tá để thương thuyết với Francis Garnier.

Quân Cờ Đen tấn công vào thành rồi giả vờ rút chạy, Francis Garnier đem quân đuổi theo qua vùng Thủ Lệ đến cầu Giấy thì bị binh ta phục kích giết chết.

Hài cốt của F. Garnier được chở về Sài Gòn tháng 5.1876 được an táng tại đất Thánh thành phố.

Trong trận này chết chung với Francis Garnier còn có Bonifay, Dagorne và trung úy Balny ;

Thống đốc Nam Kỳ mới nhậm chức là đô đốc Dupré cử Philastre đến Huế để thương thuyết với triều đình : Nguyễn Văn Tường cùng đi với Philastre ra Hà Nội để giải quyết việc F. Garnier nhưng khi tàu đến cửa Cẩm ngày 24.12.1873 thì được tin quân Cờ Đen đã giết chết F. Garnier –

Philastre và các sĩ quan cao cấp dưới tàu đập tay tức giận bảo Nguyễn Văn Tường "Việc chắc không xong, phải phi báo cho Dupré". Tường thấy giặc đương nóng giận sợ hư việc lớn nên mới thông thả dựa lời biện bạch thuyết phục. Philastre nghe theo ra đến Hải Phòng - Ra lệnh trả các thành trì lại cho ta, Pháp lui giữ Hải Phòng - Dupré về lại Pháp.

Triều đình cử Nguyễn Văn Tường cùng đi với Philastre vào Sài Gòn gặp Lê Toản cùng với thống đốc Nam Kỳ thương lượng để ký hòa ước Giáp Tuất vào ngày 15-3-1874 thay cho hòa ước Nhâm Tuất (1862)

Hòa ước gồm 22 điều khoản, chiếu theo khoản 11, Pháp và Nam triều ký một điều ước thương mại ở Sài Gòn ngày 31.8.1874 đại diện chính phủ Pháp là Hải quân thiếu tướng Krant, quyền thống đốc Nam Kỳ.

Điều ước này gây cho ta bị thiệt thòi nhiều như việc buôn bán thuế khóa đều do Pháp điều khiển, cấm nhập trang thiết bị, binh khí vào Trung kỳ, các thành phố Hải Dương, Hà Nội, Quy Nhơn đều được Pháp đặt tòa lãnh sự.

Vua sai vẽ bản đồ quân sự những nơi Pháp đóng gởi về để ngự lãm.

Tháng 11 - Giáp Tuất vua sai các quan ở Thương Bạc mua một số tàu chiến nói dối là để tuần tiễu bọn cướp biển.

Từ Giáp Tuất (1874) đến Nhâm Ngọ (1882) việc ngoại giao hai bên có vẻ tạm ổn là do Philastre, cái gạch nối giữa chính phủ Pháp và triều đình Huế. Philastre là một người rất thích các triết lý Á Đông, thích tìm hiểu nền văn hóa nước ta.

Tháng 11 năm Bính Tý (1876) khi làm Khâm sứ ở Huế, Philastre viết thư qua Thương Bạc xin rước thầy về dạy chữ Nho cho ông ta. Vua cho Cao Hữu Trưng qua sứ quán dạy cho Philastre học, đồng thời tặng ông ta nghiên mực, giá gát bút và sách vở.

Tháng 6.1877, vua gởi tặng một bộ luật của nước ta mới in vì Philastre nói là "luật nước ta tinh tường và đích đáng lắm" vua lại ban thêm một bộ ngự chế Việt sử tổng vịnh...

Tháng năm Bính Tý (1878), sai Nguyễn Hữu Độ vào Gia Định nhận chiếc tàu trện của Pháp tặng, đến tháng 9, Pháp tặng triều đình Huế thêm 5 chiếc tàu, vua có làm bài ký “Ngũ lợi thuyền”

Tháng 10. 1877 Nguyễn Thành Ý đem các đồ thổ nghi qua Paris để đấu xảo trong một hội chợ quốc tế.

Năm 1878 Pháp tặng ta 100 khẩu súng cho tỉnh Hà Nội.

Năm 1879 Nguyễn Thành Ý đem đồ đệ qua học nghề cơ khí ở Toulouse.

Tháng 5, Nguyễn Hiệp đi sứ Xiêm về tâu vua nên lập bang giao với các nước trên thế giới để giữ được thế cân bằng.

Tháng 6 vua thông báo cho các địa phương ai muốn học chữ Pháp hay học kỹ nghệ thời cho ghi danh.

Năm Tân Ty (1881) sai Phạm Bính đem 12 học trò nhỏ giao cho một người Tàu ngụ tại Hương Cảng là Thạch Thanh Tuyên dẫn tới học trường nước Anh.

Tháng 7 vua bảo các quan ở Thương Bạc là nơi làm việc chung với chính phủ bảo hộ và Nam triều nên qua lại thăm viếng nhau.

Khi Lê Đĩnh từ Hương Cảng về có tâu vua về việc nước Nhật Bản bắt chước các nước Âu châu, ông lại tâu thêm là đất nước ta giàu tài nguyên, người thông minh ; dân đông thì theo kiểu ấy chắc chắn sẽ giàu mạnh hùng cường..."

Đại sứ Trung Quốc là Đình Canh trong một buổi tiếp xúc ngoại giao với Trần Thúc Nhẫn cho hay : Quan khâm sai nước Anh là Tăng Kỳ Trạch có báo rằng lãnh sự Pháp Thoát Loãng đã xin 2 ngàn quân và chiến phí để chuẩn bị đánh nước ta, và ông ta khuyên là nước Nam nên chóng bàn mưu giữ nước".

Rheinardt thay Philastre

Năm Nhâm Ngọ (1882) tháng 2, chiếc tàu của Pháp đậu ở biển Núi Nẹ (Ninh Bình) hai bên bắt đầu căng thẳng. Thực sự thì sau khi Philastre về nước, Rheinardt lên thay thì chính sách của Pháp đã thay đổi.

Henri Rivière ở trong ngạch hải quân đã 37 năm với cấp bậc đại tá, ông cũng là một văn sĩ tài hoa đã từng nói "chẳng khi nào người ta sẽ chịu giao phó một chiến hạm cho một nhà văn".

Khi được đề cử làm tổng chỉ huy đánh Hà Nội ông đã viết một bức thư gửi cho Ferdinand de Lannay tờ báo Le Temps “theo tôi ngã Bắc Kỳ sẽ đi vào Hàn Lâm Viện".

Ngày 3.4.1882, Henri Rivière rời Sài Gòn ngày 26.3.1882 với hai chiến hạm Drac và Parvesel, ngày 3.4.1882 đến Hà Nội đóng quân ở Đồn Thủy –

Thấy binh thuyền của Pháp kéo tới đột ngột. Tổng Đốc Hoàng Diệu nghi ngờ bèn sai tuần phủ Hoàng Hữu Xứng ra tiếp để dò xem tình hình đồng thời ra lệnh cho quân binh phòng thủ.

Ngày 25-4-1882, Henri Rivière gửi tối hậu thư buộc phải giải binh, kỳ hạn 8 giờ sáng mai các quan Nam triều phải đến Đồn Thủy để đợi lệnh. Hoàng Diệu khước từ –

Giặc Pháp tấn công Hà Nội, án sát Tôn Thất Bá đốt kho thuốc súng rồi đầu hàng giặc,

Tổng đốc Hoàng Diệu viết tờ di biểu để lại và đến miếu Quan Thánh thất cổ tự vẫn cho trọn lòng với đất nước.

Sau khi Hà Nội thất thủ, tổng đốc Hoàng Diệu vì nước quyên sinh, khắp nơi trong nước làn sóng nổi dậy chống lại giặc Pháp ngày càng mãnh liệt với chiêu bài Bình Tây Sát Tả (đẹp Tây, giết đạo).

Hoàng Kế Viêm, Nguyễn Chánh, Bùi Ân Niên dâng sớ xin đánh giặc Pháp, vua không cho.

Sai tổng đốc Hà Ninh hưu trí là Trần Đình Túc làm Khâm sai đại thần cùng Tỉnh Biên Phó sứ Nguyễn Hữu Độ lập hội đồng nhận lại tỉnh thành đã bị mất.

Henri Rivière đòi 4 khoản :

- Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo hộ.
- Phải nhường thành phố Hà Nội cho Pháp
- Pháp được đặt thương chánh ở Bắc Kỳ
- Sửa lại việc thương chánh ở các nơi và giao cho Pháp cai quản.

Pháp chiếm Hòn Gay, ngày 27.3.1883 vào rạng sáng, súng trên các pháo thuyền dưới sự chỉ huy của H. Rivière nổ ran, quân ta bắn trả làm hư hại hai pháo thuyền Surprise và Fanfare, bắn gãy chân trung tá Carreau, tuần lễ sau thì Carreau chết.

Đến 11 giờ giặc hãm thành. Đề đốc Lê Văn Diêm, án sát Hồ Bá Ôn tử trận. Pháp chiếm luôn Hòn Gay –

Để mở đầu cho mưu toan xâm lược toàn diện đất nước ta viên toàn quyền đông dương ở Sài Gòn cho triệu hồi viên khâm sứ Rheinardt và hạ cờ Pháp ở tòa khâm về nước, mặt khác y ra lệnh trục xuất quan khâm phái của triều đình bên cạnh chính phủ Pháp là Nguyễn Thành Ý về.

Tổng đốc Bắc Ninh Trương Quang Đản cùng phó kinh lược Bùi Ân Niên đánh quân Pháp ở Gia Lâm, tàu binh Pháp chạy về Đồn Thủy Hà Nội để trốn.

Đêm 11.5. 1883, Pháp đóng quân ở tả ngạn sông Hồng - nửa đêm bị quân Cờ Đen nã đạn pháo vào các chiến thuyền của giặc Henri Rivière vô cùng tức giận, lấy 500 quân rời khỏi thành rượt đuổi quân Cờ Đen tới ô Cầu Giấy. Bị phục binh, Rivière tử trận vào ngày 19.5.1883.

Sau trận đánh Pháp sai người đi tìm thi hài của các tướng tử trận những người này báo tin về cho biết đầu lâu của đại tá H. Rivière bị quân Cờ Đen bỏ vào 1 cái hộp vôi chôn cạnh vệ đường đi Sơn Tây –

4 tháng sau giặc Pháp mới đào tìm được chỗ chôn đầu lâu, còn xác không đầu thì mãi đến 8-10- 1887 mới tìm ra.

Ngày 30.10.1883, linh cữu của đại tá H.Rivière và trung tá Berthe de Villers được tàu Tarn chở về Pháp - thi hài của H. Rivière được chôn tại nghĩa trang Montmartre ở Paris.

Vua Tự Đức vốn người nhỏ thó bị bệnh đậu mùa từ thuở bé, người yếu đuối nên không thể nào đi xa được, chỉ có một lần duy nhất là theo cha (vua Thiệu Trị) ra Bắc Hà nhận lễ thụ phong của Tàu.

Ông là người có tài văn chương uyên bác nhưng không quyết đoán được việc nước, chần chừ, đợi thời, chung quanh là các đại thần toàn một loại thiển cận nên đã ngăn chặn nhiều ý kiến cải tổ đất nước của các vị nhân sĩ có dịp xuất dương đem cái hay cái tốt của nước ngoài tâu lên.

Vua Tự Đức nghe, hiểu, khen các vị ấy nhưng không bao giờ làm theo các lời đề nghị đó.

Ngày 16 tháng 6 năm Quý Tỵ (1882) vua Tự Đức hấp hối và băng. Đọc tờ di chiếu ở điện Cần Chánh, tự quân hoàng trưởng tử Dục Đức lạy và lên ngôi. Trong di chiếu viết "tính phả hiếu dâm, diệc đại bất thiện" nghĩa "là tánh dâm đảng lại chẳng tốt nên đáng lẽ không lập làm vua..." lời ấy làm cho Dục Đức vô cùng khó chịu.

DỤC ĐỨC HOÀNG ĐẾ (1883)

Nguyễn Phúc Ưng Chân, con nuôi của vua Tự Đức, bị tôn thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường phế và bị giết sau 3 ngày ở ngôi.

Ngày 24.7.1883, Dục Đức mời ba vị Phụ chánh đại thần vào điện riêng bàn xin bỏ bớt đoạn ấy đi, Tường và Thuyết giả bộ ưng thuận nhưng khi ra giữa triều đình nhằm lúc Trần Tiểu Thành đọc di chiếu bỏ bớt đoạn chỉ trích vua, Tường và Thuyết lập tức buộc tội Dục Đức đã thay đổi di chiếu.và giết đi

Chiến tranh giữa thực dân Pháp và dân tộc ta lại được đồng hóa là cuộc chiến tranh có dáng dấp tôn giáo vì thế đã gây ra một phong trào giết các giáo dân và phá nhà thờ thiên chúa trong dân chúng

HIỆP HÒA HOÀNG ĐẾ (1883)

Nguyễn phúc Hồng Dật, con vua Thiệu Trị, em vua Tự Đức lên ngôi thay Dục Đức được 4 tháng thì bị Tường, Thuyết giết.

Hồng Dật con thứ 29 của Thiệu Trị, tức Lãng Quốc Công được rước vào cung để làm lễ tấn phong. Hồng Dật từ chối không chịu đi, cuối cùng Tường và Thuyết phải dùng võ lực bắt Hồng Dật lên kiệu, khiêng về tôn lên ngôi, hiệu là Hiệp Hòa ;

Hiệp Hòa muốn dùng kế trừ bớt thế lực của Tường và Thuyết bèn đổi Tường làm Binh bộ thượng thư, Thuyết làm Lại bộ thượng thư, phong Tuy Lý vương coi việc giao thiệp giữa triều đình và chính phủ Pháp mà không cần hội ý kiến triều thần.

Hồng Phi con của Tùng Thiện Vương dâng mật sớ đề nghị Hiệp Hòa chém đầu Tường và Thuyết.

Vua xem xong dạy thái giám đem cho Đệ nhất phụ chánh Trần Tiễn Thành phụng duyệt, chẳng may lá sớ lọt vào tay Nguyễn Văn Tường - cơ mưu bại lộ, Tường, Thuyết sai Ông Ích Khiêm đến bắt vua và buộc phải tự vẫn,

Trần Tiễn Thành cũng bị giết ngay đêm đó.

Hiệp Hòa bị giết ngày 29.11.1883, thọ 37 tuổi, trị vì được 4 tháng - Tôn Dũơng Thiện lên ngôi hiệu Kiến Phước.

KIẾN PHÚC HOÀNG ĐẾ (1884)

Nguyễn Phúc Ưng Đăng, con nuôi vua Tự Đức, sinh 1869, thay vua Hiệp Hòa, mất vì bệnh thọ 15 tuổi.

Lợi dụng lúc Tự Đức băng hà, nội bộ triều đình lúng củng Tường và Thuyết chuyên quyền bức tử vua mới và đàn áp các địch thủ, lại thêm tin Henri Rivière tử trận trước đó, Hạ nghị viện Pháp đã biểu quyết ứng chuẩn ngân sách quân phí Bắc Kỳ là 5 triệu Phật lạng,

Lục quân thiếu tướng Bouet được cử làm thống lãnh quân vụ ở Bắc Kỳ,

Đô đốc Courbet dẫn hạm đội từ Hạ Long vào Huế gồm 2 thiết giáp hạm, 2 tuần dương hạm, 2 pháo thuyền Đô đốc đi trên chiếc thiết giáp hạm Bayard.

Tàu binh của giặc đến Trà Úc thường đi gần cửa Thuận An, vua sai chũơng vệ Lê Văn Sĩ đem một cây cờ lệnh và một cái bài "dùng việc binh" trao cho Tôn Thất Thuyết được phép tùy tiện xử dụng.

Thuận An thất thủ - triều đình Huế vội vàng sai Nguyễn Trọng Hiệp, Trần Đình Túc, Huỳnh Hữu Thường đại diện cho Nam triều thương thuyết với phái đoàn Pháp do bác sĩ Harmand.

Hòa ước Quý Mùi được ký vào ngày 25.8.1883 còn gọi là hòa ước Harmand.

Nước ta mất hẳn nền độc lập. Ngoại giao, chính trị, quân sự, tài chính thuộc vào thực dân Pháp.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết ra mật lệnh cho Đoàn Kiệt, đêm 30.11.1883 nổi lên phá nhà thờ Thiên Chúa và giết giáo dân trong khắp cả nước vì cho rằng những người này là gián điệp của giặc.

Theo ý nếu trừ được đạo thì giặc Pháp sẽ như cua gãy càng không thể hoạt động hữu hiệu được.

Linh Mục Caspar dẫn đoàn giáo sĩ từ Kim Long qua ty nạn ở tòa Khâm sứ ở Huế - cuộc khủng bố đẫm máu này là cái hố chia rẽ trầm trọng giữa người có đạo Thiên chúa và dân lương.

Sứ thần Patenôtre đi Bắc Kinh nhận chức, Thủ tướng Ferry giao bản hòa ước Harmand đã sửa lại những điều áp chế trước đây,

Hòa ước Patenôtre được ký tại Huế ngày 6.6.1884 giữa Nguyễn Văn Tường và Patenôtre,

Pháp giao trả lại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Bình Thuận lại cho ta.

Pháp muốn thu lại cái ấn bằng bạc mạ vàng có chạm một con lạc đà nằm phủ phục dưới khắc mấy chữ : "Đại Nam quốc vương chi ấn" cái ấn này do Tàu ban cho nước ta nay Patenôtre được lệnh thu bảo ấn đem về Pháp.

Triều đình ta không chịu, cuối cùng giải quyết bằng cách nấu chảy cái ấn đó ra.

Thống đốc Charles Thomson bắt vua Norodom ký một hiệp ước Kim Biên ngày 17.6.1884 từ đó Cao Miên thuộc Pháp.

Năm 1885, Pháp thương thuyết với Thái Lan để đặt phó lãnh sự ở Luang Prabang.

Năm 1887, August Pavie được quốc vương Ai Lao là Oumkham thảo luận và đặt Ai Lao dưới quyền bảo hộ của Pháp thế là liên bang Đông Dương đã hình thành.

ở Quảng Nam, Ngãi và Bình Định phong trào giết hại giáo dân trở nên khốc liệt.

Ngày 16.7.1885 linh mục Poirier bị bắn chết, linh mục Garin bị giết ở Phú Hòa.

Ngày 4.7.1885 hai giáo sĩ Barrat và Dupont bị giết ở Thác Đá và Hội đức - Bình Định.

Từ ngày 16.7 đến 4.10.1885, tính ra có 8 linh mục Pháp và 2 vạn 4 ngàn giáo dân Nam bị giết, 225 nhà thờ và tất cả nhà của dân đạo ở 6 tỉnh thuộc họ Quy Nhơn đều bị đốt cháy.

Ngày 10 tháng 6 Giáp Thân (1884), vua Kiến Phúc tạ thế.

HÀM NGHI HOÀNG ĐẾ (1884-1888)

Vua Hàm Nghi có tên là Ứng Lịch, em ruột vua Kiến Phúc, sinh 1872.

Ngày 23-5-1885 xuất bôn lãnh đạo phong trào chống Pháp, căn cứ tại Tuyên Hóa Quảng Bình.

Năm 1888 bị phản thần Trương quang Ngọc bắt nộp cho Pháp, bị đày sang Algérie, mất 1943 thọ 71 tuổi.

Nguyễn Văn Tường - Tôn Thất Thuyết truyền lời di chỉ rước hoàng đế Ứng Lịch lên ngôi ở điện Thái Hòa đặt niên hiệu là Hàm Nghi, lúc đó vua mới 13 tuổi. Nam triều tôn Ứng Lịch ngày 2.8.1884.

Pháp cho triệt mấy khẩu súng đại bác để trên mặt kính thành chỉ qua lâu sứ và cho lấp các ngòi súng đại bác hết thủy là 45 khẩu.

Trước đó vào tháng 8-1883, Harmand sai lục quân trung tá Brionval đánh chiếm Hải Dương –

Giặc Pháp đánh lấy cửa Thuận An ngày 20-8-1883, trong trận đó quân ta chết 1.200 người.

Pháp tiến công chiếm Ninh Bình dưới quyền chỉ huy của Bichot.

Đêm 11.12.1883, đô đốc Courbet ra lệnh xuất quân. Hạm đội gồm có 7 pháo thuyền như chiếc Trombe, Eclair, Yatayan... sáng 14 đến 17, Pháp tấn công Sơn Tây, quân Nam triều và cờ Đen tử trận lố 1000 người, phía giặc Pháp có 82 tử trận, trong đó có 4 sĩ quan và 319 bị thương.

Hoàng Kế Viêm và Lưu Vĩnh Phúc lui về Hưng Yên. Quân Mãn Thanh theo lời cầu viện của ta vượt biên giới cùng ta lập đồn lũy để đánh nhau với giặc.

Thống tướng Millot được cử làm Tổng tư lệnh đã điều một lữ đoàn có 8.000 quân gồm 4 chiếc chiến hạm đánh chiếm lần lượt Đáp Cầu 12.3.1884.

Thái Nguyên, ngày 16.3.1884 ;

Hưng Hóa thất thủ 12.4.1884.

Sau hòa ước Thiên Tân, quân Mãn Thanh vẫn ngấm ngầm giúp quân ta đánh Pháp.

Sứ thần Patenôtre phản kháng đòi Thanh triều phải trả 250 triệu binh phí. Nếu không thì sẽ tấn công Đài Loan. Pháp huy động sư đoàn hải quân của đô đốc Courbet đang ở Hạ Long, Sư đoàn của đô đốc Lespes đang ở Thượng Hải.

Ngày 5.8.1884 thiết giáp hạm Galissonnière nổ súng bắn pháo đài Kê Lung của Trung Quốc.

Lãnh sự Pháp ở Phước Châu rời khỏi lãnh sự quán và sau đó thì Pháp tấn công.

Hừng sáng ngày 23.8, hai phóng ngư lôi 45, 46 của Pháp đã đánh chìm tuần dương hạm Phước Bộ và Giang Ước của Trung Quốc.

Ngày 13.2.1885, thiếu tướng De Négrier đánh chiếm Lạng Sơn - viên thiếu tướng này ra lệnh phá ải Nam Quan.

Giữa tháng 11.1884, đại tá Duchesne đem 700 dân Tuyên Quang để đánh nhau với quân Cờ Đen, giặc Pháp bị vây ở Tuyên Quang, Pháp chết 33 người, hơn 200 bị thương.

Thống tướng Millot sai tham mưu trưởng là đại tướng Guerrier đem 600 quân và một đội pháo binh vào Huế bắt buộc Nam triều phải nhận vị đại diện của Pháp làm lễ phong vương cho vua Hàm Nghi . Đô đốc Decourcy đến Huế muốn đi vào đại nội bằng cửa Ngọ Môn (cửa này chỉ dành cho vua đi mà thôi).

De Courcy nói năng ngạo mạn, ngày 4.7.1885 mở tiệc khoản đãi các quan văn võ của ta và Pháp, y buộc các quan đại thần phải qua tòa Khâm sứ để trình diện, nhân tiện để bắt Tôn Thất Thuyết. Thuyết biết điều đó nên cáo ốm, lánh mặt.

Trước tình trạng dồn ép, triều đình dưới sự chỉ huy của Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường quyết định tấn công Pháp.

Ngày 30.7.1883 Harmand, Bouet và Courbet họp ở Hải Phòng quyết định ngày giờ tấn công kinh đô Huế.

Ngày 1-7-1885 R. De Courcy mang quân đến Huế với thái độ rất khiêu khích. De Courcy được Nguyễn Hữu Độ

khuyên nên bắt Tôn Thất Thuyết.

Trước tình thế không thể trì hoãn đêm 4-7-1885 (đêm 22 rạng ngày 23 tháng năm Ất Dậu) Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công bất ngờ vào đồn Mang Cá và tòa khâm sứ Pháp.

Thuyết chia quân ra làm hai đạo, một đạo do em trai là Tôn Thất Lệ chỉ huy vượt qua sông Hương đánh Tòa Khâm, đạo chính do Thuyết cùng Trần Xuân Soạn chỉ huy đánh vào Mang Cá. Tại đây quân Pháp xuống hầm ẩn núp đợi sáng mới phản kích chỉ có pháp thuyền Javelin đậu trên sông gần Bao Vinh thỉnh thoảng bắn trả.

Đến lúc 3 giờ sáng ngày 5-7-1885 trung tá Pernol và thiếu tá Metzinger mang hai đội quân từ Mang Cá tiến ra.

Đội quân thứ nhất di chuyển từ Cầu Kho - Tinh Tâm tiến đánh cửa Hòa Bình và cửa Hậu, cửa An Hòa.

Đội quân thứ hai di chuyển ngã cửa Trài vượt qua cầu Thanh Long đánh vào cửa Đông Ba. men theo thượng thành giặc chiếm dãy nhà Lục Bộ rồi chiếm cửa Thượng Tứ đánh thẳng vào Ngọ Môn.

Quân Pháp làm 2 gong kim khóa chặt hoàng cung và từ hai mặt trước sau của hoàng cung.

Từ cửa trước là Ngọ Môn và cửa sau Hòa Bình. Quân Pháp xông vào chiếm Đại nội chỉ trong vòng nửa ngày.

Những nơi chúng đi qua cửa nhà bị đốt sạch, cướp bóc của cải, dân chúng đổ xô chạy loạn một số rất lớn bị chết vì dày xéo lên nhau nhất là ở các cửa thành rất thương tâm.

Người thì bị đạn, kẻ dùng giầy xuống thành, giầy đứt rớt chết, số chết kể đến hàng nghìn người.

Từ đó ở Huế cứ đến ngày 23 tháng 5 âm lịch người ta tổ chức "quả cơm chung" cúng cô hồn.

Nguyễn Văn Tường có nhiệm vụ là hộ giá vua và tam cung lục viện đi Quảng Trị. Hai võ quan là Nguyễn Hanh và Hồ Văn Hiếu chỉ huy lực lượng hộ tống này. Vua Hàm Nghi và bà Từ Dũ ra khỏi đại nội ra khỏi hoàng thành bằng cửa hữu, qua đò Kẻ Vạn rồi lên Kim Long đến chùa Linh Mục, qua chợ Thông, Chợ Mai rồi ra Văn Xá điểm cuối cùng của cuộc di tản là Quảng Trị.

Khi đến Tràng Thi một khu vực ở trong thành nội gần cửa An Hòa thì Tường và Thuyết gặp nhau

Khi đến Kim Long thì Nguyễn Văn Tường vâng ý chỉ của Từ Dũ lưu lại giảng hòa.

Tường đã vào nhà thờ Kim Long gặp giám mục Caspar (Cố Lộc) và qua trung gian của ông này Tường đã gặp R De Courcy (DNTL chính biên) để thương lượng.

Tường và Thuyết là một. Thuyết được lãnh nhiệm vụ đấu tranh trực diện với Pháp, Tường là một người đứng mũi chịu sào để giữ những gì có thể giữ được cho quốc gia, ông đã phải hy sinh gánh chịu búa rìu của dư luận đương thời để cho Thuyết vờ đốt cháy nhà của mình cho vở kịch giống như thật.

Ngày 9-7-1885 vua Hàm Nghi từ Quảng Trị lên Tân Sở.

Ngày 13-7-1885 vua đưa ra Dụ Cần Vương.

Ngày 17-7-1885 xa giá bà Từ Dũ quay về Huế ở Khiêm Lăng.

Vua tiếp tục cuộc hành trình đi Phòng, Quảng Trị, Hà Tĩnh đường đi qua thành Đông Hai không được vua và đoàn tùy tùng phải đi theo đường núi qua Mai Lĩnh, Lao Bảo rồi từ đó đi Sê-pôn thuộc châu Na-bôn men theo Tây Trường Sơn, vượt đèo Mụ Giạ đến đầu tháng 9-1885 thì đến Tuyên Hóa.

Trong thời gian đó tại Huế Nguyễn Văn Tường được R. Decourcy giao cho trách nhiệm là đưa bà Từ Dũ từ Khiêm Lăng về lại Đại Nội, và rước vua Hàm Nghi về nhưng chuyện rước vua là chuyện Tường không làm

De Courcy đưa Thọ Xuân Miên Định em vua Thiệu Trị làm nhiếp lý quốc chính ngày 30-7-1885 Nguyễn Hữu Độ đến Huế hội kiến với De Courcy và Tường.

Sau đó Nguyễn Văn Tường bị pháp đày đi Tahiti và ông chết một năm sau biến cố vì bệnh ung thư hầu họng

ĐỒNG KHÁNH HOÀNG ĐẾ (1885-1888)

Nguyễn Phúc Ưng Xuy, anh vua Kiến Phúc, sinh 1863, lên ngôi 1885 (Pháp thay vào ngôi khi vua Hàm Nghi rời khỏi kinh đô), thọ 25 tuổi.

Nguyễn Hữu Độ là tay sai đắc lực của Pháp là người bảo hộ và đề cử Ưng Kỳ lên thay vua Hàm Nghi đó là vua Đồng Khánh. Đồng Khánh là anh ruột vua Kiến Phúc và Hàm Nghi.

Tất cả quyền hành rơi vào tay Độ và thực dân Pháp.

Cuộc chiến đấu của vua Hàm Nghi trở nên càng ngày càng lớn mạnh thu hút sĩ phu trong toàn quốc theo về.

Tháng 2/1886 Tôn Thất Thuyết với sứ mạng qua Trung Quốc để xin cầu viện bị triều đình Mãn Thanh giam lỏng ở Long Châu cho đến lúc chết (22-9-1918).

Ngày 14-9-1 885 De Courcy và Champeaux rước hoàng tử Chánh Mông từ Phú Văn lâu vào điện Thái Hòa sau khi quân đội thổi bản quốc thiều Pháp và bắn 21 phát súng đại bác để chào mừng vua Đồng Khánh.

De Courcy đại diện chính phủ Pháp tuyên bố trao trả thành lũy kho tàng cho vua mới.

Ngân sách Nam triều nay thuộc vào ngân sách Trung kỳ do Pháp kiểm soát, Vua quan nước ta bấy giờ ăn lương, bổng lộc do Pháp chu cấp. Cắt đất Trấn Bình Đài (Mang Cá) và Quảng Nam làm đất nhượng địa.

Trần Văn Dư lập Nghĩa Hội ở Quảng Nam

Lê Ninh ở Hà Tĩnh.

Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình.

Hà Văn Mai ở Thanh Hóa.

Trương Đình Hội ở Quảng Trị.

Và nhiều thân hào nhân sĩ nổi lên, theo phong trào cần vương lập chiến khu, tụ nghĩa đánh giặc xâm lăng.

Ở Bắc Kỳ phong trào Cần Vương cũng lên cao.

Bắc Ninh, Hưng Yên có Đốc Sùng, Đốc Thu ;

Bắc Giang có Bá Phúc.

Hưng Hóa có Đề Ngữ.

Hải Dương có Nguyễn Thiện Thuật.

Thái Nguyên có Đề Thám.

Các lãnh tụ phong trào Cần Vương ở mỗi tỉnh tự lập các đội dân làm cho thuộc địa phải lên đầu đối phó.

Tán tương quân vụ Nguyễn Thiện Thuật nổi lên chiếm cứ vùng Hải Dương đánh nhau với giặc Pháp... Ở Bắc Ninh thì có Đồng Quế - khắp các vùng trên đất Bắc thân hào nhân sĩ nổi lên, có khi hợp thành một toán nghĩa quân đông đảo, có khi lẻ tẻ, quân Pháp không làm sao có thể kiểm soát được nên càng ngày càng sa lầy.

Vua Đồng Khánh lên ngôi trị vì được 3 năm thì mất lúc 25 tuổi. Ông có 9 người con : 3 trai, 6 gái. Trong gia đình ông có 3 người làm vua : anh là vua Kiến Phúc ; em ông là vua Hàm Nghi ; còn ông là Đồng Khánh. Hai anh em có chính kiến hoàn toàn khác nhau. Ông là người theo Pháp. Trong lúc Hàm Nghi là em của ông lại là linh hồn kháng chiến của dân tộc.

Ngày 12-10-1888, Đội xuất Nguyễn Đình Trình ra đầu thú với Pháp ở đồn Đông Ca, nắm phía trên đồn Minh Cầm, giặc Pháp sai đem thư chiêu hàng Trương Quang Ngọc, Ngọc là con của Trương Quang Thụ là một tướng giặc năm 1874 có lần kéo quân đánh đồn ở Hà Tĩnh, Thọ chết Ngọc thay cha lên cầm quyền, trấn thủ vùng Thanh tuyền (Ve) và giữ thế thủ trên sông Nai, Ngọc không đầu hàng Pháp và cũng chẳng phục triều đình về sau theo phò Hàm Nghi, bị quân Pháp dụ dỗ Ngọc làm phản.

Nửa đêm Ngọc vào chỗ vua ở, cùng các binh lính dưới quyền giết, chết cha con thống chế Nguyễn Thúc, đâm chết Tôn Thất Thiệp (con Tôn Thất Thuyết) cận vệ của vua Hàm Nghi.

Hai giờ chiều ngày 14-11-1888 vua Hàm Nghi được đưa về đồn Thuận bài ở Quảng Bình sau đó đem về ở cửa Thuận An.

Khâm sứ Rheinardt cố thuyết phục vua nhưng vua cương quyết từ chối, chính phủ bảo hộ đầy Hàm Nghi qua Alger.

Trên chiếc pháo thuyền, vua Hàm Nghi đến Alger vào thượng tuần tháng 1/1889, ông bị lưu đầy ở đó suốt 47 năm.

Paul Bert được thủ tướng Pháp là De Freycinet bổ nhiệm chức tổng thống toàn quyền do chỉ dụ ngày 31-1-1886

Ngày 12-2-1886 y đáp tàu Melbourne đến Sài Gòn nhậm chức, viên toàn quyền cũ là De Courcy ra đi.

Với chiêu bài chung sống hòa bình giữa hai dân tộc, và hai bên đều có lợi Paul Bert đã ru ngủ được một số người nhẹ dạ

Chuẩn y lời yêu cầu của Paul Bert, vua Đồng Khánh ký một đạo chỉ dụ chuyển giao hết vương quyền ở Bắc Kỳ cho quan kinh lược đại thần, viên đại thần nay trực tiếp giao tiếp với khâm sứ mà khỏi cần báo cho vua. Mấy năm sau Pháp bãi bỏ chức vụ này và quyền hành hoàn toàn trong tay người Pháp.

Trên thực tế vua nước Nam mất hết thực quyền ở Bắc Kỳ một kiểu thôn tính đầy mưu mô của thực dân Pháp

Phan Đình Phùng người làng Đông Thái huyện La Sơn - Hà Tĩnh, đậu Đình nguyên tiểu sĩ làm quan đō ngự sử. Vì can gián mà bị TƯỜNG, Thuyết bắt giam 10 ngày cách chức sau đó thả cho về quê quán.

Tháng 10.1885 cùng các đồng chí Phan Đình Phùng yết kiến vua Hàm Nghi ở hành tại, vua phong làm tán lý quân vụ thống tướng, ông chiêu mộ tụ nghĩa xây dựng căn cứ ở núi Vụ Quan.

Cao Thắng là cánh tay mặt của Phan Đình Phùng, có em là Cao Nữ, lúc theo Phan Đình Phùng

Cao Thắng mới 20 tuổi, ông lập xưởng đúc súng trong mấy tháng ông làm được 350 khẩu súng giống như súng của Tây duy có thuốc đạn là của ta mà thôi.

Cuộc kháng chiến 10 năm ròng rã.

Hoàng Cao Khải làm kinh lược sứ Bắc Kỳ là thông gia với Phan Đình Phùng, ông ta là một tay sai đắc lực của Pháp viết thư dụ hàng Phan Đình Phùng. Ông trả lời rất chí tình nhưng rất cương quyết. Họ Hoàng xem xong biến sắc sai dịch bức thư đó gửi cho toàn quyền De Lanessan và cho Phan Đình Phùng là "hôn mê bất ngộ" đề nghị Pháp đem quân tiêu trừ...

Cụ Phan bị bệnh kiết lỵ rút quân về núi Quạt, và 8 giờ sáng ngày 13-11 năm Mùi (1895) cụ mất thọ 49 tuổi để lại một bài thơ cho tướng sĩ và gia đình...

Trách vọng Dũ Long ưu dũ đại

Tướng môn thâm tự quý anh hùng

Tân thống đốc Nam kỳ là Philippini ra lệnh cho De Lorme, công sứ Ammonier, Trần Bá Lộc đem quân đi đánh Văn Thân ở Bình Định, Mai Xuân Thuồng và 2 phó tướng là Bùi Diễm, Nguyễn Đức Nhuận bị bắt rồi rồi bị chém

Ngoài Bắc thì Hoàng Cao Khải đem quân đánh dẹp quân Bãi Sậy. Nguyễn Thiện Thuật sau đó bỏ qua Trung Quốc lánh nạn.

Ngày 28-1-1887 sứ thần Bihourd đến Hà Nội.

Ngày 22-10-1887 Philippini chết ở Sài Gòn thi hài được chở về thành Bastia ở đảo Corse thống sứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ làm nhiếp chính chức toàn quyền.

Bà Dele Souchère là hội trưởng những nhà trồng tía cao su ở Long Thành. Bà ta có một đồn điền cao su rất lớn. Bọn thực dân đã thấy rõ tài nguyên vật lực ở xứ thuộc địa này nên càng ngày càng ra sức chiếm đoạt chúng kiến thiết Kiều Lộ, đặt đường hỏa xa, sửa đắp lại đường thiên lý, xây thêm hải cảng ở Hải Phòng, Hà Nội, Sài Gòn, Huế. Công ty hỏa xa "Compagnie française des Chemins de fer de l'Indochine et du Yunnanfou"

Ở miền Tây vùng Phụng Hiệp Labasfe một đại địa chủ của Pháp có đồn điền rộng mười ngàn mẫu. Những cánh đồng mỗi cánh cò bay của Đông bằng Nam bộ với những tài nguyên thủy sản trên sông rạch cũng như ven biển hầu như vô tận là miếng mồi béo bở mà tư bản thực dân Pháp để tâm đến.

Cầu Doumer do hãng Day dé-Pillé lãnh thầu, cầu có 20 cột trụ cao 44m gồm có 19 nhịp dài 1682m tổng chiều dài 2500m dùng hết 3 vạn mét khối đá, 5300 tấn sắt, tổng phí 6 triệu 200 ngàn quan, làm xong trong 3 năm 7 tháng.

Nhân công và thợ thầy có lúc đến 3000 người, lễ khánh thành cầu vào ngày 28.12.1902 có mặt của vua Thành Thái.

Vùng Bình Long, Phước Long, Sông Bé, Long Khánh, Bắc Định Quán, vùng đất Bazan màu mỡ thực dân Pháp đem dân đến khai thác và trồng cao su kinh tế càng phát triển một bộ phận dân cư hình thành thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn mở rộng trở nên nơi đô hội người ta mệnh danh đó là Hòn ngọc Viễn Đông - Một số người bỏ nghề lao động chân tay đi làm thuê, đi làm thư ký, thông ngôn cho Pháp.

Chữ Pháp và chữ quốc ngữ trở nên thông dụng đó là 2 loại chữ hái ra tiền lúc đó.

Người Pháp đến ở càng ngày càng đông ở Sài Gòn họ đem theo nền văn hóa và nếp sống Tây phương đến miền đất này. Một số người Việt đa số là quan lại tay sai của Pháp bỏ Việt tịch lấy tên Tây, và dùng ngôn ngữ của Pháp trong quan hệ nhân sinh quan của Tây phương hoàn toàn xa lạ đối với Á Đông - Chủ nghĩa cá nhân được đề cao thổi phồng, đi kèm loại văn hóa ngoại lai là những thành tựu khoa học kỹ thuật Tây phương như máy hơi nước, điện, máy nổ và các tiện nghi đời sống, các dịch vụ viễn thông liên lạc, y tế đã làm hoa mắt và thay đổi ý thức dân tộc, lễ giáo, đạo đức trong một số người Việt.

Thực dân Pháp, Anh, Hà Lan, ... luôn luôn có một đội thương thuyền và một đội quân viễn chinh sẵn sàng thực hiện các mưu đồ của chúng. Chúng xâm lược trên cả hai phương diện chính trị và kinh tế - Văn hóa và xã hội.

Đồng Khánh bị bệnh chết lúc 25 tuổi làm vua được 3 năm, năm 1889 Hoàng tử Bửu Lân con vua Dục Đức lúc đó mới 10 tuổi được đưa lên ngôi thay thế

THÀNH THÁI HOÀNG ĐẾ (1889-1907)

Nguyễn Phúc Bửu Lân, con vua Dục Đức, mẹ là Từ Minh Huệ thái hậu.

Sinh 1789, lên ngôi 1889, sau bị Pháp đưa đi an trí tại Vũng Tàu rồi đày sang đảo Réunion (châu Phi thuộc Pháp), về nước 1947 bị quản thúc, mất 1954 thọ 65 tuổi.

Trương Quang Đăng và Nguyễn Trọng Hiệp làm phụ chánh viện cơ mật chỉ là cơ quan bù nhìn của chính phủ Nam triều.

Mười tám năm trên ngôi hoàng đế nước Nam, Thành Thái đã trưởng thành phần nào ông nhận thấy dã tâm của thực dân và ông muốn giành lại quyền độc lập cho nước nhà.

Nhưng dự định của Thành Thái bị bại lộ.

Paul Beau thay Paul Doumer làm toàn quyền Đông Dương vào ngày 15.10.1902

Paul Beau cho lập hội đồng tư vấn ở Bắc Kỳ và mở các trường đại học

Paul Beau cũng là người đã nhìn thấy các hoạt động của vua Thành Thái, y muốn bỏ chế độ quân chủ ở nước Nam thay bằng chế độ cộng hòa mà Trương Như Cương sẽ làm giám quốc và Hoàng Cao Khải làm phó nhưng ý kiến đó bất thành.

Hoàng Hoa Thám còn gọi là Đê Thám tên thật Trương Văn Nghĩa quê làng Dị Chí - huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sinh 1858.

Tháng 4 năm 1892 sau khi chủ tướng bị sát hại, Đê Thám trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế

Trong 2 năm (1893 - 1895) Pháp tập trung lực lượng để đàn áp phong trào nhưng thất bại nên quân Pháp phải hòa hoãn với Đê Thám.

Giám mục Verlasco được Pháp làm thuyết khách chiêu hàng Đê Thám và Đê Thám đã chấp thuận

Lễ quy thuận ký kết ở Tòa đại lý Nhã Nam - tỉnh Bắc Giang ngày 29-2 Tân Sửu (1901) chỉ sau 2 năm Pháp tráo trở định nhân lúc bất ngờ đánh bật Đê Thám nhưng âm mưu đó đã bị Đê Thám bẻ gãy lại một lần nữa Pháp lại xin đình chiến.

Suốt 10 năm đình chiến Đê Thám vẫn luôn luôn củng cố xây dựng lực lượng ông tổ chức ra Đảng Nghĩa Hưng theo kiểu Tôn Dật Tiên bên Trung Quốc.

Ngày 27-6-1908 âm mưu đầu độc lính Pháp không thành., thống soái Piel ra lệnh truy lùng việc chiến tranh lại tiếp tục

Pháp huy động một lực lượng hùng hậu với 15.000 quân và Lê Hoan tấn công cứ điểm ở Yên Thế. Hơn 1 năm đánh nhau lực lượng nghĩa quân yếu thế.

Mặt khác thực dân Pháp dùng tiền tài và tung ra một đòn tâm lý. Pháp treo đầu Đê Thám với giải thưởng 30.000 francs, Lương Tam Kỳ tên trùm thổ phỉ đã đầu hàng Pháp cùng với bọn chỉ điểm người Hoa theo dõi ông.

Tháng 2.1913 (Quý Sửu) Đê Thám bị bọn này ám sát gằm chờ Gở giặc Pháp chặt đầu bêu 2 ngày ở chợ Nhã Nam.

Đê Thám chết còn để lại người con gái tên Hoàng Thị Thế.

Trên mặt trận văn hóa một số nhà trí thức, văn thi sĩ thời bấy giờ lấy ngòi bút của mình để đã kích chế độ đồng thời kêu gọi lòng yêu nước trong quần chúng bằng những bài thơ, về để công kích giặc Pháp và các tên quan lại tay sai.

Hóm hỉnh trắng trợn như Tú Xương, thâm thúy nhẹ nhàng như Nguyễn Khuyến, chân chất như Nguyễn Đình Chiểu...Phan Văn Trị v.v...

Phan Bội Châu người làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An cùng bạn học tổ chức ra Sĩ Tử Cần Vương đội năm 1900 đỗ thủ khoa ở trường Nghệ.

Năm 1903 yết kiến Kỳ Ngoại hầu Cường Để để bàn việc lớn sau đó ông đi thăm Đền Thám.

Năm 1906 sang Nhật gặp Lương Khải Siêu, lập ra phong trào Đông Du đưa thanh niên Việt Nam ra nước ngoài học tập ông cùng Tử Kính, Ngô Sanh, Minh Chung lúc thì ở Xiêm lúc thì bốn ba nhiều nơi để tránh sự săn đuổi của thực dân Pháp sau khi Nhật giải tán phong trào Đông Du năm 1909. Cuối cùng bị bắt và an trí ở Huế cho đến cuối đời.

Thực dân Pháp qua tên khâm sứ Leveque đã nói với vua Thành Thái : Nhà vua không thành thực cộng tác với chính phủ bảo hộ thì nay mọi việc đều do hội đồng thượng thư quyết định, Nhà vua đã hết quyền hành và không được ra khỏi Đại Nội.

Ngày 12. 9. 1907 chúng áp giải vua vào Sài Gòn

Trước tình thế rối loạn mà thực dân không thể kiểm soát được, chúng bèn hạ bệ Thành Thái và đưa hoàng tử Vinh San lên ngôi

Đến năm 1916 thì đày qua đảo Réunion cùng với con là vua Duy Tân.

DUY TÂN HOÀNG ĐẾ, (1907-1916)

Nguyễn Phúc Vĩnh San, con thứ 8 của vua Thành Thái, sinh 1900, lãnh đạo phong trào khởi nghĩa cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân...bị bắt đày sang Réunion.

Thế chiến II, vua Duy Tân tham gia lực lượng quân Đồng Minh chống Phát xít, sau mất trong một tai nạn máy bay tại Bắc Phi (1945) thọ 45 tuổi.

Ngày 8-9-1907 đặt niên hiệu là Duy Tân. Lúc đó vua mới 8 tuổi. Trương Như Cương và Hoàng Cao Khải được cử làm Cơ mật đại thần kèm bên cạnh vua. Vua chỉ đóng vai bù nhìn

10 năm trên ngôi, ông vua con này càng ngày càng trưởng thành và nhận rõ bộ mặt trái của thực dân Pháp.

Trên khắp đất nước, từ Nam Kỳ là xứ thuộc địa của Pháp từ đầu, mặc dù chúng đã đạt cơ sở chính quyền thuộc địa khá vững chắc, nhưng trong dân chúng vẫn nổi lên, những phong trào yêu nước hưởng ứng phong trào Đông Du như Gilbert Trần Chánh Chiếu là một xã trưởng ở Rạch Giá là người nhiệt tình với phong trào yêu nước. Các cơ sở Nam Trung Khách Sạn, Minh Tân Công Nghệ là nơi yểm trợ tiền bạc và tinh thần cho phong trào Đông Du như tổ chức cho Đỗ Văn Y, Nguyễn Háo Vĩnh đi ra nước ngoài để học hỏi.

Ở Bắc Kỳ thì ảnh hưởng của nhiều nhà cách mạng Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Khương Hữu Vi là tác giả "Ấm băng văn tập" và "Trung quốc hồn" đã đánh thức một số nhân sĩ Bắc Hà.

Đông Kinh Nghĩa Thục bắt chước theo kiểu Khánh Ưng Nghĩa Thục của Phước Trạch Dụ Cát nước Nhật Bản mục đích của trường là bảo tồn quốc túy, giáo dục

phổ thông, đề cao lòng yêu nước,

Các học giả cách mạng như : Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Võ Hoàn. Lê Đại, Nguyễn Quyền là 5 học giả đầu đàn của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Pháp giải tán Đông Kinh Nghĩa Thục, bắt bỏ tù đầy ải các nhân sĩ.

Trong khi đó ở Quảng Nam thì Phan Chu Trinh cùng với Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng năm 1904 đi vận động nhân dân nổi lên chống lại thực dân Pháp.

Phong trào Tiễn Phát nổi lên chống sưu thuế năm 1908.

Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế là điển hình của cao trào này.

Thực dân gọi đó là loạn đồng bào hay loạn trọc đầu ghép Phan Chu Trinh vào án tử hình,

Trần Quý Cáp lãnh đạo ở Nha Trang bị thực dân xử tử.

Trong lúc phong trào Đông Du do Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Đặng Thái Thân hoạt động mạnh ở hải ngoại thì Phan Chu Trinh cùng các đồng chí ông hoạt động chủ yếu trong nước.

Pháp hiểu rõ điều đó nên tống xuất ông ra khỏi nước. Trong những năm tháng ở Pháp ông vẫn luôn luôn kêu gọi chính phủ Pháp phải trao lại quyền cho dân tộc Việt Nam.

Cuộc vận động phục quốc của các sĩ phu Việt Nam đã được manh nha (khoảng 1907-1908) như phong trào Minh Xã do Phan Bội Châu chủ xướng, Am Am xã lãnh đạo là Phan Chu Trinh với chủ thuyết bất bạo động kiểu Ấn Độ.

Thực dân đàn áp 2 phong trào này dã man, chúng đưa đi đầy nhiều nhân sĩ như Nguyễn Tiểu La, Phan Thúc Duyên, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Phan Chu Trinh...

Cuộc chiến đấu dằng dai của các chiến sĩ Việt Nam làm cho thực dân ngày càng sa lầy. Chúng ra sức mua chuộc bọn ham danh háms lợi, gây chia rẽ trong quần chúng và nhân sĩ.

Trong tôn giáo gây hiềm khích đạo Thiên chúa và đạo Phật giữa người Kinh và người dân tộc.

Trần Cao Vân (1866 - 1916) người làng Tư Phú, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam là tác giả bộ "Trung Thiên Dịch" Ông vừa là nhà thơ vừa là nhà tư tưởng.

Vào Việt Nam Quang Phục Hội ông được cử làm quân sư. Phan Hữu Khánh tốt nghiệp trường Bá Công Huế được cài vào làm tài xế cho vua Duy Tân.

Ngày 14-4-1916, sau khi đi duyệt binh lính từng chinh chuẩn bị sang Âu châu giúp Pháp đánh Đức tổ chức ở Trường Thi (bờ sông Ngự Hà ở gần cửa Chánh Tây)

Vua Duy Tân đi vào Hồ Tịnh Tâm và gặp Thái Phiên và Trần Cao Vân đang giả làm người câu cá ở đó, trong lần hội ngộ vua nhận xét như sau :

Thế chiến thứ nhất vào năm 1914 - 1918, trung tâm cuộc chiến là ở Châu Âu, có hai thế lực diệt nhau gồm có : Anh - Pháp - Nga - Bỉ và phe khác gồm Đức - Áo Hung, Thổ Nhĩ Kỳ.

Pháp bị Đức tấn công ở phòng tuyến phía Đông. Đức nhanh chóng làm chủ tình hình quân Pháp bị động phải nhờ sự giúp đỡ các nước thuộc địa, Pháp không còn đủ sức kiểm soát các phong trào nổi dậy của các xứ bảo hộ trên toàn thế giới đặc biệt là ở Đông Dương.

Trước khi từ giã, vua Duy Tân đề nghị lấy ngày 2-4 Bính Thìn (1916) làm ngày khởi nghĩa vào lúc 1 giờ sáng. Kế hoạch đặt ra là chiếm 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi làm bàn đạp tổng tấn công

Tôn Thất Đền, Nguyễn Quang Siêu có nhiệm vụ trấn giữ hoàng thành., Trần Cao Vân phò vua tạm thời vào Quảng Ngãi. Thái Phiên làm tổng chỉ huy, Lê Cảnh Vận sẽ nổ phát súng thần công để Phạm Văn Chương, Lại Hà, Nguyễn Đình Trứ đánh Mang Cá;

Lê Cảnh Vân, Đặng Khánh Khải, Trần Đại Trinh đánh tòa Khâm.

Nguyễn Đình Trứ làm Thông phán ở tòa sứ là một trong những nhân vật chủ chốt đã phản bội.

Sau khi y đón và gặp vua Duy Tân ở sông Lợi Nông (sông Lợi Nông là sông An Cựu) theo kế hoạch thay vì vào vị trí chiến đấu ở Mang Cá, y đã đầu thú với Khâm sứ làm kế hoạch của Trần Cao Vân bị bại lộ.

Lệnh giới nghiêm toàn thành phố Huế từ đêm 2-5-1916, thực dân kiểm soát chặt chẽ các ngã đường, khủng bố khắp nơi, nhiều nhà bị xét và tịch biên...

Lộ trình của nhà vua đi qua là Đầm Hà Trung (một phần của đầm Cầu Hai, cách Huế khoảng 7 - 8 cây số) ra quốc lộ một vượt đèo Hải Vân vào Đà Nẵng, khi hành trình bị bại lộ vua Duy Tân đổi hướng vào Núi Ngũ Phong (gần núi Ngự Bình.)

Đến làng Ngũ Tây (là một thung lũng kèm hai bàn là núi đá cách đồi Thiên An, chùa Trúc Lâm khoảng 6 - 7 cây số về hướng Tây.) thì quân Pháp đuổi theo kịp, chúng đưa Vua Duy Tân trở về kinh thành

Khâm sứ trung kỳ bấy giờ là Charles, toàn quyền là Albert Sarraut, công sứ ở Quảng Ngãi : De Taster...cố gắng thuyết phục vua Duy Tân nhưng nhà vua một mực im lặng

Khoảng 2000 người bị án khổ sai, bị đày đi Lao Bảo, Côn Đảo ; 14 người bị chém. ông Lê Ngưng và Cử sau đã tự vận bằng thuốc độc vẫn bị đem thi hài ra chém ở pháp trường Cam Lộ.

Mahé được cử làm Khâm sứ Trung kỳ. Y nghĩ rằng trong Khiêm Lăng có nhiều báu vật nên ép bọn quan lại ký vào đơn để đào lăng vua Tự Đức. Việc này làm cho dân chúng và sĩ phu rất căm phẫn.

Hội Khai trí tiến đức do Hoàng Trọng Phu làm hội trưởng, Phạm Quỳnh làm tổng thư ký, cơ quan ngôn luận của Hội là báo Nam Phong, người điều khiển thực sự là Louis Malty. Giám đốc phòng Chính trị Phủ Toàn quyền

"Rồng Nam phun bạc, Đánh đổ Đức tặc", "mười kỳ Quốc trái" là các biểu ngữ tuyên truyền của báo Nam Phong quyên góp tiền bạc để giúp Pháp trong trận thế chiến.

Pháp còn chiêu mộ lính Việt Nam từng chinh sang Pháp để đánh nhau với Đức....

Năm 1891, Albert Calmette được cử sang Sài Gòn lập viện Pasteur. Ở đây ông nghiên cứu sản xuất ra được một số vaccin chống bệnh đậu mùa, bệnh dại, tìm được một loại mem làm rượu gọi là Amylomyces Rouxit - ông đề nghị bọn thực dân cầm quyền nên giành nguồn lợi nấu rượu từ tay người Trung Quốc và ông đưa ra được một chi tiết để thuyết phục bọn ấy là nguồn lợi kinh doanh rượu mỗi năm ở Nam Kỳ là 5 triệu phật lạng một số tiền không phải là nhỏ, đồng thời sản xuất rượu sẽ góp phần làm băng hoại ý thức quốc gia.

Năm 1907, Paul Bert ký nghị định thành lập Hội Đồng Tư Vấn Bắc Kỳ và thành lập trường Cao Đẳng để phục vụ cho ý đồ nô dịch văn hóa, và làm nơi đào tạo các công chức cao cấp phục vụ cho chế độ thực dân.

Năm 1896, Toàn quyền Rouseau cho thành lập trường Quốc Học Huế..

Năm 19?? thành lập trường Đồng Khánh Huế.

Trần Cao Vân và Thái Phiên đang ở trong ngục chờ ngày ra pháp trước biết thượng thư bộ học Hồ Đắc Trung sẽ làm chánh án xử vua Duy Tân.

Ông thượng thư này là bạn học cùng với các nhà cách mạng nên Trần Cao Vân gửi cho Hồ Đắc Trung một mật thư có 2 câu :

"Trung là ai ? Nghĩa là ai ? Cân đai võng lọng là ai ? Thà để cô thân tử biệt Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó ! Mong cho Thánh thượng sinh toàn"

Thực dân Pháp không thuyết phục nổi vua Duy Tân nên chúng kỳ hạn trong vòng một tuần lễ phải đưa vụ Duy Tân ra xử công khai.

Chúng đã thảo ra một bản án tử hình giao cho quan chánh án đọc, nhưng khi công khai tuyên án thì Hồ Đắc Trung tuyên án tha bổng vua Duy Tân.

Thực dân pháp bàng hoàng, vô cùng tức giận bèn giam ngay ông chánh án Nam triều. Và sau đó chúng đày vua ra đảo Réunion, thủ phủ là St. - Denis, phía đông Châu Phi.

Bốn vị anh hùng chủ chốt bị chém tại bãi chém An Hòa cách thành phố Huế khoảng 4 cây số vào ngày 17-5-1916.

Trước khi lên đoạn đầu đài, Trần Cao Vân đã làm một bài thơ tuyệt mạng :

"Trung lập càn khôn bất ý thiên
Việt Nam văn vật cổ lai truyền
Quân dân cộng chủ tinh thần hội
Thần tử tôn chu nhật nguyệt hiền
Bách việt giang sơn vô Bạch xỉ
Nhất không trọng nghĩa hữu thanh thiên
Anh hùng để cục hựu thành bại '
Công luận thiên thu phó sử biên"

(đại ý là đất nước Việt Nam không có người da trắng, anh hùng nào kể chi thành bại, sử sách ngàn năm sẽ luận bàn..).

Ở Bắc Kỳ ta tổ chức ném bom liên tiếp nhắm khủng bố tụi quan lại tay sai và thực dân Pháp, điển hình là vụ Nguyễn Khắc Cần và Nguyễn Văn Quý ném bom ở "Hà Nội lữ quán".

Ngày 26-4-1913, Phan Văn Tráng ném bom tại Thái Bình ngày 12-4-1913 giết tên tuần phủ. Ở Nghệ An có Đặng Thế Thân làm lãnh tụ.

Ở Sài Gòn thì Phan Văn Quế xưng là hoàng đế Xích Long, khởi binh đánh Pháp đêm 23-3-1913 – Tám quả bom được gài ở Sài Gòn - Chợ lớn cùng 600 nông dân dự định khởi nghĩa nhưng âm mưu bị lộ, Pháp giam Phan Xích Long ở khám lớn Sài Gòn, kêu án khổ sai chung thân.

Ngày 15-2-1916 các nghĩa quân tấn công Khám lớn để cứu vị lãnh tụ này.

Việc khởi nghĩa mặc dù thất bại nhưng đã gây một tiếng vang khắp nước..

Đội Cận tên là Trịnh Văn Đạt cùng với Lương Ngọc Quyến, Đội Giá, Đội Trưởng, Đội Xuyên, Trần Trung Lập lập ra Quang Phục Quân chiếm Thái Nguyên. Sau 3 tháng lực lượng nghĩa quân yếu dần rút về vùng núi Tam Đảo.

Cuối cùng Đội Cận bị giặc phục kích bắn vào chân ở Phú Sơn, ông dùng súng để kết liễu đời mình, Lương Ngọc Quyến tự sát, các đồng chí khác tản mạn. Trần Trung Lập chạy sang Trung Hoa - sau cùng Đoàn Kiếm Điểm trở về đánh ở vùng biên thùy giáp Trung Hoa, sau thất bại ông bị xử tử hình ở Lạng Sơn vào cuối tháng 12/1940.

KHẢI ĐỊNH HOÀNG ĐẾ (1916-1925)

Nguyễn Phúc Bửu Đảo, con vua Đồng Khánh, sinh 1882, mất vì bệnh năm 1925 lúc 43 tuổi.

Sau khi đày vua Duy Tân sang đảo Réunion, thực dân đưa Bửu Đảo là con vua Đồng Khánh lên ngôi năm 1916.

Thực ra khi truất phế Thành Thái, Pháp dự định đưa Bửu Đảo làm vua nhưng gặp chống đối của triều đình Huế vì đình thần không muốn đặt lên ngai vàng một người "vô hậu" (tuyệt tự) –

Bửu Đảo lên ngôi lấy hiệu Khải Định, lúc ấy vừa 32 tuổi.

Trong một buổi lễ tứ tuần đại khánh (lễ chúc thọ nhân sinh nhật 40) nhà văn người Anh là W. Somerset Maugham đã có nhận xét về Khải Định như sau : "Người đứng bất động mặt vàng dài và nhỏ không biểu lộ tình cảm, một người rất gầy giống như một pho tượng... khó mà nhận biết một người đang sống ngồi đó...".

Tháng 4/1922 vua đi Pháp dự hội chợ ở Marseille. Đây là lần đầu tiên một vị vua triều Nguyễn sang nước ngoài.

Do sự đạo diễn của Chính phủ Thuộc địa muốn đánh đồng việc hợp tác giữa 2 nước, điều này đã gặp sự chống đối mãnh liệt của các sĩ phu - điển hình là Phan Chu Trinh.

Tháng 9-1924, vua Khải Định tổ chức lễ tứ tuần đại khánh rất lớn và tốn kém, hầu hết các tỉnh Bắc và Trung kỳ phải gởi tặng phẩm về mừng vua, sau lễ này ngân sách Nam triều kiệt quệ.

Vua Khải Định phải cho tăng thuế thêm 30%. Nhân dịp này vua ban cho một số làng xã, cá nhân một số sắc phong để cảm ơn các tặng phẩm đó. Nhận xét về vị vua này, vua Duy Tân viết trong điều tang "...ông vội bỏ đi đâu, bỏ bạc, bỏ tiền, bỏ vợ, bỏ con, bỏ tuồng hát, thầy tăng, bỏ hết trần duyên trong một lúc. Tôi nay còn lại đó, còn trời, còn đất còn non, còn nước, còn anh hùng, hào kiệt còn nhiều vận hội giữa năm châu

Phạm Hồng Thái (1896-1924) tên thật là Phạm Thành Tính, tự Phạm Đài, cha là Phạm Thành Mỹ làm Huấn Đạo dưới đời Tự Đức, theo phong trào Cần Vương. Phạm Hồng Thái đã từng làm phu mỏ Hòn Gai, phụ tài xế.

Năm 1918, vượt biên giới sang Xiêm, qua Hương Cảng đến Quảng Châu, sau ngày thành lập Tâm Tâm xã cùng với Hồ Tùng Mậu sang Hương Cảng rồi qua Nhật.

Năm 1924, Tâm Tâm xã quyết định ám sát Toàn quyền M. Merlin khi tên này đến Nhật. Phạm Hồng Thái cùng Lê Hồng Sơn theo dõi Merlin từ Nhật đến Hương Cảng, lên Thượng Hải, qua Hoàn Tân đến Đông Kinh, mãi đến khi y trở về Đông Dương ghé lại Quảng Châu vào đêm 16-6-1924, dự tiệc tại khách sạn Victoria ở phía bắc thành phố Sa Diện giáp với Tây Hào Khẩu và Quảng Châu thư xã. Phạm Hồng Thái giả làm phóng viên nhà báo lọt được vào khách sạn liệng 1 quả bom giữa đám người dự tiệc. Bom nổ - Merlin bị thương.

Phạm Hồng Thái thoát thân về phía Quảng Châu, địch bám riết. Anh lao mình xuống sông cho khỏi lọt vào tay địch.

Để trả thù, giặc vớt xác để phơi nắng ở bờ sông mấy ngày mới cho chôn. Dân Trung Quốc cảm phục lòng yêu nước của nhà cách mạng đem chôn ở chân đồi Bạch Vân, năm 1925 cải táng ở Hoàng Hoa Cương là nơi an nghỉ của 72 liệt sĩ Trung Hoa.

Năm 1925, ông được trở về tổ quốc khi đến Sài Gòn, Phan Chu Trinh tuy sức đã cùng, lực đã kiệt vẫn cố gắng soạn 2 bài diễn văn để nói trước dân chúng, bàn về "Luân lý và đạo đức Đông Tây" "Quân tri - dân tri".

Đêm 12-2 năm Bính Dần (1926), cụ trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 55 tuổi.

Đồng bào toàn quốc cử hành lễ truy điệu rất long trọng. Phong trào học sinh bãi khóa suốt từ Nam chí Bắc.

Với bản án tử hình, Phan Bội Châu bị bắt mang về nước trước hội đồng đề hình 1925. Bride ngồi ghế chánh án, Boyet làm biện lý, Larre và Bonad làm luật sư, Phan Bội Châu đã mạnh mẽ kịch liệt lên án lũ thực dân Pháp xâm lược đất nước ta cùng với bè lũ quan lại tay sai. Pháp lên án tử hình ông một lần nữa - Trước sự phản kháng mãnh liệt của nhân dân ta, tên toàn quyền Varenne phải ân xá ông và giam lỏng ông ở Nam Giao - Huế cho đến mãn đời.

Khải Định chết ngày 6-11-1925

BẢO ĐẠI HOÀNG ĐẾ, (1925-1945)

Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, con vua Khải Định, thoái vị tháng 8-1945. Định cư tại Pháp, mất năm 1998

Triều Nguyễn đến đây chấm dứt, gồm 13 vua trị vì 143 năm (1820-1945).

Pháp đưa Đông cung Hoàng thái tử Vĩnh Thụy lên kế vị, hiệu là Bảo Đại.

Bảo Đại được đưa sang Pháp để học từ năm 1922 đến 1932 mới trở về lại Việt Nam. Trong thời gian vắng mặt, Pháp lập ra một Hội đồng Phụ chính thay mặt vua điều hành việc nước. Từ nay những lệ định liên quan đến điều lệ, ân thích, ân xá, tăng phong các tước hàm... thì do Hoàng đế ban dụ.

Đặt ngân sách Nam triều vào ngân sách của chính phủ bảo hộ.

Hội đồng Thượng thư của Nam triều do Khâm sứ chủ tọa....

Quốc Dân Đảng được thành lập do liên minh các nhóm cùng có chí hướng như ở Thanh Hóa nhóm : Hoàng Văn Tùng ; Bắc Ninh : Nguyễn Thế Nghiệp ; Bắc Giang : Nguyễn Khắc Nhu (Song Khê) Đệ nhất chi bộ là chi bộ đầu tiên họp ngày lễ giáng sinh năm 1927,

Một hội nghị toàn thể tổ chức ở làng Thế Giao - Hà Nội đã khai sinh ra Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nguyễn Thái Học được bầu làm chủ tịch. Tổng bộ gồm có 15 người.

Pháp treo một giải thưởng 5000 đồng cho ai bắt, chỉ điểm, giết được Nguyễn Thái Học.

Việt Nam Quốc Dân Đảng đã ra lệnh giết những kẻ phản đảng như vụ giết Thừa Mai còn gọi là Bùi Tiến Mai, sau khi bị Tây bắt y đã cung khai danh tánh đảng viên của Tổng bộ và toàn hạt Thái Bình,

Giết Nguyễn Văn Kinh và Đội Dương cũng là hai phần tử phản đảng đã gây ra một hậu quả rất trầm trọng và góp phần làm thất bại cuộc khởi nghĩa của Quốc Dân Đảng.

Giết Ba Gianh là một cáo già người Pháp chuyên buôn người Việt Nam bán lại cho các nước ở Châu Mỹ La tinh

Giặc Pháp cho máy bay trinh sát chấm tọa độ đội quân Việt Nam Quốc Dân Đảng sau đó huy động 10 máy bay oanh kích thả bom đốt cháy các làng như La Hào, Võng La, Cồ Am, Xuân Lũng, Kha Lâm, Sơn Dương, Khúc Thủy...

Hưng Hóa và Lâm Thao thuộc quyền chỉ huy của Nguyễn Khắc Nhu (Song Khê) bị thất bại. Nhu tự tử.

Ở Hà Nội thì giao cho Đoàn Trần Nghiệp còn gọi là Ký Con, Sĩ Hiệp hay Doãn... chỉ huy cũng rơi vào thất bại

Vợ của Nguyễn Thái Học là Cô Giang người tỉnh Bắc Giang nên cả ba chị em cô có ba tên Bắc, Giang, Tỉnh. Hai chị em là các đảng viên nòng cốt của Quốc Dân Đảng..

Khi Nguyễn Thái Học bị giải lên Yên Bái, Cô Giang đáp xe lửa đi theo. Lẩn trong đám đông ở nơi pháp trường, Cô Giang chứng kiến cảnh chôn mình lên máy

chém. Cô Giang gửi cho anh một nụ cười đáp lại tiếng anh hô đồng dục "Việt Nam Vạn tuế" trước khi đầu lia khỏi cố. Xem chém xong Cô Giang quay về lại viết một bức thư tuyệt mạng gửi cho cha mẹ và các đồng chí rồi ra chợ mua mấy vuông vải trắng làm khăn để tang cho chồng, đi xe lửa sang Vĩnh Yên về làng Thổ Tang thăm lại cái quán giữa đồng mà đôi vợ chồng son có lần cùng ngồi trò chuyện. Sau đó cầm súng tự bắn vào thái dương bên phải rồi ngã vật xuống. Súng quăng ra một bên. Khi ấy Cô Giang có thai được mấy tháng. Tụi giặc Pháp trả thù cái xác Cô Giang bằng cách sau khi lột áo quần ra khám chúng không hề mặc trở lại và còn để thi hài bộc lộ dưới ánh nắng phó cho ruồi nhặng đến hai ba hôm mới cho mai táng.

Trong túi người nữ anh hùng có bài thơ :

"Thân không giúp ích cho đời
Thù không trả được cho người tình chung
Dẫu rằng đương độ trẻ trung
Quyết vì dân chúng thề lòng hy sinh
Con đường tiến bộ mệnh mông
Éo le hoàn cảnh buộc mình biết sao
Bây giờ hết kiếp thơ đào
Gian nan bỏ mặc đồng bào từ đây
Dẫu rằng chút phận thơ ngây
Sổ đồng chí đã có ngày ghi tên
Chết đi dạ những buồn phiền
Nhưng mà hoàn cảnh truân chuyên buộc mình
Quốc kỳ phát phới trên thành
Tủi thân không được chết vinh dưới cờ
Cực lòng nhờ bước sa cơ
Chết sâu chết thảm có thừa xót xa
Thế ru, đời thế ru mà
Đời mà ai biết, người mà ai hay"

Lịch sử Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm của thế cuộc, nhưng dân tộc Việt vẫn luôn luôn đứng vững trước trước phong ba bão táp của thời gian và khái niệm

Viết sử phải viết bằng trái tim, sự trung thực, nghiêm túc và khoa học trong một tâm hồn bình ổn, đó là lời nhắn nhủ của ta cho bạn là những kẻ hậu sinh muốn kế tục.

Kính bút
Hồ Đắc Duy
Sàigòn 11 tháng 3 năm 1998